

CHẮC NỀN TẢNG VỮNG TƯƠNG LAI



MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	» 4
TÂM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI	» 6



TỔNG QUAN CÔNG TY

Thông tin khái quát	» 10
Quá trình hình thành và phát triển	» 12
Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	» 14
Các sự kiện nổi bật niên độ 2016-2017	» 16
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	» 18
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	» 22
Các chi nhánh và công ty con của Công ty	» 24
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	» 28
Giới thiệu Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Ban Giám đốc chuyên môn	» 32
Định hướng phát triển Công ty niên độ 2017-2018	» 40
Chiến lược phát triển trung và dài hạn	» 42
Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động	» 44



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NIÊN ĐỘ 2016-2017

Tình hình hoạt động kinh doanh niên độ 2016-2017	» 50
» Tình hình hoạt động kinh doanh	» 50
» Tình hình tài chính Công ty niên độ 2016-2017	» 54
» Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	» 58
Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	» 64
» Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô	» 64
» Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	» 66
» Tình hình tài chính	» 68
» Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	» 70
» Kế hoạch phát triển niên độ 2017-2018	» 78
Tổ chức và nhân sự niên độ 2016-2017	» 82
Cơ cấu cổ đông	» 92



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Hội đồng Quản trị	» 98
» Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị	» 98
» Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị	» 98
» Hoạt động Hội đồng Quản trị niên độ 2016-2017	» 100
» Báo cáo giám sát TGD và BDH của HĐQT	» 104
» Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành	» 106
» Phương hướng hoạt động của HĐQT niên độ 2017-2018	» 107
» Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty	» 108
Ban Kiểm soát	» 109
» Các kiểm soát viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát	» 109
» Sự thay đổi kiểm soát viên trong niên độ 2016-2017	» 109
» Các phiên họp của Ban Kiểm soát	» 110
» Báo cáo kết quả làm việc của Ban Kiểm soát	» 111
» Kế hoạch của Ban Kiểm soát trong niên độ 2017-2018	» 113
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	» 114
» Thù lao cho thành viên HĐQT, BKS và lương, thưởng của BDH	» 114
» Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn	» 118
» Giao dịch với bên có liên quan	» 121
» Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	» 125
» Kế hoạch nâng cao công tác quản trị công ty	» 126
» Kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro	» 129



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp Phát triển bền vững	» 132
Thông lệ báo cáo	» 134
Sự tham gia của các bên liên quan	» 136
Xác định các vấn đề trọng yếu và nội dung báo cáo	» 139
Các vấn đề về kinh tế	» 140
Các vấn đề về môi trường	» 150
Các vấn đề về xã hội	» 162
Mục lục GRI	» 178



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thông tin chung	» 191
Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	» 193
Báo cáo kiểm toán độc lập	» 194
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	» 196
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	» 199
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	» 200
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	» 202

Đơn vị thực hiện
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh

Trưởng ban chỉ đạo
Ông **Phạm Hồng Dương**
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phó ban Thường trực
Bà **Trần Quế Trang**
Phó Tổng giám đốc Thường trực

Ban biên tập và phụ trách tổng thể nội dung
Bà **Đinh Thị Ngọc Thảo**
Ông **Nguyễn Quang Thái**

Ban thiết kế, hình ảnh
Bà **Nguyễn Mai Đài Loan**

Đơn vị tư vấn thiết kế
Công ty Thiết kế Lập Phương

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



“TƯƠNG LAI SẼ CÓ RẤT NHIỀU KHÓ KHĂN THÁCH THỨC, NHƯNG VỚI NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG RÕ RÀNG VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GẮN KẾT CHẶT CHẼ VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ NGƯỜI TRỒNG MÍA, CÙNG VỚI NỘI LỰC CỦA TẬP THỂ ĐƯỢC KẾT TINH QUA MỘT HÀNH TRÌNH LAO ĐỘNG MIỆT MÀI VÀ ĐẦY TRÁCH NHIỆM, TÔI TIN RẰNG TTCS SẼ TIẾP TỤC HOÀN THÀNH XUẤT SẮC KẾ HOẠCH 2017-2018 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO.”

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và các Đối tác!

Niên độ 2016-2017 là một mùa vụ nhiều biến động với tình hình kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, tổng cầu tăng chậm và tình hình an ninh chính trị thế giới, khu vực diễn biến phức tạp. Ngành mía đường đang đối mặt với những thách thức lớn (với cả doanh nghiệp và nông dân) khi giá đường trên thị trường không được như kỳ vọng. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp sản xuất, tác động tới chính sách thu mua nguyên liệu cho người trồng mía. Theo Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA), tính đến đầu tháng 5/2017, lượng đường tồn kho của Việt Nam ở mức cao kỷ lục trong lịch sử và nguyên nhân chủ yếu là do sức tiêu thụ trong nước bị ảnh hưởng tiêu cực bởi đường gian lận thương mại đang hoành hành.

Trong bối cảnh đó, tập thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (TTCS) đã phấn đấu và vượt qua khó khăn để hoàn thành mục tiêu lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao phó, tiếp tục khẳng định vị thế và danh tiếng TTCS trên thương trường. Năm tài chính 2016-2017 của TTCS đã khép lại, ghi nhận kết quả rất đáng khích lệ với tổng lợi nhuận trước thuế đạt hơn 367 tỷ đồng, vượt +19% so với kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra; quy mô tổng tài sản đạt gần 8.000 tỷ đồng cùng giá trị vốn chủ sở hữu hơn 3.112 tỷ đồng, và tiếp tục có mặt trong Danh sách Những công ty có giá trị vốn hóa lớn nhất trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM (HOSE).

Áp lực từ việc hội nhập AFTA đã cận kề, tuy nhiên TTCS đã chuẩn bị kỹ lưỡng và sẵn sàng cho thời khắc này trong hơn 3 năm qua. Niên độ 2016-2017, với phương châm hành động “Chắc nền tảng - Vững tương lai”, TTCS đã tăng cường hoạt động M&A với các công ty cùng ngành, ứng dụng khoa học kỹ thuật cao vào canh tác nông nghiệp giúp giảm giá thành sản xuất, hiện đại hóa công tác quản trị và điều hành, đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của khách hàng thông qua việc đa dạng và tối ưu hóa danh mục sản phẩm và dịch vụ, củng cố và gia tăng thị phần của tất cả các ngành hàng, ngày càng khẳng định vị thế dẫn đầu trên lĩnh vực mía đường trong nước, sẵn sàng đối mặt và hướng đến cạnh tranh quốc tế.

Niên độ 2016-2017 là năm thứ hai trong chiến lược phát triển 2016-2020 gắn với thông điệp “Xanh - Sạch - Phát triển bền vững”. Với định hướng nhất quán về chiến lược phát triển bền vững, TTCS tiếp tục duy trì và nâng cao các hoạt động và chương trình nhằm mang lại giá trị bền vững trên các khía cạnh kinh tế - xã hội - môi trường cho các bên liên quan: nông dân, khách hàng, nhân viên, đối tác, cổ đông và cộng đồng. Thành quả đạt được trong năm vừa qua như: Giải Vàng Chất lượng Quốc gia 2016; Thương hiệu vì môi trường xanh quốc

ÁP LỰC TỪ VIỆC HỘI NHẬP AFTA ĐÃ CẬN KỀ, TUY NHIÊN TTCS ĐÃ CHUẨN BỊ KỸ LƯƠNG VÀ SẴN SÀNG CHO THỜI KHẮC NÀY TRONG HƠN 3 NĂM QUA.

gia; Nhà máy xanh thân thiện; Sản phẩm thân thiện có lợi cho người tiêu dùng; Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2017 và Top 50 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam là những minh chứng tiêu biểu cho kết quả mà TTCS đạt được khi theo đuổi chiến lược phát triển đã đặt ra.

Bước sang mùa vụ 2017-2018, TTCS tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô thông qua các hoạt động sáp nhập, thực hiện chủ trương ổn định và phát triển vùng nguyên liệu tự chủ, tập trung nâng cao hiệu suất phát điện thương phẩm bên cạnh sản phẩm đường, ổn định tổ chức nhân sự hậu M&A, cơ cấu lại danh mục đầu tư, đầu tư vào các công ty ngành đường có tỷ lệ cổ tức cao và công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, kiện toàn công tác quản lý hệ thống về VBLQ, hệ thống quản lý ERP, FRM, HRM,... hỗ trợ tối ưu cho công tác quản trị điều hành theo mô hình mới.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, thay mặt HĐQT TTCS, Tôi gửi lời cảm ơn đến Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác đã tin tưởng và ủng hộ TTCS trong suốt thời gian vừa qua. Tương lai sẽ có rất nhiều khó khăn thách thức, nhưng với những định hướng rõ ràng về chiến lược phát triển bền vững gắn kết chặt chẽ với cộng đồng và người trồng mía, cùng với nội lực của tập thể được kết tinh qua một hành trình lao động miệt mài và đầy trách nhiệm, Tôi tin rằng TTCS sẽ tiếp tục hoàn thành xuất sắc kế hoạch 2017-2018 và các năm tiếp theo.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

PHẠM HỒNG DƯƠNG



TẦM NHÌN

Trở thành Công ty sản xuất đường tinh luyện hàng đầu Việt Nam và khu vực.



SỨ MỆNH

Cung cấp sản phẩm đường tinh luyện cao cấp đạt tiêu chuẩn Châu Âu, phục vụ cộng đồng vì sức khỏe.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Nhân viên là tài sản.



Nông dân là bạn đồng hành.



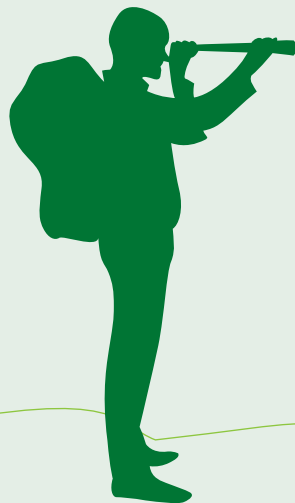
Đề cao trách nhiệm xã hội, môi trường và cộng đồng.



Thỏa mãn nhu cầu khách hàng là mối quan tâm hàng đầu.



Luôn là người tiên phong.



VỊ THẾ VỮNG VÀNG SẴN SÀNG TIẾN BƯỚC



Trên nền tảng kinh nghiệm vững chắc, hệ thống quản lý chặt chẽ cùng quy trình sản xuất hiện đại và hệ thống phân phối rộng khắp, niên độ 2016-2017 TTCS đã hoàn thành xuất sắc mục tiêu lợi nhuận do ĐHĐCĐ giao phó, tiếp tục duy trì vị thế công ty có quy mô vốn điều lệ lớn nhất và giá trị vốn hóa lớn thứ 2 ngành đường.

TỔNG QUAN CÔNG TY

Thông tin khái quát	»	10
Quá trình hình thành và phát triển	»	12
Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	»	14
Các sự kiện nổi bật niên độ 2016-2017	»	16
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	»	18
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	»	22
Các chi nhánh và Công ty con của Công ty	»	24
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	»	28
Giới thiệu Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Ban Giám đốc Chuyên môn	»	32
Định hướng phát triển công ty niên độ 2017-2018	»	40
Chiến lược phát triển trung và dài hạn	»	42
Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động	»	44



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG THÀNH THÀNH CÔNG TÂY NINH**

Tên giao dịch: THANH THANH CONG TAY NINH JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: **TTCS**

Mã chứng khoán: **SBT**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 3900244389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tây Ninh cấp, điều chỉnh lần thứ 4 ngày 04/11/2016

Vốn điều lệ (tính đến 30/06/2017): 2.531.882.680.000 đồng (hai nghìn năm trăm ba mươi mốt tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng)

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành (30/06/2017): 253.188.268 cổ phiếu

CỔ ĐÔNG LỚN
(tính tới ngày 30/6/2017)

- » Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công
- » Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam

THÔNG TIN LIÊN HỆ

- » Trụ sở chính: xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
- » Số điện thoại: 0276 3753250
- » Số fax: 0276 3839834
- » Website: <http://www.ttcsugar.com.vn>
- » Email: ttcs@ttcsugar.com.vn

CÔNG TY KIỂM TOÁN

- » Tên công ty: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- » Địa chỉ: Tầng 28, tòa nhà Bitexco, số 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. HCM
- » Số điện thoại: 028 38245252
- » Số fax: 028 38245250

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH
VÀ PHÁT TRIỂN

1995

Công ty TNHH Mía đường Bourbon Tây Ninh (nay là CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh) thành lập ngày 15/07/1995 do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp. Tiền thân là Công ty liên doanh giữa Tập đoàn Bourbon (Pháp), Tổng Công ty Mía đường II và Công ty Mía đường Tây Ninh.

2008

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh chính thức niêm yết 44.824.172 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM. Mã chứng khoán: SBT

2009

Sau khi thực hiện chiến lược đa dạng hóa ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Bourbon, Công ty đã tiếp nhận và triển khai dự án Khu công nghiệp. Tháng 10/2009, Công ty chính thức tổ chức Lễ động thổ Vườn Công nghiệp Bourbon An Hòa. Đây là khu công nghiệp sinh thái đầu tiên tại Việt Nam.

2010

Cuối năm 2010, Tập đoàn Bourbon thoái vốn tại Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh, chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phần sở hữu cho đối tác Việt Nam, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công là cổ đông lớn, chiếm 24,5% tổng số lượng cổ phần phát hành của Công ty.

2014

Công ty vinh dự được Bộ Y tế công nhận sản phẩm đạt danh hiệu Thương hiệu vàng thực phẩm Việt Nam 2014. Cùng với sự phát triển không ngừng về quy mô, hoạt động và xu hướng của nền kinh tế, Công ty tiến hành các thủ tục sáp nhập Công ty với Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai nhằm mở rộng thị trường và tăng khả năng cạnh tranh.

2013

Quý III năm 2013, Công ty phát hành thành công 6.574.200 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty và tăng vốn điều lệ lên 1.485.000.000.000 đồng. Ngày 02/12/2013, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 13 cho Công ty. Theo đó, Công ty chính thức đổi tên từ Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh sang tên mới là Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (TTCS).

2012

Nhà máy Bourbon Tây Ninh tiếp tục triển khai dự án nâng công suất ép từ 9.000 tấn mía/ngày lên 9.800 tấn mía/ngày. Dự án đã hoàn thành và chính thức đưa vào hoạt động trong vụ ép 2012-2013. Bên cạnh đó, nhà máy cũng đã hoàn thành dự án A₂ nage (xưởng hòa tan đường thô), đã đưa vào sử dụng tháng 12/2012, góp phần làm gia tăng sản lượng đường RE - vốn là sản phẩm chủ lực của Công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường.

2011

Lần đầu tiên sau 16 năm thành lập và hoạt động, nhà máy Bourbon Tây Ninh triển khai dự án nâng công suất ép từ 8.000 tấn mía/ngày lên 9.000 tấn mía/ngày. Dự án đã hoàn thành tốt đẹp, tiết kiệm 20% chi phí kế hoạch của dự án. Nhà máy chính thức đưa vào hoạt động với công suất 9.000 tấn trong vụ ép 2011-2012.

2015

Ngày 22/10/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 đánh dấu cột mốc Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai sáp nhập vào TTCS, đồng thời vốn điều lệ của Công ty cũng được nâng lên 1.856.423.580.000 đồng giúp Công ty trở thành doanh nghiệp mía đường lớn nhất niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam. Năm 2015 cũng là năm Công ty tròn 20 tuổi, đánh dấu 20 năm hình thành phát triển với những đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

2016

Lần đầu tiên Công ty phát hành gói trái phiếu 1.000.000.000.000 đồng góp phần giúp ổn định dòng tiền, tăng hiệu quả sử dụng vốn, tái cấu trúc hệ thống tài chính. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục phát hành thêm 9.118.675 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động nhằm ghi nhận những đóng góp của CBNV cho sự phát triển của Công ty. Thông qua đợt phát hành này vốn điều lệ tiếp tục tăng lên 1.947.610.330.000 đồng, giúp cho Công ty ổn định nguồn tài chính để triển khai những dự án trong giai đoạn 2016-2020.

2017

Công ty tiến hành tăng vốn 30% tương đương 58.427.235 cổ phiếu thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và trả cổ tức cho niên độ 2015-2016. Vốn điều lệ tăng lên 2.531.882.680.000 đồng giúp TTCS trở thành một trong những công ty niêm yết lớn nhất trong ngành. Cũng trong năm 2017, TTCS hoàn tất việc góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu (tiền thân là Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai). Khoản đầu tư này giúp TTCS gia tăng các giá trị cộng hưởng để tiếp tục dẫn đầu ngành đường Việt Nam.

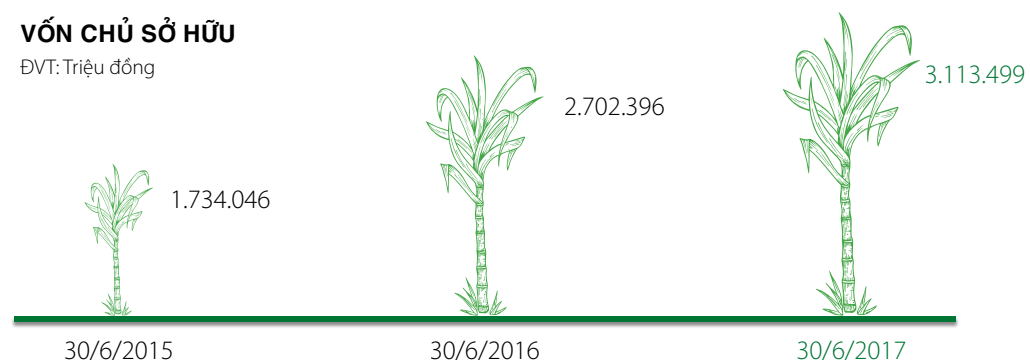


CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

NHỮNG CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

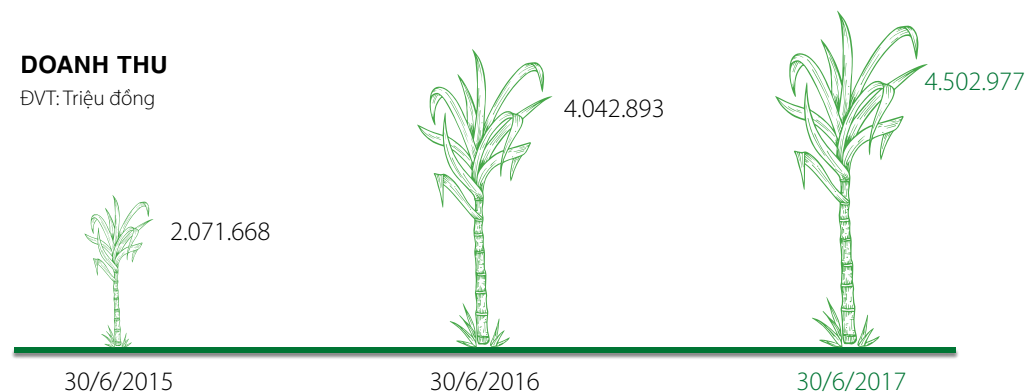
VỐN CHỦ SỞ HỮU

ĐVT: Triệu đồng



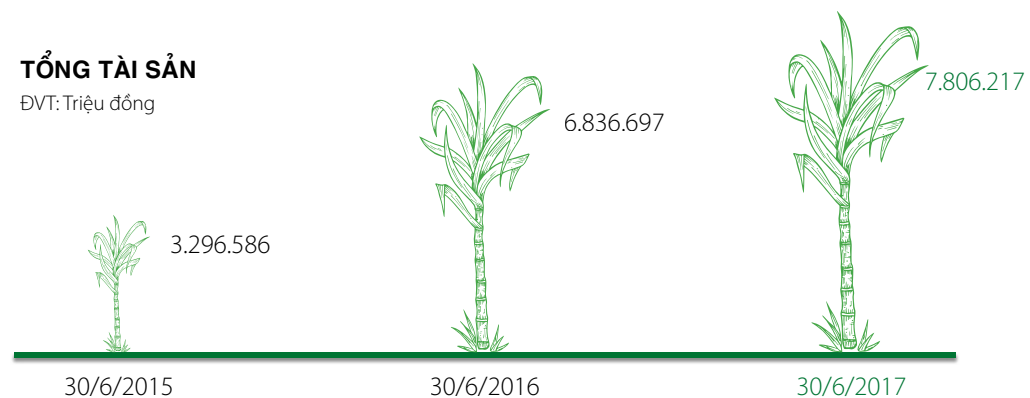
DOANH THU

ĐVT: Triệu đồng

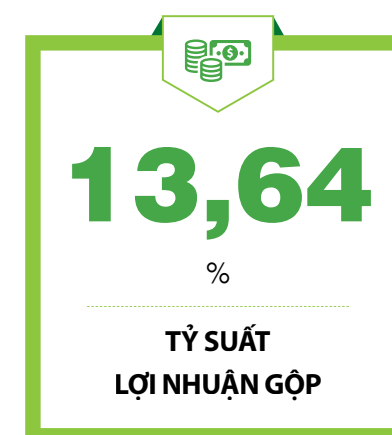
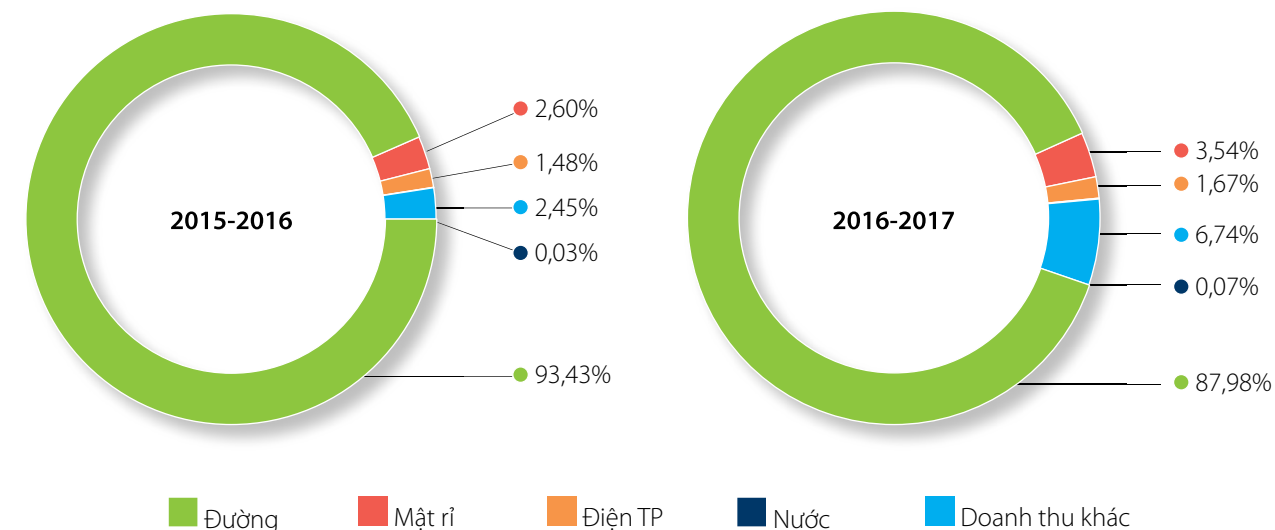


TỔNG TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

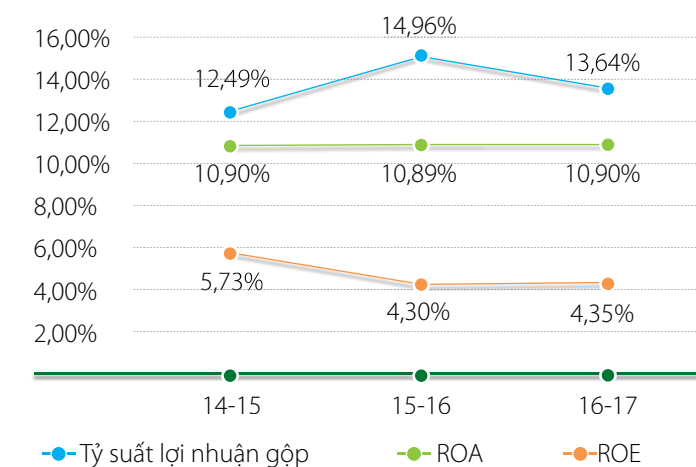
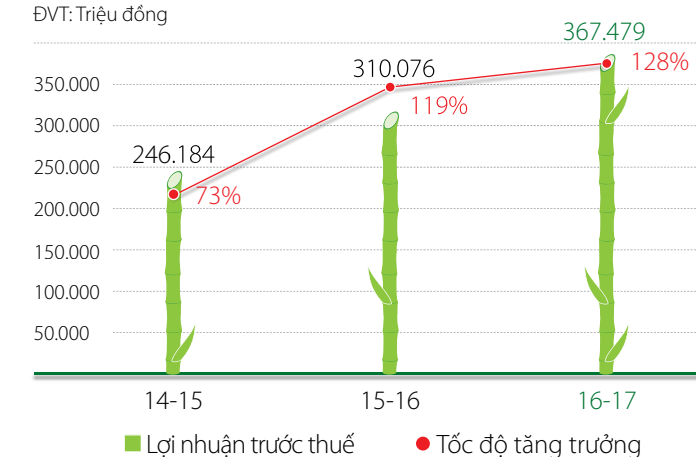


CƠ CẤU DOANH THU



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN

ĐVT: Triệu đồng



STT	Ngày diễn ra sự kiện	Tên sự kiện
1	24/10/2016	Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Tổng cộng có 58.427.235 CP được phát hành thêm tương ứng với 30% vốn điều lệ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông.
2	31/10/2016	Công ty tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên để thông qua các báo cáo, phân phối lợi nhuận, kế hoạch sản xuất kinh doanh,... đồng thời cũng bầu lại HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2016-2021.
3	15/11/2016	Hội đồng Quản trị Công ty ra Quyết định số 103/2016/QĐ-HĐQT v/v Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Thường trực đối với Bà Trần Quế Trang.
4	19/05/2017	Hội đồng Quản trị Công ty đã họp và ra Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐQT v/v Đầu tư chiến lược vào Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai. TTCS sẽ mua phần vốn góp từ đối tác tương đương 40% vốn điều lệ của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai.
5	21/03/2017	Công ty thành lập chi nhánh Long An theo thông tin như sau: » Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh - Chi nhánh Long An. » Địa chỉ: Khu Công nghiệp Tân Kim mở rộng, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. » Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
6	25/04/2017	» Công ty thành lập công ty con sở hữu 100% theo thông tin như sau: » Tên công ty: Công ty TNHH MTV Nước Miaqua. » Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng . » Trụ sở đăng ký: tổ 2, ấp Tân Lợi, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. » Mục tiêu hoạt động: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
7	25/05/2017	Công ty tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường niên độ 2016-2017 để thông qua chủ trương sáp nhập với CTCP Đường Biên Hòa (mã chứng khoán BHS). TTCS sẽ phát hành gần 304 triệu cổ phiếu để hoán đổi qua đó sở hữu 100% cổ phần của CTCP Đường Biên Hòa (tỷ lệ hoán đổi là 1 cổ phiếu BHS đổi lấy 1,02 cổ phiếu SBT phát hành thêm). Sau khi sáp nhập, TTCS sẽ trở thành công ty lớn nhất nằm trong tay 30% thị phần ngành đường trong nước với vùng nguyên liệu lên đến 40.000 ha, chiếm 16% diện tích cả nước; sản lượng mía 3,4 triệu tấn, chiếm 22% sản lượng của cả nước. Với việc nắm 100% cổ phần của Đường Biên Hòa, TTCS sẽ trực tiếp và gián tiếp sở hữu một loạt doanh nghiệp mía đường lớn khác như Đường Biên Hòa - Ninh Hòa, TTC Gia Lai, Mía đường Phan Rang, Mía đường Tây Ninh (Tanisugar), Mía đường TTC Attapeu,...



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tỷ suất trên tổng doanh thu năm 2014 (%)	Tỷ suất trên tổng doanh thu năm 2015 (%)	Tỷ suất trên tổng doanh thu năm 2016 (%)
1	10720	Sản xuất đường	89,6	90,4	90,8
2	10709	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường	8,6	8,3	7,1
3	35101	Sản xuất điện thương phẩm	1,8	1,3	2,1

THÔNG TIN VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CỦA TTCS

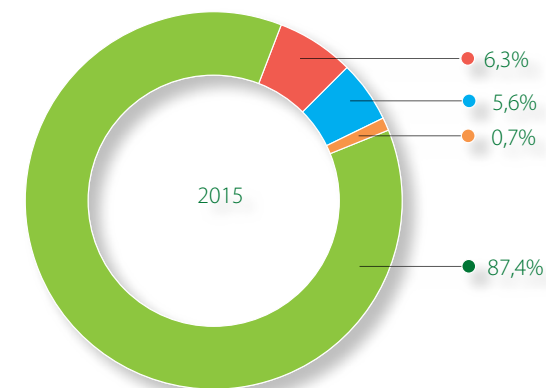
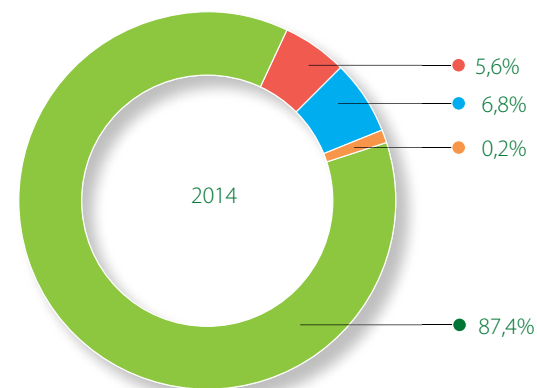
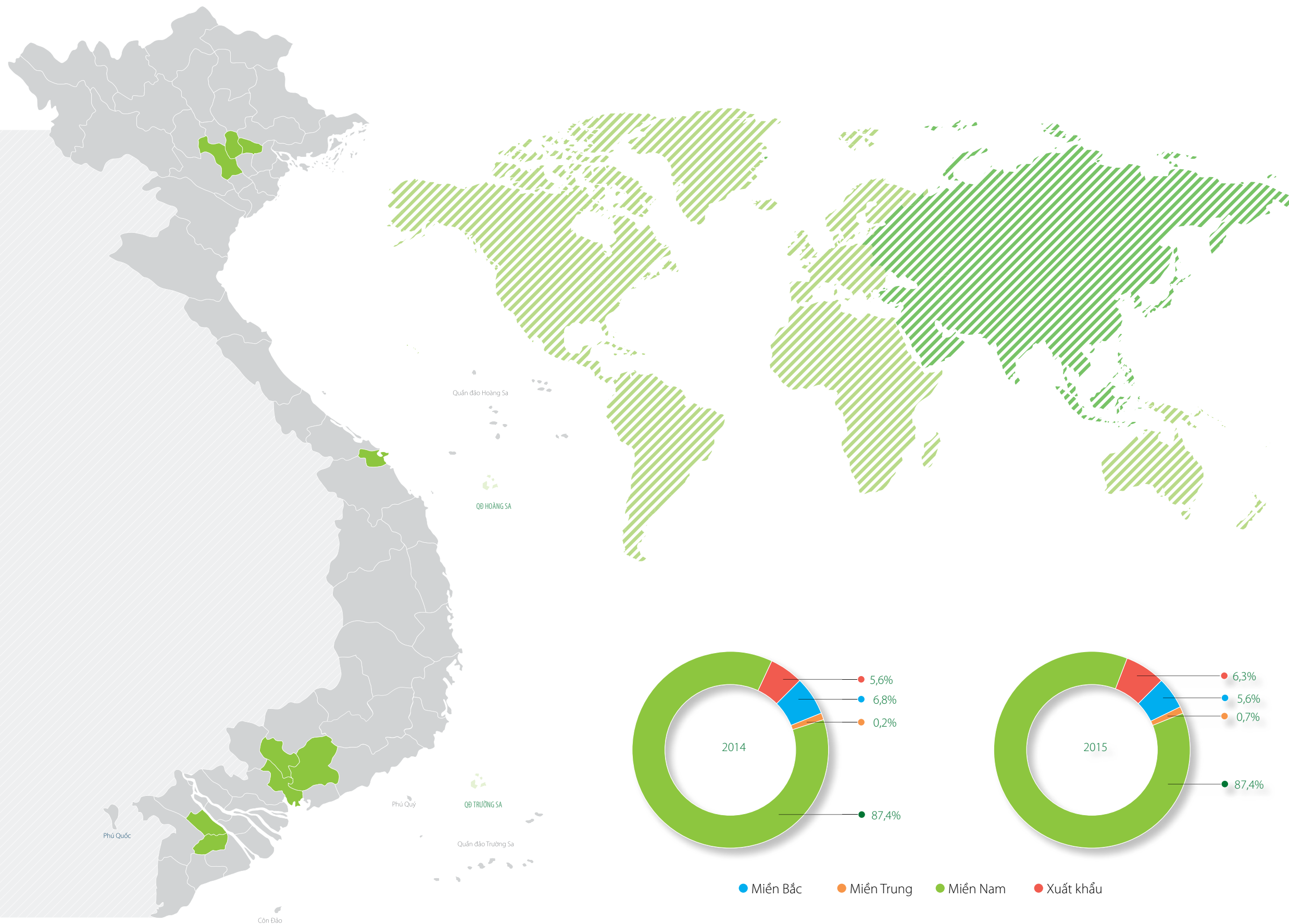
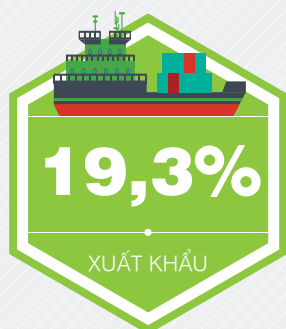
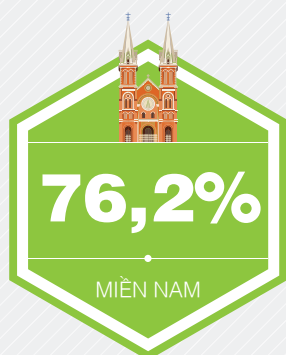
Sản phẩm	Đặc tính kỹ thuật	Ưu điểm sản phẩm
Đường tinh luyện thượng hạng MIMOSA Super Refined Sugar	» Pol (OZ) > 99,9 » Hàm (% w/w) ≤ 0,04 » Màu (Icumsa) ≤ 10 » Tro (% w/w) ≤ 0,01 » Đường khử (% w/w) ≤ 0,03 » SO ₂ (mg/ kg) ≤ 2	Là loại đường tốt nhất cho ngành công nghiệp chế biến nước giải khát và dược phẩm, đáp ứng những yêu cầu khắt khe nhất của thị trường, không bị kết tủa sau khi đóng chai.
Đường tinh luyện hạt nhuyễn MIMOSA Caster Refined Sugar	» Pol (OZ) > 99,8 » Hàm (% w/w) ≤ 0,05 » Màu (Icumsa) ≤ 30 » Tro (% w/w) ≤ 0,035 » Đường khử (% w/w) ≤ 0,035 » SO ₂ (mg/ kg) ≤ 2	Phục vụ nhóm khách hàng cao cấp, có yêu cầu cao về đường kính hạt đường nhỏ để chế biến cà phê, bánh, kẹo đóng gói hoặc dược phẩm,...
Đường tinh luyện đặc biệt MIMOSA Special Refined Sugar	» Pol (OZ) > 99,9 » Hàm (% w/w) ≤ 0,05 » Màu (Icumsa) ≤ 20 » Tro (% w/w) ≤ 0,03 » Đường khử (% w/w) ≤ 0,03 » SO ₂ (mg/ kg) ≤ 2	Là loại đường tinh luyện đặc biệt phục vụ cho các khách hàng cao cấp trong ngành công nghiệp nước giải khát, có yêu cầu cao về đặc tính kỹ thuật đạt tiêu chuẩn quốc tế.
Đường tinh luyện cao cấp MIMOSA Premium Refined Sugar	» Pol (OZ) > 99,8 » Hàm (% w/w) ≤ 0,04 » Màu (Icumsa) ≤ 30 » Tro (% w/w) ≤ 0,02 » Đường khử (% w/w) ≤ 0,03 » SO ₂ (mg/ kg) ≤ 2	Là loại đường tinh luyện cao cấp, được sử dụng sản xuất hầu hết các loại sản phẩm thực phẩm/ đồ uống trên thị trường.
Đường tinh luyện tiêu chuẩn MIMOSA Standard Refined Sugar	» Pol (OZ) > 99,8 » Hàm (% w/w) ≤ 0,04 » Màu (Icumsa) ≤ 60 » Tro (% w/w) ≤ 0,03 » Đường khử (% w/w) ≤ 0,05 » SO ₂ (mg/ kg) ≤ 2	Là loại đường tinh luyện tiêu chuẩn, được sử dụng sản xuất hầu hết các loại sản phẩm thực phẩm/ đồ uống trên thị trường.

Sản phẩm	Đặc tính kỹ thuật	Ưu điểm sản phẩm
Đường trắng cao cấp MIMOSA Premium White Sugar	» Pol (OZ) > 99,7 » Hàm (% w/w) ≤ 0,07 » Màu (Icumsa) ≤ 70 » Tro (% w/w) ≤ 0,07 » Đường khử (% w/w) ≤ 0,1 » SO ₂ (mg/ kg) ≤ 10	Đường trắng cao cấp Mimosa đáp ứng tốt các khách hàng công nghiệp có yêu cầu cao về chất lượng và kỹ thuật đạt tiêu chuẩn.
Đường tinh luyện thượng hạng T.SU EXTRA PREMIUM	» Pol (OZ) > 99,90 » Hàm (% w/w) ≤ 0,04 » Màu (Icumsa) ≤ 15 » Tro (% w/w) ≤ 0,01 » Đường khử (% w/w) ≤ 0,03	Cô đọng vị ngọt thuần khiết tự nhiên từ mía, qua công nghệ tinh luyện đường hiện đại bậc nhất đến từ Châu Âu, T.SU Extra Premium xứng danh là bí quyết cho vị ngọt lành thuần khiết trong từng món ăn, thức uống cho gia đình bạn.
Đường tinh luyện cao cấp T.SU PREMIUM	» Pol (OZ) > 99,80 » Hàm (% w/w) ≤ 0,04 » Màu (Icumsa) ≤ 30 » Tro (% w/w) ≤ 0,02 » Đường khử (% w/w) ≤ 0,03	Sản xuất với công nghệ tinh luyện đường hiện đại bậc nhất đến từ Châu Âu, T.SU Premium là đường tinh luyện siêu sạch, đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm quốc tế vì sức khỏe trong từng món ăn, thức uống cho gia đình bạn.
Đường phèn cao cấp T.SU DIAMOND	» Pol (OZ) > 99,5 » Năng lượng (Kcal): 390 » Carbohydrat (%): 99,7	Được sản xuất từ những cây mía đường chọn lọc tốt nhất, trên dây chuyền công nghệ hiện đại kết hợp cùng phương pháp kết tinh đậm chất truyền thống cho chất lượng sản phẩm hoàn toàn tinh khiết và siêu sạch. Với đặc tính ngọt dịu và thanh mát, T.SU Diamond chính là bí quyết giúp thăng hoa hương vị các món ăn, thức uống bổ dưỡng cho sức khỏe gia đình bạn.
Đường Organic T.SU SPECIAL	» Pol (OZ) > 82 » Năng lượng (Kcal): 370 » Carbohydrat (%): 90	Là sản phẩm đường hữu cơ cao cấp, được sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ nghiêm ngặt của Mỹ và Châu Âu. Từ quy trình trồng mía nguyên liệu đến khâu sản xuất và phân phối đều tuân thủ theo đúng quy định hữu cơ - hoàn toàn không sử dụng phân vô cơ và các chất hóa học, vì thế chất lượng hoàn toàn tự nhiên và siêu sạch, rất an toàn cho sức khỏe. Không những làm tăng vị thơm ngon cho các món ăn, thức uống, T.SU Organic còn chứa nhiều khoáng chất tự nhiên, rất thích hợp để sử dụng mỗi ngày.
Nước uống hương mía Miaqua	» Nước cất trực tiếp từ quá trình tinh luyện mía đường	Được sản xuất từ dây chuyền hiện đại, sản phẩm nước uống hương mía Miaqua là sản phẩm nước tinh khiết không màu và hóa chất với hương mía đặc trưng từ quá trình luyện đường sẽ làm thỏa mãn mọi cơn khát của bạn.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

2016

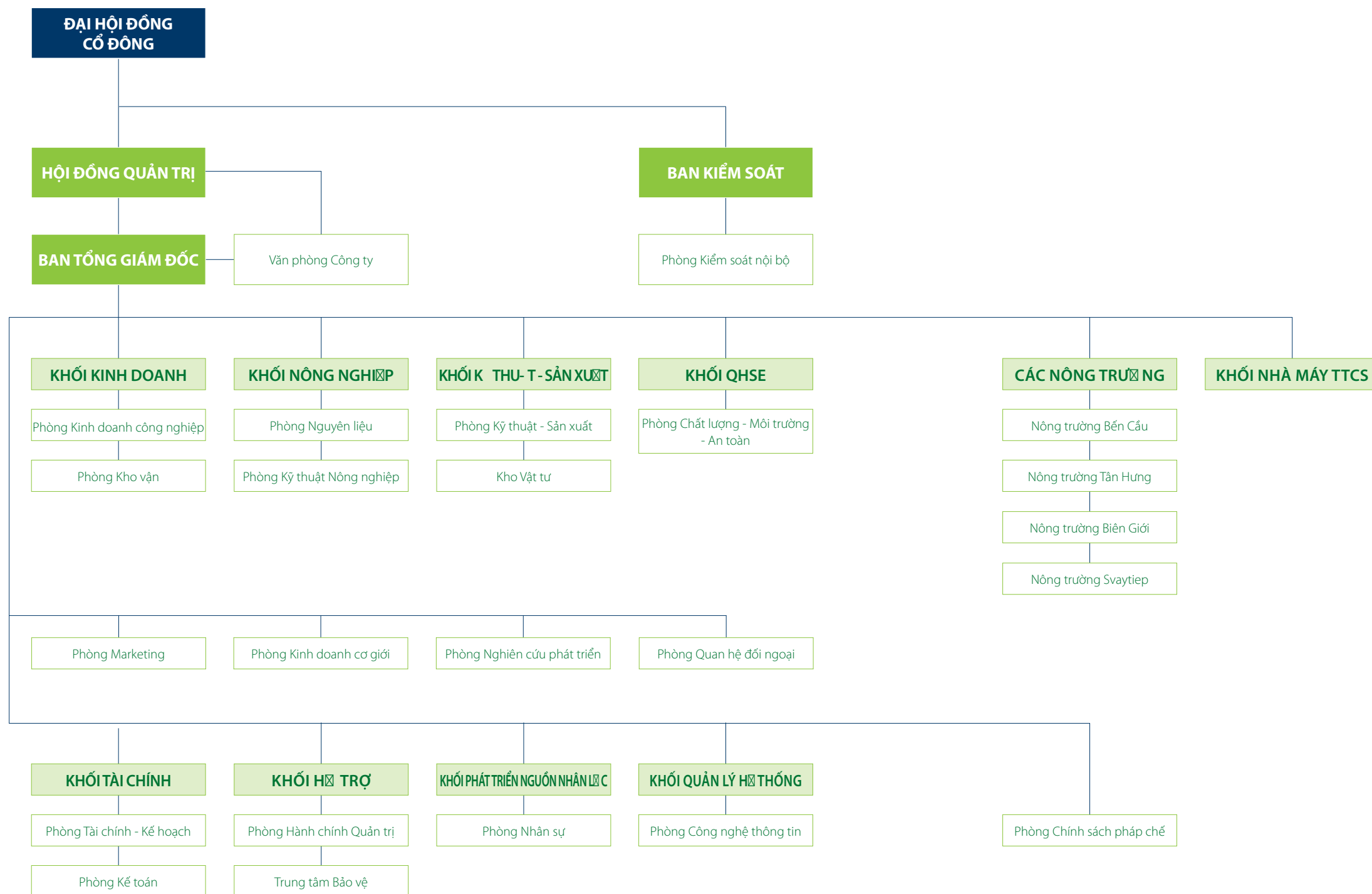


MIỀN BẮC MIỀN TRUNG MIỀN NAM XUẤT KHẨU



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

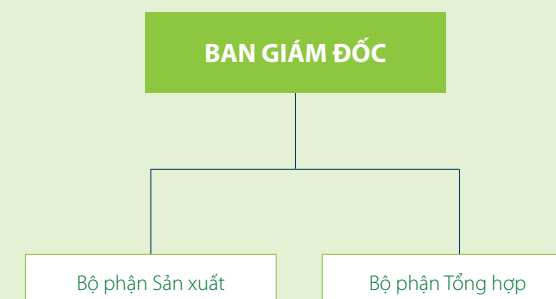


CƠ CẤU TỔ CHỨC

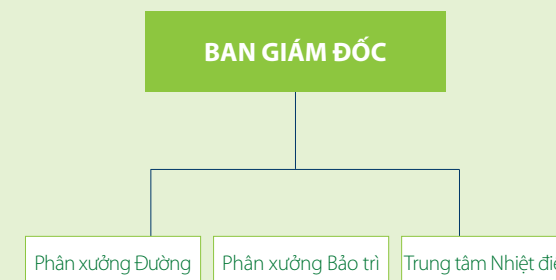
Cơ cấu tổ chức gồm có:

- » Đại hội đồng cổ đông
- » Hội đồng Quản trị
- » Ban Kiểm soát
- » Ban Tổng Giám đốc
- » Các khối: Khối Kinh doanh, Khối Tài chính, Khối Kỹ thuật - Sản xuất, Khối Nguyên liệu, Khối Hỗ trợ, Khối QHSE, Khối Phát triển nguồn nhân lực, Khối Quản lý hệ thống
- » Đơn vị sản xuất: Khối Nhà máy TTCS
- » Phòng ban chức năng: 21.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC NÔNG TRƯỜNG



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC NHÀ MÁY TTCS





CÁC CHI NHÁNH VÀ CÔNG TY CON

CÁC CHI NHÁNH



VĂN PHÒNG THƯƠNG MẠI TTCS

[ĐC] Lầu 1, số 512 Lý Thường Kiệt, P. 7, Q. Tân Bình, Tp. HCM

[ĐT] 028 62926918 - 028 62926919

[Fax] 028 62926920

NHÀ KHO, XƯỞNG KCN TÂN KIM MỞ RỘNG

Giấy chứng nhận đầu tư số: 8326055276 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 12 tháng 04 năm 2017.

Địa chỉ: Khu K3, đường CN1, Khu công nghiệp Tân Kim mở rộng, ấp Tân Phước, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Mục tiêu và quy mô dự án: Cho thuê kho, xưởng; Quy mô 52.000 m²



TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI TTC PLAZA

Giấy chứng nhận đầu tư số: 45121000278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2013

Địa chỉ: 217-219 đường 30/4, KP3, P. 2, Tp. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Tên viết tắt: TTCP

Mục tiêu và quy mô dự án: Trung tâm thương mại - Trung tâm hội nghị, tiệc cưới, văn phòng làm việc, khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh Trung tâm thương mại, hội nghị và tiệc cưới, văn phòng, khách sạn.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM VÀ SẢN XUẤT MÍA GIỐNG TÂY NINH

[ĐC] Xã Tân Châu, huyện Tân Hưng, tỉnh Tây Ninh

[ĐT] 0276 3753802



TRẠI MÍA GIỐNG TTCS BẾN CẦU

[ĐC] Xã Long Phước, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh

[ĐT] 0276 3760828



KHO ĐƯỜNG TẠI TP.HCM

[ĐC] Công ty Thành Thành Công, KCN Tân Bình, quận Tân Bình, Tp. HCM

TRẠI THỰC NGHIỆM MÍA CHÂU THÀNH

[ĐC] Xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh

[ĐT] 0663 823843

NÔNG TRƯỜNG BIỂN GIỚI

[ĐC] Xã Biên Giới, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh

NÔNG TRƯỜNG SVAYTIEP

[ĐC] Huyện SvayTiep, tỉnh SvayRieng, Vương quốc Campuchia

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH MTV THÀNH THÀNH CÔNG GIA LAI

Giấy phép Kinh doanh số 5900421955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 02 tháng 8 năm 2007

Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai

Tên viết tắt: TTCS Gia Lai

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất đường và sản phẩm phụ sau đường

Tỷ lệ vốn góp của TTCS: 100% vốn điều lệ

CÔNG TY TNHH MTV NHIỆT ĐIỆN GIA LAI

Giấy phép Kinh doanh số 5900974477 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 09 tháng 12 năm 2013

Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai

Tên viết tắt: GTC

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất điện và truyền tải điện

Tỷ lệ vốn góp của TTCS: 100% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CỎN THÀNH THÀNH CÔNG

Giấy phép Kinh doanh số 3901183393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2014

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Tân Lợi, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Tên viết tắt: TTCE

Mục tiêu và quy mô dự án: Sản xuất cồn thực phẩm 100.000 lít/ngày, tương đương 21 triệu lít/năm; Sản xuất CO₂ 17.000 tấn/năm

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất cồn và sản phẩm phụ sau cồn

Tỷ lệ vốn góp của TTCS: 90% vốn điều lệ

CÔNG TY TNHH TƯ NHÂN ĐẦU TƯ TSU

Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 844/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 30 tháng 06 năm 2015

Địa chỉ: 60, Paya Lebar Road, Paya Lebar Square #10-51, Singapore 409051

Mục tiêu hoạt động: Kinh doanh thương mại và thực hiện một phần công đoạn sản xuất, đóng gói các sản phẩm đường; Mua bán đường thô và đường tinh luyện trên thế giới...

Tổng vốn đầu tư: 100% vốn điều lệ.



CÁC CHI NHÁNH
VÀ CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH THÀNH CÔNG

Trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (“TTCIZ”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008

Trụ sở chính: Ấp An Hội, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

Hoạt động chính: Xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê đất khu công nghiệp

Tỷ lệ vốn góp của TTCS: **49%** vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG MÍA ĐƯỜNG THÀNH THÀNH CÔNG

Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013

Địa chỉ: Số 99, ấp Bình Hòa, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh

Hoạt động chính: Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.

Tỷ lệ nắm giữ: **62%** vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BẾN TRE

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1300104040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 26 tháng 05 năm 2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 01 năm 2016

Trụ sở đăng ký: Số 75, đường 30/4, phường 3, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Tên viết tắt: BETRIMEX

Mục tiêu hoạt động: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ dừa.

Tỷ lệ nắm giữ: **48,99%** vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NƯỚC TRONG

Giấy phép Kinh doanh số 3900243272-005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 05 năm 2016

Địa chỉ: Ấp Hội An, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Tên viết tắt: NUTROJSCO

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất đường cát trắng (RS) và trồng cây mía.

Tỷ lệ nắm giữ của TTCS: **30,54%** vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Giấy phép kinh doanh số 3900243272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 17/02/2016

Trụ sở đăng ký: Số 19, Võ Thị Sáu, phường 3, Tp. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Tên viết tắt: Tanisugar JSC

Mục tiêu hoạt động: Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; trồng cây lấy củ có chất bột; trồng cây mía; trồng cây cao su; xay xát và sản xuất bột thô; sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường; bán buôn thực phẩm cụ thể đường, sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc,...

Tỷ lệ nắm giữ: **39,23%** vốn điều lệ

CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900764381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 26 tháng 01 năm 2011, thay đổi lần thứ 6 ngày 30 tháng 05 năm 2017

Trụ sở đăng ký: 114 Trường Chinh, phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Tên viết tắt: TTC Attapeu

Mục tiêu hoạt động: Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu đường; trồng cây mía, cao su, cây lấy dầu, cây hàng năm khác; sản xuất truyền tải và phân phối điện; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.

Tỷ lệ nắm giữ: **40%** vốn điều lệ

CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC MIAQUA

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3901241327 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2017

Trụ sở đăng ký: Tổ 2, ấp Tân Lợi, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Mục tiêu hoạt động: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng

Tỷ lệ nắm giữ: **100%** vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT TÂY NINH

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900914957 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 02 tháng 11 năm 2016.

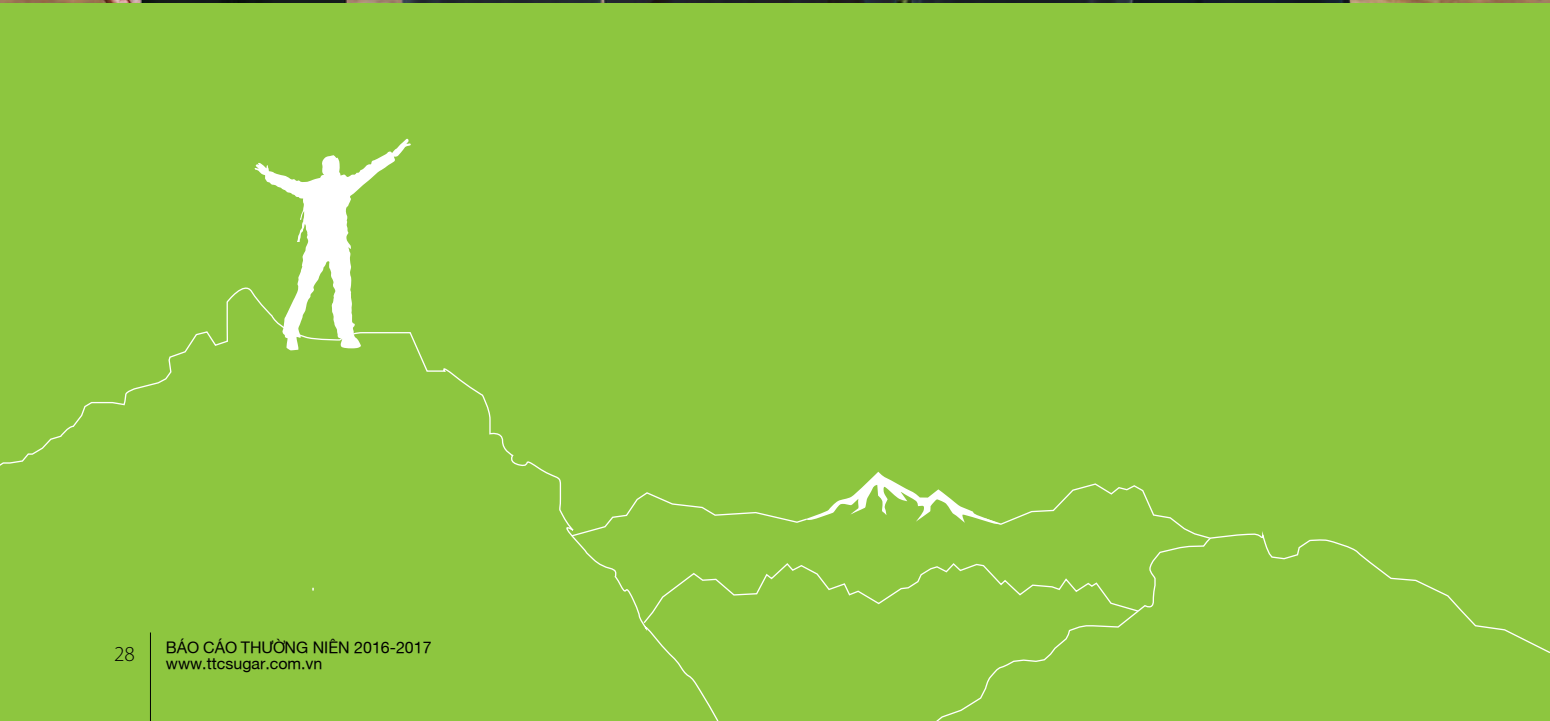
Trụ sở đăng ký: Cụm Công nghiệp Tân Hội, ấp Hội An, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Mục tiêu hoạt động: Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột.

Tỷ lệ nắm giữ: **19,13%** vốn điều lệ.



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **PHẠM HỒNG DƯƠNG**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Hóa, Thạc sĩ Quản trị sản xuất

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- » 27/02/2015 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 2014 - 30/06/2015: Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai
- » 2013 - 30/06/2015: Thành viên HĐQT CTCP SXTM Bao bì Thành Thành Công
- » 2012 - 30/06/2015: Thành viên HĐQT CTCP Đường Biên Hòa
- » 2011 - 2012: PTGD Kỹ thuật CTCP Bourbon Tây Ninh
- » 2009 - 2011: Giám đốc nhà máy CTCP Bourbon Tây Ninh

Ông Phạm Hồng Dương trải qua gần 20 năm gắn bó và cống hiến, với tinh thần không ngừng học hỏi và phát triển bản thân, niên độ 2015-2016 Ông tiếp tục được ĐHĐCĐ và HĐQT tin tưởng bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT. TTCS dưới sự định hướng của Ông và các thành viên HĐQT đã có nhiều bước chuyển mình tích cực, trở thành một thương hiệu hàng đầu trong ngành mía đường Việt Nam, không ngừng phát triển và phục vụ người tiêu dùng Việt Nam ngày một tốt hơn.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- » Chủ tịch HĐQT CTCP SXTM Cồn Thành Thành Công
- » Chủ tịch HĐQT CT TNHH Hải Vy



Bà **NGUYỄN THỊ HOA**

Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính - kế toán, Cử nhân Luật Kinh tế

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- » 11/2016 - nay: Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 2014 - nay: Công tác tại CTCP Đường Biên Hòa
- » 04/2006 - nay: Công tác tại CT TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa (Tên cũ: CTCP Đường Ninh Hòa)
- » 2001 - 2005: Công tác tại CTCP Bê tông Ly tâm Nha Trang
- » 1990 - 2000: Công tác tại CT Đường Khánh Hòa
- » 1987 - 1989: Công tác tại văn phòng UBND huyện Diên Khánh

Lần đầu tiên tham gia vào công tác quản trị tại TTCS nhưng với kiến thức, kinh nghiệm và uy tín đã được khẳng định, Bà Nguyễn Thị Hoa được ĐHĐCĐ và HĐQT tin nhiệm và bầu giữ chức Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT. Trong niên độ 2016-2017, Bà đã hỗ trợ tham vấn việc hoạch định và triển khai các dự án trọng tâm của TTCS, giúp tiến độ các dự án được đẩy nhanh, tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả đầu tư. Bên cạnh đó Bà cũng hỗ trợ tham mưu công tác điều hành, tổ chức cơ cấu nhân sự cho các hoạt động M&A của Công ty.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- » Chủ tịch HĐQT CT TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa
- » Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Biên Hòa
- » Thành viên HĐQT CTCP Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công
- » Thành viên HĐQT CT TNHH Hải Vy



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



Ông **LÊ VĂN DĨNH**
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Công nghệ (1954-1960)

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- » 1994 - nay: Sáng lập viên và TV.HĐQT CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 1981 - 1975: Giám đốc CT Đường Biên Hòa
- » 1975 - 1960: Giám đốc Nhà Kỹ thuật & Khai thác (CT Đường Việt Nam), Trưởng Nhà máy Lọc đường Biên Hòa

Hơn 50 năm công tác trong ngành mía đường, Ông Lê Văn Dĩnh luôn được đánh giá là chuyên gia hàng đầu của ngành Mía đường Việt Nam. Tại TTCS, Ông hỗ trợ HĐQT công tác tham vấn về kỹ thuật cho hệ thống nhà máy TTCS và các công ty do TTCS góp vốn đầu tư, đảm bảo sự vận hành của nhà máy đạt được hiệu quả tốt nhất, mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm đường đạt chất lượng quốc tế. Hiện Ông Lê Văn Dĩnh là thành viên danh dự của nhiều tổ chức, hiệp hội và diễn đàn mía đường uy tín thế giới.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
» Thành viên HĐQT CT TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai



Bà **ĐẶNG HUỲNH ỨC MY**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- » 2012 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 07/2009 - 12/2012: Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- » 07/2007 - 07/2009: P.TGD thường trực CTCP SXTM Thành Thành Công
- » 12/2006 - 07/2007: Phó Giám đốc Điều hành CTCP SXTM Thành Thành Công

Bà Đặng Huỳnh ỨC My tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị Kinh doanh. Với kinh nghiệm quản lý điều hành tại các công ty quy mô lớn (như CTCP Đầu tư TTC, CTCP XNK Bến Tre) và với nhãn quan chiến lược sắc bén, cùng độ hiểu biết sâu rộng về ngành mía đường Việt Nam, Bà đã góp phần quan trọng đưa TTCS vượt qua những khó khăn của nền kinh tế nói chung và của ngành mía đường nói riêng, đồng thời gặt hái được nhiều thành tựu mới. Trong giai đoạn phát triển chiến lược 2016-2020, Bà tiếp tục được tin nhiệm và phân công phụ trách các mảng ứng dụng CNTT trong hoạt động Công ty, đồng thời góp phần thực thi chiến lược đưa TTCS vươn tầm khu vực và Châu Á.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
» Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Thành Thành Công
» Chủ tịch HĐQT CTCP XNK Bến Tre



Ông **HENRY CHUNG**
Thành viên Hội đồng Quản trị

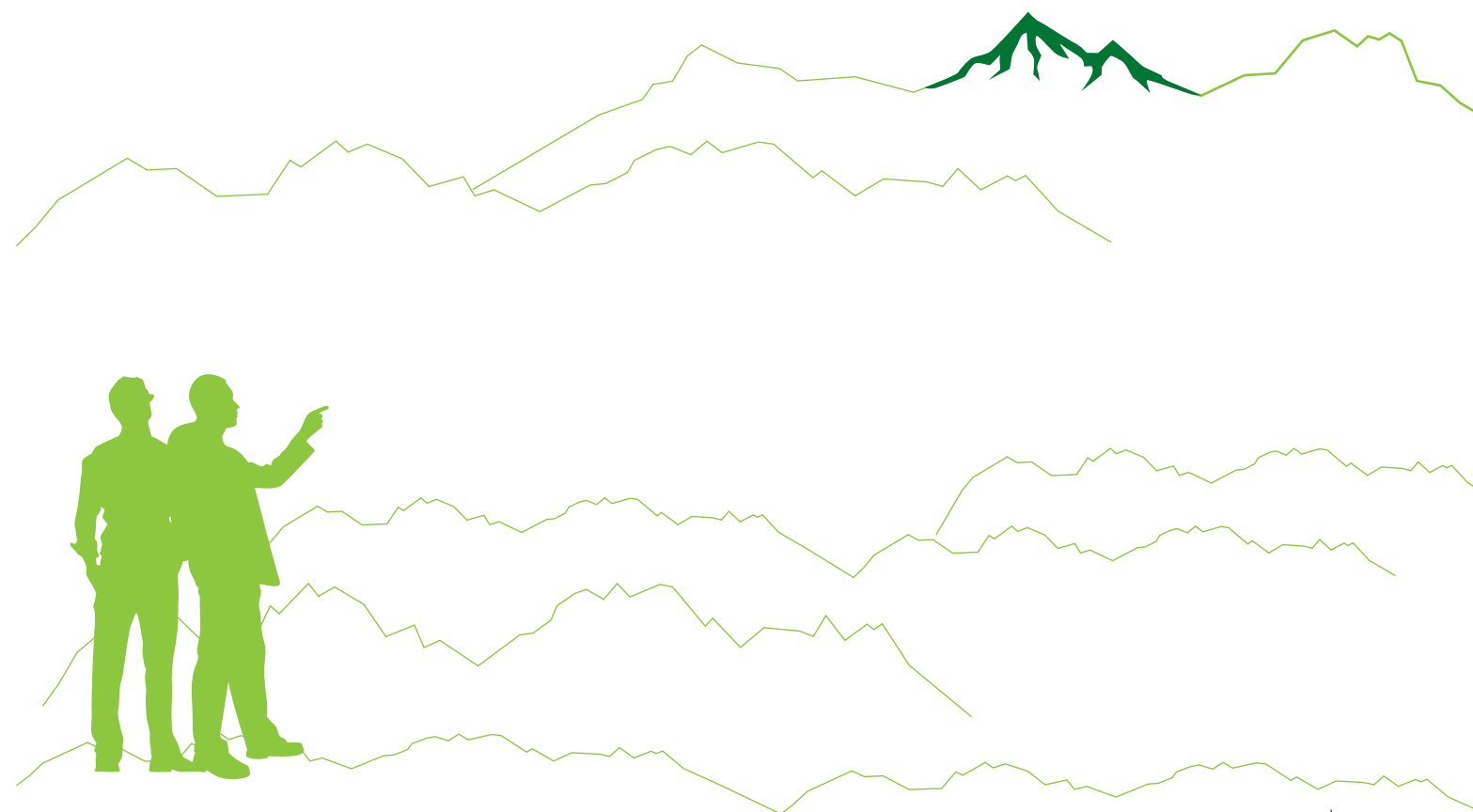
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Tài chính kế toán

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- » 10/2016 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 12/2015 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Đường Biên Hòa

Với vai trò chất vấn, giám sát và tham mưu công tác quản lý Công ty, Ông Henry Chung - thành viên HĐQT độc lập không tham gia điều hành - đã góp phần dung hòa lợi ích của các cổ đông và đặc biệt bảo vệ quyền, lợi ích của cổ đông nhỏ. Trong niên độ tiếp theo, Ông sẽ tiếp tục đồng hành cùng TTCS và hoàn thành các nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, cùng với các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị đóng góp tích cực trong việc ban hành các chủ trương, chính sách, quyết định xác thực, công tâm và kịp thời.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
» Thành viên HĐQT CTCP Đường Biên Hòa





GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà **NGUYỄN THÙY VÂN**
Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- » 2012 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Mía đường Thành Thành Công
- » 2011 - 2012: Phó TGĐ CTCP Kho vận Thiên Sơn
- » 2009 - 2011: Phó GD Sàn giao dịch hàng hóa Sơn Tín
- » 2008 - 2009: Trưởng phòng Giao dịch hàng hóa CTCP Đầu tư Tín Việt
- » 2004 - 2007: Trưởng phòng Tài chính CTCP Vinamit

Là một người am hiểu chuyên sâu công tác tài chính - kế toán, hoạt động ngành mía đường và đặc biệt lĩnh vực kiểm soát và quản trị rủi ro, Bà Nguyễn Thùy Vân đã có rất nhiều đóng góp trong việc xây dựng và ban hành hệ thống kiểm soát hiệu quả trên cơ sở đảm bảo cao nhất tính tuân thủ, nhằm bảo vệ hơn nữa lợi ích nhà đầu tư, mang lại giá trị cao nhất cho cổ đông. Với những thành quả đã đạt được trong nhiệm kỳ trước, Bà tiếp tục được ĐHĐCĐ và BKS tin tưởng bầu giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2016-2021.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- » Thành viên BKS CTCP Đường Biên Hòa



Ông **HUỲNH THÀNH NHÂN**
Kiểm soát viên

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- » 18/12/2015 - nay: Kiểm soát viên CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 7/2015 - nay: Công tác tại Phòng Kiểm soát nội bộ tại CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- » 10/2010 - 6/2015: Kiểm toán viên chính tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Với kinh nghiệm làm việc tại tổ chức kiểm toán, Ông Huỳnh Thành Nhân đã hỗ trợ BKS hoàn thành nhiệm vụ giám sát công tác kế toán, cũng như thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT đảm bảo các quyết định của HĐQT và BTGD là phù hợp với pháp luật, với các nghị quyết của ĐHĐCĐ và bảo vệ lợi ích của các cổ đông.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- » Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Mía đường Tây Ninh



Bà **PHẠM NGỌC THANH MAI**
Kiểm soát viên

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- » 10/2016 - 2017: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 10/2016 - 2017: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Đầu tư Tín Việt
- » 2015 - 2017: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Du lịch Thành Thành Công
- » 2015 - 2017: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Thương Mại Thành Thành Công

Bà Phạm Ngọc Thanh Mai, với vai trò là kiểm soát viên của Công ty, đã đóng vai trò tích cực trong việc giám sát các công tác quản lý và điều hành Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tài chính, kế toán,... của Công ty.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông **NGUYỄN THANH NGŨ**
Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- » 01/11/2014 - nay: Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 05/2014 - 31/10/2014: Tổng Giám đốc CTCP Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
- » 01/2013 - 03/2014: Phó TGD Thường trực CTCP Đường Ninh Hòa
- » 04/2012 - 01/2013: Phó Chánh văn phòng CTCP Đầu tư Thành Thành Công

Niên độ 2016-2017, TTCS phải đối mặt với nhiều thách thức khi tiếp quản hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp khác sau một loạt hoạt động M&A và mua lại Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu (tiền thân là Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai). Với năng lực lãnh đạo của mình, Ông Nguyễn Thanh Ngũ đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu và nhiệm vụ HĐQT giao phó. Dưới sự điều hành của Ông, tổ chức nhân sự và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mới sáp nhập đã theo kịp đà tiến của TTCS.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- » Tổng Giám đốc CT TNHH MTV Mía đường Hoàng Anh Attapeu
- » Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Tây Ninh
- » Chủ tịch HĐQT CT TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai
- » Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công
- » Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Nước Trong
- » Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Khoai mì Tây Ninh
- » Phó Chủ tịch HĐQT CT TNHH Tapioca Việt Nam



Bà **TRẦN QUẾ TRANG**
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- » 15/11/2016 - nay: Phó TGD Thường trực CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 26/06/2015 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Đường Biên Hòa
- » 06/3/2015 - nay: Tổng Giám đốc CTCP Đường Biên Hòa
- » 19/06/2015 - 12/2015: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Ninh Hòa
- » 11/2013 - 05/03/2015: Phó Tổng Giám đốc CTCP Đường Biên Hòa
- » 8/2010 - 10/2013: Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Thành Thành Công

Gần bó với ngành mía đường ở cương vị Tổng Giám đốc của CTCP Đường Biên Hòa, Bà Trần Quế Trang là một trong những gương mặt tiêu biểu trong ngành. Không ngừng học hỏi, nỗ lực, sáng tạo và âm thầm cống hiến cho từng bước tiến của Công ty, Bà đã được HĐQT TTCS ngỏ lời mời làm việc để triển khai các kế hoạch quan trọng trong tiến trình M&A. Bà chính thức được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Thường trực TTCS ngày 15/11/2016 và được giao nhiệm vụ triển khai hoạt động sáp nhập giữa TTCS với CTCP Đường Biên Hòa.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- » Thành viên HĐQT CTCP Đường Nước Trong
- » Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Biên Hòa - Phan Rang
- » Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại XNK Biên Hòa
- » Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Tây Ninh
- » Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa
- » Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đường Biên Hòa



Bà **DƯƠNG THỊ TÔ CHÂU**
Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- » 13/10/2014 - nay: Phó TGD Kinh doanh CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 12/2013 - 2014: Giám đốc Thương mại CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 10/2010 - 12/2013: Giám đốc Thương mại CTCP Bourbon Tây Ninh
- » 2007 - 09/2010: Phòng Thị trường & Kinh doanh CTCP NIVL

Hơn 20 năm kinh nghiệm trong việc kinh doanh các sản phẩm đường đã giúp bà Dương Thị Tô Châu hiểu rõ đặc điểm diễn biến ngành đường Việt Nam, đồng thời với mạng lưới đối tác khách hàng rộng khắp, Bà Dương Thị Tô Châu là một trong những nhân sự kinh doanh hàng đầu ngành mía đường Việt Nam hiện nay. Bằng năng lực và niềm đam mê kinh doanh, Bà đã từng bước xây dựng và hiện thực hóa chiến lược kinh doanh mà HĐQT đã phê duyệt, hoàn thành vượt chỉ tiêu do Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đặt ra.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- » Giám đốc Kinh doanh CTCP Đường Biên Hòa



Ông **NGUYỄN VIỆT HÙNG**

Phó Tổng Giám đốc Nguyên liệu (Thời nhiệm từ 01/07/2017)

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế Nông Nghiệp

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- » 15/11/2015 - 01/07/2017: Phó Tổng Giám đốc Nguyên liệu CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 2014 - 2015: Giám đốc Khối Nông nghiệp CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 07/11/2013 - 02/12/2013: Phó Giám đốc Nông nghiệp CTCP Bourbon Tây Ninh
- » 7/2013 - 11/2013: Giám đốc Nông trường Thành Long, CTCP Đường Biên Hòa

Trên cương vị lãnh đạo Khối Nguyên liệu, với kinh nghiệm hơn 20 năm trong lĩnh vực nông nghiệp cùng định hướng phát triển phù hợp với từng giai đoạn ngành đường Việt Nam, trong năm vừa qua Ông đã triển khai thành công nhiều nhóm giải pháp chiến lược, mang tính bền vững và dài hạn giúp Công ty mở rộng vùng nguyên liệu sang các khu vực đầy tiềm năng như Long An, Bình Phước, Campuchia,... Bên cạnh đó, Ông cũng đề xuất các chính sách xây dựng nông trường kiểu mẫu, cơ giới hóa toàn diện từ khâu trồng, chăm sóc, thu hoạch tiến tới chủ động xây dựng nguyên liệu bền vững.



Bà **HỒ NGUYỄN DUY KHƯƠNG**

Giám đốc Khối Hỗ trợ

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Công nghệ

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- » 08/05/2017 - nay: Giám đốc Khối Hỗ trợ CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 20/12/2015 - 01/06/2016: Phó Tổng Giám đốc kiêm Chánh văn phòng CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 15/07/2015 - 19/12/2015: Phó Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 01/12/2014 - 15/07/2015: Giám đốc Khối kiêm Chánh văn phòng CTCP Đường Biên Hòa
- » 01/03/2014 - 31/12/2014: Chánh văn phòng HĐQT kiêm Chánh văn phòng TGD CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh

Với kinh nghiệm tích lũy từ nhiều năm công tác trong lĩnh vực hỗ trợ, Bà Hồ Nguyễn Duy Khương có nhiều sáng kiến cải tiến giúp tiết giảm chi phí quản lý, cải thiện phúc lợi cho CBNV và tăng cường công tác đối ngoại với các tổ chức đoàn thể, cơ quan chính quyền địa phương. Bà được HĐQT tin tưởng và bổ nhiệm vai trò Giám đốc Hỗ trợ từ ngày 08/05/2017.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- » Giám đốc Khối Hỗ trợ CTCP Đường Biên Hòa



Bà **NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN**

Giám đốc Tài chính

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kế toán Quốc tế (MIntA)

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- » 16/07/2016 - nay: Giám đốc Tài chính CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 20/01/2015 - 16/07/2015: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 10/2007 - 20/01/2015: Kế toán trưởng CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh

Hơn 20 năm phụ trách công tác kế toán tại Công ty Bourbon Tây Ninh (nay là CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh), Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên là một trong những nhân sự chủ chốt và am hiểu sâu sắc hoạt động tài chính của Công ty. Trong niên độ 2016-2017, Bà đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được HĐQT và BDH giao phó; đem lại hiệu quả tích cực trong hoạt động tài chính, ổn định dòng tiền, tăng hiệu quả sử dụng vốn, tái cấu trúc hệ thống tài chính.

Các chức vụ hiện đang nắm tại tổ chức khác:

- » Thành viên HĐQT CTCP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh
- » Thành viên HĐQT CTCP KCN Thành Thành Công



Ông **LÊ PHÁT TÍN**

Kế toán Trưởng

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- » 16/07/2015 - nay: Kế toán Trưởng CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 05/2013 - 15/07/2015: Phó phòng Kế toán CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- » 09/2006 - 05/2013: Làm việc tại CTCP Sữa Việt Nam
- » 02/2006 - 09/2006: Làm việc tại CTCP Kinh Đô

Ông Lê Phát Tín được HĐQT tin tưởng bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng chịu trách nhiệm về thực hiện chế độ kế toán, công bố thông tin báo cáo tài chính của Tập đoàn để đảm bảo tính tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành. Với kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán cho những tập đoàn hàng đầu tại Việt Nam như Vinamilk, Kinh Đô,... Ông đã có nhiều đóng góp nổi bật vào quá trình hoàn thiện hệ thống kế toán Công ty, tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực, quy định của Nhà nước, tổ chức hệ thống kế toán của Công ty theo hướng chuyên nghiệp và khoa học,...

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- » Kế Toán Trưởng CTCP SXTM Cổn Thành Thành Công



GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC CHUYÊN MÔN



Ông **LÊ ĐỨC TỐN**
Giám đốc Nhà máy

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Công nghệ Hóa học
& Thực phẩm



Ông **HUỖNH VĂN PHÁP**
Giám đốc Kinh doanh

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Quản trị Kinh doanh



Ông **NGUYỄN HÙNG VIỆT**
Giám đốc Kỹ thuật kiêm
Giám đốc Chi nhánh Long An

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Cơ khí

CẬP NHẬT NHÂN SỰ CẤP CAO BỔ NHIỆM SAU 01/07/2017



Ông **TRẦN QUỐC THẢO**
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế



Ông **NGUYỄN THÀNH KHIÊM**
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh



Ông **NGUYỄN QUỐC VIỆT**
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Quản trị Kinh doanh



Ông **LÊ HUY THÀNH**
Giám đốc Khối Nông nghiệp kiêm
Giám đốc Phát triển Nguyên liệu vùng 1

Trình độ chuyên môn:
Tài Chính - Ngân hàng



Ông **NGUYỄN VIỆT HÙNG**
Giám đốc Phát triển Nguyên liệu
vùng 2

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế Nông nghiệp



Ông **NGUYỄN TRỌNG HÒA**
Giám đốc Phát triển Nguyên liệu
vùng 3

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Công nghệ Thực phẩm





ĐỊNH HƯỚNG

PHÁT TRIỂN CÔNG TY NIÊN ĐỘ 2017-2018



MỤC TIÊU NĂM 2017-2018, TTCS ĐẠT GIÁ TRỊ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG:

850 - 950 TRIỆU USD

CÔNG TY QUY MÔ VỐN ĐIỀU LỆ LỚN NHẤT VÀ GIÁ TRỊ VỐN HÓA LỚN THỨ 2 NGÀNH ĐƯỜNG VIỆT NAM VÀ TRỞ THÀNH MỘT TRONG NHỮNG CÔNG TY HÀNG ĐẦU VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM.



TTCS đã và đang trong quá trình hiện thực hóa chiến lược 2016-2020, tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng cốt lõi: Xanh - Sạch - Hiệu quả & Phát triển bền vững. Niên vụ 2017-2018, TTCS tiếp tục triển khai theo định hướng chiến lược đã xây dựng, phát huy hiệu quả cộng hưởng từ hoạt động M&A với CTCP Đường Biên Hòa (BHS); đồng thời đẩy mạnh tái cấu trúc, mở rộng quy mô hoạt động Công ty thông qua các thương vụ M&A khác với những công ty cùng ngành nhằm không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, chuẩn bị nội lực vững vàng, sẵn sàng hội nhập khi mở cửa thị trường đường năm 2018.



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

1. Xác định diện tích mía đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu tự chủ;
2. Giảm giá thành cạnh tranh, đảm bảo lợi ích người trồng mía;
3. Chuyên môn hóa hoạt động, chức năng quản lý bằng hệ thống CNTT: FRM (Farmer Relationship Management); ERP (Enterprise resource planning software); BI (Business Intelligence); DMS,...
4. Duy trì và tiếp tục cải tiến chất lượng sản phẩm;
5. Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ;
6. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu R&D nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh, nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, tăng giá trị thu hồi từ sản phẩm phụ;
7. Tập trung đào tạo đội ngũ kế thừa, tạo điều kiện phát triển bình đẳng và công bằng cho tất cả nhân viên.

CHỌN SỨC KHỎE CHỌN ORGANIC





CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



THỊ TRƯỜNG



SẢN XUẤT



NÔNG NGHIỆP

THỊ TRƯỜNG

- » Quản trị tập trung kênh B2C dẫn dắt thị trường kênh B2C với hệ thống phân phối phủ rộng trên 63 tỉnh/thành;
- » Công nghiệp B2B: xây dựng lợi thế về dịch vụ, song song với việc điều phối nhịp nhàng giữa nhu cầu khách hàng và năng lực sản xuất;
- » Quản trị tập trung phân khúc khách hàng tiểu thủ công nghiệp, tối ưu hóa chi phí sản xuất và logistic;
- » Phát triển công nghệ thông tin trong quản trị hệ thống, xây dựng và vận hành các phần mềm quản lý, chăm sóc khách hàng: DMS, CRM & BI.

SẢN XUẤT

- » Mục tiêu đến 2020: Tổng công suất ép thiết kế đạt 51.100 TMN;
- » Điều phối sản xuất tập trung;
- » Tiếp tục phát huy hiệu quả các sản phẩm cạnh đường như điện thương phẩm nhằm giảm giá thành.

NÔNG NGHIỆP

- » Tiếp tục mở rộng diện tích vùng nguyên liệu, mục tiêu đạt trên 53 ngàn ha vào niên vụ 2019-2020, tăng 11.000 ha so với hiện tại.
- » Tăng năng suất mía đầu tư đến năm 2020 đạt bình quân 77 tấn/ha, năng suất mía nông trường bình quân đạt trên 80 tấn/ha. Đặt mục tiêu đến 2020 diện tích mía đầu tư được tưới chiếm 35% và 96% diện tích mía nông trường có tưới.

NĂNG LỰC SẢN XUẤT - ĐỊNH HƯỚNG CÔNG SUẤT ĐẾN 2020 (TMN)

CS thiết kế	Sản phẩm SX 2020	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
TTCS	RE	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800
BH-ĐN (*)	RE	9,600	10,800	10,800	10,800	10,800
BH-TN	Thô	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000
BH-TA	RE	2,500	2,500	2,500	2,500	2,500
BHS-NH	RE	5,200	6,000	6,000	6,000	6,000
TTCS-GL	RS	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000
TTCA (Lào)	RS	7,000	7,000	7,000	7,000	7,000
PRS	RS	1,500	1,500	1,500	4,000	4,000
NTS	RS	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000
Tổng CSE (TMN)		46,600	48,600	48,600	51,100	51,100

(*) BH-ĐN công suất luyện đường: 400 - 450 tấn/ngày quy đổi tương đương CSE khoảng: 9.600 - 10.800 TMN

Ghi chú: Mục tiêu trên chưa bao gồm hoạt động M&A với các đơn vị cùng ngành khác từ năm 2017-2018 trở về sau.

MỤC TIÊU TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016-2017	CL 2019-2020
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	5.570	7.332
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	6.854	8.944
3	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	9.900	14.891
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	680	1.135





CÁC RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG

RỦI RO BÊN NGOÀI

RỦI RO KINH TẾ

- » Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2016 đang có dấu hiệu chững lại và gia tăng bất ổn. Tăng trưởng 6 tháng đầu năm chỉ đạt 5,52% (6 tháng đầu năm 2015 đạt 6,28%). Lạm phát quay trở lại, ngân sách tiếp tục thâm hụt, nợ công đến cuối năm 2016 vào khoảng 62% GDP và nợ xấu ngân hàng vẫn chưa được xử lý hiệu quả. Sức cầu nội địa giảm, nhu cầu tiêu thụ đường của các doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nhanh, nhất là bánh kẹo, nước giải khát cũng bị ảnh hưởng, tác động bất lợi đến sản lượng tiêu thụ của doanh nghiệp.
- » Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào thị trường khu vực và thế giới, doanh nghiệp trong nước nói chung và doanh nghiệp ngành đường nói riêng có nhiều cơ hội mở rộng sản xuất, kinh doanh, gia tăng giá trị. Tăng cường hội nhập cũng đồng nghĩa với mở rộng đối thủ cạnh tranh. Khi hàng rào bảo hộ được tháo dỡ, doanh nghiệp không chỉ cạnh tranh trong nước mà mở rộng ra khu vực và thế giới.

Giải pháp khắc phục

- » Kiểm soát chi phí, tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo cấu trúc vốn an toàn.
- » Phát triển kênh phân phối, hệ thống chăm sóc khách hàng, mở rộng đầu ra cho sản phẩm.
- » Tập trung phát triển ổn định vùng nguyên liệu trong nước, tăng năng suất, chất lượng nguyên liệu, tăng sức cạnh tranh với các cây trồng khác, đảm bảo lợi ích người trồng mía.



RỦI RO LÃI SUẤT, TỶ GIÁ

- » Vốn vay là nguồn vốn bổ sung quan trọng đối với hoạt động sản xuất, đầu tư của doanh nghiệp, giúp tối ưu hiệu quả hoạt động và giá trị doanh nghiệp. Với quy mô sản xuất lớn và tiếp tục được mở rộng, nhu cầu vốn lưu động cao, sự biến động lãi suất sẽ làm tăng rủi ro đối với tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp.
- » Sự biến động tỷ giá làm gia tăng rủi ro về chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất, cũng như ảnh hưởng đến tài khoản ngoại tệ của doanh nghiệp.

Giải pháp khắc phục

- » Thường xuyên đánh giá sự biến động về tài chính, chủ động sử dụng các biện pháp phòng ngừa, đảm bảo cấu trúc vốn tối ưu, giảm thiểu tác động bất lợi trước những biến động thị trường tài chính trong và ngoài nước.
- » Sử dụng các công cụ phái sinh quản lý rủi ro biến động về tỷ giá.



RỦI RO CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT

- » TTCS là doanh nghiệp đại chúng hoạt động trong lĩnh vực chế biến thực phẩm, chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật An toàn thực phẩm, Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ,... Những thay đổi về pháp luật có thể ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Giải pháp khắc phục

- » Bộ phận chính sách, pháp chế của TTCS thường xuyên nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp lý liên quan hoạt động của doanh nghiệp, những thay đổi về chính sách pháp luật và kịp thời ứng dụng, điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và hoạt động của doanh nghiệp.



RỦI RO XU THẾ TIÊU DÙNG

- » Sự thay đổi hành vi tiêu dùng làm gia tăng cơ hội cũng như rủi ro đối với ngành sản xuất hàng tiêu dùng nhanh và ngành đường. Người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến nguồn gốc sản phẩm, tác động của sản phẩm đối với sức khỏe và môi trường và ưu tiên chọn những sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên, thân thiện với môi trường.

Giải pháp khắc phục

- » Phát triển bền vững, khai thác tài nguyên thiên nhiên (đất, nước) đi đôi với bảo vệ môi trường là mối quan tâm hàng đầu đối với Ban Lãnh đạo TTCS.
- » Đối với mỗi công trình xây dựng, TTCS đều có báo cáo đánh giá tác động môi trường và thực thi giải pháp bảo vệ môi trường. Công trình xử lý nước thải, chất thải được đầu tư và vận hành hiệu quả, đảm bảo nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi hòa vào hệ thống thoát nước chung.
- » Đổi mới công nghệ canh tác, hạn chế sử dụng phân bón hóa học, áp dụng các biện pháp sinh học trong phòng trừ sâu bệnh, giảm thiểu tác động bất lợi đến môi trường.
- » Phát triển sản phẩm đường Organic hoàn toàn tự nhiên, phục vụ sức khỏe cộng đồng.





CÁC RỦI RO

ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

RỦI RO NỘI TẠI

RỦI RO NGUYÊN LIỆU

- » Mía là đầu vào quan trọng đối với hoạt động sản xuất của Công ty. Sản xuất mía phụ thuộc vào tài nguyên khan hiếm là đất đai. Vùng nguyên liệu mía tại Tây Ninh tiếp tục suy giảm do sự cạnh tranh từ các loại cây trồng khác, đặc biệt là khoai mì.

Giải pháp khắc phục

- » Phối hợp Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển giống mía năng suất, chất lượng cao phù hợp điều kiện thổ nhưỡng từng vùng.
- » Đổi mới chính sách đầu tư, tập trung vào cơ giới hóa, cày sâu, tưới bec, giúp tăng năng suất, chất lượng rõ rệt so với các niên vụ trước, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người trồng mía và Công ty, giúp người dân yên tâm gắn bó với cây mía.
- » Xây dựng cơ cấu giống phù hợp theo khu vực, cải thiện năng suất, tăng chất lượng, áp dụng tưới tiêu, cày sâu, khoa học canh tác,... tăng lợi ích từ cây mía so với cây trồng khác.



RỦI RO ĐỐI THỦ CẠNH TRANH

- » Cùng với sự hội nhập kinh tế quốc tế, TTCS xác định đối thủ cạnh tranh không chỉ là các doanh nghiệp trong nước mà còn trong khu vực và trên thế giới. Đây là thách thức không nhỏ đối với ngành đường Việt Nam, khi mà sau hơn 20 năm được bảo hộ, năng suất chất lượng mía không có sự cải thiện đáng kể, phần lớn nhà máy đường trong nước vẫn hoạt động với công suất thấp, sản phẩm chủ yếu là đường RS.
- » Với lợi thế dẫn đầu về công nghệ, sản phẩm chất lượng cao và ổn định, TTCS đã có sự chuẩn bị về nội lực để giữ vững thị trường trong nước, tiến tới mở rộng thị phần xuất khẩu, khẳng định năng lực cạnh tranh của ngành mía đường Việt Nam.

Giải pháp khắc phục

- » Từng bước triển khai thực hiện chiến lược 2016-2020 nhằm giảm giá thành sản xuất, giữ vững lợi thế chất lượng hàng đầu, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- » Không ngừng nghiên cứu đổi mới sản phẩm, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khắt khe của khách hàng.
- » Phát triển sản phẩm mới cạnh đường, sau đường, mở rộng chuỗi giá trị ngành đường, đa dạng hóa sản phẩm, mang lại giá trị thiết thực cho khách hàng, cộng đồng và cổ đông của Công ty.



RỦI RO CHẤT LƯỢNG

- » Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến thực phẩm, các tiêu chí về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm là yêu cầu hàng đầu phải tuân thủ. Sản phẩm kém chất lượng hoặc chất lượng không ổn định sẽ ảnh hưởng đến uy tín và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- » Thực hiện đa dạng hóa sản phẩm với nhiều chỉ tiêu kỹ thuật khác nhau giúp TTCS đáp ứng tốt nhất nhu cầu từng nhóm khách hàng, gia tăng sản lượng, thị phần, tối đa hóa lợi nhuận. Tuy nhiên, việc sản xuất nhiều chủng loại cũng gây áp lực lên hệ thống quản lý, kho vận, tăng rủi ro kiểm soát ổn định chất lượng sản phẩm.

Giải pháp khắc phục

- » Nhận diện được rủi ro, Công ty đã xây dựng quy trình quản lý nhập xuất kho chặt chẽ, đảm bảo cung ứng đến khách hàng sản phẩm phù hợp với các chỉ tiêu chất lượng đã cam kết với khách hàng.
- » Thường xuyên rà soát, kiểm toán dây chuyền thiết bị, đảm bảo sản phẩm được sản xuất với chất lượng ổn định.
- » TTCS hướng tới cạnh tranh chi phí thấp cho khách hàng. Với hệ thống logistic tin cậy, chất lượng sản phẩm ổn định, khách hàng sẽ được giảm thiểu chi phí lưu kho dự phòng, giảm chi phí kiểm tra, giám sát và đổi trả khiếu nại...



RỦI RO KHÁC

- » Thiên tai, dịch bệnh là mối nguy hại ảnh hưởng lớn đến ngành nông nghiệp nói chung và sản xuất mía đường nói riêng.
- » Diễn biến thời tiết không thuận lợi làm giảm sản lượng, chất lượng mía, tăng cạnh tranh trong công tác huy động nguyên liệu.

Giải pháp khắc phục

- » Chủ động trong công tác phòng ngừa sâu bệnh bằng các biện pháp thân thiện với môi trường: xử lý đất trồng, trang bị bẫy đèn, sử dụng thiên địch,...
- » Phát triển hệ thống tưới tiêu, tưới tiêu chủ động bằng các thiết bị tưới hiện đại, hiệu quả, tiết kiệm: tưới bec, năng lượng mặt trời.





ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU ...

... MỞ RỘNG TẦM NHÌN



Với định hướng nhất quán về chiến lược phát triển bền vững, niên độ 2017-2018, TTCS tiếp tục phát huy hiệu quả cộng hưởng từ hoạt động M&A và đẩy mạnh tái cấu trúc nhằm gia tăng nội lực, hướng tới mục tiêu đạt giá trị vốn hóa thị trường 850-950 triệu USD.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động kinh doanh niên độ 2016-2017	»	50
» Tình hình hoạt động kinh doanh	»	50
» Tình hình tài chính Công ty niên độ 2016-2017	»	54
» Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	»	58
Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	»	64
» Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô	»	64
» Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	»	66
» Tình hình tài chính	»	68
» Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	»	70
» Kế hoạch phát triển niên độ 2017-2018	»	78
Tổ chức và nhân sự năm tài chính 2016-2017	»	82
Cơ cấu cổ đông	»	92



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NIÊN ĐỘ 2016-2017

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

DOANH THU

ĐVT: Triệu đồng				
STT	Chỉ tiêu	Niên độ 2015-2016	Niên độ 2016-2017	% +/- 16/17 so 15/16
1	Tổng doanh thu	4.042.893	4.502.977	11%
2	Doanh thu thuần	4.027.233	4.498.383	12%
3	Doanh thu HĐ tài chính	141.668	221.887	57%
4	Thu nhập khác	11.751	18.913	61%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán)

Cơ cấu doanh thu niên độ 2016-2017

ĐVT: Triệu đồng						
STT	Chỉ tiêu	KH niên độ 2016-2017	TH niên độ 2016-2017	% +/- TH/KH	Niên độ 2015-2016	% +/- 16/17 so 15/16
1.	Tổng doanh thu	3.986.828	3.422.710	-14,15%	3.267.977	4,73%
-	» Đường	3.730.845	3.011.537	-19,28%	3.053.922	-1,39%
-	» Mật rỉ	98.803	121.045	22,51%	84.784	42,77%
-	» Điện thương phẩm	51.685	57.198	10,67%	48.344	18,31%
-	» Doanh thu khác	105.495	232.930	120,80%	80.927	187,83%
2.	Doanh thu HĐ tài chính	96.628	258.988	168,03%	121.603	112,98%
3.	Thu nhập khác	140.000	16.273	-88,38%	8.049	102,17%

(Nguồn: BCTC 2016/2017 riêng kiểm toán)



Đường vẫn là sản phẩm chính của Công ty. Trong niên độ 2016 - 2017, tổng doanh thu đường hợp nhất đạt 3.890 tỷ đồng trong tổng doanh thu hợp nhất 4.502 tỷ đồng, chiếm 88% trong cơ cấu doanh thu thuần (RE chiếm 62%, RS chiếm 26%). Ngoài sản xuất kinh doanh đường tinh luyện RE, Công ty đã sản xuất thêm đường RS cao cấp tại Công ty TNHH MTV Mía đường Thành Công Gia Lai nhằm cung cấp cho các khách hàng công nghiệp và phân khúc tiểu thủ công nghiệp.

Niên độ 2016-2017, tổng doanh thu thuần tăng 161 tỷ đồng, tương ứng tăng 5% so với cùng kỳ. Trong đó nổi bật là doanh thu đường RS tăng 30%, xuất khẩu tăng 6% tương ứng tăng hơn 135 tỷ đồng và 51 tỷ đồng so với niên độ 2015-2016.

CHI PHÍ

Cơ cấu chi phí niên độ 2016-2017

ĐVT: Triệu đồng				
STT	Chỉ tiêu	Niên độ 2015-2016	Niên độ 2016-2017	% +/- 16/17 so 15/16
1	Giá vốn hàng bán	3.422.230	3.884.366	13,50%
2	Chi phí hoạt động tài chính	216.333	280.226	29,53%
3	Chi phí bán hàng	95.464	87.357	-8,49%
4	Chi phí quản lý DN	143.594	149.592	4,18%
5	Chi phí khác	5.503	10.375	88,54%

(Nguồn: BCTC 2016/2017 hợp nhất kiểm toán)

ĐVT: Triệu đồng						
STT	Chỉ tiêu	KH niên độ 2016-2017	TH niên độ 2016-2017	% +/- TH/KH	Niên độ 2015-2016	% +/- 16/17 so 15/16
1	Giá vốn hàng bán	3.378.576	2.997.143	-11,29%	2.761.818	8,52%
2	Chi phí hoạt động tài chính	207.597	191.221	-7,89%	150.174	27,33%
3	Chi phí bán hàng	79.329	59.630	-24,83%	76.826	-22,38%
4	Chi phí quản lý DN	112.656	102.998	-8,57%	110.103	-6,45%
5	Chi phí khác	132.730	7.656	-94,23%	2.066	270,48%

(Nguồn: BCTC 2016/2017 riêng kiểm toán)

Niên độ 2016-2017, Công ty thực hiện kiểm soát tốt chi phí ở khâu canh tác, sản xuất thông qua việc kiểm soát tốt chi phí nguyên liệu chính từ mía; kiểm soát tốt định mức sản xuất; tiêu hao nguyên vật liệu phụ; đơn giá nhân công trực tiếp và gián tiếp giảm so với vụ trước; đầu tư thiết bị bộ hâm trung tâm nhiệt điện nhằm tiết kiệm tiêu hao bã mía góp phần làm giảm giá thành sản xuất. Trong kỳ giá thành đường tổng cộng kiểm soát giảm ở mức 1% so với kế hoạch.

Chi phí hoạt động tài chính trong kỳ giảm chủ yếu do tận dụng được nguồn vốn có lãi suất thấp, kiểm soát tốt lãi suất vay ngắn hạn và trung dài hạn bình quân.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NIÊN ĐỘ 2016-2017 (TIẾP THEO)



Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng				
STT	Chỉ tiêu	Niên độ 2015-2016	Niên độ 2016-2017	% +/- 16/17 so 15/16
1	Lợi nhuận trước thuế	310.076	367.479	19%
2	Lợi nhuận sau thuế	294.166	339.305	15%

(Nguồn: BCTC 2016/2017 hợp nhất kiểm toán)

ĐVT: Triệu đồng						
STT	Chỉ tiêu	KH niên độ 2016-2017	TH niên độ 2016-2017	% +/- TH/KH	Niên độ 2015-2016	% +/- 16/17 so 15/16
1	Lợi nhuận trước thuế	312.569	334.730	7,09%	288.026	16,22%
2	Lợi nhuận sau thuế	312.125	306.462	-1,81%	269.383	13,76%

(Nguồn: BCTC 2016/2017 riêng kiểm toán)

Tuy nền kinh tế nói chung và ngành đường nói riêng vẫn đang đối đầu với nhiều khó khăn, thách thức nhưng Công ty vẫn nỗ lực không ngừng để gia tăng lợi thế cạnh tranh, kiểm soát tốt giá thành, kiểm soát chi phí hợp lý giúp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016/2017 vượt KH đề ra. Mặc dù sản lượng đường tiêu thụ chưa đạt kế hoạch, doanh thu từ hoạt động đường đạt 83% kế hoạch, nhưng nhờ quản lý tốt công tác chi phí nên giá vốn hàng bán giảm 14%, chi phí vận chuyển giảm 23% so với kế hoạch. Các yếu tố trên góp phần cải thiện lợi nhuận toàn Công ty niên độ 2016-2017 và đạt mức LNTT 367 tỷ đồng, tăng gần 19% so với cùng kỳ.

CÔNG NGHỆ CHÂU ÂU
TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NIÊN ĐỘ 2016-2017 (TIẾP THEO)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY NIÊN ĐỘ 2016-2017

ĐVT: Triệu đồng			
Chỉ tiêu	Niên độ 2015-2016	Niên độ 2016-2017	% +/- 16/17 so 15/16
Tổng giá trị tài sản	6.836.697	7.806.217	14%
Doanh thu thuần	4.027.233	4.498.383	12%
Lợi nhuận từ HĐKD	303.829	358.942	18%
Lợi nhuận khác	6.248	8.537	37%
Lợi nhuận trước thuế	310.076	367.479	19%
Lợi nhuận sau thuế	294.166	339.305	15%

Tài sản	30/06/2017	30/06/2016	% tăng/giảm
1. Tài sản ngắn hạn	4.472.667	4.216.029	6%
2. Tài sản dài hạn	3.333.549	2.620.668	27%
Tổng cộng tài sản	7.806.217	6.836.697	14%
Nguồn vốn	30/06/2017	30/06/2016	
1. Nợ phải trả	4.692.718	4.134.301	14%
2. Vốn chủ sở hữu	3.113.499	2.702.396	15%
Tổng cộng nguồn vốn	7.806.217	6.836.697	14%

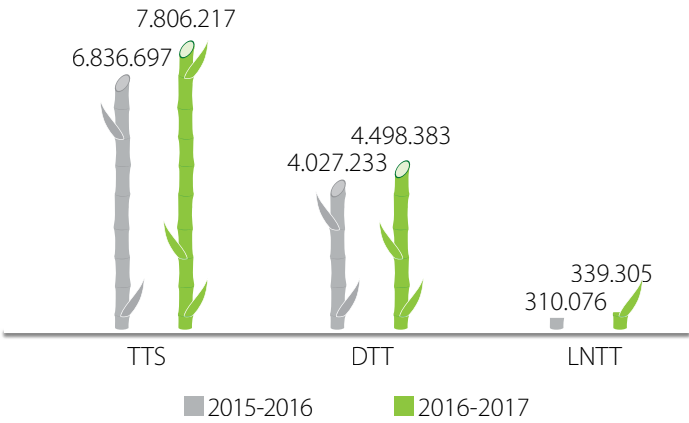
(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán)

Tổng tài sản hợp nhất niên vụ 2016-2017 tăng 970 tỷ đồng so với cùng kỳ. Các khoản phải thu, hàng tồn kho và tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty.



Biểu đồ tình hình tài chính Công ty niên độ 2016-2017

ĐVT: Triệu đồng



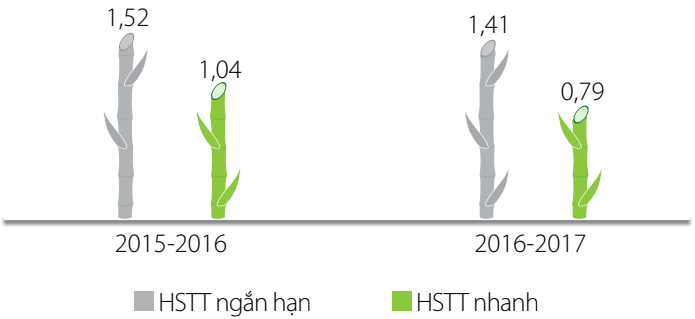
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	Niên độ 2015-2016	Niên độ 2016-2017	% tăng/giảm
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,52	1,41	-7,16%
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,04	0,79	-23,71%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán)

Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,41 lần và hệ số thanh toán nhanh đạt 0,8 lần tại thời điểm 30/06/2017. Chỉ số thanh toán ngắn hạn lớn hơn 1 cho thấy Công ty đảm bảo khả năng trả các nghĩa vụ và khoản nợ ngắn hạn. Tuy nhiên, vì hàng tồn kho chiếm giá trị lớn tại thời điểm 30/06/2017 để phục vụ kế hoạch đẩy mạnh kinh doanh trong niên độ mới 2017-2018 và theo diễn biến nhu cầu của khách hàng nên chỉ số thanh toán nhanh tại thời điểm 30/06/2017 chỉ đạt 0,8 lần.

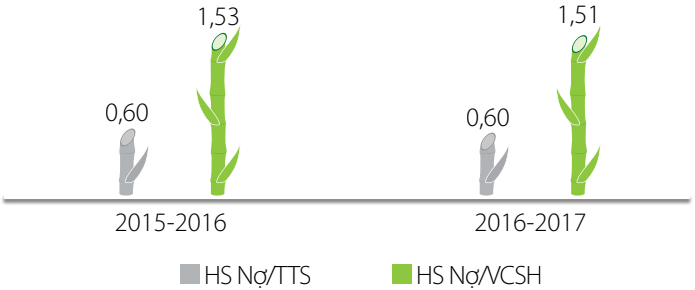


Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

STT	Chỉ tiêu	Niên độ 2015-2016	Niên độ 2016-2017	% tăng/giảm
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,60	0,60	0%
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,53	1,51	-1%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán)

Trong cơ cấu vốn, hệ số Nợ/Tổng tài sản là 0,6 và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 1,51 tại thời điểm 30/06/2017, không thay đổi so với cùng kỳ. Tỷ số này khá tốt so với Benchmark chung của ngành đường.





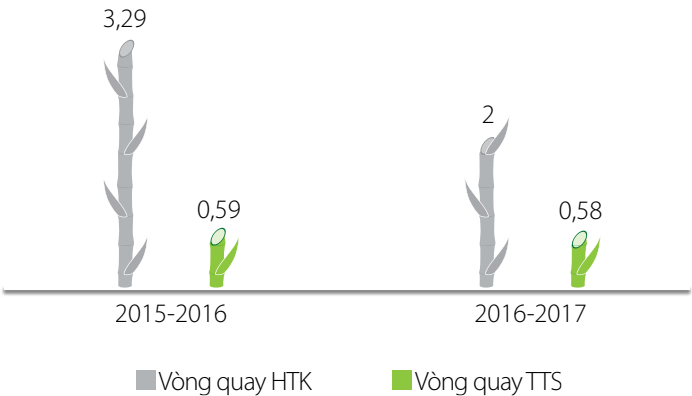
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NIÊN ĐỘ 2016-2017 (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Niên độ 2015-2016	Niên độ 2016-2017	% tăng/giảm
1	Vòng quay HTK: (GVHB/ HTK bình quân)	3,29	2	-39,21%
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,59	0,58	- 1,69%

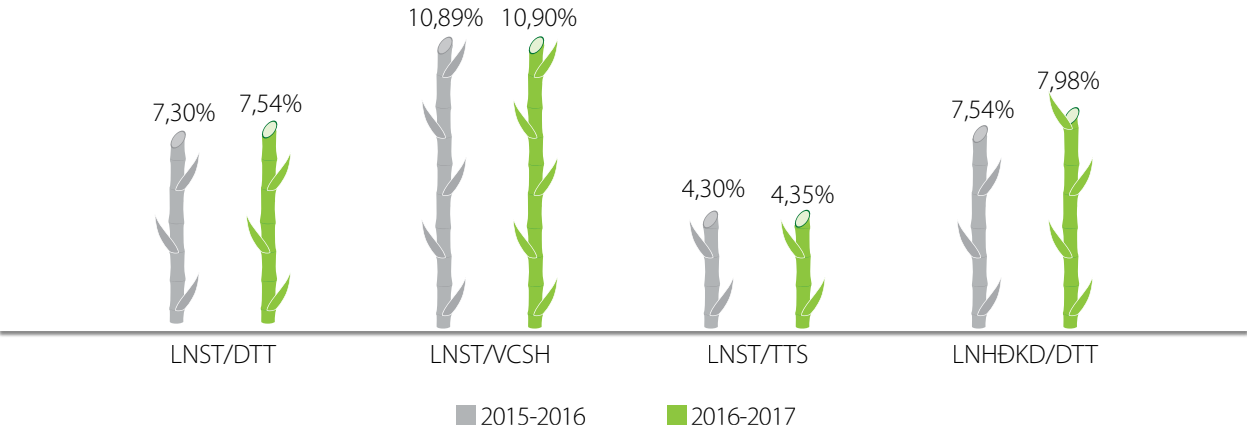
Do đặc điểm ngành mía đường, một năm chỉ sản xuất trong thời gian từ 5 đến 6 tháng và sản phẩm phải dự trữ để cung ứng cho khách hàng theo cam kết trong cả năm, nên hệ số vòng quay hàng tồn kho đạt mức từ 2 đến 3 vòng. Niên độ 2016-2017, hệ số vòng quay hàng tồn kho giảm 39% so với niên độ trước do bị ảnh hưởng bởi tình hình khó khăn chung của ngành mía đường như nhập khẩu ngoài quota 100.000 tấn, mùa mưa kéo dài làm tăng thời gian lưu kho.

Hệ số vòng quay tổng tài sản = Doanh thu thuần/Tổng tài sản dùng để đánh giá hiệu quả của việc sử dụng tài sản Công ty. Hệ số này cho thấy, với mỗi một đồng tài sản có 0,58 đồng doanh thu được tạo ra. Tỷ lệ này được duy trì ổn định so với năm 2015-2016.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

STT	Chỉ tiêu	Niên độ 2015-2016	Niên độ 2016-2017	% tăng/giảm
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,30%	7,54%	3,22%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	10,89%	10,90%	0,07%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,30%	4,35%	1,07%
4	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	7,54%	7,98%	5,51%



Trong niên độ 2016-2017, các chỉ số tỷ suất sinh lợi của Công ty đều cải thiện và tốt hơn so với năm 2015-2016. Cụ thể: Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần đạt 7,54%, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 10,90%, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản đạt 4,35%, hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần đạt 7,98%.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời cho thấy Công ty đã kiểm soát tốt chi phí, chủ động phát huy công tác kinh doanh kịp thời trong bối cảnh ngành mía đường còn nhiều khó khăn như hiện nay.

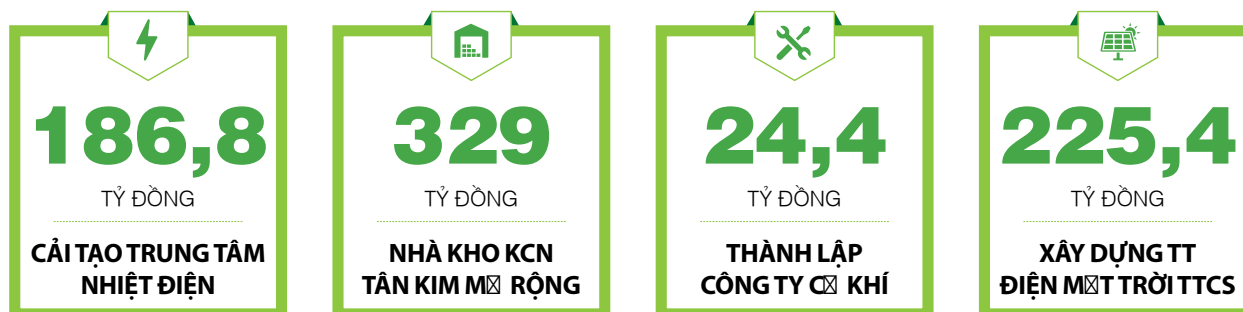
Công tác quản lý tài chính cũng được hoàn thành tốt, đảm bảo việc sử dụng vốn luôn hiệu quả, tiết kiệm chi phí vốn, tăng lợi nhuận cho Công ty và an toàn trong thanh khoản.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NIÊN ĐỘ 2016-2017 (TIẾP THEO)

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

STT	Tên dự án	Chi phí đầu tư (Tỷ đồng)	Thời gian hoàn thành
1	Dự án đầu tư bổ sung và cải tạo Trung tâm Nhiệt điện	186,8	30/10/2017
2	Dự án Nhà kho KCN Tân Kim mở rộng	329	26/10/2018
3	Dự án thành lập Công ty Cơ khí	24,4	31/12/2018
4	Dự án xây dựng Trung tâm Điện Mặt trời TTCS	225,4	31/12/2018



DỰ ÁN ĐẦU TƯ BỔ SUNG VÀ CẢI TẠO TRUNG TÂM NHIỆT ĐIỆN



» Đây là một trong những dự án trọng điểm của TTCS trong niên vụ 2016-2017, một trong những dự án cần thiết đầu tư để cung cấp đủ hơi cho công nghệ, tăng thời gian luyện đường thô trong và ngoài vụ; Tăng bán điện và giúp khai thác hết giá trị của thiết bị, tránh lãng phí chi phí đầu tư; Nâng cao hiệu suất công nghệ, giúp tiết kiệm năng lượng và nhiên liệu tiêu thụ, gia tăng lượng điện bán hàng năm, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Mục tiêu chính của dự án là giảm suất tiêu hao hơi, tăng lượng điện thương phẩm, tăng lượng bã dư cả vụ, tăng lượng đường hòa tan.

- » Dự án triển khai từ tháng 06/2016, đến thời điểm lập báo cáo tiến độ đã đạt khoảng 42%, dự kiến hoàn thành vào cuối tháng 10/2017 để kịp thời phục vụ cho vụ sản xuất 2017-2018 sắp đến.
- » Dự án thành công, TTCS sẽ thu lợi rất lớn từ các nguồn: bán điện thương phẩm, tăng khả năng luyện đường thô hàng năm, tăng sản lượng đường thành phẩm,...
- » Kiểm soát chi phí: chi phí thực hiện chiếm khoảng 80% so với kế hoạch, việc kiểm soát chi phí thực hiện tốt, hợp lý.

» Sơ lược về một số gói thầu chính

- » Gói thầu "Thiết kế, cung cấp vật tư nâng áp, nhiệt độ hơi siêu nhiệt, van an toàn, lắp đặt lò hơi": tổng tiến độ đạt 66% so với kế hoạch, các công việc trọng điểm vẫn được giám sát theo dõi chặt chẽ.
- » Gói thầu Mua sắm Turbine 25MW, 12MW: đang tiến hành chế tạo Turbine: đang lắp ráp, kiểm tra và chuyển giao Turbine. Tổng tiến độ đạt 73% so với kế hoạch.
- » Gói thầu "Lắp đặt Turbine Máy phát điện 25MW, hệ thống ống hơi và van các loại": đã xúc tiến ký hợp đồng với các nhà cung cấp, thời gian giao hàng đảm bảo tiến độ dự án, tiến độ ổn, đạt 35% so với kế hoạch.
- » Gói thầu "Thi công móng Turbine 25MW, nhà Turbine": đang thi công, tiến độ đạt 52% so với kế hoạch.

DỰ ÁN THÀNH CÔNG, TTCS SẼ THU LỢI RẤT LỚN TỪ CÁC NGUỒN: BÁN ĐIỆN THƯƠNG PHẨM, TĂNG KHẢ NĂNG LUYỆN ĐƯỜNG THÔ HÀNG NĂM, TĂNG SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG THÀNH PHẨM,...

- » Gói cung cấp và lắp đặt máy biến áp: dự kiến sẽ giao hàng đến TTCS ngày 17/09/2017.
- » Gói thầu cung cấp bloc cassette bốc hơi và bơm, ống van, các loại và gói thầu "Lắp đặt cho hệ thống Bốc hơi 5 hiệu": đang thực hiện, tiến độ đạt 49% so với kế hoạch.
- » Gói thầu móng bốc hơi: hoàn thành.

Tư vấn giám sát thi công xây lắp và thi công thiết bị: đang thực hiện công tác tư vấn giám sát, tiến độ đạt 42% so với kế hoạch.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NIÊN ĐỘ 2016-2017 (TIẾP THEO)

DỰ ÁN NHÀ KHO KCN TÂN KIM MỞ RỘNG



DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHO BÃI TẠI KCN TÂN KIM MỞ RỘNG SẼ GÓP PHẦN MANG LẠI LỢI NHUẬN VÀ TẠO DỰNG MỘT HÌNH ẢNH MỚI, MỘT VỊ THẾ MỚI CHO TTCS.

56

NGHÌN M² NHÀ KHO

**MỤC TIÊU
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

- » Trong năm 2016, vấn đề mở rộng hoạt động kinh doanh kho bãi tại các khu vực nằm trong chiến lược dài hạn và cấp bách của ngành dịch vụ kho bãi của Tập đoàn Thành Thành Công (TTC) nói chung và của CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (TTCS) nói riêng.
- » Khu công nghiệp Tân Kim là một trong các công trình trọng điểm, được ưu tiên xây dựng trong kế hoạch của tỉnh nhằm nâng cao khả năng hòa nhập vào quá trình phát triển kinh tế xã hội, và đây cũng là khu vực có nhiều thuận lợi nhất để phát triển khu công nghiệp tập trung có sức hấp dẫn lớn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- » Chính vì vậy, Dự án đầu tư xây dựng kho bãi tại KCN Tân Kim mở rộng sẽ góp phần mang lại lợi nhuận và tạo dựng một hình ảnh mới, một vị thế mới cho TTCS.
- » Với mục tiêu đầu tư xây dựng 56.000 m² nhà kho và 7.500 m² bãi để kinh doanh dưới hình thức cho thuê. Dự án được đầu tư hoàn toàn mới bằng vốn chủ sở hữu và nguồn vốn vay để mua đất, xây kho và cho thuê kho.
- » Một số gói thầu chính đang được thực hiện như: tư vấn thiết kế, gói trạm điện 1000KVA,... tiến độ tốt, đạt 19% so với kế hoạch. Dự án hoàn thành dự kiến tháng 10/2018.



DỰ ÁN THÀNH LẬP NHÀ MÁY CƠ KHÍ



- » Với xu thế hội nhập và phát triển, ngành cơ khí Việt Nam đang định hướng phát triển theo công nghệ cao và cơ khí chính xác, nhằm đáp ứng các nhu cầu chung của thị trường trong nước và các đối tác nước ngoài. Hiện tại các máy móc thiết bị cơ giới hầu hết mua từ nước ngoài, nhiều thiết bị sau khi mua không phù hợp với vùng miền, không phục vụ sản xuất được hiệu quả. Do đó việc thành lập nhà máy cơ khí phục vụ cho ngành đường và các ngành phụ trợ liên quan là định hướng sáng suốt, phù hợp với xu thế tất yếu, đảm bảo tính bền vững cho ngành đường cũng như các ngành nghề khác liên quan đến cơ khí.
- » Nhà máy cơ khí sẽ được xây dựng trên cơ sở của Xưởng cơ khí TTCS Tây Ninh với cơ sở hạ tầng tốt (nền móng, nhà xưởng, hệ thống điện, đường nội bộ, cấp thoát nước, xử lý môi trường...), đội ngũ kỹ sư, cán bộ kỹ thuật chuyên nghiệp, có kinh nghiệm cơ khí ngành đường trên 20 năm, đội ngũ công nhân kỹ thuật cao, lành nghề đủ sức làm chủ công nghệ thiết bị tiên tiến, đảm bảo duy trì các nhà máy ngành đường ở vị trí dẫn đầu trong nước, khu vực. Vốn quý này cần được duy trì, phát triển cũng là sự đảm bảo cho định hướng quản lý tập trung, hiệu quả.
- » Đây là một nền tảng quan trọng để TTCS mở rộng phạm vi, quy mô kinh doanh và tìm kiếm thêm doanh thu, lợi nhuận.

ĐỂ KHẮNG ĐỊNH ĐƯỢC NĂNG LỰC CƠ KHÍ, TTCS ĐANG NHẬN GIA CÔNG CHẾ TẠO THIẾT BỊ NÔNG NGHIỆP CHO ĐỐI TÁC VỚI GIÁ TRỊ LÊN ĐẾN 10 TỶ ĐỒNG.



- » Để khẳng định được năng lực cơ khí, TTCS đang nhận gia công chế tạo thiết bị nông nghiệp cho đối tác với giá trị lên đến 10 tỷ đồng. TTCS đang ráo riết thực hiện chế tạo thiết bị để kịp tiến độ giao hàng đã thỏa thuận. Tiến độ tốt.

DỰ ÁN XÂY DỰNG TRUNG TÂM ĐIỆN MẶT TRỜI TTCS



SẢN LƯỢNG 15.657.000 KWH. TRUNG TÂM ĐIỆN MẶT TRỜI ĐƯỢC XÂY DỰNG DỰ KIẾN SẼ BỔ SUNG NGUỒN ĐIỆN CHO QUỐC GIA TRÊN CƠ SỞ SẴN ĐẦU NỐI VÀO HỆ THỐNG LƯỚI ĐIỆN QUỐC GIA.

- » Ngành điện gió và điện mặt trời là nguồn điện sạch đang được các nước chú trọng phát triển. TTCS đang trong thời gian nghiên cứu và xây dựng nhà máy điện mặt trời công suất 10 MWp. Sản lượng 15.657.000 KWh. Trung tâm Điện Mặt trời được xây dựng dự kiến sẽ bổ sung nguồn điện cho quốc gia trên cơ sở sẽ xin đầu nối vào hệ thống lưới điện quốc gia. Trước mắt là cung cấp cho các phụ tải ở tỉnh Tây Ninh theo kế hoạch dự kiến vào tháng 12/2018.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NIÊN ĐỘ 2016-2017 (TIẾP THEO)

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Danh mục đầu tư hiện tại của TTCS bao gồm 06 công ty con và 06 công ty liên kết. Toàn bộ các doanh nghiệp TTCS nắm phần vốn kiểm soát đều thuộc các doanh nghiệp sản xuất nằm trong chuỗi giá trị của ngành đường Việt Nam.

	% Vốn sở hữu
CÔNG TY CON	
CTCP SXTM Cồn Thành Thành Công (*)	90%
CT TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai	100%
CT TNHH Tư nhân Đầu tư TSU	100%
CTCP Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Tây Ninh	62%
CT TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	100%
CT TNHH MTV Nước Miaqua	100%
CÔNG TY LIÊN KẾT	
CTCP XNK Bến Tre	48,99%
CTCP KCN Thành Thành Công	49%
CTCP Mía đường Tây Ninh	39,23%
CTCP Đường Nước Trong	30,54%
CTCP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	19,13%
CT TNHH Mía đường TTC Attapeu	40%

(*) Hiện nay Công ty đang trong giai đoạn góp vốn và nghiên cứu phương án khả thi nên chưa đi vào hoạt động.



Tình hình tài sản và nguồn vốn kinh doanh riêng niên độ 2016-2017

	TTCS (Báo cáo riêng)	TTCS Gia Lai (Báo cáo riêng)	GTC	MIAQUA	TTCE	SRDC	TSU
TÀI SẢN	30/06/2017	30/06/2017	30/06/2017	30/06/2017	30/06/2017	30/06/2017	30/06/2017
Tài sản ngắn hạn	3.241.680	953.365	15.431	1.269	184.868	26.234	279.442
Tài sản dài hạn	3.480.478	847.940	273.478	200	13.887	3.830	0
Tổng tài sản	6.722.158	1.801.305	288.909	1.469	198.755	30.064	279.442
NGUỒN VỐN	30/06/2017	30/06/2017	30/06/2017	30/06/2017	30/06/2017	30/06/2017	30/06/2017
Nợ phải trả	3.642.057	1.113.029	162.835	399	390	1.572	84
Nguồn vốn chủ sở hữu	3.080.101	688.276	126.074	1.070	198.365	28.492	279.358
Tổng nguồn vốn	6.722.158	1.801.305	288.909	1.469	198.755	30.064	279.442

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng niên độ 01/07/2016-30/06/2017

	Niên độ (01/07/2016 - 30/06/2017)	Niên độ (01/07/2016 - 30/06/2017)	Niên độ (01/07/2016 - 30/06/2017)	Niên độ (01/07/2016 - 30/06/2017)	Niên độ (01/07/2016 - 30/06/2017)	Niên độ (01/07/2016 - 30/06/2017)	Niên độ (01/07/2016 - 30/06/2017)
Chỉ tiêu	30/06/2017)	30/06/2017)	30/06/2017)	30/06/2017)	30/06/2017)	30/06/2017)	30/06/2017)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.418.117	1.010.991	48.776	571	0	6.846	185.718
Giá vốn hàng bán	2.997.143	832.651	34.535	393	0	5.703	184.743
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	326.112	79.038	267	70	0,890	0,940	0,3310
Lợi nhuận trước thuế	334.730	79.677	176	70	0,880	0,2810	0,2870
Thuế TNDN	28.268	148	0	0	0,370	0	0
Lợi nhuận sau thuế	306.462	79.528	176	70	0,250	0,2810	0,2870



TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ



VIỆC NÂNG XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CỦA VIỆT NAM PHẢN ÁNH THÀNH QUẢ TĂNG TRƯỞNG CŨNG NHƯ TRIỂN VỌNG KINH TẾ TƯƠI SÁNG CỦA VIỆT NAM

TÌNH HÌNH CHUNG

Liên Hợp quốc cho rằng tăng trưởng kinh tế toàn cầu đã khởi sắc trong 6 tháng qua, song, nhiều khu vực vẫn có mức tăng trưởng thấp. Sản lượng công nghiệp thế giới phục hồi khiêm tốn, trong khi hoạt động thương mại toàn cầu đi lên chủ yếu nhờ nhu cầu nhập khẩu từ khu vực Đông Á tăng mạnh. LHQ dự báo, tăng trưởng thế giới đạt 2,7% trong năm 2017 và 2,9% trong năm 2018, không thay đổi so với dự báo hồi tháng 1/2017. Đồng thời, nhấn mạnh tình hình bất ổn gia tăng liên quan tới chính sách quốc tế, nguy cơ gây cản trở sự phục hồi trong lĩnh vực đầu tư tư nhân trên toàn cầu. Trước thực trạng trên, LQH cho rằng cần phải có những nỗ lực chính sách để thúc đẩy nhịp độ tăng trưởng kinh tế trung hạn.

Hãng xếp hạng tín nhiệm Fitch Ratings đã nâng triển vọng nhà phát hành nợ dài hạn (IDR) bằng cả đồng ngoại tệ và nội tệ của Việt Nam từ “ổn định” sang “tích cực”, đồng thời giữ nguyên mức xếp hạng quốc gia của Việt Nam ở mức “BB-”. Việc nâng xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam phản ánh thành quả tăng trưởng cũng như triển vọng kinh tế tươi sáng của Việt Nam, chi phí trả nợ và lãi vay nằm trong tầm kiểm soát, tài khoản vãng lai thặng dư và dòng vốn FDI liên tục đổ vào Việt Nam.

(Trích nguồn: UBGS TCQG)



NGÀNH ĐƯỜNG

Tiêu thụ nguồn cung đường trong hai năm qua, yếu tố quan trọng thúc đẩy giá đường tăng mạnh thời gian vừa rồi được dự báo sẽ kết thúc vào vụ 2017/18 sắp tới. Lý do nhờ mưa quay trở lại đối với khu vực sản xuất chính của Châu Á cùng những cải cách trong liên minh Châu Âu nhằm thúc đẩy khối lượng giao dịch thương mại, sản lượng tăng tại Brasil. Theo dự báo mới nhất của FO Licht vào cuối tháng 4, sản lượng đường thế giới vụ 2017/18 sẽ tăng 13 triệu tấn, quy thô, vì Liên minh Châu Âu, Ấn Độ và Thái Lan tăng sản xuất. Sản lượng thế giới dự kiến sẽ đạt 190,3 triệu tấn so với 176,9 triệu tấn vụ 2016/17, thặng dư của 2,8 triệu sau hai năm thâm hụt. Giá đường thô ngày 03/06/2017 giao dịch ở mức 13,74 cent và đường trắng 410 USD gần với mức đáy của năm 2016. Chênh lệch danh nghĩa giữa giá đường trắng và đường thô (chênh lệch giữa “the ISO white sugar price index” và “the ISA daily price”) duy trì ở mức 102,63 USD/tấn.

Hiệp hội Mía đường Việt Nam cho biết, tính đến ngày 19/5, số đường tồn kho đầu vụ là 479.915 tấn, tổng số đường sản xuất là 1.361.379 tấn, tiêu thụ 1.093.070 tấn. Như vậy, số đường tồn kho hiện nay là 748.224 tấn, cao nhất từ trước đến nay do 4 nguyên nhân chính:

- » Do tác động của thời tiết nên các nhà máy đường vào vụ ép chậm hơn mọi năm;
- » Chênh lệch giá tiêu thụ trong nước và đường nhập lậu còn cao từ đầu vụ;
- » Lượng đường nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan về chậm và tồn đọng;
- » Tình trạng buôn lậu đường qua biên giới tăng mạnh so với năm trước.

Giá đường RS trong nước sau khi đạt đỉnh 17.000 đ/kg có VAT, đã liên tục giảm giá và hiện tại 15.000 đ/kg tại kho các NM do tác động đường Thái lậu (cập nhật đến ngày 05/06/2017). Giá đường RE cũng diễn biến theo xu hướng giảm do tác động của Quota 100.000 tấn (2016) và nhu cầu sụt giảm từ các Công ty NGK dẫn đến dư thừa nguồn cung.



HIỆP HỘI MÍA ĐƯỜNG VIỆT NAM CHO BIẾT, TÍNH ĐẾN NGÀY 19/5, SỐ ĐƯỜNG TỒN KHO ĐẦU VỤ LÀ 479.915 TẤN, TỔNG SỐ ĐƯỜNG SẢN XUẤT LÀ 1.361.379 TẤN, TIÊU THỤ 1.093.070 TẤN.





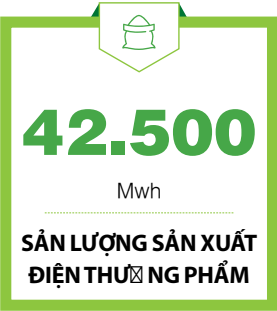
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong niên độ 2016-2017, Công ty đã đạt được những chỉ tiêu như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 16-17	TH 16-17	% TH/KH
A	Sản lượng mía ép	Tấn	860.000	912.941	106%
B	Sản lượng đường thô nguyên liệu	Tấn	55.000	78.292	142%
C	Sản lượng sản xuất				
1	Đường	Tấn	168.083	154.375	92%
2	Mật rỉ	Tấn	50.300	51.157	102%
3	Điện thương phẩm	Mwh	39.600	42.500	107%
D	Sản lượng tiêu thụ				
1	Đường	Tấn	230.500	192.077	83%
2	Mật rỉ	Tấn	47.156	69.590	148%
3	Điện thương phẩm	Mwh	39.606	43.325	109%
E	Kết quả kinh doanh				
1	Doanh thu thuần	Tr.đ	3.986.828	3.418.117	86%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	312.569	334.730	107%

(Nguồn: P.TCKH)

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán)



Kết quả: Niên độ 2016-2017, tổng lợi nhuận trước thuế toàn Công ty đạt 334,7 tỷ đồng vượt 7% so với kế hoạch. Trong đó lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính đạt 326 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 97% tổng lợi nhuận trước thuế.



NHỮNG TIẾN BỘ VƯỢT BẬC CỦA CÔNG TY
TRONG NIÊN VỤ 2016-2017



» **Công tác nguyên liệu:** Tổng sản lượng mía ép đạt 1.537.168 tấn (gồm 608.841 tấn tại TTCS Gia Lai). Tại TTCS đã tổ chức ép được 912.941 tấn, tăng 52.941 tấn so với kế hoạch đề ra. Đây là một thành công lớn của Công ty trong bối cảnh ngành đường đang còn nhiều khó khăn. Trong vụ, Công ty đã chủ động thực hiện cơ giới hóa từ khâu trồng, chăm sóc mía đến khâu thu hoạch, góp phần gia tăng năng suất cũng như chất lượng mía, giảm thiểu ảnh hưởng của thời tiết mưa lớn kéo dài đến thời điểm thu hoạch. Tỷ lệ tạp chất bình quân mía giảm, tỷ lệ mía cháy được kiểm soát ở mức 8%. Kiểm soát tốt tình hình sâu bệnh, lắp đặt hệ thống tưới mía, lựa chọn giống mía có năng suất và chữ đường cao góp phần làm năng suất bình quân đạt 65 tấn/ha.

» **Công tác sản xuất:** Tổng sản lượng đường thành phẩm đạt 215.439 tấn (gồm 61.065 tấn đường RS tại TTCS Gia Lai). Riêng tại TTCS sản lượng sản xuất niên độ 2016-2017 đạt 154.375 tấn đường thành phẩm. Điện thương phẩm là sản phẩm chủ lực của Công ty, doanh thu từ điện chiếm 2% trong doanh thu thuần. Trong vụ sản lượng điện sản xuất vượt 9%, doanh thu từ điện tăng 11% so với kế hoạch. Điều này cho thấy việc cải tiến thu hồi của Công ty tiến hành khá tốt, hiện thực hóa mục tiêu phát triển sản phẩm cạnh đường và sau đường, góp phần phát triển nguồn năng lượng tái tạo bảo vệ môi trường theo quy hoạch của Chính phủ đến 2030. Hệ số an toàn thiết bị duy trì ở mức cao 99,85%, vượt kế hoạch đề ra. Đây là kết quả của quá trình bảo trì, bảo dưỡng chủ động, khoa học làm giảm tiêu hao trong sản xuất, giảm chi phí mất mát, tối ưu hóa chi phí chế biến, trong khi đó chi phí bảo trì giảm 12% so với kế hoạch. Chất lượng đường được đánh giá khá tốt, khắc phục hoàn hảo tình trạng sản phẩm không phù hợp, cải thiện tình trạng đường vón cục góp phần giảm đáng kể tình trạng khiếu nại khách hàng, tỷ lệ không phù hợp đạt 0,08% < 0,2% kế hoạch.

» **Công tác kinh doanh:** Sản lượng đường tiêu thụ niên độ 2016-2017 đạt 192.077 tấn, sản lượng sản phẩm

CÔNG TY ĐÃ CHỦ ĐỘNG THỰC HIỆN CƠ GIỚI HÓA TỪ KHÂU TRỒNG, CHĂM SÓC MÍA ĐẾN KHÂU THU HOẠCH, GÓP PHẦN GIA TĂNG NĂNG SUẤT CÙNG NHU CHẤT LƯỢNG MÍA, GIẢM THIỂU ẢNH HƯỞNG CỦA THỜI TIẾT MƯA LỚN KÉO DÀI ĐẾN THỜI ĐIỂM THU HOẠCH.

RS tăng hơn 2.000 tấn so với kế hoạch, chiếm 30% trong tổng sản lượng tiêu thụ. Điều này góp phần làm đa dạng hóa các kênh tiêu thụ, thực hiện mục tiêu chiến lược chiếm tất cả các phân khúc. Ngoài ra, sản lượng đường xuất khẩu tăng hơn 9.400 tấn, vượt 27% kế hoạch, doanh thu vượt 30% kế hoạch, tăng 211% so với cùng kỳ, cho thấy Công ty đang quốc tế hóa sản lượng tiêu thụ ra thế giới nhằm xây dựng chiến lược phát triển lâu dài.

» **Công tác tài chính:** Các chỉ số tài chính của Công ty được duy trì ở mức ổn định, chi phí tài chính được kiểm soát tốt, trong đó chi phí lãi vay giảm 12% so với kế hoạch. Niên độ 2016-2017, Công ty phát hành thành công gói trái phiếu 440 tỷ đồng để đầu tư Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai nhằm mục đích mở rộng vùng nguyên liệu sang Lào. Trong thời gian tới, khi nhà máy ở Lào hoạt động ổn định sẽ phát huy được nguồn đường có chi phí sản xuất thấp, giải quyết tình trạng khan hiếm nguyên liệu đầu vào, góp phần gia tăng lợi thế cạnh tranh của Công ty. Ngoài ra, công tác đầu tư tài chính vượt so với KH, doanh thu hoạt động tài chính vượt 169% so với kế hoạch, vượt 114% so với cùng kỳ. Đây là kết quả của việc nghiên cứu, dự báo thị trường của Ban Lãnh đạo Công ty.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

STT	Chỉ tiêu	30/06/2016		30/06/2017		Đơn vị: Triệu đồng	
		% tăng giảm		% tăng giảm		% tăng giảm	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Tài sản ngắn hạn	4.216.029	62%	4.472.667	57%	282.517	6%
2	Tài sản dài hạn	2.620.668	38%	3.333.549	43%	710.940	21%
3	Tổng tài sản	6.836.697	100%	7.806.216	100%	993.457	13%

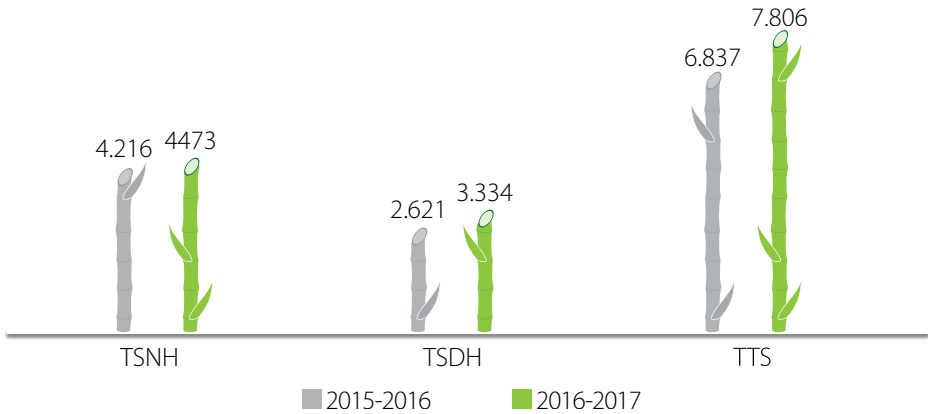
(Nguồn: BCTC hợp nhất 2016/2017 kiểm toán)



Tổng tài sản của CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh tại thời điểm 30/06/2017 đạt 7.830 tỷ đồng, tăng 13% so với thời điểm 30/06/2016, tương ứng tăng 993 tỷ đồng. Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 4.498 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ, trong khi tài sản dài hạn đạt 3.331 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ thời điểm 30/06/2016.

Cơ cấu tài sản của Công ty dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng tài sản dài hạn và giảm tỷ trọng tài sản ngắn hạn thể hiện định hướng đầu tư phát triển trong các năm tiếp theo khi các dự án và tài sản đưa vào hoạt động sẽ góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 57% trong tổng tài sản; tỷ trọng tài sản dài hạn chiếm 43%.

Biểu đồ tình hình tài sản
ĐVT: Tỷ đồng



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

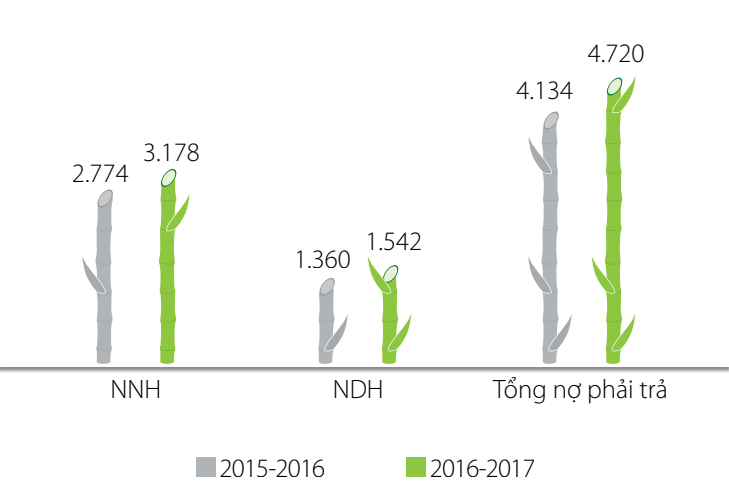
STT	Chỉ tiêu	30/06/2016		30/06/2017		Đơn vị: Triệu đồng	
		% tăng giảm		% tăng giảm		% tăng giảm	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Nợ ngắn hạn	2.774.321	67%	3.169.470	68%	404.001	13%
2	Nợ dài hạn	1.359.980	33%	1.523.248	32%	182.035	12%
3	Tổng nợ phải trả	4.134.301	100%	4.692.718	100%	586.036	12%

(Nguồn: BCTC hợp nhất 2016/2017 kiểm toán)

Tổng nợ tại thời điểm 30/06/2017 là 4.720 tỷ, tăng 586 tỷ, tương ứng tăng 12% so với thời điểm 30/06/2016. Trong đó, tăng nợ ngắn hạn 404 tỷ, tương ứng tăng 13% và tăng nợ dài hạn 182 tỷ, tương ứng tăng 12% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân: Công ty phát hành trái phiếu để đầu tư Công ty HAGL tại Lào và các công ty cùng ngành để gia tăng chuỗi giá trị, nâng cao năng lực cạnh tranh, chuẩn bị hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

Biểu đồ tình hình nợ phải trả
ĐVT: Tỷ đồng





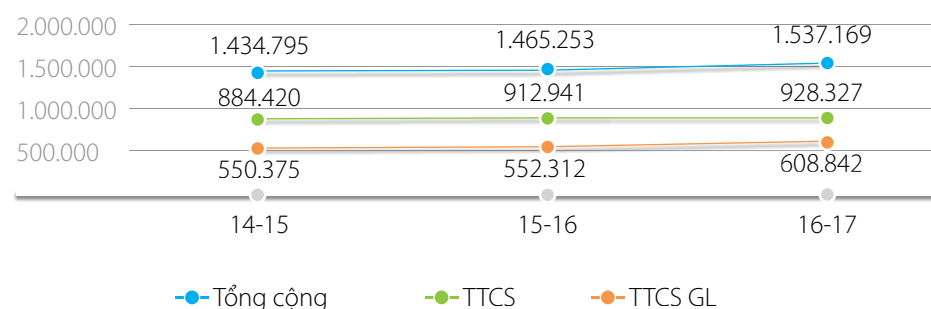
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

CÔNG TÁC NGUYÊN LIỆU

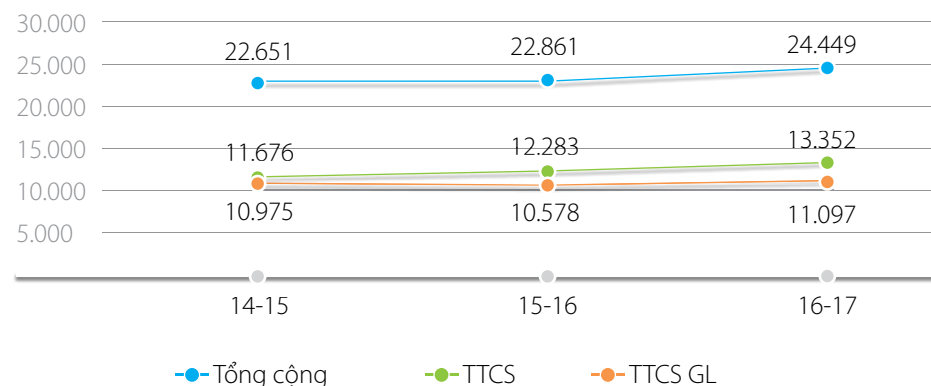
Sản lượng mía ép: Diễn biến tình hình thời tiết ngày càng phức tạp làm diện tích vùng nguyên liệu thu hẹp, dẫn đến sản lượng mía ép giảm trên cả nước. Trước tình hình khó khăn đó Công ty vẫn đảm bảo việc thu mua và huy động nguồn mía nguyên liệu, ổn định sản xuất, sản lượng mía ép đạt 1.537.169 tấn (gồm TTCS 928.327 tấn, TTCS Gia Lai 608.842 tấn).

ĐVT: Tấn



Diện tích đầu tư: Trong bối cảnh vùng nguyên liệu ngày càng bị thu hẹp, để đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp theo công suất ép của Nhà máy, Khối Nguyên liệu đã mở rộng diện tích sang vùng nguyên liệu Campuchia và Long An. Tổng diện tích đầu tư vụ 2016-2017 đạt 24.449 ha (gồm TTCS 3.352 ha và TTCS Gia Lai 11.097 ha). Ngoài ra, với mục tiêu chung là phát triển vùng nguyên liệu tự chủ, Công ty đã chủ trương tăng diện tích đất sở hữu (theo tiêu chí diện tích vùng gần nhà máy, giá cả hợp lý, diện tích liền thửa thuận lợi ứng dụng cơ giới hóa nông nghiệp nhằm tiết giảm chi phí sản xuất), hình thành các vùng mía tập trung theo quy hoạch, trực tiếp tổ chức sản xuất theo mô hình cánh đồng mẫu lớn. Tổng diện tích đất sở hữu đến 30/06/2016 là 703 ha (gồm TTCS 374 ha, TTCS Gia Lai 329 ha).

ĐVT: Ha



CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG

- » **Cơ cấu giống:** Đã tiến hành khảo nghiệm giống cho phù hợp với từng vùng, phân chia theo từng loại giống chín sớm, chín trung bình và chín muộn. Tập trung vào giống chủ lực thể hiện đặc tính tốt cho năng suất và chất lượng cao với năng suất 69 tấn/ha và chữ đường bình quân 8,58 CCS.
- » **Công tác bảo vệ thực vật, phòng trừ sâu bệnh:** Công ty chủ động đưa ra khuyến cáo cho bà con nông dân, thăm đồng thường xuyên, phát hiện và xử lý kịp thời nên diện tích và tỷ lệ sâu đục thân đã giảm đi đáng kể. Thường xuyên tổ chức hội thảo hướng dẫn các phương pháp nhận diện và phòng trừ sâu bệnh hại trên toàn vùng nguyên liệu; tiếp tục lắp đặt bẫy đèn; phát hành sổ tay khuyến nông;...
- » **Công tác tưới mía:** Công ty nhận định tưới mía là phương pháp tăng năng suất hiệu quả và tiết kiệm nhất. Khối Nguyên liệu đã vận động bà con nông dân tưới mía để đảm bảo cung cấp đủ nước cho cây mía, giảm thiệt hại năng suất do ảnh hưởng của mùa khô hạn. Tổng diện tích tưới vụ 2016-2017 đạt 5.422 ha (tăng 4% so với KH 5.210 ha).
- » **Công tác truyền thông:** Vụ 2016-2017, công tác truyền thông đã được đẩy mạnh đáng kể so với các vụ trước. Thông qua các phương tiện truyền thông đa chiều như báo chí, đài truyền hình, đài truyền thanh, website, hội thảo,... thông tin chủ trương, định hướng của Công ty được chuyển tải đến khách hàng kịp thời. Các kỹ thuật trồng chăm sóc mía được Công ty cập nhật thường xuyên, hỗ trợ bà con trong quá trình canh tác. Ngoài ra, các chương trình tham quan đã giúp bà con nông dân có cái nhìn khách quan về hoạt động của Công ty.





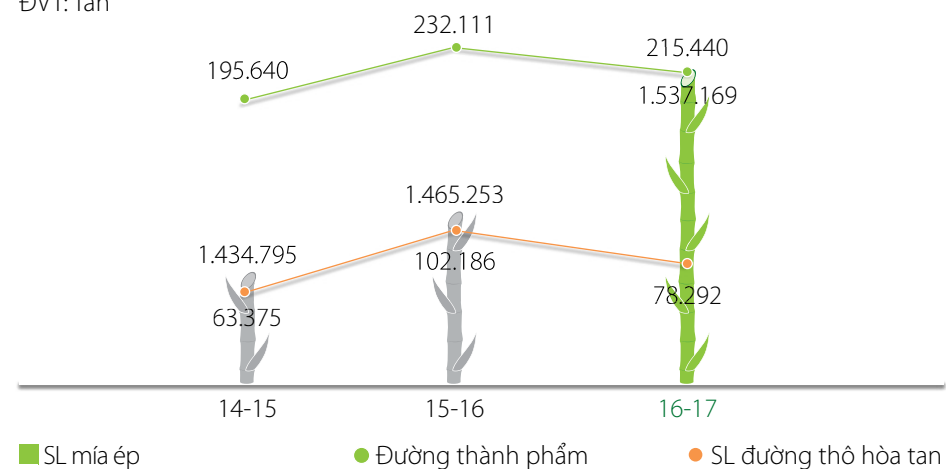
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

215,4
NGHÌN TẤN
**TỔNG SẢN LƯỢNG
ĐƯỜNG THÀNH PHẨM**

CÔNG TÁC TỔ CHỨC SẢN XUẤT

Sản lượng đường thành phẩm

ĐVT: Tấn



Tổng sản lượng đường thành phẩm cả vụ đạt 215.439 tấn (gồm TTCS 154.375 tấn RE và TTCS Gia Lai 61.065 tấn RS) đạt 97% mục tiêu đề ra và giảm 7% so với thực hiện vụ 15-16. Nguyên nhân chủ yếu do mưa lớn kéo dài gây khó khăn trong công tác thu hoạch, tỷ lệ tạp chất cao, chữ đường giảm. Trong đó, sản lượng mía ép đạt kế hoạch tương ứng 1.537.169 tấn, cùng với sản lượng đường thô đưa vào hòa tan đạt mức kỷ lục qua các năm tương ứng ở mức 102.186 tấn và vượt hơn 86% kế hoạch và vượt 61% so cùng kỳ.

Chất lượng đường thành phẩm

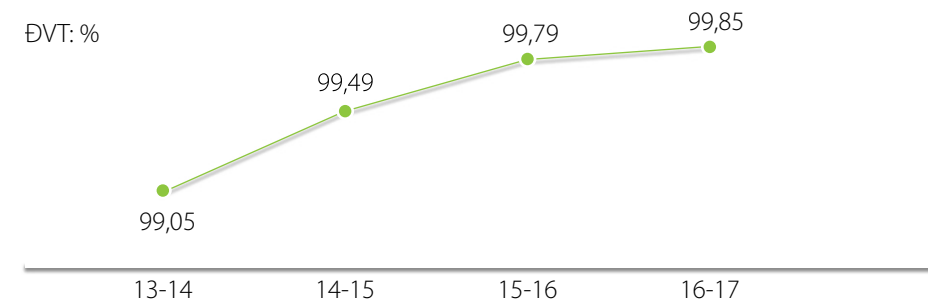
Các chỉ tiêu hóa lý của đường thành phẩm đạt độ ổn định so với tiêu chuẩn công bố, khắc phục tình trạng đường vón cục, sản phẩm không phù hợp, góp phần giảm thiểu sự khiếu nại của khách hàng.



CÔNG TÁC QUẢN LÝ TRONG SẢN XUẤT

» **Hệ số ATTB đảm bảo:** Dây chuyền sản xuất khá ổn định, tuy có xảy ra một số sự cố nhưng vẫn trong tầm kiểm soát. Hệ số hiện tại đạt 99,85%, đạt 101% so với kế hoạch và đạt 100% so với cùng kỳ.

ĐVT: %



99,85
%
**HỆ SỐ ATTB
ĐẢM BẢO**

» **Công tác môi trường:** Trong vụ sản xuất 2016-2017, việc kiểm soát các chỉ tiêu COD phát thải vượt ngưỡng xuất sắc so với tiêu chí đặt ra, góp phần giảm tổn thất và tăng thu hồi đường. Hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định; kiểm soát tốt nước tạo chân không, không bị lỗi cuốn đường; không vi phạm về bảo vệ môi trường trong suốt mùa vụ.

» **Công tác R&D:** Hoàn thành giai đoạn sản xuất trong phòng thí nghiệm như nấm men từ mật rỉ, phối nấm, phân vi sinh, ứng dụng lọc membrane trong sản xuất đường vàng, nay tiếp tục nghiên cứu cải thiện về hiệu suất và nghiên cứu các thông số sản xuất các sản phẩm này. Nghiên cứu khắc phục sự rò rỉ nước mía tại búa đập nhằm giảm thất thoát nước mía và tiết kiệm được chi phí môi trường.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG TÁC KINH DOANH

- » **Tình hình tiêu thụ:** Trước tình hình sản xuất trong và ngoài nước đang trong giai đoạn thâm hụt, Công ty đã nắm bắt cơ hội gia tăng sản xuất và tiêu thụ trong niên độ 2016-2017. Doanh thu đạt 3.007 tỷ đạt 81% so với kế hoạch và đạt 99% so với cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế đạt hơn 288 tỷ đồng vượt 42% so với kế hoạch và vượt 60% so với cùng kỳ.
- » **Số lượng phát triển khách hàng mới:** Ngoài việc tiếp tục duy trì lượng khách hàng ổn định, giữ vững thị phần, trong niên độ vừa qua Công ty đã phát triển mới thêm 88 khách hàng, vượt 10% so với kế hoạch cả niên độ. Trong đó, chú trọng phát triển chuỗi khách hàng kênh công nghiệp vừa và nhỏ.
- » **Sản phẩm nước Miaqua:** Hiện tại, TTCS đã tung sản phẩm nước Miaqua ra thị trường, tổ chức sản xuất 1,5 triệu chai theo mẫu mới. Triển khai cho nhà phân phối đặt hàng và bán hàng ra thị trường.

- » **Công tác kho vận:** Trong kỳ đã hoàn thành tốt công tác kho vận, chủ động chuyển đổi phương án vận chuyển đường thô từ dạng bao sang dạng xá nhằm tiết giảm chi phí.

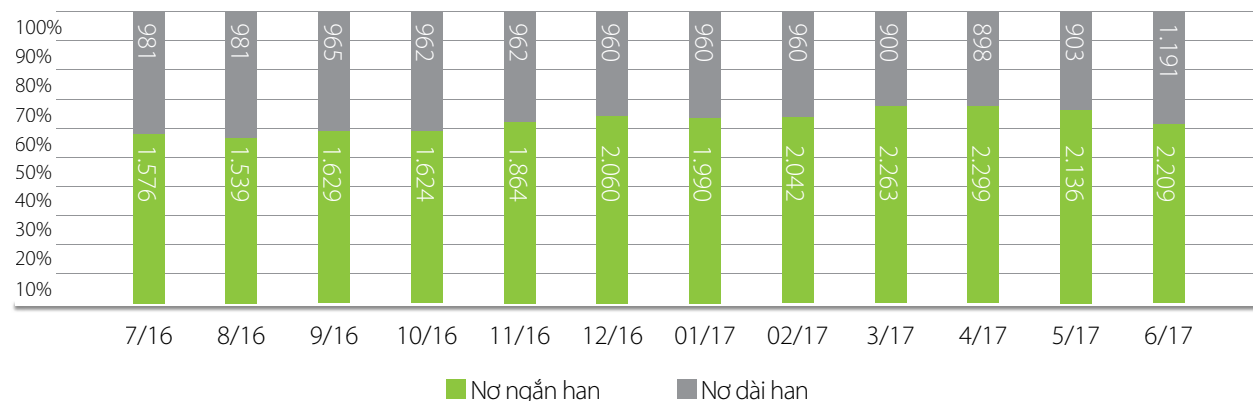
CÔNG TÁC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Trong niên độ 2016-2017, Công ty TTCS đã phát hành thành công gói trái phiếu 425,6 tỷ để đầu tư CT TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai, nhằm mục đích mở rộng, phát triển vùng nguyên liệu tự chủ. Ngoài ra, Công ty còn hoàn thành việc tăng vốn điều lệ cho TTCS Gia Lai, góp phần tăng cường quy mô và ổn định hoạt động, cùng hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Danh mục đầu tư của TTCS tại thời điểm 30/06/2017 đạt 2.448 tỷ đồng, chiếm 36% tổng tài sản. Đầu tư lĩnh vực công ty cùng ngành chiếm 70% tổng giá trị đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nhờ sự cộng hưởng giá trị, phát huy nội lực thông qua trao đổi kinh nghiệm, hướng đến phát triển bền vững, nâng cao khả năng cạnh tranh thời kỳ hội nhập.

Trong kỳ hoạt động Công ty thường xuyên cân đối các cấu trúc tài chính thỏa cấu trúc tài chính chuẩn theo khung quy định từ UBTC Tập đoàn, tham gia điều phối vốn đảm bảo thanh khoản cho các công ty ngành đường, và thường xuyên rà soát điều hành công việc theo kế hoạch, đề ra cảnh báo giúp công tác tham mưu được phát huy hiệu quả.

Biểu đồ cơ cấu dư nợ ngắn hạn, dài hạn



CÔNG TÁC NHÂN SỰ

- » **Nhân sự:** Niên độ 2016-2017, TTCS đầu tư CT TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai, đầu tư mở rộng sản xuất sang Lào, phát triển kênh kinh doanh tiêu dùng. Sự phát triển về lượng cũng như về chất, cả chiều rộng lẫn chiều sâu đòi hỏi một đội ngũ nhân lực lớn, có trình độ để tiếp quản, tham gia công tác quản lý, vận hành các công ty con trực thuộc và triển khai các dự án của các CTTV trong Tập đoàn.
- » **Đào tạo:** Nhằm thực hiện mục tiêu phát triển nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động, niên độ 2016-2017, Công ty đã tổ chức và hoàn tất 48 khóa đào tạo đạt hơn 94% kế hoạch đề ra (51 khóa) với chi phí thực hiện đào tạo là 638.654.000 đồng, chiếm 68% ngân sách đào tạo. Trong đó, chi phí đào tạo thực hiện theo kế hoạch là 411.346.000 đồng, chi phí đào tạo thực hiện ngoài kế hoạch là 227.308.000 đồng. Công ty dự kiến chú trọng hơn nữa công tác đào tạo nội bộ nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa cũng như công tác tuyển dụng hướng đến gia tăng tỷ trọng nhóm CBNV trình độ đại học, nhằm cải thiện hơn nữa chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ HỆ THỐNG

Nhằm kiện toàn hoạt động quản lý chất lượng đường thành phẩm, đảm bảo môi trường xanh, sạch thông thoáng (5S), hạn chế thấp nhất các rủi ro pháp lý phát sinh, Công ty đã:

- » Thực hiện rà soát và ban hành kế hoạch lập quy đảm bảo tương đồng với hệ thống VBLQ các công ty ngành đường trong toàn Tập đoàn;
- » Tổ chức thành công cuộc thi tìm hiểu VBLQ Công ty, tạo điều kiện cho CBNV nắm rõ hơn các VBLQ được ban hành.
- » Tổ chức đào tạo về kiến thức An toàn VSTP, các hệ thống quản lý cho nhân viên mới và nhân viên sản xuất, bảo trì tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm được ổn định và an toàn.
- » Áp dụng chương trình phòng vệ thực phẩm trong Công ty.
- » Tổ chức việc thực hiện HSE-5S thông qua Ban HSE-5S; tổ chức các buổi đánh giá chéo nhằm duy trì và cải thiện công tác bảo vệ môi trường, an toàn, sức khỏe lao động và công tác 5S.

Trong niên độ 2016-2017, Công ty đã đạt giải truyền thông môi trường: Top 50 Thương hiệu vì môi trường xanh quốc gia, Top 10 Sản phẩm thân thiện có lợi cho người tiêu dùng, Top 50 Nhà máy xanh thân thiện.

NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT NIÊN ĐỘ 2016-2017

Ngày	Danh hiệu/ Giải thưởng	Đơn vị tổ chức/ trao tặng
09/2016	Top 50 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam năm 2016	Brand Finance Việt Nam (trụ sở tại Anh)
	Top 30 Báo cáo Thường niên tốt nhất 2016; Báo cáo có nội dung Phát triển bền vững tiến bộ nhất	Sở GD&ĐT TP.HCM và Báo Đầu tư
09/2016	Top 50 Thương hiệu tiêu biểu trong hội nhập kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương phối hợp với Mạng hội đồng Doanh nghiệp Việt Nam (Vietnam Business Council), CLB Doanh nhân Châu Á - Thái Bình Dương, Ấn phẩm đối ngoại Asia Pacific Economic Review và VINABRA - Thương hiệu Việt Nam
	Top 50 Thương hiệu vì Môi trường xanh quốc gia; Top 50 Nhà máy xanh thân thiện; Top 10 sản phẩm thân thiện có lợi cho người tiêu dùng	Hội Kinh tế Môi trường Việt Nam; Chương trình Truyền thông, Xây dựng và Phát triển nền kinh tế xanh quốc gia
	Top 10 Thương hiệu - Sản phẩm - Dịch vụ hàng đầu Việt Nam 2016	Hiệp hội Chống hàng giả và Bảo vệ thương hiệu Việt Nam (Vatap) cùng Tạp chí Hàng hoá và Thương hiệu
16/09/2016	Sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu 2015	Trung ương Hội Nông dân Việt Nam
	Thương vụ M&A giữa công ty CP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh và Công ty cổ phần Đường Biên Hòa (BHS) được bình chọn là Thương vụ Hợp nhất - Sáp nhập tiêu biểu 2017	Do Báo Đầu tư và AVM Việt Nam bình chọn dưới sự hỗ trợ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Giấy khen "Đã có thành tích tốt thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế 2015"	Tổng Cục Thuế
2017	Top 10 doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam cùng hệ thống ngành kinh tế 2016	Trung tâm Khoa học Thẩm định Tín nhiệm Doanh nghiệp Quốc gia
	Giải Vàng Chất lượng Quốc gia 2016	Thủ tướng Chính phủ/ Bộ Khoa học và Công nghệ
2017	Thương hiệu Mạnh Việt Nam	Thời báo Kinh tế Việt Nam
	Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2017	Forbes Việt Nam





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NIÊN ĐỘ 2017-2018

CÁC MỤC TIÊU NĂM TÀI CHÍNH 2017-2018

Niên vụ 2017-2018, Công ty thực hiện chủ trương ổn định và phát triển vùng nguyên liệu tự chủ; xây dựng cánh đồng kiểu mẫu, cánh đồng mẫu lớn nhằm thực hiện cơ giới hóa giúp tiết giảm giá thành sản xuất. Diện tích tổng vùng nguyên liệu của nhà máy gần 27.800 ha, trong đó diện tích mía nông trường phần đầu đạt hơn 1.000 ha. Riêng TTCS xây dựng vùng nguyên liệu ổn định không thấp hơn 13.600 ha và năng suất mía đầu tư bình quân phần đầu hơn 69 tấn /ha.

Tập trung phát triển sản phẩm chủ lực - điện thương phẩm, nhằm mục đích tận dụng được phế phẩm, tiết giảm chi phí sản xuất, bảo vệ môi trường, tạo ra nguồn năng lượng tái tạo. Điều này nằm trong chiến lược phát triển sản phẩm cạnh đường và sau đường của Công ty.

Duy trì, ổn định nguồn nhân lực, phát huy trình độ chuyên môn nhằm gia tăng năng suất lao động. Niên độ 2017-2018, đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ và đưa hệ thống đánh giá sau đào tạo vào thực tiễn nhằm tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả đào tạo. Xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định giúp cho việc thực thi, vận hành được nhất quán trong công tác nhân sự đảm bảo

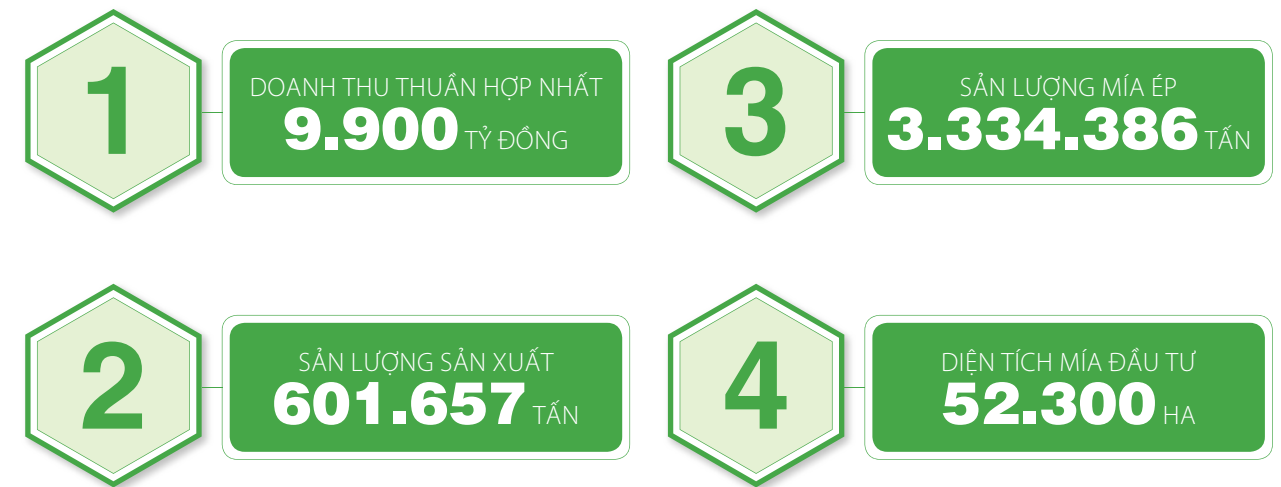
phù hợp với luật định, thống nhất với định hướng của Công ty, cạnh tranh trên thị trường lao động.

Tiếp tục hoàn thiện database khách hàng và đẩy mạnh phát triển KHCN mới, đặc biệt đối với RS có nhiều tiềm năng phát triển. Tiến tới hiện thực hóa mục tiêu chiến lược chiếm tất cả các phân khúc thị trường. Định kỳ 3 tháng đánh giá cước vận chuyển, đơn vị vận chuyển, giá xăng dầu để lên kế hoạch tiết giảm chi phí.

Cơ cấu lại danh mục đầu tư, đầu tư vào các công ty ngành đường có tỷ lệ cổ tức cao và công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm nông nghiệp. Tăng cường khai thác các nguồn vốn lãi suất thấp, xây dựng cấu trúc nợ vay hợp lý, đảm bảo khả năng thanh khoản, tận dụng hiệu ứng tích cực của đòn cân nợ, giảm chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, góp phần gia tăng giá trị cho TTCS.

Kiện toàn công tác quản lý hệ thống về VBLQ, hệ thống quản lý ERP, FRM, HRM,... hỗ trợ tối ưu cho công tác quản trị điều hành Công ty.

MỤC TIÊU 2017-2018



MỤC TIÊU DỰ KIẾN RIÊNG CÔNG TY MẸ TTCS

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016-2017	KH 2017-2018	%TH/KH
Sản lượng mía ép	Tấn	880.124	937.615	107%
Đường thô nguyên liệu	Tấn	75.865	90.189	119%
Đường thành phẩm	Tấn	154.375	177.767	115%
Đường tiêu thụ RE + RS	Tấn	192.077	238.800	124%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.420	3.962	116%

MỤC TIÊU DỰ KIẾN HỢP NHẤT CÔNG TY TTCS

Mục tiêu Công ty	ĐVT	Tổng Công ty	
		NĐ 16/17	KH 17/18
Doanh thu thuần hợp nhất	Tỷ đồng	10.660	9.900
Sản lượng sản xuất	Tấn	525.156	601.657
Sản lượng mía ép	Tấn	3.089.098	3.334.386
Diện tích mía đầu tư	Ha	47.923	52.300



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH TRONG NIÊN ĐỘ 2017-2018



Hoạt động nguyên liệu

Công ty xác định giải pháp trọng tâm niên độ 2017-2018 là ổn định và phát triển vùng nguyên liệu tự chủ, áp dụng cơ giới hóa vào quá trình canh tác,... cụ thể gồm các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

- » **Ổn định và phát triển vùng nguyên liệu tự chủ:** Xây dựng chính sách đầu tư hiệu quả phù hợp với từng nhóm khách hàng. Điều tra, khảo sát hiện trạng vùng nguyên liệu, tìm kiếm khu vực tiềm năng phát triển mía; Tăng cường công tác phát triển quỹ đất. Điều tra khu vực tiềm năng để phát triển theo mô hình cánh đồng mẫu lớn; Tổ chức hội thảo để vận động trồng mía kết hợp phổ biến chính sách và phương thức thực hiện cánh đồng mẫu lớn.
- » **Áp dụng cơ giới hóa và kỹ thuật canh tác tiên tiến:** đẩy mạnh cơ giới hóa từ khâu trồng, chăm sóc đến khâu thu hoạch, tăng cường áp dụng các hệ thống tưới hữu hiệu nâng cao năng suất mía; Hỗ trợ kỹ thuật

canh tác đến khách hàng thông qua các quy trình canh tác cho từng khu vực, quy chuẩn bón phân hiệu quả, tiết kiệm; Tổ chức trình diễn các mô hình mía mẫu, điểm trình diễn; Kiểm soát giống mía theo cơ cấu giống phù hợp với từng vùng nguyên liệu.

- » **Kiểm soát tốt công tác quản lý thu hoạch:** thông qua việc ban hành các tiêu chí, quy chuẩn về mía chín, mía sạch, mía tươi, chặt đúng chuẩn; Kiểm soát tỷ lệ mía cháy dưới 8%.
- » **Hoàn thiện công tác quản lý thu hoạch và ứng dụng CNTT:** Triển khai các tính năng còn lại của FRM nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý các quy trình nông nghiệp một cách hiệu quả.
- » **Nâng cao công tác quản lý, đào tạo và ổn định nhân sự,** bộ máy vận hành có hiệu quả: Phân rõ chỉ tiêu đến từng cá nhân, đơn vị theo KPIs. Đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng cho cán bộ nông vụ, cán bộ khuyến nông và đào tạo nhân sự kế thừa.

Hoạt động kỹ thuật sản xuất

- » **Công tác R&D:** Đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm mới cạnh đường và sau đường đáp ứng nhu cầu thị trường và khách hàng, nâng cao lợi thế cạnh tranh cho Công ty.
- » **Công tác đầu tư mới, bảo trì bảo dưỡng - Cải tiến kỹ thuật:** Nghiên cứu, học tập và áp dụng các hình thức quản lý dự án mới phù hợp, áp dụng những quy trình, quy cách quản lý dự án hiệu quả, tuân thủ quy định của Công ty và pháp luật; Thực hiện rà soát tiến độ dự án, cảnh báo các hạng mục trễ tiến độ, đưa ra các giải pháp khắc phục kịp thời các lỗi kỹ thuật và các trường hợp trễ tiến độ.
- » **Công tác đào tạo, nhân sự:** Đào tạo các kỹ năng và kiến thức chuyên môn phục vụ công việc chuyên môn, ưu tiên đào tạo nội bộ. Xây dựng bộ phận nghiên cứu thị trường, nắm bắt nhu cầu thị trường làm cơ sở nghiên cứu phát triển sản phẩm mới. Cải tiến cách thức đánh giá hiệu quả công việc, thúc đẩy tinh thần làm việc và nâng cao tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc với chất lượng tốt nhất của các thành viên.

Hoạt động kinh doanh

- » **Tập trung phát triển thị trường theo hướng tái cấu trúc kênh tiêu thụ:** Tập trung phát triển khách hàng công nghiệp mới, đặc biệt đối với RS có nhiều tiềm năng phát triển; Sử dụng các dữ liệu thông tin tìm kiếm các khách hàng mới nhằm cung ứng triệt để nhóm khách hàng tiểu thủ công nghiệp; Nâng tỷ trọng sản phẩm có biên lợi nhuận cao. Tập trung duy trì mối quan hệ với các khách hàng lớn, giữ vững thị phần cung cấp.
- » **Tối ưu hóa công tác logistic và dịch vụ chăm sóc khách hàng:** Thực hiện đồng bộ quy trình, công tác quản lý, báo cáo kho của Gia Lai và Nước Trong. Định kỳ đánh giá cước vận chuyển, đơn vị vận chuyển hoặc giá xăng dầu giảm để tiết giảm chi phí. Nâng cao cải tiến toàn diện chất lượng và dịch vụ cung ứng. Triển khai Phòng Chăm sóc Khách hàng nhằm giải quyết nhanh chóng khiếu nại.
- » **Đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ:** Thường xuyên phối hợp giữa sản xuất và kinh doanh cho ra các thành phẩm đường ổn định về chất lượng tuyệt đối trước khi đến kho khách hàng; liệt kê các khách hàng khó tính để sản xuất chú ý và đảm bảo sự tin tưởng của khách hàng vào sản phẩm; điều phối giao hàng đúng thời gian và tiến độ đã quy định.
- » **Nhân sự, đào tạo:** Tăng cường công tác đào tạo các chuyên đề nâng cao năng lực bán hàng của đội ngũ sales. Xây dựng đội ngũ kế thừa và lộ trình thăng tiến, thay đổi thang bảng lương, triển khai chính sách thưởng hàng tháng cho kinh doanh B2B.



Hoạt động tài chính

- » **Tối ưu hóa hoạt động tài chính:** Tăng cường khai thác các nguồn vốn lãi suất thấp tạo nguồn phát triển cho các dự án. Xây dựng cấu trúc tài chính lành mạnh, an toàn và hiệu quả. Xây dựng tỷ lệ vay nợ hợp lý cân bằng giữa nợ ngắn hạn và nợ dài hạn, đảm bảo khả năng thanh khoản, tận dụng hiệu ứng tích cực của đòn cân nợ, giảm chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, góp phần gia tăng giá trị cho TTCS.
- » **Cơ cấu danh mục đầu tư hiệu quả, cùng ngành:** đầu tư vào các công ty ngành đường có tỷ lệ cổ tức cao và công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm nông nghiệp nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh.
- » **Phát huy vai trò tham mưu trong công tác xây dựng kế hoạch.** Phối hợp chặt chẽ công tác tài chính kế toán công ty con và công ty thành viên.

Hoạt động khác

- » **Hoạt động nhân sự:** Duy trì, ổn định nguồn nhân lực, phát huy trình độ chuyên môn nhằm gia tăng năng suất lao động. Niên độ 2017-2018 dự kiến triển khai hệ thống Talent network để gia tăng mức độ nhận biết thương hiệu nhà tuyển dụng, gia tăng nguồn hồ sơ và quản lý dữ liệu tuyển dụng hiệu quả. Đào tạo nguồn nhân lực sẵn sàng thay thế, kế thừa trong tương lai và sẵn sàng nguồn nhân lực phục vụ cho các dự án.
- » **Quản lý hệ thống**
 - » **Kiện toàn công tác quản lý hệ thống:** Ban hành toàn bộ VBLQ theo mẫu TTC; Trình giải pháp nâng cao tính tuân thủ, tổ chức thi tìm hiểu VBLQ 2017-2018.
 - » **ERP, FRM, HRM, E-Office,...:** Bảo trì ERP dự kiến hoàn thành 08/2017; Triển khai các tính năng còn lại của FRM.

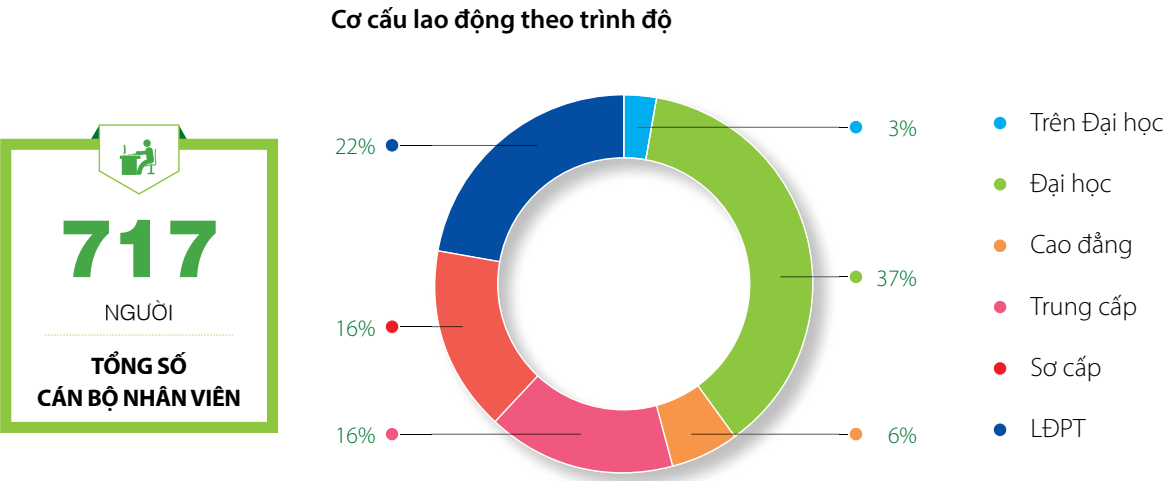
CÔNG TÁC TUYỂN DỤNG

Số lượng cán bộ nhân viên trong niên độ 2016- 2017:

STT	Cấp chức vụ	TTCS	
		Số người	Tỷ lệ
	Tổng số:	717	100%
I.	Nhân viên chính thức:	518	72%
1	Ban Tổng Giám đốc, Cố vấn Ban TGD	9	1,2%
2	Ban Giám đốc, Cố vấn Ban GD	13	1,8%
3	Quản lý cấp trung (Trưởng/Phó đơn vị hoặc tương đương)	43	6%
4	Quản lý cấp thấp (Trưởng/Phó ca, Trưởng trạm, Giám sát, hoặc tương đương)	47	7%
5	Chuyên viên, nhân viên nghiệp vụ	374	52%
6	Lao động phổ thông, tạp vụ, phục vụ	32	4%
II.	Nhân viên thời vụ:	199	28%

Trong đó: 16% nhân sự tại TTCS là cán bộ quản lý ở các cấp quản lý, 52% nhân sự là chuyên viên, nhân viên nghiệp vụ; 4% nhân sự là lao động phổ thông. Nhân viên thời vụ chiếm 28%.

Cơ cấu trình độ học vấn của CBNV chính thức:



ee

TỶ LỆ ĐIỀU CHUYỂN NHÂN SỰ SANG CÁC CTTV TRONG TẬP ĐOÀN 2016-2017 LÀ 11%.

TỶ LỆ NÀY TƯƠNG ĐỐI CAO DO CHIẾN LƯỢC M&A VÀ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN CỦA CÁC CTTV TRONG TẬP ĐOÀN.

X

ét về cơ cấu trình độ, với đặc thù Công ty sản xuất, lực lượng lao động có trình độ Trung cấp, sơ cấp và lao động phổ thông chiếm 54%. Đây là lực lượng lao động có tay nghề cao, kỹ năng thực hành tốt, đáp ứng cho nhu cầu của các phân xưởng sản xuất. 46% nhân sự có trình độ cao đẳng trở lên tập trung ở khối văn phòng, kỹ sư, chuyên viên kỹ thuật sản xuất và các cán bộ quản lý.

Trong niên độ 2016 - 2017, Công ty đã tuyển mới 88 nhân sự phục vụ cho nhu cầu nguồn lực của các đơn vị phòng ban. Nhân sự tuyển mới chủ yếu là các chuyên viên nghiệp vụ tập trung ở các mảng nông nghiệp và kỹ thuật.

Tỷ lệ nghỉ việc trong niên độ 2016-2017 là 6,39%. Tỷ lệ này tương đối thấp (dưới mức 10%), do Công ty ngày càng chú trọng nâng cao chất lượng môi trường làm việc và phần nào thể hiện thành quả của chính sách đãi ngộ nhân sự tại Công ty, góp phần ổn định lực lượng lao động.

TTCS chú trọng đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu nhà tuyển dụng trong niên độ này. Phòng Nhân sự đã tổ chức thành công chuỗi sự kiện ngày hội tuyển dụng tại 3 trường ĐH lớn gồm Đại học Nông Lâm Tp. HCM, ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM, ĐH Bách Khoa Tp. HCM và tham gia quảng bá thương hiệu nhà tuyển dụng tại sự kiện họp mặt sinh viên xuân 2017 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh tổ chức nhằm thu hút ứng viên tìm hiểu về thương hiệu và phục vụ công tác phỏng vấn - tuyển dụng tại nguồn. Ngoài ra, năm 2017 - lần đầu tiên, Công ty tham gia chương trình khảo sát 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam nhằm đánh giá mức độ nhận biết và đẩy mạnh truyền thông, quảng bá thương hiệu nhà tuyển dụng.

Tỷ lệ điều chuyển nhân sự sang các CTTV trong Tập đoàn 2016-2017 là 11%. Tỷ lệ này tương đối cao do chiến lược M&A và triển khai các dự án của các CTTV trong Tập đoàn.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ NIÊN ĐỘ 2016-2017 (TIẾP THEO)

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

Hoạt động hiệu quả của doanh nghiệp phụ thuộc vào nhiều yếu tố, một trong những yếu tố quyết định là chất lượng nguồn nhân lực. Nguồn nhân lực bao gồm cả lao động quản lý và lao động hoạt động trực tiếp và gián tiếp trong quá trình sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp. Nếu được đào tạo cơ bản về kiến thức, giáo dục thường xuyên về đạo đức, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động, việc nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động sẽ được duy trì và phát triển. Thông qua đào tạo, bồi dưỡng, người lao động hiểu được bản chất công việc, thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ, làm việc có trách nhiệm, gắn bó với doanh nghiệp và hiệu suất lao động tăng, thu nhập của công nhân ổn định, doanh nghiệp phát triển bền vững.

Chất lượng nguồn nhân lực là lợi thế so sánh hàng đầu của doanh nghiệp bởi vì nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ góp phần quan trọng trong việc duy trì

CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC LÀ LỢI THẾ SO SÁNH HÀNG ĐẦU CỦA DOANH NGHIỆP BỞI VÌ NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO SẼ GÓP PHẦN QUAN TRỌNG TRONG VIỆC DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP.

và phát triển của doanh nghiệp. Nhận thức tầm quan trọng của nguồn nhân lực chất lượng cao trong doanh nghiệp, Công ty có kế hoạch đào tạo hằng năm cho tất cả Cán bộ Nhân viên Công ty từ Ban Điều hành; cán bộ quản lý và cán bộ nhân viên của Công ty. Hoạt động đào tạo của Công ty niên độ 2016-2017 được thể hiện như sau:

Hình thức đào tạo	TTCS			
	Số khóa	Số lượt người tham dự	Chi phí đào tạo kế hoạch	Chi phí đào tạo thực hiện
Đào tạo bên ngoài	39	1.499	905.462.500	487.794.000
Đào tạo nội bộ tại TTC	7	79	0	75.700.000
Đào tạo nội bộ tại Công ty	2	24	36.000.000	75.160.000
Tổng cộng	48	1.602	941.462.500	638.654.000

Ban Lãnh đạo Công ty luôn xác định nhân viên là tài sản quý nhất của doanh nghiệp. Trong công tác nhân sự, Lãnh đạo Công ty luôn coi trọng hàng đầu công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực nhằm nâng cao năng suất lao động và phát triển đội ngũ nhân lực cho Công ty. Công tác đào tạo được các đơn vị lên kế hoạch, xem xét phê duyệt hàng năm và tổ chức thực hiện đầy đủ, có đánh giá soát xét định kỳ và nhắc nhở thực hiện.

Năm 2016-2017, Công ty tiến hành đẩy mạnh hoạt động đào tạo, trong đó tăng cường các hoạt động đào tạo nội bộ như các hội thảo, chuyên đề, workshop,... để thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm thực tế trong môi trường làm việc, các hoạt động đặc thù của Công ty. Ngoài ra, công tác đào tạo nâng cao kiến thức, năng lực quản lý cho các cán bộ nhân viên chủ chốt cũng được Ban Lãnh đạo Công ty quan tâm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý điều hành tại các đơn vị.

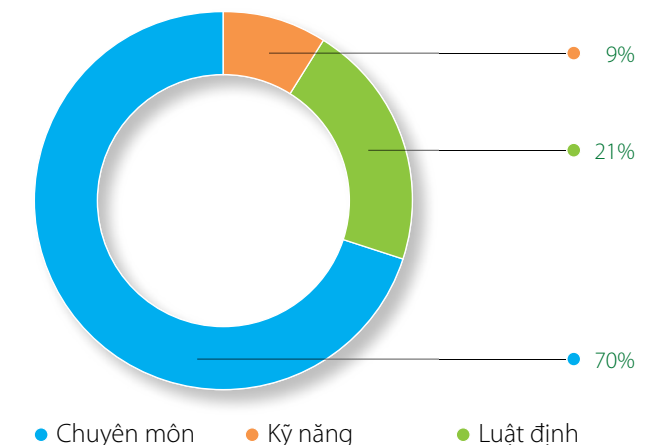
TTCS tự hào tạo ra một tổ chức học tập là nơi kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn được chia sẻ giữa CBNV với nhau và giữa lãnh đạo với CBNV. Ban Lãnh đạo Công ty khuyến khích và hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo nội bộ, từ sách tri thức TTCS.



Huấn luyện an toàn cho người lao động là một trong những biện pháp quan trọng nhất để giảm rủi ro, chi phí và đảm bảo an toàn cho sản xuất. Nhằm phổ biến kiến thức an toàn trong sản xuất một cách kỹ lưỡng, tạo một trường làm việc tự giác. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo theo Luật định như huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, an toàn điện - sát hạch bậc an toàn, phòng cháy chữa cháy,...

Bên cạnh đó, Công ty chú trọng đào tạo cập nhật và nâng cao các kiến thức chuyên môn cho CBNV, đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng bán hàng, kỹ năng giám sát, kỹ năng chăm sóc khách hàng, quản lý cấp trung,... giúp CBNV tự tin trong công việc, tăng năng lực xử lý vấn đề để hoàn thành mục tiêu cá nhân và đóng góp vào mục tiêu chung của Công ty. Tỷ lệ các khóa đào tạo theo các nhóm mục tiêu đào tạo như sau:

Đào tạo theo mục tiêu





NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Tổng giám đốc	
2	Bà Trần Quế Trang	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	Bổ nhiệm ngày 15/11/2016
3	Ông Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09/01/2017
4	Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh	
5	Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc Nguyên liệu	Miễn nhiệm ngày 01/07/2017
6	Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám đốc Khối Tài chính - Kế toán	
7	Ông Lê Đức Tồn	Giám đốc Nhà máy	
8	Ông Nguyễn Hùng Việt	Giám đốc Kỹ thuật kiêm Người đứng đầu chi nhánh Long An	
9	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Giám đốc Khối Hỗ trợ	Bổ nhiệm ngày 18/10/2016, miễn nhiệm ngày 08/05/2017
10	Bà Hồ Nguyễn Duy Khương	Giám đốc Khối Hỗ trợ	Bổ nhiệm ngày 08/05/2017
11	Ông Huỳnh Văn Pháp	Giám đốc Kinh doanh	
12	Ông Thái Bá Hòa	Giám đốc Nguyên liệu	Miễn nhiệm ngày 01/07/2017
13	Ông Lê Phát Tín	Kế Toán trưởng	

TÓM TẮT CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Để nâng cao hiệu quả công việc và gắn kết lực lượng lao động, Công ty không ngừng đưa ra những chính sách, hệ thống rõ ràng và phù hợp với nguyện vọng của người lao động nhằm tạo động lực làm việc cho mỗi cá nhân. Các chính sách, hệ thống mà Công ty đang thực hiện như sau:

Chính sách tiền lương

Công ty ban hành Quy chế tiền lương rõ ràng, minh bạch nhằm:

- » Trả lương công bằng, phù hợp với vị trí công việc, năng lực và kết quả công việc
- » Phù hợp với khả năng tài chính của Công ty và quy định của Bộ Luật Lao động
- » Thống nhất cách thức chi trả tiền lương trong Công ty
- » Thừa nhận sự đóng góp của nhân viên, giữ chân nhân tài

Ngoài việc đáp ứng các quy định của Nhà nước, qua thời gian vận hành và điều chỉnh, hệ thống thang bảng lương của Công ty cũng đã hoàn thiện hơn, tương xứng với sự đóng góp của CBNV. Định kỳ hằng năm, Công ty đều xem xét điều chỉnh thu nhập của CBNV trên cơ sở phù hợp với tình hình kinh doanh và kết quả lợi nhuận nhằm chăm lo đời sống và tạo động lực, nâng cao năng suất lao động của CBNV.

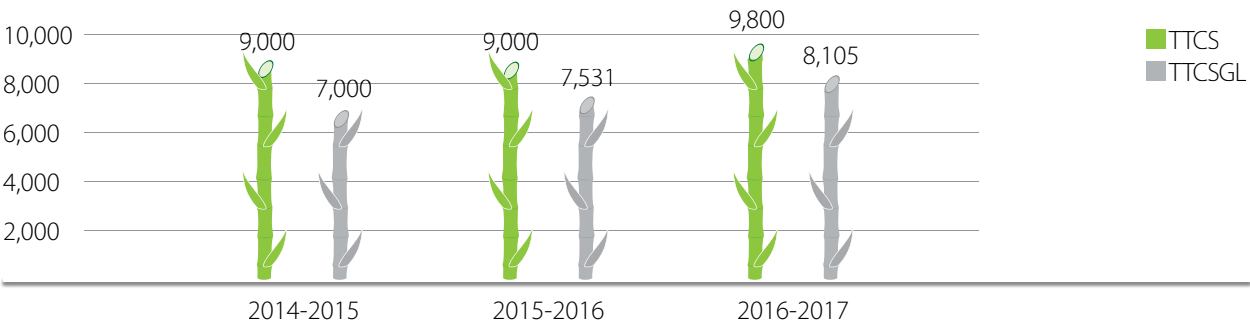


Thu nhập bình quân của người lao động dần được nâng cao qua các năm, cụ thể thu nhập bình quân niên độ 2015-2016 là 9,0 triệu đồng/tháng/người, thu nhập bình quân niên độ 2016-2017 là 9,8 triệu đồng/tháng/người. Đặc biệt, trong năm 2017 vừa qua, TTCS đã thực hiện việc chuyển đổi loại hình thu nhập trả cho người lao động từ lương net sang lương gross, nhằm đảm bảo việc chi trả tiền lương tiền thưởng đúng bản chất của Luật thuế thu nhập cá nhân (TNCN) là tính thuế vào cá nhân người nộp thuế thay vì Công ty, và đảm bảo đúng quy định về trách nhiệm đóng các loại bảo hiểm bắt buộc giữa người sử dụng lao động và người lao động theo Luật bảo hiểm xã hội.

Tại TTCSSL thu nhập của CBNV cũng tăng đều qua các năm, thu nhập bình quân niên độ 2015-2016 là 7,5 triệu đồng/tháng/người, thu nhập bình quân niên độ 2016-2017 là 8,1 triệu đồng/tháng/người.

Thu nhập bình quân của người lao động

ĐVT: Triệu đồng/tháng/người





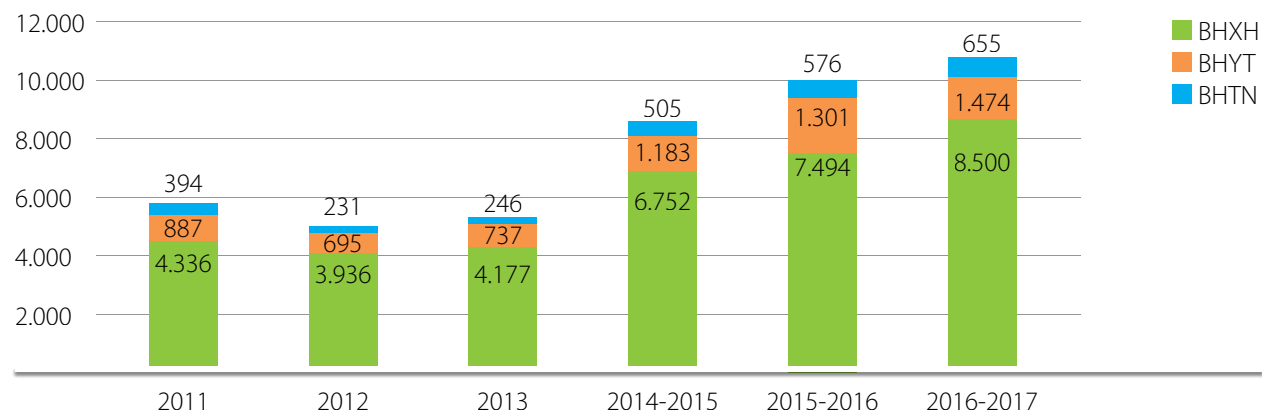
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ NIÊN ĐỘ 2016-2017 (TIẾP THEO)

Chế độ bảo hiểm

Công ty luôn đảm bảo các chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể chi phí trích nộp BHXH, BHYT, BHTN trong các năm gần đây như sau:

Chi phí BHXH, BHYT, BHTN qua các năm

ĐVT: Triệu đồng



Ngoài ra, Công ty còn chăm lo đời sống CBNV về vật chất và tinh thần như mua bảo hiểm tai nạn 24/24 giờ cho toàn thể CBNV với mức bồi thường 10.000USD/người/năm (Công ty Bảo Minh Tây Ninh), bảo hiểm sức khỏe cho đối tượng CBQL cấp trung trở lên (ốm đau, bệnh tật, thai sản,...) với mức bồi thường cao nhất 210.000.000 đồng/người/năm (Công ty Bảo hiểm PVI Đồng Độ).

Chính sách thưởng

Thưởng hiệu quả công việc

Nhằm mục đích động viên, khích lệ người lao động và gắn kết mục tiêu công việc của cá nhân với mục tiêu công việc của Đơn vị/ Công ty, Công ty thực hiện chính sách thưởng hiệu quả công việc theo hệ thống đo lường KPIs.

Việc xây dựng tiêu chí đánh giá đối với cá nhân, Đơn vị và Công ty như sau:

- » Đối với cá nhân: Căn cứ kết quả công việc thực tế của cá nhân được quy định theo KPIs cá nhân, xây dựng trên cơ sở của:
 - » Bản mô tả công việc cá nhân;
 - » Mục tiêu, kế hoạch thực hiện trong năm của Đơn vị giao việc cho cá nhân;
 - » Các công việc phát sinh hoặc được cấp trên trực tiếp giao việc trong kỳ đánh giá;



- » Ý thức chấp hành Nội quy lao động Công ty về giờ làm việc, giờ nghỉ ngơi; an toàn lao động, an ninh trật tự trong Công ty; Ý thức chấp hành mệnh lệnh của cấp trên trực tiếp...
- » Đối với Đơn vị: Căn cứ mục tiêu, kế hoạch do Ban Lãnh đạo giao cho các Trưởng Đơn vị.
- » Đối với Công ty: Căn cứ các mục tiêu, kế hoạch mà Hội đồng Quản trị giao cho Công ty.

Kỳ đánh giá được thực hiện thường xuyên nhằm ghi nhận kết quả hoàn thành công việc của người lao động và có thể điều tiết kịp thời các hoạt động của cá nhân, đơn vị để có thể hoàn thành được mục tiêu của Công ty, cụ thể như sau:

- » Đối với cá nhân: thực hiện đánh giá hàng tháng và năm
- » Đối với Đơn vị, Công ty: thực hiện đánh giá hàng quý và năm

Công ty quy định tỷ trọng tiền thưởng hiệu quả công việc cho cá nhân, để gắn kết được kết quả của cá nhân với kết quả của Đơn vị và Công ty.

Thưởng hoàn thành mục tiêu

Thông qua Quy chế thi đua khen thưởng, Công ty xét thưởng người lao động định kỳ vào cuối mỗi niên độ. Nhằm động viên, khích lệ và ghi nhận những thành tích nổi bật, những nỗ lực của mỗi cá nhân, tập thể đóng góp vào thành quả chung của Công ty, Công ty tổ chức xét thi đua khen thưởng, bình bầu những cá nhân, tập thể có thành tích tốt tương ứng với các danh hiệu lao động Khá, Giỏi và Xuất sắc.

Các khoản thưởng khác

- » Thưởng đầu vụ sản xuất: Nhằm động viên người lao động tích cực làm việc, hoàn thành mục tiêu trong vụ sản xuất, Ban Lãnh đạo Công ty xem xét chi thưởng vào đầu vụ sản xuất cho người lao động với định mức thưởng của niên độ 2016-2017 là 0,5 tháng tiền lương/người.
- » Thưởng đột xuất: Nhằm khích lệ và biểu dương kịp thời những nỗ lực vượt trội trong việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch được giao của một số bộ phận, phòng ban trong vụ sản xuất, Công ty chi thưởng cho những tập thể này với tổng giá trị gần 400 triệu đồng.
- » Thưởng sáng kiến: Nhằm động viên, khích lệ, phát huy phong trào cải tiến kỹ thuật sản xuất, mang lại giá trị thiết thực cho Công ty, hàng năm Công ty phát động phong trào cũng như xét bình chọn và khen thưởng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật của một số cá nhân, tập thể.
- » Thưởng thành lập Tập đoàn 28/07/2016, Công ty chi thưởng cho người lao động với định mức 7 triệu đồng/người.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ NIÊN ĐỘ 2016-2017 (TIẾP THEO)

Chính sách phúc lợi

- » Ngoài các chế độ, chính sách bắt buộc theo quy định như Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Công ty còn có các chính sách, chế độ phúc lợi để nâng cao việc chăm lo cho CBNV cụ thể như sau:



- » Công ty có trạm y tế với một bác sĩ và một y tá, được trang bị xe cứu thương và các trang thiết bị cần thiết cho việc khám chữa bệnh ban đầu.
- » Hằng năm, Công ty phối hợp với các hội, đoàn thể tổ chức hội diễn văn hóa văn nghệ, thi đấu thể thao và tạo điều kiện cho người lao động tham gia; tổ chức khám sức khỏe định kỳ vào tháng 07, bệnh nghề nghiệp vào tháng 09, khám sức khỏe chuyên khoa cho lao động nữ...
- » Công ty còn có các chế độ bồi dưỡng tại chỗ cho người lao động như nâng cao chất lượng bữa ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại để đảm bảo sức khỏe, tinh thần cũng như tạo tâm lý tốt nhất cho người lao động trong quá trình làm việc. Hiện nay, bữa ăn giữa ca được thực hiện với mức ăn 25.000 đồng/suất. Người lao động làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại được áp dụng chế độ bồi dưỡng độc hại theo quy định.

- » Tạo môi trường làm việc thông thoáng, sạch sẽ. Định kỳ hàng năm Công ty mời các cơ quan chức năng nhà nước kiểm tra độ ồn, rung, bụi,... chỉ số trong biên độ cho phép và căn cứ kết quả này, Công ty trang bị bảo hộ cho nhân viên nhằm hạn chế ảnh hưởng môi trường đến sức khỏe người lao động. Công ty đã phát động chương trình thi đua sáng kiến, cải tiến và đưa vào áp dụng giảm độ ồn. Bên cạnh đó, Công ty cũng có chính sách đối với nhân viên làm việc ở những vị trí có yếu tố độc hại, hưởng phụ cấp độc hại theo quy định của Nhà nước và tùy từng vị trí Công ty sẽ cấp đồ bảo hộ lao động như nút chống ồn, mặt nạ...
- » Kêu gọi người lao động chung tay góp quỹ ủng hộ cho những gia đình, cá nhân có hoàn cảnh khó khăn.
- » Xây dựng môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp cùng những khẩu hiệu, hình ảnh giúp người lao động có thể nhận thức được thông suốt các chủ trương, chính sách về việc bảo vệ ngôi nhà chung, môi trường chung.



Chính sách đào tạo

- » Phát triển nguồn nhân lực được Lãnh đạo xác định là yếu tố hàng đầu trong công cuộc giúp doanh nghiệp phát triển bền vững. Hàng năm, Công ty đều tiến hành lập kế hoạch ngân sách cho chi phí đào tạo nguồn nhân lực, trích quỹ phúc lợi chăm lo cho cán bộ nhân viên và chuẩn bị nhân lực kế thừa.
- » Để tạo ra những giá trị tiên phong và đột phá, lãnh đạo Công ty là những người phải đi đầu trong việc cập nhật thông tin, kiến thức và nâng cao kỹ năng bản thân. Lãnh đạo cấp cao của Công ty là những nhân sự được chọn lọc, thử thách và nhận được sự tin nhiệm của Hội đồng Quản trị Công ty. Lãnh đạo Công ty ngoài việc không ngừng cập nhật thông tin kiến thức, đào tạo mà còn tham gia tích cực vào các hoạt động liên quan nhằm mở rộng các mối quan hệ, giao lưu học hỏi và phát triển năng lực, kỹ năng bản thân.
- » Tích cực thực hiện đào tạo kiến thức chuyên môn, kỹ năng mềm, kỹ năng quản lý cho lực lượng lao động, xác định đội ngũ kế thừa và định hướng phát triển năng lực cá nhân....
- » Tham gia các chương trình về đào tạo, quản lý lãnh đạo.
- » Tham gia câu lạc bộ CEO, câu lạc bộ doanh nhân, TTC Talent để giao lưu trao đổi kinh nghiệm.
- » Tham gia cuộc thi "Ứng dụng sáng tạo Sản phẩm/Dịch vụ TTC vào thực tế cuộc sống".
- » Tham quan học tập nước ngoài...

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (Theo danh sách chốt ngày 30/06/2017)

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

» Tổng số cổ phiếu:	253.188.268 cổ phiếu
» Loại cổ phiếu đang lưu hành:	Cổ phiếu phổ thông
» Cổ phiếu quỹ:	0 cổ phiếu
» Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do:	248.628.931 cổ phiếu
» Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng:	4.559.337 cổ phiếu

Lý do hạn chế chuyển nhượng: cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng là cổ phiếu được phát hành theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động trong Công ty, đã giải toả 50% tương đương 4.559.338 cổ phiếu tại ngày 19/06/2017, 50% còn lại sẽ hạn chế chuyển nhượng đến ngày 17/06/2018.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tỷ lệ cổ đông sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	-	-	-	-
	» Trong nước	-	-	-	-	-
	» Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	103.493.743	40,88	2	2	-
	» Trong nước	103.493.743	40,88	2	2	-
	» Nước ngoài	-	-	-	-	-
4	Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
	» Trong nước	-	-	-	-	-
	» Nước ngoài	-	-	-	-	-
5	Quỹ	-	-	-	-	-
6	Cổ đông sở hữu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác	149.694.525	59,12	2.479	68	2.411
	» Trong nước	137.100.992	54,15	2.378	41	2.337
	» Nước ngoài	12.593.533	4,97	101	27	74
	TỔNG CỘNG	253.188.268	100	2.481	70	2.411
	Trong đó:					
	» Trong nước	240.594.735	95,03	2.380	43	2.337
	» Nước ngoài	12.593.533	4,97	101	27	74

Cơ cấu cổ đông là cổ đông lớn và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTCKCN)

STT	Đối tượng	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN	103.493.743	40,88	2	2	-
	» Trong nước	103.493.743	40,88	2	2	-
	» Nước ngoài	-	-	-	-	-
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên	-	-	-	-	-
	» Trong nước	-	-	-	-	-
	» Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	ĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% vốn CP	12.915.288	5,10	57	57	-
	» Trong nước	321.759	0,13	32	32	-
	» Nước ngoài	12.593.529	4,97	25	25	-
	TỔNG CỘNG	116.409.031	45,98	59	59	-

Loại hình sở hữu

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	2(**)	3	4=2+3	5
I. Cổ đông đặc biệt	1.841.987	10.467.142	12.309.129	4,86%
1. Hội đồng Quản trị	1.094.237	7.462.920	8.557.157	3,38%
2. Ban Tổng Giám đốc	419.500	952.520	1.372.020	0,54%
3. Ban Kiểm soát	240.100	1.963.552	2.203.652	0,87%
4. Giám đốc Tài chính kiêm Người được ủy quyền CBTT	51.600	51.600	103.200	0,04%
5. Kế toán trưởng	36.550	36.550	73.100	0,03%
II. Quỹ	-	-	-	
III. Công đoàn Công ty	-	-	-	
IV. Cổ đông sở hữu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	
V. Cổ đông khác	2.717.350	238.161.789	240.879.139	95,14%
1. Trong nước	2.717.350	225.568.256	228.285.606	90,16%
1.1 Cá nhân	2.717.350	57.055.130	61.961.635	24,47%
1.2 Tổ chức	-	108.802.519	108.802.519	42,97%
2. Nước ngoài	-	12.593.533	12.593.533	4,97%
2.1 Cá nhân	-	3.829.875	3.829.875	1,51%
2.2 Tổ chức	-	8.763.658	8.763.658	3,46%
TỔNG CỘNG	4.559.337	248.628.931	253.188.268	100,00%

Cổ đông lớn (tỷ lệ sở hữu trên 5%)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu (%)	Bị hạn chế chuyển nhượng (**)		
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	0301466073	25/07/2007	291/56 đường Trường Chinh, phường 14, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	59.729.015	23,59	-	-	-
2	Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	0303125287	21/03/2017	Số 75, Đường 30/4, P3, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	43.764.728	17,29	-	-	-

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI TỔNG SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT ĐANG LƯU HÀNH

STT	Nội dung	Trước khi thay đổi	Thay đổi	Sau khi thay đổi	Ngày thay đổi	Lý do thay đổi
1	Vốn điều lệ (VNĐ)	1.947.610.330.000	584.272.350.000	2.531.882.680.000	24/10/2017	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và trả cổ tức bằng cổ phiếu niên độ 2015-2016.
2	Tổng số cổ phiếu	194.761.033	58.427.235	253.188.268		
3	Số lượng cổ phiếu Quỹ	0	0	0		
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	194.761.033	58.427.235	253.188.268		
5	Số lượng cổ phiếu ưu đãi/khác (nếu có)	0	0	0		

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU

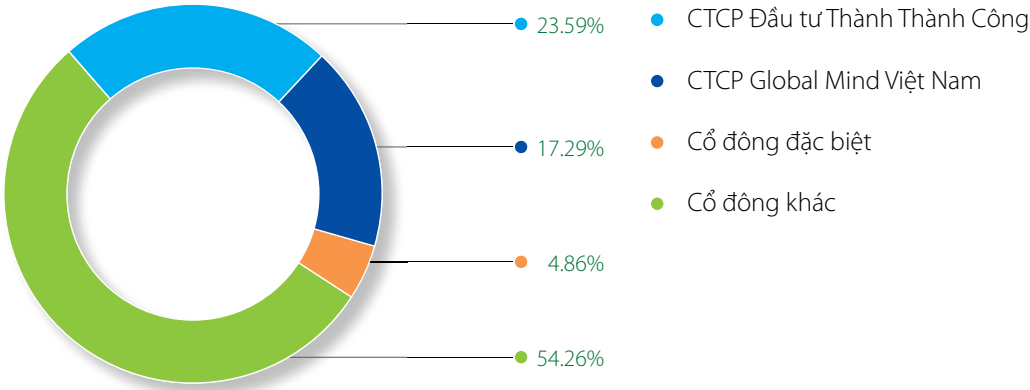
Trong niên độ 2016-2017, Công ty đã thực hiện 01 đợt phát hành chứng khoán. Chi tiết phát hành thể hiện trong bảng sau:

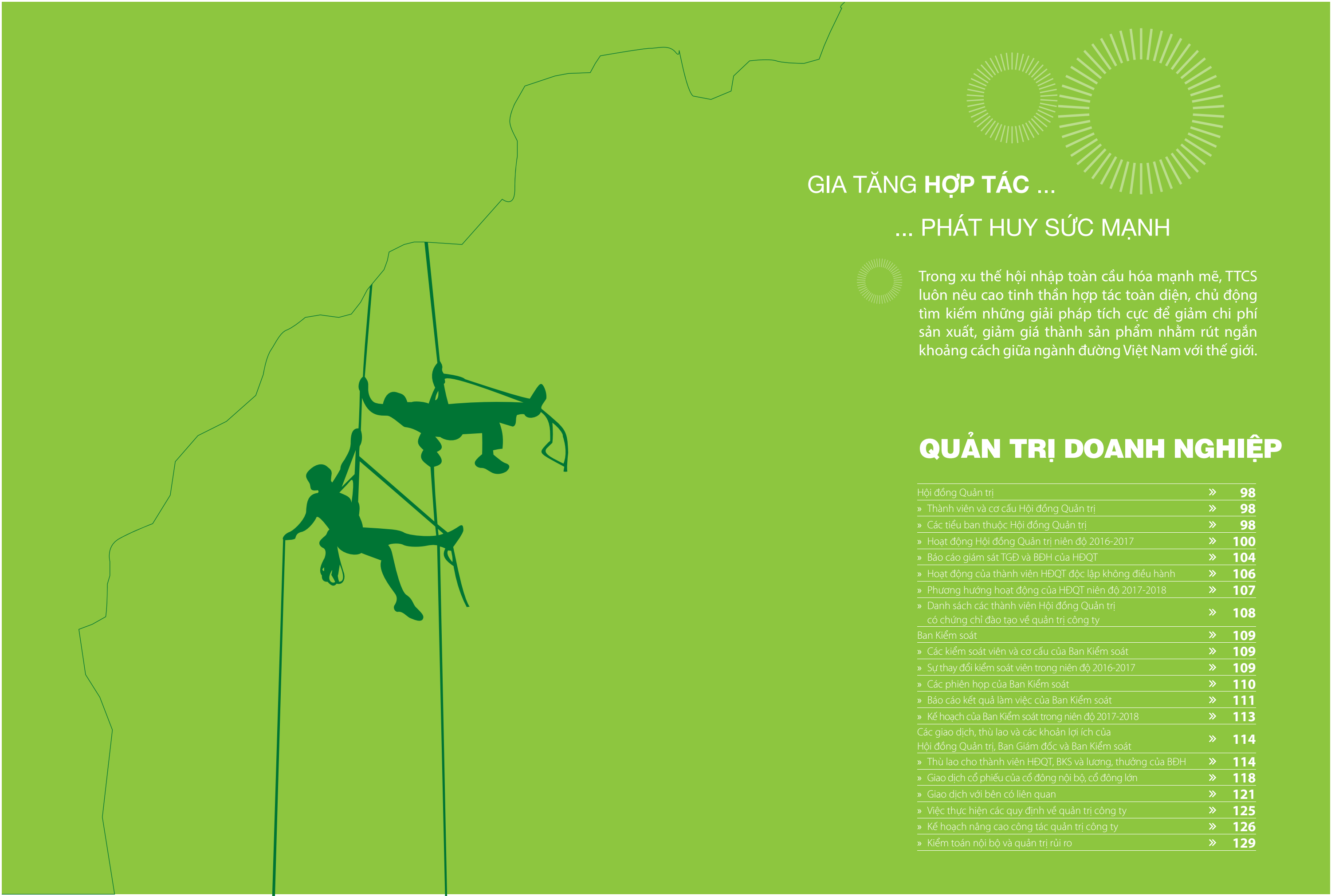
Mục đích phát hành	Ngày đăng ký cuối cùng	Ngày báo cáo kết quả phát hành	Tỷ lệ phát hành	Khối lượng cổ phiếu phát hành
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và trả cổ tức bằng cổ phiếu niên độ 2015-2016.	12/10/2016	24/10/2016	30%	58.427.235

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ

Trong giai đoạn 01/07/2016 - 30/06/2017 TTCS không thực hiện giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ. Số lượng cổ phiếu quỹ Công ty nắm giữ tính đến ngày 30/06/2017 là 0 cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông nắm giữ cổ phiếu SBT





GIA TĂNG HỢP TÁC PHÁT HUY SỨC MẠNH



Trong xu thế hội nhập toàn cầu hóa mạnh mẽ, TTCS luôn nêu cao tinh thần hợp tác toàn diện, chủ động tìm kiếm những giải pháp tích cực để giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm nhằm rút ngắn khoảng cách giữa ngành đường Việt Nam với thế giới.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Hội đồng Quản trị	»	98
» Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị	»	98
» Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị	»	98
» Hoạt động Hội đồng Quản trị niên độ 2016-2017	»	100
» Báo cáo giám sát TGD và BDH của HĐQT	»	104
» Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành	»	106
» Phương hướng hoạt động của HĐQT niên độ 2017-2018	»	107
» Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty	»	108
Ban Kiểm soát	»	109
» Các kiểm soát viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát	»	109
» Sự thay đổi kiểm soát viên trong niên độ 2016-2017	»	109
» Các phiên họp của Ban Kiểm soát	»	110
» Báo cáo kết quả làm việc của Ban Kiểm soát	»	111
» Kế hoạch của Ban Kiểm soát trong niên độ 2017-2018	»	113
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	»	114
» Thù lao cho thành viên HĐQT, BKS và lương, thưởng của BDH	»	114
» Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn	»	118
» Giao dịch với bên có liên quan	»	121
» Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	»	125
» Kế hoạch nâng cao công tác quản trị công ty	»	126
» Kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro	»	129

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số CP SH chốt ngày 30/06/2017	Tỷ lệ	Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác
1	Ông Phạm Hồng Dương	CT.HĐQT	1.592.119	0,63%	» Chủ tịch HĐQT CTCP SXTM Cồn Thành Thành Công » Chủ tịch HĐQT CT TNHH Hải Vỹ
2	Bà Nguyễn Thị Hoa	PCTTT.HĐQT	0	0%	» Chủ tịch Hội đồng thành viên CT TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa » Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Biên Hòa » Thành viên HĐQT CTCP Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công » Thành viên HĐQT CT TNHH Hải Vỹ
3	Ông Lê Văn Dĩnh	PCT.HĐQT	20.670 (chưa lưu ký)	0,01%	» Thành viên HĐQT CT TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai
4	Bà Đặng Huỳnh Ngọc My	TV.HĐQT	6.944.368	2,74%	» Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Thành Thành Công » Chủ tịch HĐQT CTCP XNK Bến Tre
5	Ông Henry Chung	TV.HĐQT	0	0	» Thành viên HĐQT CTCP Đường Biên Hòa

Sự thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong niên độ 2016-2017

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ	Thời gian làm việc trong niên độ		Lý do thay đổi
			Từ	Đến	
1	Ông Phạm Hồng Dương	CT.HĐQT	01/07/2016	30/06/2017	Tham gia nhiệm kỳ mới của HĐQT theo Nghị quyết 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ
2	Bà Nguyễn Thị Hoa	PCTTT. HĐQT	31/10/2016	30/06/2017	Tham gia nhiệm kỳ mới của HĐQT theo Nghị quyết 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ
3	Ông Lê Văn Dĩnh	PCT.HĐQT	01/07/2016	30/06/2017	Tham gia nhiệm kỳ mới của HĐQT theo Nghị quyết 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ
4	Bà Đặng Huỳnh Ngọc My	TV.HĐQT	01/07/2016	30/06/2017	Tham gia nhiệm kỳ mới của HĐQT theo Nghị quyết 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ
5	Ông Henry Chung	TV.HĐQT	31/10/2016	30/06/2017	Tham gia nhiệm kỳ mới của HĐQT theo Nghị quyết 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ
6	Bà Phạm Thị Thu Trang	TV.HĐQT	30/06/2016	31/10/2016	Hết nhiệm kỳ
7	Ông Nguyễn Quốc Việt	TV.HĐQT	30/06/2016	31/10/2016	Hết nhiệm kỳ
8	Bà Nguyễn Thùy Vân	T.BKS	01/07/2016	30/06/2017	Tham gia nhiệm kỳ mới của HĐQT theo Nghị quyết 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ
9	Ông Huỳnh Thành Nhân	KSV	01/07/2016	30/06/2017	Tham gia nhiệm kỳ mới của HĐQT theo Nghị quyết 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ
10	Bà Phạm Ngọc Thanh Mai	KSV	31/10/2016	30/06/2017	Tham gia nhiệm kỳ mới của HĐQT theo Nghị quyết 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ
11	Ông Nguyễn Xuân Thanh	KSV	30/06/2016	31/10/2017	Hết nhiệm kỳ

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Niên độ 2016-2017, Hội đồng Quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban. Dự kiến niên độ 2017-2018 sẽ trình ý kiến ĐHĐCĐ thông qua việc thành lập đồng thời sửa đổi Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty để triển khai hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT. (Chi tiết xem “Kế hoạch thành lập và hoạt động của các Tiểu ban chuyên trách thuộc HĐQT” trang 127).



HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NIÊN ĐỘ 2016-2017

 MỌI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT ĐỀU ĐƯỢC XEM XÉT MỘT CÁCH CẨN TRỌNG, TUÂN THỦ LUẬT DOANH NGHIỆP, PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CŨNG NHƯ CÁC ĐIỀU LỆ QUY ĐỊNH CỦA TTCS, ĐẢM BẢO TÍNH KHÁCH QUAN, MINH BẠCH TRÊN CƠ SỞ QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM ĐÃ ĐƯỢC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH, TÔN TRỌNG QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA CỔ ĐỒNG.

Kính thưa Quý cổ đông,

- » Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- » Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty của CTCP Mía đường Thành Công Tây Ninh (TTCS);
- » Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) niên độ 2015-2016.

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2015-2016, HĐQT thực hiện nhiệm vụ giám sát kế hoạch kinh doanh để ra, đảm bảo lợi ích cổ đông Công ty theo đúng chức năng và quyền hạn; đồng thời triển khai những hoạt động nhằm gia tăng giá trị thương hiệu, sẵn sàng hội nhập. Hoạt động của HĐQT niên độ 2016-2017 trọng tâm vào các điểm sau:

- » Hoạch định và kiểm soát chiến lược, định hướng phát triển của Công ty.
- » Chỉ đạo và giám sát thực hiện các vấn đề liên quan đến sản xuất kinh doanh, vốn và tài sản của TTCS.
- » Giám sát quá trình thực hiện tăng vốn bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và trả cổ tức niên độ 2015-2016 bằng cổ phiếu.
- » Định hướng và chỉ đạo triển khai các hoạt động M&A và hỗ trợ hoạt động cho các công ty con, công ty liên kết.
- » Giám sát việc tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường niên độ 2016-2017 để thông qua chủ trương sáp nhập với Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và triển khai các hoạt động sáp nhập sau khi được ĐHĐCĐ thuận duyệt.
- » Giám sát việc đầu tư chiến lược vào Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu.
- » Giám sát hoạt động của Ban Điều hành và các cán bộ quản lý cấp cao.
- » Chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán, đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời và chính xác.

Mọi hoạt động của HĐQT đều được xem xét một cách cẩn trọng, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Pháp luật hiện hành cũng như các Điều lệ quy định của TTCS, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đã được pháp luật quy định, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Trong niên độ 2016-2017, nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định nội bộ cũng như để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty, thông qua các cuộc họp định kỳ/ đột xuất dưới hình thức trực tiếp hoặc qua hình thức đàm thoại và thư điện tử, HĐQT phối hợp cùng BKS thường xuyên hỗ trợ BDH để kịp thời phản ứng với những biến động của thị trường.

Cụ thể từ 01/07/2016 đến 30/06/2017, HĐQT đã tiến hành 47 cuộc họp chi tiết như sau:

Thời gian	Số cuộc họp	Nội dung chính
7/2016	5	» Hỗ trợ hoạt động CTCP Thương mại Thành Thành Công. » Phê duyệt kế hoạch đầu thầu giai đoạn 2 dự án TTTM Tây Ninh. » Bán cổ phiếu quỹ. » Tăng vốn và sửa đổi điều lệ. » Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Tiên Phong. » Thay đổi hình thức tổ chức ĐHĐCĐ bất thường bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
8/2016	2	» Thông qua việc sử dụng hạn mức tín dụng và sử dụng các giao dịch tại Ngân hàng Kỹ Thương. » Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Vietcombank Bắc Sài Gòn. » Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và tạm ứng cổ tức niên độ 2015-2016.
9/2016	4	» Gia hạn thời gian hoạt động của Trại Sản xuất mía giống Bến Cầu. » Điều chỉnh ngày chốt danh sách cổ đông. » Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2015-2016. » Ký hợp đồng mua, bán vật tư, phụ tùng thiết bị, nguyên nhiên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất và máy móc thiết bị nông nghiệp. » Nhượng bán phụ tùng máy kéo và máy thu hoạch cho Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapue.
10/2016	5	» Thông qua hạn mức tín dụng hạn tại Ngân hàng Mizuho. » Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. HCM (HD Bank). » Hỗ trợ hoạt động CTCP Thương mại Thành Thành Công. » Bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021. » Tăng vốn và sửa đổi điều lệ. » Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Quân đội - CN Đông Sài Gòn.
11/2016	3	» Thông qua hạn mức ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Vietnam - CN Tp. HCM. » Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phát triển Tp.HCM. » Hỗ trợ hoạt động CT TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai.
12/2016	8	» Thông qua chủ trương ký kết giao dịch với các bên có liên quan với giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản. » Điều chỉnh mục tiêu và quy mô dự án theo giấy chứng nhận đầu tư 451031000014. » Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2016-2017. » Phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu đối với TTCS Gia Lai.
1/2017	3	» Miễn nhiệm chức danh PTGD và thay đổi người đại diện theo pháp luật của CT TNHH Tư nhân Đầu tư TSU. » Xét khen thưởng thành tích cá nhân niên độ 2015-2016.
2/2017	4	» Giao dịch với các bên có liên quan. » Phân định quyền hạn ký kết văn bản điều hành. » Tăng vốn điều lệ CT TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai. » Thông qua hạn mức vay vốn tại Ngân hàng BIDV. » Thành lập chi nhánh Long An và bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh.
3/2017	3	» Thông qua hạn mức vay vốn tại Ngân hàng Vietcombank Bắc Sài Gòn. » Tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2017. » Thông qua hạn mức vay vốn tại Ngân hàng Á Châu.
4/2017	4	» Thành lập CT TNHH MTV Nước Miaqua. » Thông qua hạn mức vay vốn tại Ngân hàng OCB Đắk Lắk. » Tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường niên độ 2016-2017. » Đầu tư chiến lược vào CT TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai. » Phát hành trái phiếu doanh nghiệp 2017.
5/2017	3	» Phê duyệt chủ trương đầu tư tài chính 100 tỷ. » Ký hợp đồng mua thiết bị John Deere theo chính sách đại lý. » Triển khai nội dung được duyệt tại ĐHĐCĐ bất thường niên độ 2016-2017.
6/2017	3	» Đầu tư tài sản cố định niên độ 2017-2018. » Hỗ trợ hoạt động cho CTCP Mía đường Tây Ninh. » Hỗ trợ hoạt động tại CT TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai. » Phê duyệt chủ trương cho Công đoàn Cơ sở vay vốn.

Tỷ lệ tham dự của các thành viên trong Hội đồng Quản trị:

Giai đoạn: Từ 01/07/2016 - 31/12/2016

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Hồng Dương	CT.HĐQT	27	100%	-
2	Bà Nguyễn Thị Hoa	PCTTT.HĐQT	10	100%	-
3	Ông Lê Văn Dĩnh	PCT.HĐQT	27	100%	-
4	Bà Đặng Huỳnh Lê c My	TV.HĐQT	27	100%	-
5	Ông Henry Chung	TV.HĐQT	10	100%	-
6	Bà Phạm Thị Thu Trang	TV.HĐQT	16	100%	-
7	Ông Nguyễn Quốc Việt	TV.HĐQT	16	100%	-

Giai đoạn: Từ 01/01/2017 - 30/06/2017

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Hồng Dương	CT.HĐQT	20	100%	-
2	Bà Nguyễn Thị Hoa	PCTTT.HĐQT	20	100%	-
3	Ông Lê Văn Dĩnh	PCT.HĐQT	20	100%	-
4	Bà Đặng Huỳnh Lê c My	TV.HĐQT	20	100%	-
5	Ông Henry Chung	TV.HĐQT	20	100%	-

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Niên độ 2015-2016, HĐQT đã nâng cao chất lượng, năng lực và tính minh bạch trong quản trị công ty phù hợp với quy định hiện hành và thông lệ quốc tế, những nỗ lực đó được thể hiện qua các kết quả cụ thể như sau:

- » HĐQT thực hiện tốt vai trò của mình, theo đó vai trò của thành viên độc lập và thành viên không điều hành vô cùng quan trọng và đã được thể hiện một cách rõ ràng, minh bạch. Điều này giúp đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông thiểu số của Công ty.
- » HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên, thường xuyên họp bàn để thống nhất định hướng thực hiện trên tinh thần được ĐHĐCĐ giao phó, liên tục cập nhật tình hình và kết quả hoạt động, sâu sát trong công tác giám sát Ban Điều hành; đảm bảo yêu cầu về số lượng và chất lượng cuộc họp theo quy định của Công ty, cũng như đảm bảo số thành viên tham dự đầy đủ để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.

» HĐQT định hướng và giám sát việc triển khai các dự án quan trọng của Công ty như quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, cải thiện quy trình nghiệp vụ quản lý.

» Các ban quản lý và hội đồng được HĐQT thành lập đều đã tuân thủ đúng nguyên tắc hoạt động được quy định trong các văn bản lập quy của Công ty. Mỗi thành viên đều chủ động và tích cực thực thi trách nhiệm của mình và có những đóng góp thiết thực với việc quản trị doanh nghiệp cũng như sự phát triển chung của TTCS.

Trân trọng./.

TM. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch



Phạm Hồng Dương



BÁO CÁO GIÁM SÁT TGD VÀ BDH CỦA HĐQT

Kính thưa Quý cổ đông,

- » Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- » Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty của CTCP Mía đường Thành Công Tây Ninh (TTCS);
- » Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) năm tài chính 2015-2016.

HĐQT đã thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong niên độ 2016-2017. Kết quả như sau:

Phương thức giám sát

- » Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng tháng, quý và các cuộc họp bất thường, HĐQT thẳng thắn chất vấn và trao đổi cùng Ban Điều hành (BDH) các hoạt động của BDH và Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh và các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- » HĐQT thông qua các Nghị quyết/Quyết định sau mỗi buổi họp định kỳ và đột xuất để thông qua các kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan để BDH có cơ sở triển khai thực hiện.
- » Mặt khác, thông qua các ứng dụng quản lý đã được ứng dụng trong niên độ 2015-2016 như phần mềm FRM, ERP, EOX ce... kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cũng được HĐQT cập nhật một cách xuyên



suốt, nhất quán và minh bạch. Đồng thời Tổng Giám đốc cũng chủ động báo cáo đầy đủ lên HĐQT về tiến độ thực hiện các công việc cũng như các khó khăn, vướng mắc gặp phải để kịp thời bàn bạc, xin ý kiến HĐQT đưa ra các giải pháp hiệu quả nhất.

- » Trên cơ sở xác định các ưu tiên công việc của HĐQT và thực tế hoạt động của Công ty, HĐQT đã đánh giá các thành viên BDH trên cơ sở sử dụng bảng kết quả đánh giá của Tổng Giám đốc đối với thành viên BDH. Nội dung đánh giá tập trung vào việc BDH thực hiện các nghị quyết của HĐQT. Các thành viên BDH được đánh giá trên cả 2 phương diện: Kết quả thực hiện các KPI công ty - Kết quả KPI của Khối phụ trách. Hội đồng đánh giá thi đua của từng thành viên BDH và TGD dựa trên kết quả hoạt động năm 2016-2017 thông qua hệ thống các tiêu chí KPIs cụ thể của mỗi thành viên BDH.
- » HĐQT đã kết hợp chặt chẽ với BKS để kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty, Trưởng BKS đại diện cho BKS đều được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, thông qua đó, HĐQT và BDH có cơ hội trao đổi, tiếp nhận những ý kiến đóng góp và đề xuất mang tính xây dựng của BKS. Các ý kiến đóng góp của BKS đều được ghi nhận và là cơ sở quan trọng trong việc thông qua các quyết định của HĐQT và TGD nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như các quy định pháp luật hiện hành.

Kết quả giám sát

- » Kết quả thực hiện mục tiêu ĐHĐCĐ đề ra: Doanh thu Công ty đạt xấp xỉ 4.502 tỷ và lợi nhuận trước thuế đạt hơn 367 tỷ, vượt 19% kế hoạch mà ĐHĐCĐ giao phó. Công ty đã thực hiện trích lập và phân phối lợi nhuận đồng thời hoàn tất chia cổ tức niên độ 2015-2016. Công ty đã thực hiện đầy đủ việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS; thực hiện lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 01/07/2016 đến 30/06/2017 là CT TNHH Ernst & Young Việt Nam và sửa đổi Điều lệ Công ty. Các thành viên HĐQT được trúng cử vào ngày 31/10/2016 đã phân công vai trò, trách nhiệm và đóng góp tích cực vào hoạt động quản trị TTCS. Tiến độ sáp nhập CTCP Đường Biên Hòa theo chủ trương thuận duyệt ngày 25/05/2017 đã hoàn thành 70% và đảm bảo tiến độ được công bố thông tin trên Bản cáo bạch phát hành cổ phiếu để hoán đổi.
- » Kết quả thực hiện Nghị quyết/Quyết định của HĐQT: Công tác phát triển vùng nguyên liệu, giải ngân đầu



tư, chăm sóc đã được BDH hoàn thành đúng mục tiêu đề ra. Tình hình thực hiện các dự án được đảm bảo theo tổng mức đầu tư và tiến độ được duyệt. Bên cạnh những nhóm khách hàng truyền thống, công tác kinh doanh cũng đã tiếp cận được những nhóm khách hàng mới, mở rộng vị thế tại kênh B2C và kênh tiểu thủ công nghiệp. Các hoạt động đầu tư tài chính mang lại hiệu quả cao đóng góp tích cực vào lợi nhuận đạt được trong niên độ 2016-2017.

- » Các vi phạm quy chế, quy định: Trong niên độ 2016-2017, HĐQT kết hợp cùng BKS thường xuyên hỗ trợ, kiểm tra hoạt động của BDH do đó không có sai phạm nghiêm trọng trong công tác điều hành.

Kết luận đánh giá

- » HĐQT đánh giá cao nỗ lực của BDH trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các mục tiêu được ĐHĐCĐ thông qua và kết quả lợi nhuận đã vượt kế hoạch kinh doanh đặt ra.
- » Kết quả đánh giá các thành viên BDH được cung cấp, thuyết minh đầy đủ cho Hội đồng đánh giá thi đua của Công ty xem xét, trước khi đưa ra kết luận. Kết thúc năm tài chính 2016-2017, theo đánh giá của HĐQT, tất cả các thành viên BDH bao gồm Tổng Giám đốc và các Giám đốc Điều hành đều được xếp loại Xuất sắc trong hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn.

Trân trọng./.

**TM. Hội đồng Quản trị
Phó Chủ tịch Thường trực**


Nguyễn Thị Hoa

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Ông Henry Chung đáp ứng đầy đủ những tiêu chuẩn theo quy định hiện hành để trở thành Thành viên HĐQT độc lập không điều hành CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh như:

- » Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 3 năm liền trước đó;
- » Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
- » Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- » Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

Với vai trò chất vấn, giám sát và tham mưu công tác quản lý Công ty, thành viên HĐQT độc lập không tham gia điều hành góp phần dung hòa lợi ích của các cổ đông và đặc

biệt bảo vệ quyền, lợi ích của cổ đông nhỏ. Ông Henry Chung được HĐQT đánh giá đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công thông qua các hoạt động như:

- » Hỗ trợ và tham mưu BĐH trong những thương vụ mua bán, sáp nhập với các công ty cùng ngành.
- » Kiểm soát việc đưa ra các quyết định và giám sát việc thực hiện quyết định của BĐH.
- » Kiến nghị và tham mưu cho HĐQT việc tối đa hóa nguồn lực tài chính, nhân sự, và các khoản thù lao, đãi ngộ cho CBNV.
- » Giám sát việc thực hiện quyền và bảo vệ lợi ích của các cổ đông thông qua các hoạt động giám sát việc lưu ký và niêm yết cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn và trả cổ tức bằng cổ phiếu, giám sát việc tổ chức ĐHĐCĐ bất thường niên độ 2016-2017 để thông qua chủ trương sáp nhập CTCP Đường Biên Hòa.

Trong niên độ tiếp theo ông sẽ tiếp tục đồng hành cùng TTCS và hoàn thành các nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp tích cực cùng với các thành viên còn lại của HĐQT trong việc ban hành các chủ trương, chính sách, quyết định xác thực, công tâm và kịp thời.



PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NIÊN ĐỘ 2017-2018

Kính thưa Quý cổ đông,

- » Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- » Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty của CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (TTCS);

Niên độ 2017-2018 là thời khắc quan trọng đối với TTCS nói riêng và ngành mía đường Việt Nam nói chung. Là một trong những doanh nghiệp đi đầu và định hướng trong việc tái cấu trúc ngành mía đường Việt Nam, TTCS đã, đang và sẽ tiếp tục theo đuổi các chiến lược đã đề ra cho giai đoạn 2016-2020. Các mục tiêu và hành động cụ thể đề ra cho niên độ 2017-2018 như sau:

Đối với đầu tư, sản xuất, kinh doanh

- » Duy trì đà tăng trưởng của Công ty thông qua việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017-2018, và các kế hoạch hành động để đạt được mục tiêu.
- » Khẳng định thương hiệu khi Công ty tiếp tục phát triển đúng định hướng trở thành "Công ty hàng đầu trong lĩnh vực mía đường tại Việt Nam và khu vực Đông Dương"; củng cố vị thế và thị phần kênh công nghiệp; mở rộng vị thế, thị phần kênh tiêu dùng; đẩy mạnh phát triển kênh tiểu thủ công nghiệp, khách hàng vừa và nhỏ, kênh xuất khẩu.

- » Sẵn sàng hội nhập thông qua các hoạt động giảm giá thành sản xuất; tiếp tục hiện đại hóa công tác nông nghiệp; gia tăng diện tích vùng nguyên liệu; đẩy mạnh hoạt động R&D, nghiên cứu phát triển các chuỗi sản phẩm sau đường có lợi nhuận cao; tích cực mở rộng thị trường thông qua nâng cao hiệu quả hoạt động Marketing hiện đại.
- » Tiếp tục chiến lược mua và gia tăng sở hữu tại các công ty cùng ngành.
- » Tiếp tục hỗ trợ các công ty con trong xây dựng chiến lược, công tác quản trị và điều hành nhằm phát huy hết các tiềm năng và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Đối với quản trị nội bộ

- » Chuẩn hóa, hoàn thiện và nâng cao chất lượng nhân sự cho giai đoạn hậu M&A như: triển khai đánh giá cấp bậc nhân sự; chuẩn hóa các vị trí, chế độ lương thưởng phụ cấp cho cán bộ công nhân viên xứng đáng với công sức đóng góp.
- » Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro để giảm thiểu mọi ảnh hưởng tiêu cực về hiệu quả kinh doanh thông qua việc ban hành văn bản lập quy; đẩy mạnh rà soát, hoàn chỉnh các quy chế tạo hành lang pháp lý, hành chính cho các hoạt động của TTCS và các công ty con, công ty liên kết; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ở các cấp, các bộ phận.
- » Tuân thủ một cách tốt nhất các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật hiện hành cũng như các điều lệ, quy định nội bộ; đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở ngăn ngừa xung đột lợi ích giữa Công ty với các thành viên HĐQT, BĐH, BKS và người có liên quan, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Với những định hướng nêu trên, HĐQT sẽ tiếp tục tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực; đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm tài chính 2017-2018.

Trân trọng./.

**TM. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch**



Phạm Hồng Dương

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Nhằm nâng cao chất lượng quản trị công ty trong các công ty cổ phần đại chúng, góp phần tăng cường hiệu quả hoạt động và khả năng huy động vốn của các công ty, nâng cao tính minh bạch của thị trường, cập nhật kiến thức và kỹ năng về quản trị công ty theo đúng quy định pháp lý của Việt Nam và chuẩn mực quốc tế... các lãnh đạo của Công ty đã tham dự và hoàn thành chương trình đào tạo quản trị công ty cho các công ty cổ phần đại chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) - Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán tổ chức và cấp chứng chỉ, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số chứng chỉ	Ngày cấp
1	Bà Đặng Huỳnh Bích My	TV.HĐQT	Số 30 QTCT 292/QĐ-TTNC	15/11/2013
2	Ông Lê Văn Dĩnh	TV.HĐQT	Số 06 QTCT 292/QĐ-TTNC	15/11/2013
3	Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám đốc Tài chính	Số 59 QTCT 292/QĐ-TTNC	15/11/2013

Bên cạnh các khóa học về quản trị, kiểm soát viên và nhân sự phụ trách công bố thông tin cũng như tham dự các hội thảo do UBCKNN và Sở GD&ĐT TP.HCM tổ chức để nâng cao năng lực quản trị như:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nội dung đào tạo
1	Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng BKS	» Tham dự đào tạo về Sổ tay hướng dẫn kiểm toán nội bộ. » Cập nhật các quy định mới và xu hướng phát triển Kiểm toán nội bộ tại Việt Nam.
2	Ông Huỳnh Thành Nhân	KSV	» Vai trò của Kiểm toán nội bộ trong công ty niêm yết.
3	Ông Nguyễn Minh Trí	Trưởng phòng KSNB	» Tham dự đào tạo về Sổ tay hướng dẫn kiểm toán nội bộ.
4	Ông Nguyễn Quốc Huân	CVP Công ty	» Đào tạo viết báo cáo phát triển bền vững theo tiêu chuẩn IFC. » Đào tạo quản trị công ty theo tiêu chuẩn IFC. » Tham dự Chương trình Đào tạo về Công bố thông tin (CBTT) trên Báo cáo thường niên và chuẩn mực của Thẻ điểm Quản trị công ty Đông Nam Á. » Đào tạo nghiệp vụ Thư ký công ty và nâng cao chuẩn mực quản trị công ty tại Singapore.
5	Bà Nguyễn Thị Hồng Phấn	PPQLHT (Phụ trách Pháp chế)	» Đào tạo cập nhật quy định CBTT theo Thông tư 155/TT-BTC. » Đào tạo cập nhật quy chế CBTT của Sở GD&ĐT TP.HCM.
6	Ông Nguyễn Quang Thái	CV.VP HĐQT	» Đào tạo viết báo cáo phát triển bền vững theo tiêu chuẩn IFC. » Đào tạo quản trị công ty theo tiêu chuẩn IFC. » Đào tạo cập nhật quy định CBTT theo Thông tư 155/TT-BTC. » Đào tạo cập nhật quy chế CBTT của Sở GD&ĐT TP.HCM. » Tham dự Chương trình Đào tạo về CBTT trên Báo cáo thường niên và chuẩn mực của Thẻ điểm Quản trị công ty Đông Nam Á.



CÁC KIỂM SOÁT VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Kiểm soát viên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu chốt ngày 30/06/2017	Tỷ lệ (%)	Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác
1	Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng Ban	1.350.520	0,53	Kiểm soát viên - CTCP Đường Biên Hòa
2	Bà Phạm Ngọc Thanh Mai	Kiểm soát viên	-	-	Không có
3	Ông Huỳnh Thành Nhân	Kiểm soát viên	21.500	0,01	Trưởng Ban Kiểm soát - CTCP Mía đường Tây Ninh

SỰ THAY ĐỔI KIỂM SOÁT VIÊN TRONG NIÊN ĐỘ 2016-2017

Trong niên độ 2016-2017, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2015-2016 ngày 31/10/2016, ĐHĐCĐ đã chuẩn y tờ trình về việc bầu Kiểm soát viên BKS nhiệm kỳ 01/07/2016 - 30/06/2021 và thông qua kết quả bầu cử BKS với các kiểm soát viên gồm: Bà Nguyễn Thùy Vân, Bà Phạm Ngọc Thanh Mai và Ông Huỳnh Thành Nhân. Các Kiểm soát viên đã thống nhất bầu Bà Nguyễn Thùy Vân làm Trưởng BKS.

CÁC PHIÊN HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

BKS bao gồm ba (03) thành viên được ĐHĐCĐ tin tưởng giao trọng trách thực hiện các công việc giám sát hoạt động của toàn Công ty theo các quy định của pháp luật. Trong niên độ tài chính 2016-2017, được sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc (BTGD), BKS đã hoàn thành nhiệm vụ của mình, đồng thời đưa ra những khuyến nghị kịp thời nhằm hạn chế những rủi ro và nâng cao chất lượng quản lý trong quá trình hoạt động của Công ty.

BKS đã tổ chức các cuộc họp để sắp xếp lại tình hình nhân sự và đánh giá công tác giám sát tình hình hoạt động của Công ty:

- » Tháng 10/2016: Tổ chức họp để thống nhất bầu Trưởng BKS nhiệm kỳ 2016-2021 và tổ chức họp để tiến hành phân công nhiệm vụ của các Kiểm soát viên;
- » Tháng 11/2016: Tổ chức họp để đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong quý 1 niên độ 2016-2017 và họp bàn về công tác giám sát hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và BTGD; Thảo luận đánh giá công tác giám sát hoạt động điều phối thu hoạch vụ mía 2016-2017;
- » Tháng 3/2017: Tổ chức họp để đánh giá tình hình hoạt động của toàn Công ty trong 6 tháng đầu niên độ 2016-2017 và các công việc phải thực hiện trong

các tháng cuối niên độ 2016-2017; Thảo luận đánh giá công tác giám sát các dự án xây dựng cơ bản của Khối Kỹ thuật sản xuất, công tác giám sát đầu tư vụ mía 2016-2017;

- » Tháng 5/2017: Tổ chức họp để đánh giá tình hình hoạt động tài chính của Công ty trong quý 3 niên độ 2016-2017 và họp bàn về công tác giám sát hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và BTGD; Thảo luận công tác giám sát hoạt động tài chính, hoạt động lập và trình bày Báo cáo tài chính của Khối Tài chính Kế toán, công tác kiểm tra giám sát hoạt động của Trung tâm thương mại Tây Ninh - TTC Plaza;
- » Tháng 8/2017: Tổ chức họp để đánh giá tình hình hoạt động của toàn Công ty trong niên độ 2016-2017 và định hướng hoạt động trong niên độ 2017-2018; Thảo luận đánh giá kết quả kiểm tra giám sát công tác lập và trình bày Báo cáo tài chính niên độ 2016-2017.

Các Kiểm soát viên trong BKS đều thống nhất ý kiến trong các cuộc họp.

Ngoài các phiên họp chính, BKS còn thực hiện các trao đổi giữa các Kiểm soát viên BKS qua email, điện thoại; tổ chức và tham gia nhiều cuộc họp với HĐQT, Phòng Kiểm soát nội bộ (KSNB) và các đơn vị tư vấn tiềm năng nhằm hoàn thành các nhiệm vụ của BKS.



BÁO CÁO KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT



MỌI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT ĐỀU ĐƯỢC XEM XÉT MỘT CÁCH CẨN TRỌNG, TUÂN THỦ LUẬT DOANH NGHIỆP, PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CŨNG NHƯ CÁC ĐIỀU LỆ QUY ĐỊNH CỦA TTCS, ĐẢM BẢO TÍNH KHÁCH QUAN, MINH BẠCH TRÊN CƠ SỞ QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM ĐÃ ĐƯỢC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH, TÔN TRỌNG QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA CỔ ĐÔNG.

Giám sát tình hình thực hiện các Nghị Quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ pháp luật

T trong niên độ qua, BKS đã đề ra các chương trình hành động cụ thể, trong đó chú trọng công tác giám sát và phối hợp với HĐQT và BTGD trên tinh thần tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị Quyết ĐHĐCĐ, tuân thủ Quy chế, Quy trình hoạt động và các quy định của pháp luật.

- » Qua quá trình kiểm tra, BKS nhận thấy các hoạt động của Công ty đều phù hợp với nội dung trong Giấy phép đăng ký kinh doanh, Điều lệ và tuân thủ đúng quy định của pháp luật, chế độ quản lý của Nhà nước, chế độ kế toán tài chính. Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định.
- » Công ty đã thực hiện đầy đủ việc chi trả thù lao HĐQT, BKS; Phân phối lợi nhuận niên độ 2015-2016; thực hiện lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 01/07/2016 đến 30/06/2017 là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; Sửa đổi Điều lệ Công ty; Hoàn tất phương án sáp nhập và ký hợp đồng sáp nhập với CTCP Đường Biên Hòa theo đúng Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên và bất thường đã đề ra.

» BKS cũng xem xét mức độ phù hợp của các Quyết định của HĐQT, BTGD trong công tác quản lý, điều hành, tiến hành kiểm soát trình tự ban hành các văn bản của Công ty để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

» BTGD đã thực hiện đầy đủ các chỉ đạo theo đúng các Nghị quyết của HĐQT, BKS đánh giá cao những cố gắng của BTGD trong việc tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cũng như có những ứng phó nhanh chóng, kịp thời với những biến động của thị trường. Với kết quả đạt được, Công ty đã chứng minh vị thế của mình là một trong những đơn vị hoạt động có hiệu quả, có tiềm lực và nội lực vững vàng.

Giám sát tình hình tài chính

BKS đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và cả niên độ của Công ty trong năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/06/2017. BKS cũng đã thực hiện kiểm tra các quy trình lập hóa đơn, chứng từ và các hồ sơ liên quan, phương pháp ghi sổ kế toán, tổng hợp thông tin và trình bày trên báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và quy trình về lưu trữ chứng từ kế toán để qua đó xác nhận về tính trung thực, hợp lý của các tài liệu, số liệu kế toán và báo cáo tài chính.

Qua kết quả soát xét, thẩm tra tình hình tài chính của Công ty, BKS đánh giá Báo cáo tài chính niên độ 01/07/2016 đến 30/06/2017 của Công ty đã được lập kịp thời và đầy đủ theo đúng quy định về hệ thống kế toán doanh nghiệp, phù hợp với chuẩn mực và các quy định hiện hành của Chế độ kế toán Việt Nam.

Các số liệu phản ánh trên báo cáo tài chính đã thể hiện rõ ràng, trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm qua khá khả quan thể hiện chủ trương, định hướng đúng đắn của HĐQT, sự nhanh nhạy với tình hình thị trường của BTGD, sự đồng hành của toàn thể cán bộ công nhân viên đã giúp Công ty vượt mức kế hoạch lợi nhuận mà ĐHĐCĐ đã giao.



Giám sát tình hình hoạt động và duy trì sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ

Với cơ chế BKS - Phòng KSNB độc lập với BDH, BKS và Phòng KSNB đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của Công ty thông qua việc kiểm tra kiểm soát tại chỗ, giám sát từ xa... định kỳ theo kế hoạch hành động năm hoặc đột xuất theo định hướng rủi ro hoặc yêu cầu ngoài kế hoạch của HĐQT/BTGD. Nội dung kiểm tra tập trung vào kiểm toán các quy trình, kiểm toán tuân thủ và chú trọng đánh giá Hệ thống KSNB khi thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với trọng trách của mình, BKS quán triệt các nguyên tắc chung để có thể đạt được mục tiêu trong công tác KSNB:

- » Khách quan, trung thực các đánh giá và xác nhận.
- » Phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các cá nhân và phòng ban trong Công ty.
- » Hệ thống văn bản lập quy của toàn Công ty phải được xây dựng hoàn thiện và tuyên truyền rộng rãi trong nội bộ Công ty.
- » Mọi nhân viên đều phải tuân thủ hệ thống KSNB.
- » Trách nhiệm kiểm tra và giám sát được phân tách rõ ràng; định kỳ tiến hành các biện pháp kiểm tra độc lập và nâng cao hiệu quả của các biện pháp kiểm soát.

Bên cạnh đó, BKS và Phòng KSNB cũng đã phối hợp hỗ trợ các khối phòng ban trong công tác thu hồi công nợ, giám sát nghiệm thu đầu tư nông dân, kiểm soát việc lập kế hoạch và thực hiện thu mua nguyên liệu trong vụ sản xuất, công tác thanh tra quyết toán với các cơ quan Nhà nước, công tác thực hiện dự án đầu tư...

Với sự quan tâm sâu sát của BKS, hoạt động hệ thống KSNB trong niên độ 2016-2017 của Công ty đã có sự phát triển đáng kể và gắn bó chặt chẽ hơn với hoạt động sản xuất kinh doanh. BKS đã tham gia các cuộc họp hàng quý đánh giá rủi ro cấp Công ty cũng như thường xuyên trao đổi và đóng góp ý kiến với HĐQT và BTGD của Công ty trong việc thiết lập thêm các chốt kiểm soát hữu hiệu trong hệ thống KSNB.

Giám sát hoạt động của cơ quan Quản trị - Điều hành

Các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của HĐQT đều được thông tin đến BKS và có sự tham dự của BKS. Qua đó, các Nghị quyết của HĐQT đều được tổ chức thực hiện nghiêm túc, kịp thời và đạt hiệu quả.

Các cuộc họp giao ban hàng tháng của BDH đều có sự tham dự của BKS. Qua đó, các Quyết định của BDH đều được tổ chức bàn bạc, thống nhất ý kiến giữa các thành viên, phù hợp với các chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT.

Qua một năm hoạt động, BKS nhận được sự tín nhiệm của HĐQT về các ý kiến đóng góp cho Công ty. Các nội dung khuyến nghị của BKS đã được BDH ghi nhận và thống nhất chấn chỉnh để công tác quản lý tốt hơn.

KẾ HOẠCH CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NIÊN ĐỘ 2017-2018

Để quản lý tốt nguồn lực, đồng thời giúp Công ty kiểm soát tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, điều tất yếu và không thể thiếu là phải tăng cường công tác kiểm soát bằng việc thiết lập và vận hành một cách hiệu quả vai trò của KSNB, quản lý chi phí, quản lý rủi ro tốt sẽ giúp Công ty xây dựng tốt nền tảng và tăng sức cạnh tranh trong tình hình kinh tế sắp mở cửa đón nhận các đối thủ cạnh tranh từ các nền kinh tế mạnh trong khu vực Đông Nam Á và Quốc tế. Do đó, kế hoạch hành động của BKS trong niên độ mới sẽ tập trung cho các công tác trọng tâm sau:

- » Hoàn thiện đội ngũ nhân sự BKS - Phòng KSNB tại Công ty, tiếp tục rà soát và đề xuất bổ sung các văn bản nghiệp vụ cần thiết và còn thiếu của tất cả các hoạt động để xây dựng hoàn thiện hệ thống kiểm soát, giám sát việc thực hiện hệ thống quy định nội bộ và pháp luật. Các giải pháp trên nhằm đạt được mục tiêu căn bản là xây dựng, hoàn thiện và duy trì hệ thống KSNB hữu hiệu tại Công ty.
- » Tiếp tục duy trì việc thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát nhằm đảm bảo: tính tuân thủ các quy định nội bộ và pháp luật; kiểm tra việc chấp hành chế độ kế toán, hạch toán của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam; đảm bảo tính trung thực, hợp lý của các báo cáo khi phát hành; đảm bảo việc thực hiện các giải pháp, kiến nghị khắc phục sai phạm, rủi ro.

VỚI PHƯƠNG CHÂM HỖ TRỢ VÀ KIẾN TOÀN HỆ THỐNG KSNB, BKS LUÔN GIỮ VỮNG VAI TRÒ NÒNG CỐT TRONG CÔNG VIỆC RÀ SOÁT, PHÁT HIỆN VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG HOẠT ĐỘNG, GIÚP HĐQT VÀ BDH AN TÂM, VỮNG TIN TRONG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH.

» Để luôn giữ vai trò là đơn vị độc lập và chuyên trách trong công tác kiểm tra, kiểm soát, bản thân các nhân sự trong BKS và Phòng KSNB phải luôn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, cập nhật thường xuyên các quy định mới về pháp luật và thuế để đảm bảo công tác kiểm tra kiểm soát và tham mưu trong công việc quản lý rủi ro, đảm bảo tính tuân thủ pháp luật. Nhân sự của Phòng KSNB cũng phải là một đội ngũ có trình độ chuyên môn tốt về nghiệp vụ kiểm soát, biết xây dựng những chốt kiểm soát cho từng mảng hoạt động của Công ty, chú trọng công tác kiểm tra chéo để có thể phát hiện và điều chỉnh những sai phạm, đồng thời thiết lập các chương trình kiểm tra định kỳ và đột xuất nhằm đảm bảo tính tuân thủ của toàn hệ thống KSNB.

» Phòng KSNB sẽ tiếp tục kiểm tra dựa trên danh mục rủi ro của Công ty, đảm bảo hoạt động KSNB được thực hiện đối với những rủi ro sản xuất kinh doanh quan trọng nhất. Phạm vi kiểm tra sẽ được mở rộng nhiều hơn tới các đơn vị nhằm nâng cao ý thức tuân thủ của các nhân viên và quản lý toàn Công ty.

» BKS sẽ tiếp tục duy trì kênh thông tin hiệu quả với Kiểm toán độc lập, chủ động giám sát chất lượng và cập nhật kịp thời các kết quả kiểm toán báo cáo tài chính.

Với phương châm hỗ trợ và kiến toàn hệ thống KSNB, BKS luôn giữ vững vai trò nòng cốt trong công việc rà soát, phát hiện và cải tiến hệ thống hoạt động, giúp HĐQT và BTGD an tâm, vững tin trong công tác quản trị - điều hành.

**TM. Ban Kiểm soát
Trưởng ban**



Nguyễn Thùy Vân

 **CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**



THÙ LAO CHO THÀNH VIÊN HĐQT, BKS VÀ LƯƠNG, THƯỞNG CỦA BĐH TRONG NIÊN ĐỘ 2016-2017

Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT trong niên độ 2016-2017

STT	Họ và tên	Vị trí	Thời gian làm việc trong niên độ			Chi phí (triệu đồng)				Tỷ lệ			
			Từ	Đến		Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng
1	Ông Phạm Hồng Dương	CT.HĐQT	01/07/2016	30/06/2017		0	0	360	360	0%	0%	100%	100%
2	Ông Lê Văn Dĩnh	PCT.HĐQT	01/07/2016	30/06/2017		0	0	420	420	0%	0%	100%	100%
3	Bà Đặng Huỳnh Ngọc My	TV.HĐQT	01/07/2016	30/06/2017		0	0	1.200	1.200	0%	0%	100%	100%
4	Ông Nguyễn Quốc Việt	TV.HĐQT	01/07/2016	31/10/2016		0	0	120	120	0%	0%	100%	100%
5	Bà Phạm Thị Thu Trang	TV.HĐQT	01/07/2016	31/10/2016		0	0	120	120	0%	0%	100%	100%
6	Bà Nguyễn Thị Hoa	PCTTT.HĐQT	01/11/2016	30/06/2017		0	0	240	240	0%	0%	100%	100%
7	Ông Henry Chung	TV.HĐQT	01/11/2016	30/06/2017		0	0	240	240	0%	0%	100%	100%

Cơ cấu thù lao cho Thành viên Ban Kiểm soát trong niên độ 2016-2017

STT	Họ và tên	Vị trí	Thời gian làm việc trong niên độ			Chi phí (triệu đồng)				Tỷ lệ			
			Từ	Đến		Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng
1	Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng BKS	01/07/2016	30/06/2017		0	0	240	240	0%	0%	100%	100%
2	Ông Huỳnh Thành Nhân	KSV	01/07/2016	30/06/2017		0	0	240	240	0%	0%	100%	100%
3	Ông Nguyễn Xuân Thanh	KSV	01/07/2016	31/10/2016		0	0	80	80	0%	0%	100%	100%
4	Bà Phạm Ngọc Thanh Mai	KSV	01/11/2016	30/06/2017		0	0	160	160	0%	0%	100%	100%

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

Chi phí lương, thưởng cho Ban Điều hành niên độ 2016-2017: 8.653.361.716 đồng
(đã bao gồm thuế TNCN, BHXH, BHYT, KPCĐ, CĐ phí)

STT	Họ và tên	Vị trí	Thời gian làm việc trong niên độ		Tỷ lệ			
			Từ	Đến	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng
1	Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Tổng Giám đốc	01/07/2016	30/06/2017	83%	17%	0%	100%
2	Bà Trần Quế Trang	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	15/11/2016	30/06/2017	94%	6%	0%	100%
3	Ông Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc	01/07/2016	08/01/2017	72%	28%	0%	100%
4	Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh	01/07/2016	30/06/2017	82%	18%	0%	100%
5	Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc Nguyên liệu	01/07/2016	30/06/2017	83%	17%	0%	100%
6	Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám đốc Khối Tài chính - Kế toán	01/07/2016	30/06/2017	83%	17%	0%	100%
7	Ông Lê Đức Tồn	Giám đốc Nhà máy	01/07/2016	30/06/2017	83%	17%	0%	100%
8	Ông Nguyễn Hùng Việt	Giám đốc Kỹ thuật	01/07/2016	30/06/2017	88%	12%	0%	100%
9	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Giám đốc Khối Hỗ trợ	01/07/2016	07/05/2017	78%	22%	0%	100%
10	Ông Lê Phát Tín	Kế toán trưởng	01/07/2016	30/06/2017	85%	15%	0%	100%
11	Ông Huỳnh Văn Pháp	Giám đốc Kinh doanh	01/07/2016	30/06/2017	83%	17%	0%	100%
12	Ông Thái Bá Hòa	Giám đốc Nguyên liệu	01/07/2016	30/06/2017	82%	18%	0%	100%





GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG LỚN

Giao dịch cổ phiếu với cổ đông nội bộ

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty niêm yết từ 01/7/2016 - 31/12/2016.

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ			Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Phạm Hồng Dương	CT.HĐQT	1.319.485	0,68%		1.650.329	0,65%	Bán 50.000, nhận 30% cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu
2	Ông Lê Văn Dĩnh	PCT.HĐQT	1.158.600	0,59%		20.670	0,01%	Mua 106.570 CP, bán 1.249.270 CP, nhận 30% cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
3	Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng BKS	1.060.370	0,51%		1.350.520	0,5%	Bán rông 27.960 CP, nhận 30% cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
4	Ông Huỳnh Văn Pháp	Giám đốc Kinh doanh	81.700	0,04%		81.700	0,03%	Bán 24.510 CP, nhận 30% cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
5	Ông Thái Bá Hòa	Giám đốc Nguyên liệu	93.200	0,05%		93.200	0,04%	Bán 27.960 CP, nhận 30% cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
6	Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Em gái Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	93.200	0,05%		93.200	0,04%	Bán 27.960 CP, nhận 30% cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
7	Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Em gái Ông Nguyễn Quốc Việt	0	0%		487.500	0,19%	Mua 375.000 CP, nhận 30% cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty niêm yết từ 01/01/2017 - 30/06/2017

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ			Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Phạm Hồng Dương	CT.HĐQT	1.650.329	0,65%		1.592.119	0,6%	Bán rông 58.210 CP
2	Bà Đặng Huỳnh c My	TV.HĐQT	3.944.368	1,56%		6.944.368	2,65%	Mua rông 3.000.000 CP
3	Ông Huỳnh Thành Nhân	KSV	27.950	0,01%		21.500	0,01	Bán rông 6.450 CP
4	Bà Dương Thị Tô Châu	P.TGĐ	113.750	0,04%		87.500	0,03%	Bán rông 26.250 CP
5	Ông Nguyễn Việt Hùng	P.TGĐ	134.030	0,05%		103.100	0,04%	Bán rông 30.930 CP
6	Ông Huỳnh Văn Pháp	GĐKD	81.700	0,03%		61.600	0,03%	Bán rông 10.000 CP
6	Ông Lê Đức Tồn	GĐNM	134.166	0,05%		103.206	0,04%	Bán rông 30.960 CP
8	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	GĐHT	109.980	0,04%		84.000	0,03%	Bán rông 25.380 CP (Tính đến trước ngày không còn là người có liên quan)
9	Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	GĐTC	134.160	0,05%		103.200	0,04%	Bán rông 30.960 CP
10	Ông Lê Phát Tín	KTT	95.030	0,04%		73.100	0,03%	Bán rông 21.930 CP
11	Bà Võ Thị Bích Hạnh	Vợ ông Lê Phát Tín	50.310	0,02%		38.700	0,01%	Bán rông 11.610 CP
12	Bà Trần Huyền Trân	Vợ ông Henry Chung TV.HĐQT	831.260	0,33%		0	0%	Bán rông 831.260 CP

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

Giao dịch của cổ đông lớn

- » Ngày 13/07/2016, cổ đông CTCP Thương mại Đầu tư Thuận Thiên thông báo bán 1.064.000 CP nhằm tái cơ cấu danh mục đầu tư. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 31.899.015 cổ phiếu chiếm 16,66%.
- » Ngày 11/08/2016, cổ đông Market Vectors Vietnam ETF thông báo bán 1.721.870 CP. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 8.337.900 cổ phiếu, chiếm 4,35% tổng số cổ phiếu và không còn là cổ đông lớn.
- » Ngày 20/10/2016, cổ đông CTCP Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín là công ty con của cổ đông lớn CTCP Thương mại Đầu tư Thuận Thiên báo cáo việc mua vào 4.783.540 cổ phiếu. Sau khi giao dịch CTCP Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín nắm giữ 6.593.063 cổ phiếu tương đương 1,48%.
- » Ngày 23/12/2016, cổ đông CTCP Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín là công ty con của cổ đông lớn CTCP Thương mại Đầu tư Thuận Thiên báo cáo việc bán ra 1.800.000 cổ phiếu. Sau khi giao dịch CTCP Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín nắm giữ 3.735.919 cổ phiếu tương đương 3,39%.
- » Ngày 27/12/2016, cổ đông CTCP Thương mại Đầu tư Thuận Thiên báo cáo giao dịch đã mua vào 1.435.061 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 42.253.777 tương đương 16,69%.
- » Ngày 28/12/2016, cổ đông CTCP Đường Biên Hòa là người có liên quan của Bà Nguyễn Thị Hoa - PCTTT. HĐQT, Ông Henry Chung TV.HĐQT, Bà Trần Quế Trang - PTGDĐT và Bà Dương Thị Tô Châu báo cáo việc bán ra 5.009.575 cổ phiếu SBT chiếm 1,98% số lượng cổ phiếu. Giao dịch thực hiện từ 19/12/2016 đến 27/12/2016 theo phương thức thỏa thuận.
- » Ngày 09/03/2017, cổ đông CTCP Thương mại Đầu tư Thuận Thiên báo cáo giao dịch bán 5.000.000 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 35.753.777 tương đương 14,12%.
- » Ngày 15/04/2017, cổ đông CT TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa là tổ chức có liên quan của Bà Nguyễn Thị Hoa - PCTTT.HĐQT, Bà Trần Quế Trang - PTGDĐT báo cáo giao dịch bán 4.014.285 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 6.880.951.
- » Ngày 28/4/2017, cổ đông CT TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa là tổ chức có liên quan của Bà Nguyễn Thị Hoa - PCTTT.HĐQT, Bà Trần Quế Trang PTGDĐT báo cáo giao dịch bán 6.880.951 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 0 chiếm tỷ lệ 0%.

GIAO DỊCH VỚI BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều lệ Công ty quy định rõ trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi trong các giao dịch có liên quan, cụ thể:

- Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
- Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

d. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

- » Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
- » Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- » Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)



Thống kê giao dịch với các tổ chức có liên quan

Tên công ty có liên quan	Loại giao dịch	Tổng giá trị giao dịch trong niên độ 2016-2017
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cổn Thành Thành Công	Mua dịch vụ	3.875.687.517
	Bán hàng hóa	7.821.905
	Cung cấp dịch vụ	5.917.273
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bán hàng hóa	190.038.071.444
	Mua dịch vụ	9.781.195.193
	Mua hàng hóa	1.725.041.495
	Thu nhập lãi vay	1.033.524.398
	Cung cấp dịch vụ	7.007.273
	Cho vay	764.880.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Mua hàng hóa	110.199.000.000
	Mua dịch vụ	36.452.448.928
	Bán hàng hóa	35.265.678.600
	Thu nhập lãi vay	31.105.458.559
	Mua nguyên liệu	15.410.000.000
	Trích trước dịch vụ	1.061.596.000
	Cung cấp dịch vụ	229.090.911
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	Mua hàng hóa	68.742.132.077
	Thu nhập lãi vay	11.730.084.208

Tên công ty có liên quan	Loại giao dịch	Tổng giá trị giao dịch trong niên độ 2016-2017
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Mua hàng hóa	95.409.481.361
	Mua mía nguyên liệu	89.289.893.376
	Thưởng cuối vụ	18.146.144.900
	Mua nguyên liệu	8.766.656.219
	Bán nguyên liệu	972.903.604
	Thu nhập lãi vay	648.487.510
	Bán hàng hóa	531.776.327
	Cung cấp dịch vụ	150.000.000
	Cổ tức	694.651.000
	Mua hàng hóa	12.745.126.277
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Cho vay	14.000.000.000
	Thu nhập lãi vay	1.241.597.218
	Chi phí lãi vay	441.302.143
	Cung cấp dịch vụ	420.818.182
	Mua tài sản	350.000.000
	Bán hàng hóa	40.221.818
	Mua nguyên liệu	270.646.283.729
	Mua tài sản	550.172.700
	Bán hàng hóa	172.824.993.270
	Mua mía nguyên liệu	53.356.868.223
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Mua hàng hóa	4.166.166.391
	Thưởng cuối vụ	2.512.722.500
	Thanh lý tài sản cố định	1.819.397.390
	Mua mía nguyên liệu	643.075.598
	Mua dịch vụ	539.756.677
	Cung cấp dịch vụ	346.234.133
	Bán nguyên vật liệu	20.017.144.035
	Mua dịch vụ	1.471.130.200
	Bán hàng hóa	434.369.428
	Mua mía nguyên liệu	299.196.860
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và �ng dụng Mía Đường Thành Thành Công	Bán dịch vụ	240.000.000
	Thưởng cuối vụ	11.014.500



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

Tên công ty có liên quan	Loại giao dịch	Tổng giá trị giao dịch trong niên độ 2016-2017
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai	Vay	269.000.000.000
	Tăng vốn điều lệ	150.000.000.000
	Mua hàng hóa	134.690.971.342
	Cổ tức	50.000.000.000
	Mua nguyên liệu	15.600.000.000
	Chi phí lãi vay	2.419.666.664
	Bán hàng hóa	488.571.428
	Bán tài sản	365.954.964
	Mua máy móc thiết bị	316.914.846
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huân	Cung cấp dịch vụ	28.995.174
	Mua dịch vụ	1.008.785.960
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Mua hàng hóa	33.857.142.857
	Bán hàng hóa	1.368.349.500
	Thu nhập lãi vay	1.219.501.112
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Mua nguyên liệu	109.922.074.914
	Bán hàng hóa	20.332.350.522
	Lợi nhuận	7.288.838.895
	Thưởng cuối vụ	4.121.947.000
	Thu nhập lãi vay	45.424.928
	Thu nhập lãi vay	45.424.928
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Mua hàng hóa	130.953.619.050
	Mua nguyên liệu	49.938.237.531
	Mua nguyên liệu	443.929.500
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Mua hàng hóa	48.710.142.857
	Mua nguyên liệu	149.472.871.475
	Thu nhập lãi ứng tiền mua hàng	13.598.051.703
Công ty cổ phần Mía đường Biên Hòa - Phan Rang	Mua hàng hóa	9.343.263.809
	Bán tài sản	7.261.165.198
Công ty TNHH Mía đường Thành Thành Công Attapeu	Cho vay	3.000.000.000
	Thu nhập lãi vay	174.666.668

Tên công ty có liên quan	Loại giao dịch	Tổng giá trị giao dịch trong niên độ 2016-2017
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Mua nguyên liệu	788.103.596.768
	Bán hàng hóa	576.614.234.980
	Trích trước mua nguyên liệu	253.120.000
Công ty TNHH MTV Hải Vi	Trích trước dịch vụ	23.429.454.343
	Chi hộ	14.795.241.668
	Bán dịch vụ	3.830.908.734
	Bán hàng hóa	2.544.098.559
	Mua mía nguyên liệu	534.242.200
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Mua dịch vụ	6.539.345.301
Công Ty TNHH MTV Kỹ Thuật Xây Dựng Toàn Thịnh Phát	Mua dịch vụ	6.811.361.927
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bao Bì Thành Thành Công	Mua hàng hóa	22.925.346.869
	Bán hàng hóa	8.438.095
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Bán hàng hóa	71.011.016.282
	Bán tài sản	3.789.946.332
Công ty TNHH MTV Nước Miaqua	Bán hàng hóa	342.139.704

(Nguồn Báo cáo tài chính kiểm toán 2016/2017)

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tất cả các quy định, quy chế và hoạt động của Công ty đều tuân thủ theo các quy định về Quản trị công ty của pháp luật và đang hướng dẫn áp dụng theo các thông lệ tốt nhất của quốc tế.

Các hoạt động nổi bật nhằm tuân thủ và nâng cao công tác quản trị công ty, gồm:

- » **Tuân thủ quy định về Quản trị Công ty:** Trong niên độ 2016-2017, Công ty tiếp tục có những điều chỉnh Điều lệ Công ty để phù hợp với các quy định mới của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Trong niên độ 2017-2018, Công ty sẽ tiếp tục xin ý kiến ĐHĐCĐ để sửa đổi Điều lệ và chỉnh sửa Quy chế quản trị công ty phù hợp với Nghị định 71/2017/NĐ-CP về việc Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng có hiệu lực kể từ ngày 01/08/2017.
- » **Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Công ty tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin và quyền của cổ đông trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2015-2016 vào ngày 31/10/2016 và ĐHĐCĐ bất thường niên độ 2016-2017 vào ngày 25/05/2017.
- » **Đảm bảo tính minh bạch và quyền lợi với tất cả các cổ đông và nhà đầu tư:** TTCS tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư 155/2015/TT-BTC có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 01/01/2016 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các văn bản hướng dẫn công bố thông tin của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở GDCK TP.HCM.
- » **Các giải thưởng liên quan đến công tác quản trị và công bố thông tin:** Niên độ 2016-2017, Công ty vinh dự nhận được giải thưởng Top 30 Báo cáo thường niên tốt nhất 2016 (hạng 17) và giải thưởng Báo cáo có nội dung phát triển bền vững tiến bộ nhất.
- » **Những vi phạm liên quan đến công tác quản trị và công bố thông tin:** Trong niên độ 2016-2017, Công ty không bị Sở GDCK Tp.HCM và UBCKNN nhắc nhở cũng như phạt vi phạm công bố thông tin.

 **CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)**

KẾ HOẠCH NÂNG CAO CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY

Triển khai áp dụng những chuẩn mực quản trị công ty của IFC

Niên độ 2016-2017, TTCS đã nỗ lực từng bước thực hành theo cơ chế quản trị tiên tiến và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định về pháp luật đối với một công ty cổ phần đại chúng niêm yết. Tuy nhiên, vì điều kiện hoạt động thực tế, Công ty vẫn chưa hoàn thành đầy đủ 1 số nội dung được khuyến khích và quy định về pháp luật quản trị công ty, cụ thể:

STT	Nội dung	Nguyên nhân	Giải pháp/Ghi chú
1	Xây dựng mô hình quản trị công ty theo chuẩn mực quốc tế, IFC và ASEAN.	Chưa thực hiện việc thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT vì Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị chưa quy định.	Bắt đầu triển khai áp dụng từng phần từ năm tài chính 2016/2017.
2	Các thành viên HĐQT tham gia các lớp cập nhật đào tạo về quản trị.	Bận công tác.	Đăng ký, sắp xếp TV.HĐQT tham dự đầy đủ theo quy định.

- » Tiếp tục sửa đổi, bổ sung VBLQ theo nhu cầu thực tế hoạt động Công ty: Trong niên độ 2017-2018, Công ty sẽ tiếp tục xin ý kiến ĐHĐCĐ để sửa đổi Điều lệ và chỉnh sửa Quy chế quản trị Công ty để phù hợp với Nghị định 71/2017/NĐ-CP về việc Hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng có hiệu lực kể từ ngày 01/08/2017. Việc này sẽ góp phần tạo hành lang pháp lý rõ ràng để triển khai hoạt động điều hành, hoàn thiện các quy chế/quy trình nội bộ nhằm nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả quản lý của TTCS đảm bảo sự thống nhất, tăng cường tính tuân thủ của Công ty.
- » Tiếp tục chuẩn hóa việc xây dựng Báo cáo thường niên tiệm cận chuẩn mực quốc tế: Công ty tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện theo khuyến nghị của Sở GDCK Tp.HCM, IFC theo bộ tiêu chí Balance Score Card đánh giá khu vực ASEAN. Trong niên độ 2017-2018, Công ty có kế hoạch tách nội dung phát triển bền vững thành báo cáo riêng để có thể cung cấp đầy đủ và rõ ràng hơn các thông tin theo khuyến nghị của UBCKNN, Sở GDCK Tp.HCM và chuẩn mực báo cáo của IFC.



Kế hoạch thành lập và hoạt động của các Tiểu ban chuyên trách thuộc HĐQT

HĐQT niên vụ 2016-2017 chưa thực hiện việc thành lập 03 tiểu ban trực thuộc. Nguyên nhân là các nội dung hoạt động của các tiểu ban chưa có trong quy định của Điều lệ và Quy chế quản trị công ty. Dự kiến trong niên độ 2017-2018, HĐQT sẽ trình xin ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế quản trị để chuẩn hóa hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT gồm:



Tiểu ban Chiến lược. Tiểu ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro. Tiểu ban Nhân sự và Đãi ngộ.

Các Tiểu ban sẽ được cơ cấu và bổ nhiệm các nhân sự phụ trách đảm bảo số lượng và yêu cầu về nhân sự theo quy định của Công ty và hoạt động theo trách nhiệm và nhiệm vụ được quy định trong Quy chế quản trị công ty. Hàng quý, các Tiểu ban họp và gửi báo cáo cho HĐQT theo phạm vi công việc được phân công.

Kế hoạch trong năm 2016-2017, các Tiểu ban sẽ tổ chức phụ trách thực hiện các báo cáo, đề xuất, tham mưu cho HĐQT đối với các công việc chuyên môn thuộc phạm vi của Tiểu ban như sau:

- » **Tiểu ban Nhân sự và Đãi ngộ**
- › Báo cáo tình hình nhân sự mỗi quý (số lao động, thu nhập, báo cáo về tuyển dụng...).
 - › Phối hợp với UBNS TTC để triển khai Dự án Quản trị nguồn nhân lực.
 - › Xây dựng, điều chỉnh và ban hành các chính sách lương, thưởng trong Khối Kinh doanh, Khối Nông nghiệp, Khối Nhà máy theo mô hình lương 3P, KPIs nhằm động viên, khích lệ CBNV trong tình hình kinh doanh nhiều thách thức và phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty.
 - › Phối hợp Tiểu ban Tài chính tổ chức triển khai mục tiêu, chiến lược 2016-2020 và kế hoạch kinh doanh 2016.
 - › Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
 - › Cập nhật, xây dựng và lập kế hoạch nguồn nhân lực, kế hoạch đào tạo, đội ngũ nhân sự kế thừa.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)



» Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro

- Thực hiện phối hợp kiểm tra và đánh giá báo cáo tài chính, phối hợp với Công ty Kiểm toán Ernst&Young (EY) hoàn thiện báo cáo kiểm toán theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện góp ý thư quản lý của EY.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách và kiểm soát chi phí.
- Báo cáo chi tiết doanh thu, lợi nhuận.
- Phân tích, tham mưu tài chính và cung cấp số liệu kịp thời cho nhu cầu quản trị Công ty.
- Hoàn thiện và cập nhật các Quy chế VBLQ khung phục vụ công tác điều hành.
- Nhận diện và cảnh báo các vấn đề về quản trị rủi ro chưa tuân thủ hướng dẫn hoạt động.

» Tiểu ban Chiến lược

- Chỉ đạo BDH triển khai phân rã thực hiện xây dựng KHHĐ phát triển CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh giai đoạn 2016-2020.
- Xây dựng kế hoạch triển khai nâng cao giá trị thương hiệu, mở rộng thị phần, xuất khẩu, khai thác lợi thế hệ thống phân phối: các giải thưởng và danh hiệu nhận được nhằm hỗ trợ tăng trưởng doanh thu; thị phần và tăng trưởng so với ngành; nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng; nâng cao sự thỏa mãn khách hàng; khai thác lợi thế hệ thống phân phối.
- Tối đa hóa năng lực và hiệu quả sản xuất, chất lượng, nghiên cứu: tăng năng suất lao động; tăng tỷ lệ tự động hóa; nâng cao chất lượng sản phẩm; nâng cao tiêu chuẩn nhà máy; cải tiến sản phẩm; nghiên cứu sản phẩm mới, sản phẩm khác biệt
- Tối đa hóa năng lực và quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính và chuỗi cung ứng.
- Mở rộng hợp tác đầu tư theo hướng đa dạng hóa sản phẩm.
- Trách nhiệm xã hội và môi trường: thực hiện nhiều chương trình hướng đến cộng đồng.

KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Thành lập Ban Kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm toán nội bộ TTCS được thành lập trên cơ sở với các mục tiêu chính:

- Đảm bảo các rủi ro trọng yếu được quản lý và kiểm soát hiệu quả thông qua chính sách quy định rõ nghĩa vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các bộ phận liên quan;
- Giảm thiểu những rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro, cải tiến hệ thống kiểm soát cũng như quy trình quản trị;
- Giúp công ty hoạt động năng suất và hiệu quả hơn thông qua Tư vấn, báo cáo và định hướng cho Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành về kiểm soát rủi ro; Xây dựng những phương pháp, chương trình, cách thức tiếp cận kiểm toán có hiệu quả.

(Risk management). Tuyến này đóng vai trọng trong việc độc lập đánh giá và kiểm soát tính hiệu quả của hệ thống ở tuyến phòng thủ thứ nhất; giám sát các chương trình kiểm soát nội bộ, tuân thủ... đảm bảo phát hiện kịp thời các sai sót và cải thiện quy trình cho tốt hơn, kiểm soát hiệu quả hơn.

- Tuyến thứ ba: là Ban Kiểm toán nội bộ. Đây là bộ phận trực thuộc Hội đồng Quản trị và không thuộc Ban Điều hành, nên việc đánh giá 2 tuyến phòng thủ trước và các rủi ro có thể xảy ra được thực hiện độc lập và khách quan.

Rủi ro và các biện pháp phòng ngừa rủi ro

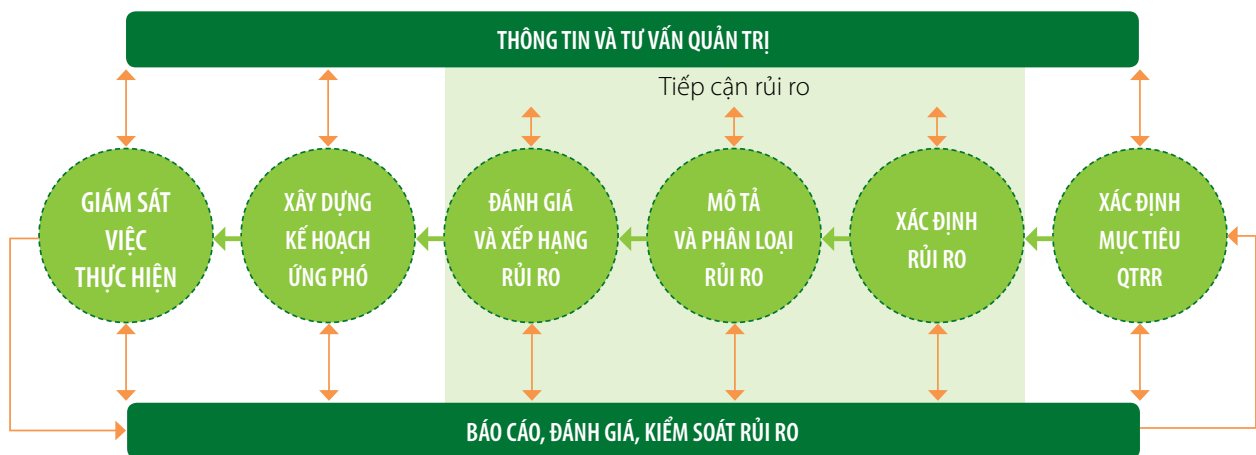
(Xem phần "Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của TTCS" trang 44)

Định hướng hoạt động quản trị rủi ro niên độ 2017-2018

Mô hình quản trị rủi ro

TTCS lựa chọn nguyên tắc quản trị chính thông qua triển khai mô hình quản trị rủi ro "3 tuyến phòng ngự" (3 lines of defence) như sau:

- Tuyến thứ nhất: là các khối trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất và kinh doanh như khối Nông nghiệp, Khối Nhà máy, Khối Kinh doanh. Nhiệm vụ chính của các đơn vị này là xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành khác; bảo vệ lợi ích của đơn vị thông qua việc tự đánh giá rủi ro và kiểm soát tính hiệu quả của từng đơn vị.
- Tuyến thứ hai: là các Bộ phận pháp chế (Compliance), Kiểm soát nội bộ (Internal control), Quản trị rủi ro
- Áp dụng các thông lệ quản trị rủi ro tốt nhất nhằm duy trì các tiêu chuẩn chất lượng cao trong hoạt động, góp phần củng cố hoạt động quản trị doanh nghiệp.
- Văn bản hóa các quy định trong hoạt động quản lý rủi ro để có cơ sở hướng dẫn và thực hiện được nhất quán tại Công ty và các đơn vị thành viên.
- Nâng cao hiệu quả của việc trao đổi thông tin, phối hợp giữa 3 tầng phòng thủ.
- Tiếp tục phát huy văn hóa quản lý rủi ro, tổ chức đào tạo, cập nhật kiến thức quản lý rủi ro trong Công ty, phát triển nguồn nhân lực thực hiện công tác quản lý rủi ro tại Công ty và các đơn vị thành viên.



NỖ LỰC HÀNH ĐỘNG ...

... GẮN KẾT CỘNG ĐỒNG



Với tâm niệm thành công luôn song hành cùng trách nhiệm xã hội, nhiều năm qua ngoài việc chú trọng cho ra những sản phẩm chất lượng, TTCS còn tích cực đóng góp vào các hoạt động thiện nguyện, chung tay vì cộng đồng, hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp Phát triển bền vững	»	132
Thông lệ báo cáo	»	134
Sự tham gia của các bên liên quan	»	136
Xác định các vấn đề trọng yếu và nội dung báo cáo	»	139
Các vấn đề về kinh tế	»	140
Các vấn đề về môi trường	»	150
Các vấn đề về xã hội	»	162
Mục lục GRI	»	178





VỚI QUAN ĐIỂM XUYÊN SUỐT VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHẤT QUÁN VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, TTCS SẼ TIẾP TỤC DUY TRÌ VÀ NÂNG CAO CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH NHẪM MANG LẠI CÁC GIÁ TRỊ BỀN VỮNG TRÊN CÁC KHÍA CẠNH KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN: NÔNG DÂN - KHÁCH HÀNG - NHÂN VIÊN - ĐỐI TÁC - CỔ ĐÔNG & CỘNG ĐỒNG TRONG MÙA VỤ 2017-2018.

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác, toàn thể nhân viên và người trồng mía!

Niên độ 2016-2017 là năm thứ hai trong chiến lược phát triển 2016-2020 gắn với thông điệp “Xanh - Sạch - Phát triển bền vững” của Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (TTCS). Mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức nhưng nhìn lại những thành tựu trong niên độ 2016-2017 của TTCS cả về lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội, Tôi tự hào với những kết quả mà tập thể cán bộ nhân viên đã đạt được:

- » Đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận ổn định, môi trường lao động và lương thưởng phù hợp đem lại lợi ích bền vững cho các cổ đông và cán bộ nhân viên.
- » Củng cố hệ thống nền tảng nông nghiệp và thực phẩm thông qua việc ứng dụng khoa học kỹ thuật cao trong quá trình canh tác và nâng cao giá trị thương hiệu trong lòng người tiêu dùng.
- » Cải tiến và hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp với các sáng kiến, mô hình tổ chức chặt chẽ, chuyên nghiệp, giúp tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và quản trị rủi ro.
- » Kinh doanh có trách nhiệm, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên, chung tay bảo vệ môi trường, tuân thủ luật pháp là tôn chỉ và là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của TTCS.

» Chung tay hỗ trợ địa phương, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và là một trong các doanh nghiệp tích cực nhất trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và hoạt động hỗ trợ cộng đồng.

Với quan điểm xuyên suốt và định hướng nhất quán về chiến lược phát triển bền vững, TTCS sẽ tiếp tục duy trì và nâng cao các hoạt động và chương trình nhằm mang lại giá trị bền vững trên các khía cạnh kinh tế - xã hội - môi trường cho các bên liên quan: Nông dân - Khách hàng - Nhân viên - Đối tác - Cổ đông & Cộng đồng trong mùa vụ 2017-2018.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh, tôi muốn bày tỏ sự cảm kích chân thành tới Quý vị, những người đã luôn tin tưởng, đồng hành và ủng hộ chiến lược phát triển bền vững của TTCS. Tôi tin tưởng vào thành công của TTCS trong niên độ 2017-2018 và một tương lai tốt đẹp hơn cho người nông dân, ngành nông nghiệp và thực phẩm của Việt Nam. Cùng nhau chúng ta hãy tạo dựng những giá trị bền vững cho người dân Việt Nam.

Trân trọng./.

**TM. Hội đồng Quản trị
Phó Chủ tịch Thường trực**

NGUYỄN THỊ HOA



TIÊU CHUẨN BÁO CÁO

Để đánh giá các tác động tích cực và tiêu cực của Công ty đối với mục tiêu phát triển bền vững một cách công bằng và hợp lý, niên độ 2017-2018 TTCS đã sử dụng Bộ tiêu chuẩn GRI (phiên bản được nâng cấp từ GRI4 và được cấu trúc lại thành một bộ các tiêu chuẩn có liên quan với nhau) để báo cáo về tác động của Công ty đối với nền kinh tế, môi trường và xã hội. Trong đó, chúng tôi lựa chọn cách thức công bố theo hướng Cốt lõi để trình bày những thông tin tối thiểu cần thiết về bản chất của TTCS, các chủ đề trọng yếu của TTCS, các tác động liên quan và cách thức quản lý những tác động này tại TTCS. Vì đây là báo cáo phát triển bền vững tích hợp nên một số thông tin theo tiêu chuẩn GRI đã được trình bày trong phần Báo cáo thường niên trên cơ sở đồng tham khảo Hướng dẫn công bố thông tin về môi trường và xã hội của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, IFC và Thông tư 155/2015/TT-BTC nhằm thực hiện báo cáo một cách thuận tiện, minh bạch và hiệu quả hơn.

PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo được thực hiện tại Việt Nam, về lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mía đường, được lập cho TTCS và các công ty thành viên.

KỲ BÁO CÁO

Thông tin và dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho niên độ 2016-2017 bắt đầu từ ngày 01/07/2016 và kết thúc ngày 30/06/2017. Báo cáo phát triển bền vững của TTCS được thực hiện định kỳ hằng năm và công bố cùng Báo cáo thường niên TTCS.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

TTCS đang nỗ lực để đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến chân thành của Quý vị. Mọi ý kiến đóng góp, thắc mắc liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, Quý vị vui lòng gửi về địa chỉ:

Website: www.ttcsugar.com.vn

ĐT: (066) 3753250 - Fax: (066) 3839834

Bà **ĐINH THỊ NGỌC THẢO**

» Email: co.mgr@ttcsugar.com.vn

» Chức vụ: Chánh văn phòng Công ty

Ông **NGUYỄN QUANG THÁI**

» Email: thainq1@ttcsugar.com.vn

» Chức vụ: Chuyên viên VP.HDQT



Để đánh giá các tác động tích cực và tiêu cực của Công ty đối với mục tiêu phát triển bền vững một cách công bằng và hợp lý, niên độ 2017-2018 TTCS đã sử dụng Bộ tiêu chuẩn GRI (phiên bản được nâng cấp từ GRI4 và được cấu trúc lại thành một bộ các tiêu chuẩn có liên quan với nhau) để báo cáo về tác động của Công ty đối với nền kinh tế, môi trường và xã hội.





SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Với phương châm trung thực, công khai, minh bạch trong mọi hoạt động, TTCS đã chủ động nghiên cứu, xây dựng cơ chế hợp lý để các bên liên quan tham gia ý kiến. Từ đó, TTCS đưa ra những giải pháp thiết thực, các định hướng chiến lược góp phần hoàn thiện cách thức quản lý và vận hành hoạt động Công ty, hướng tới mục tiêu mang lại chuỗi giá trị bền vững cho các bên liên quan.



Các bên liên quan	Phương pháp tiếp cận	Các mối quan ngại và chủ đề chính
Khách hàng - Người tiêu dùng	» Tổ chức các cuộc khảo sát thị hiếu, thăm định chất lượng nhằm lấy ý kiến đóng góp của người tiêu dùng. » Cập nhật thông tin trên facebook, website. » Tổ chức các buổi hội thảo phòng vệ thực phẩm để nâng cao nhận thức cho khách hàng về nhu cầu an toàn thực phẩm sạch.	» Chất lượng sản phẩm tốt và an toàn đối với sức khỏe. » Danh mục sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu của nhiều nhóm đối tượng khách hàng khác nhau. » Giá cả phù hợp. » Dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt.
Khách hàng - Nhà phân phối	» Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp. » Tiếp nhận thông tin thông qua email, điện thoại,... » Ghi nhận các phản hồi từ nhà phân phối, xây dựng chính sách gắn bó khách hàng lâu dài, củng cố hệ thống đại lý Brandshop... » Định kỳ thường niên tổ chức Hội nghị nhà phân phối, ghi nhận và tôn vinh các nhà phân phối có thành tích cao với Công ty.	» Uy tín thương hiệu và chất lượng sản phẩm. » Sản phẩm đa dạng, chất lượng. » Các chính sách bán hàng ưu đãi. » Dịch vụ chăm sóc khách hàng tận tâm, chu đáo.
Nhân viên	» Khảo sát các kết quả đánh giá sự hài lòng về môi trường làm việc, các chính sách lương, thưởng, phúc lợi... » Lấy ý kiến thông qua email, điện thoại, mạng xã hội. » Các chương trình đào tạo nội bộ. » Các hoạt động nội bộ tại Công ty: hoạt động văn nghệ, thể thao, đoàn thể,...	» Môi trường làm việc thoải mái, không phân biệt đối xử. » Chính sách đào tạo và cơ hội thăng tiến. » Chính sách phúc lợi, lương thưởng và chế độ làm việc tốt.
Đối tác	» Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp. » Hội nghị vận chuyển, logistic, hội nghị đầu công. » Thông qua các quy chế đấu thầu, hợp đồng hợp tác, quy chế mua hàng,...	» Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. » Các vấn đề về môi trường xã hội, đặc biệt ở những địa phương đặt nhà máy sản xuất. » Hợp tác trên tinh thần cùng có lợi.
Cổ đông và nhà đầu tư	» Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp các công ty chứng khoán, đại diện quỹ đầu tư, định chế đầu tư. » Tiếp nhận ý kiến phản hồi qua email, điện thoại, fax,... » Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường; » Công bố thông tin theo quy định HOSE, Ủy ban CKNN. » Tham dự các hội thảo Nhà đầu tư; Diễn đàn M&A thường niên để chia sẻ thông tin và cơ hội mở rộng đầu tư.	» Hiệu quả hoạt động kinh doanh đạt được. » Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. » Năng lực quản trị của doanh nghiệp. » Minh bạch thông tin và đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư. » Giá trị thị trường của cổ phiếu và giá trị của doanh nghiệp. » Chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.



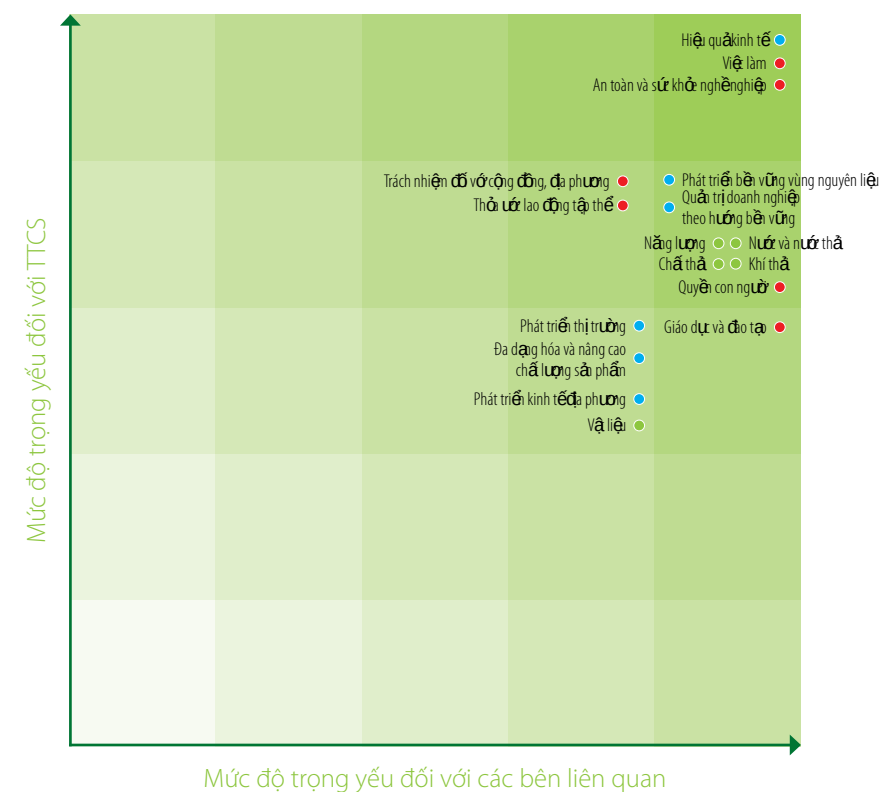
SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các bên liên quan	Phương pháp tiếp cận	Các mối quan ngại và chủ đề chính
Nông dân trồng mía	» Tổ chức Hội thảo đầu vụ; Hội nghị tổng kết vụ mùa để đánh giá kết quả công tác nguyên liệu mỗi mùa vụ. » Cử cán bộ nông vụ thường xuyên và trực tiếp khảo sát, tiếp nhận thông tin, phản hồi từ nông dân. » Tổ chức các hội thảo chuyên môn về kỹ thuật canh tác, nông nghiệp,... để phổ biến cho người trồng mía. » Tổ chức Hội nghị quốc tế mía đường hằng năm để cập nhật các thông tin, xu hướng mới nhất của ngành đường Việt Nam và thế giới.	» Bao tiêu sản lượng đầu ra. » Bảo hiểm giá mua mía tối thiểu. » Chính sách giá thu mua ổn định. » Phổ biến phương thức canh tác hiệu quả, chuyển giao khoa học công nghệ.
Cộng đồng địa phương	» Thực hiện các chương trình, sự kiện tại nhiều tỉnh thành trên cả nước. » Tổ chức các chương trình về bảo vệ môi trường. » Tài trợ các đơn vị xã hội, cộng đồng, Quỹ bảo trợ trẻ em trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. » Tài trợ góp phần xây dựng các chương trình từ thiện theo Thư mời kêu gọi của các tổ chức: Hội Liên hiệp Phụ nữ; Mặt trận Tổ quốc... » Hưởng ứng các cuộc vận động về hiến máu nhân đạo, kêu gọi vì người nghèo,...	» Tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân địa phương. » Các hoạt động chung tay vì cộng đồng. » Các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường.
Chính quyền, cơ quan nhà nước	» Tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên ngành mía đường do Chính phủ, các Bộ ngành tổ chức. » Tham gia các hội nghị, các tổ chức, hiệp hội mía đường xúc tiến thương mại. » Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và phí theo quy định.	» Tuân thủ đúng pháp luật. » Tuân thủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước. » Thực hiện sản xuất kinh doanh có trách nhiệm đối với sức khỏe người tiêu dùng, môi trường và xã hội.
Báo chí	» Phỏng vấn trả lời báo chí. » Thực hiện thông cáo báo chí khi có sự kiện. » Website, mạng xã hội. » Phối hợp thực hiện series các phóng sự, chương trình truyền hình tại Tây Ninh và báo đài chính thống về các nội dung phát triển vùng nguyên liệu mía, phát triển cộng đồng.	» Công bố thông tin đúng quy định, kịp thời và minh bạch. » Thông tin trao đổi, phát ngôn với các cơ quan báo đài rõ ràng, chính xác về hoạt động của Công ty và của ngành.



XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU VÀ NỘI DUNG BÁO CÁO

Trên cơ sở đánh giá tình hình chung của ngành và xem xét mối quan tâm chính của các bên liên quan, TTCS lựa chọn các vấn đề trọng yếu phản ánh tác động của Công ty về mặt kinh tế, môi trường và xã hội, có ảnh hưởng đến quyết định của các bên liên quan và đáng đưa vào báo cáo như sau:



KINH TẾ



MÔI TRƯỜNG



XÃ HỘI



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong niên độ 2016-2017, TTCS đã tiếp tục các hoạt động thiết thực góp phần nâng cao giá trị thương hiệu trong lòng người tiêu dùng như: mở rộng hệ thống phân phối, tung ra sản phẩm đường organic, chuỗi hội thảo phòng vệ thực phẩm... Các hoạt động này không chỉ góp phần đưa sản phẩm của Công ty đến gần hơn với người tiêu dùng mà còn thể hiện vai trò và trách nhiệm của TTCS trong việc chống lại cơn bão thực phẩm bẩn mà hàng triệu người dân Việt Nam đang phải đối mặt. Chi tiết các hoạt động như sau:

Mở rộng phát triển chuỗi Brandshop

Với định hướng phát triển thương hiệu bền vững, ngành mía đường TTCS luôn chú trọng vào các chương trình đồng hành cùng người nông dân, hiện đại hóa quy trình canh tác, sản xuất,... Hiện nay, TTCS sở hữu khá đa dạng nhiều dòng sản phẩm và tiếp tục nghiên cứu phát triển các loại đường có lợi cho sức khỏe, tham gia các chương trình bình ổn giá bán, mở rộng hệ thống khách hàng tiêu

dùng và công nghiệp trên cơ sở mạng lưới hơn 40 nhà phân phối trên khắp cả nước.

Đặc biệt, mô hình Brandshop là một điểm nhấn độc đáo trong chuỗi giá trị TTCS và một số đối tác đang liên kết đẩy mạnh xây dựng với mục tiêu phủ khắp cả nước và mở rộng ra quốc tế đến năm 2020. Theo đó, trong năm 2017, TTCS thực hiện triển khai lắp đặt mô hình Brandshop tại các khu du lịch thuộc Tập đoàn TTC như TTC World - Thung lũng Tình yêu, TTC World - Tà Cú, Khu phức hợp Vịnh Đầm - Phú Quốc.

Đây là những điểm đến lý tưởng của du khách cũng là nơi tiếp cận nhiều nguồn khách hàng, mang lại hiệu quả thị giác về thương hiệu đồng thời với mong muốn mang các sản phẩm thiết yếu (đường, trà, nước) có giá trị dinh dưỡng cao, an toàn sức khỏe đến người tiêu dùng theo phương châm chất lượng làm nên thương hiệu, sản phẩm sạch vì sức khỏe cộng đồng.



SỞ HỮU CHẤT LƯỢNG THƯỢNG HẠNG ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ, NAY LẠI KHOÁC THÊM DIỆN MẠO MỚI, THƯƠNG HIỆU T.SU NÓI RIÊNG VÀ CÁC SẢN PHẨM CỦA TTCS NÓI CHUNG ĐÃ SẴN SÀNG CHINH PHỤC NHỮNG THỬ THÁCH TRONG TƯƠNG LAI. T.SU TIẾP TỤC LÀ NGƯỜI BẠN ĐỒNG HÀNH THÂN THIẾT, ĐÁNG TIN CẬY CỦA MỌI GIA ĐÌNH VIỆT.

Tái định vị TSU: Diện mạo mới đồng hành cùng mọi gia đình

Đầu tháng 10/2016, nhãn hàng T.SU tiếp tục được giới thiệu với diện mạo mới, bắt đầu từ 3 sản phẩm đường T.SU hiện tại là Extra premium, Premium và Family. Tiếp sau đó, hàng loạt sản phẩm cao cấp khác từ T.SU cũng sẽ lần lượt ra mắt thị trường, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

Với mong muốn đa dạng hóa các dòng sản phẩm đường, phục vụ nhu cầu của khách hàng ở mọi phân khúc thị trường từ trung bình đến cao cấp, TTCS đã thực hiện tái cấu trúc định vị và chuẩn hóa lại toàn bộ hình ảnh sản phẩm. Trong đó, T.SU được định vị là dòng sản phẩm cao cấp. Vì thế gần 2 năm ra mắt (vào tháng 7/2015), nhãn hàng T.SU tiếp tục được giới thiệu với diện mạo mới, hiện đại và đẳng cấp hơn.

Trước hết, thương hiệu vẫn giữ tên gọi T.SU vì đây là yếu tố cốt lõi thể hiện tinh thần chính vốn có của sản phẩm. T.SU viết tắt của cụm từ "Trust Sugar", là câu chuyện về dòng sản phẩm đường uy tín hàng đầu Việt Nam, với công nghệ Châu Âu đạt tiêu chuẩn quốc tế. T.SU mang đến cho người tiêu dùng sự yên tâm về chất lượng, an toàn cho sức khỏe của cả gia đình.

Bên cạnh đó, phông chữ T.SU được cải tiến về mặt hình ảnh, đồng nhất với quy chuẩn logo TTC và TTCS, có nét chữ tròn trịa dễ nhìn, dễ đọc tạo cảm giác thân thiện, gần gũi. Về mặt ý nghĩa, việc sử dụng chung phông chữ này nhằm khẳng định cho người tiêu dùng biết đây là một sản phẩm chất lượng thuộc Tập đoàn TTC. Ngoài ra, không đơn thuần chỉ là Nông nghiệp Xứng dụng khoa

học kỹ thuật vào công tác quản lý mẫu mã sản phẩm, hình ảnh bao bì còn thể hiện câu chuyện thương hiệu và những gửi gắm đầy ý nghĩa của nhà sản xuất đến người tiêu dùng. Song song với thay đổi diện mạo theo hướng hài hòa, hiện đại và sang trọng hơn, bao bì mới của T.SU lấy ý tưởng từ câu chuyện về đường pha lê làm điểm nhấn chính xuyên suốt toàn bộ thiết kế.

Theo đó, đặc tính nổi bật của pha lê chính là độ trong suốt hoàn hảo, tượng trưng cho sự tinh khiết, nhẹ nhàng. Để có được sản phẩm pha lê trong và sáng đòi hỏi công nghệ chế tác đặc biệt công phu, tỉ mỉ. Tương tự như pha lê, các hạt đường T.SU cũng đạt độ tinh khiết gần như tuyệt đối lên đến 99,9% nhờ vào công nghệ Châu Âu hiện đại, với dây chuyền sản xuất khép kín được nhập từ Anh, Bỉ, Pháp..., mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm đạt an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn xuất khẩu quốc tế. Điểm khác biệt này được thể hiện bằng biểu tượng "Export Sugar" trên bao bì sản phẩm.

Không giống các sản phẩm khác, đường T.SU được đóng gói bằng bao bì túi đứng và phần lớn sử dụng chất liệu trong suốt để người tiêu dùng có thể kiểm chứng độ trắng, độ tinh khiết vượt trội. Mỗi sản phẩm T.SU là kết tinh của nguồn nguyên liệu tự nhiên qua các khâu chọn lọc nghiêm ngặt, kết hợp hệ thống dây chuyền sản xuất hiện đại.

Sở hữu chất lượng thượng hạng đạt chuẩn quốc tế, nay lại khoác thêm diện mạo mới, thương hiệu T.SU nói riêng và các sản phẩm của TTCS nói chung đã sẵn sàng chinh phục những thử thách trong tương lai. T.SU tiếp tục là người bạn đồng hành thân thiết, đáng tin cậy của mọi gia đình Việt. Đồng thời mạnh mẽ tiến xa ra thế giới, đón đầu quá trình hội nhập và tự tin sánh vai với các sản phẩm ngoại.

Qua chiến dịch đổi mới này, TTCS một lần nữa tái khẳng định cam kết sứ mệnh luôn phát triển vì khách hàng, không ngừng nghiên cứu, cải tiến chất lượng, hình ảnh để sản phẩm ngày càng tốt hơn; cũng như đảm bảo thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với cổ đông, người lao động và cộng đồng. Đây cũng chính là bước đệm vững chắc giúp thương hiệu T.SU tiếp tục cho ra đời hàng loạt sản phẩm mới ở phân khúc cao cấp như đường organic, đường phèn, đường lòng,... đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Đường T.SU Special Organic: Chiến lược quan trọng đem đến sản phẩm sạch, có lợi cho sức khỏe người dùng

Đường là loại gia vị thiết yếu trong hầu hết các món ăn, thức uống hàng ngày. Do đó, việc sử dụng các sản phẩm chất lượng với liều dùng phù hợp không chỉ góp phần tăng thêm hương vị cho thực phẩm khi thưởng thức, mà quan trọng hơn cả là đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và lợi ích sức khỏe.

Trước cơn bão thực phẩm bất ổn thời gian qua, xu hướng chọn lọc các sản phẩm sạch, có lợi cho sức khỏe đã góp phần tạo dựng chỗ đứng nhất định trên thị trường cho thực phẩm hữu cơ. Tuy nhiên, thực tế hiện nay mối quan tâm của các nhà sản xuất và người tiêu dùng mới chỉ tập trung chủ yếu vào các loại thực phẩm như gạo, thịt cá, rau củ quả,... trong khi mặt hàng gia vị thông dụng như đường, muối vẫn còn khá hạn chế về nguồn cung và chủng loại.

Tại Việt Nam, người tiêu dùng có nhu cầu sử dụng đường hữu cơ chỉ có thể tìm đến các cửa hàng bán đồ nhập khẩu với giá thành tương đối cao. Do hạn chế về nguồn vốn, kênh tiêu thụ cũng như nhu cầu, các doanh nghiệp trong nước chưa mạnh dạn đầu tư vào lĩnh vực nhiều tiềm năng này.

Sau giai đoạn nghiên cứu và thực nghiệm từ các nông trường organic, dòng sản phẩm “Đường Organic - Lựa chọn cho sức khỏe” của TTCS đã khởi động dự án sản xuất đường hữu cơ đầu tiên tại Việt Nam từ năm 2015. Dự án vận hành theo mô hình khép kín, từ khâu trồng trọt, canh tác tới sản xuất, đóng gói thành phẩm. Theo đó, TTCS đã hợp tác với các tổ chức chứng nhận quốc tế Control Union và Peterson Consultancy, đầu tư dự án sản xuất đường hữu cơ đầu tiên tại Việt Nam và đánh giá cấp chứng nhận đạt các tiêu chuẩn Châu Âu (EC 834/2007) và Mỹ (USDA- NOP) đưa ra thị trường sản phẩm đường hữu cơ với công suất 1 tấn sản phẩm/ngày.

Đây được xác định là một phần quan trọng trong chiến lược hoàn thiện chuỗi giá trị sản phẩm và phát triển bền vững của TTCS, trên cơ sở đáp ứng tối ưu nhu cầu sử dụng đa dạng các loại sản phẩm chất lượng, đảm bảo sức khỏe của người tiêu dùng giữa ma trận thực phẩm bất ổn hiện nay.

Sở hữu danh mục khách hàng, đối tác uy tín trong lĩnh vực thực phẩm, đồ uống và hệ thống phân phối rộng khắp cả nước, TTCS dự kiến thông qua kênh này đưa sản phẩm đường hữu cơ đến gần hơn với cộng đồng người tiêu dùng, từng bước nâng cao nhận thức của người dân trong việc lựa chọn các sản phẩm có lợi cho sức khỏe gia đình.

Với tinh thần tiên phong đổi mới, sáng tạo và không ngừng hoàn thiện, mục tiêu tiếp theo của TTCS là cùng với cộng đồng doanh nghiệp mía đường trên cả nước tiếp tục nghiên cứu và phát triển các sản phẩm chất lượng cao hơn nữa với giá thành phù hợp hơn trong thời gian tới.

Phòng vệ thực phẩm: Tiếp tục triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức của người tiêu dùng

Phòng vệ thực phẩm là một hệ thống hiệu quả giúp ngăn ngừa và làm giảm các tác động cố ý vào thực phẩm như việc sử dụng hóa chất, tác nhân sinh học hoặc các chất có hại khác.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc phòng vệ thực phẩm TTCS không ngừng nghiên cứu, rút tỉa kinh nghiệm để đúc kết thành một chuỗi quy trình sản xuất và kiểm soát chất lượng đường thành phẩm. Mỗi sản phẩm được tung ra thị trường đều có mã vạch có thể truy vết ngày sản xuất, hàm lượng độ ẩm, độ màu,... từ đó người tiêu dùng có thể an tâm hơn khi sử dụng sản phẩm của Công ty, tránh tình trạng hàng giả và hàng kém chất lượng.

Trong năm vừa qua, Công ty đã tổ chức thành công Hội thảo “Nâng cao nhận thức Phòng vệ thực phẩm”, thu hút sự quan tâm của trên 200 khách hàng từ các doanh nghiệp, trường học trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Long An và các vùng lân cận. Dự kiến trong niên độ kế tiếp, chuỗi hoạt động sẽ được tổ chức ở cả miền Trung và miền Bắc. Đồng hành thực hiện cùng chương trình có sự hỗ trợ, phối hợp của Sở Công thương cùng các đối tác khác như Vissan, trường Đại học Nông Lâm Tp. HCM.

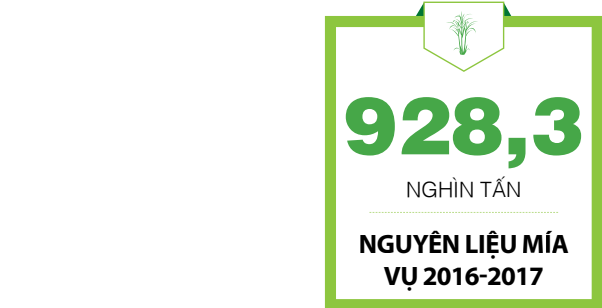
Trước đó, TTCS đã mở đầu chuỗi hoạt động này vào năm 2014 ở Tp. HCM và thấy được nhiều hiệu quả của chương trình mang lại, năm 2015, 2016 TTCS liên tục mở rộng quy mô thực hiện ở Tp. HCM, Tây Ninh và Bình Dương.

Hội thảo đã đóng góp tích cực vào việc nâng cao nhận thức và đưa ra các phương pháp xây dựng hệ thống Phòng vệ thực phẩm; chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn về quá trình xây dựng và vận hành hệ thống Phòng vệ thực phẩm; hình thành ý thức đảm bảo an toàn trong sản xuất, phân phối sản phẩm từ nông trại đến bàn ăn với mục tiêu bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

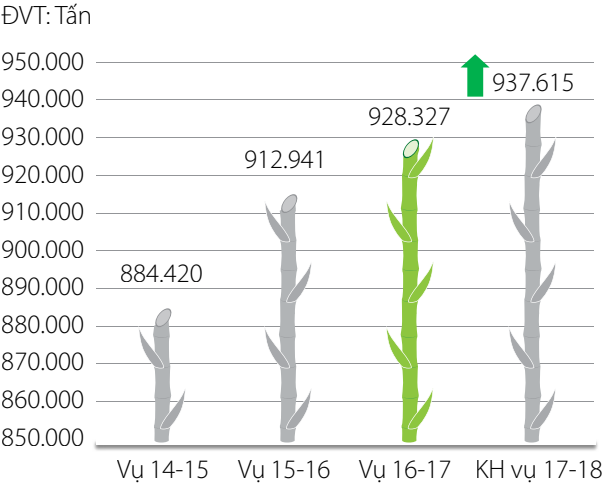
NÔNG NGHIỆP

Trong bối cảnh hội nhập AFTA 2018 đang đến gần, ngành đường Việt Nam nói chung và TTCS nói riêng có thể sánh ngang với các cường quốc mía đường trên thế giới như Thái Lan, Úc, Brazil,... cần lên kế hoạch tăng năng lực cạnh tranh, giảm giá thành sản xuất đường. Từ trước đến nay, nguyên liệu là yếu tố đầu vào quan trọng, chiếm 80% giá thành sản xuất đường. Muốn giảm giá thành sản xuất đường cần phải giảm chi phí mua mía nhưng không vì thế mà TTCS chèn ép hay hạ giá mua mía của bà con nông dân. Với phương châm xuyên suốt “Trách nhiệm của chúng ta là làm giàu cho nông dân”, niên độ 2016-2017 Công ty đã có những chính sách thu mua, thu hoạch hợp lý, đồng thời tiếp tục nâng cao chất lượng giống, quy hoạch đồng ruộng và hiện đại hóa công tác nông nghiệp thông qua các hoạt động như sau:

Nguyên liệu mía	Đơn vị tấn
Vụ 14-15	884.420,07
Vụ 15-16	912.941,25
Vụ 16-17	928.327,34
KH vụ 17-18	937.615

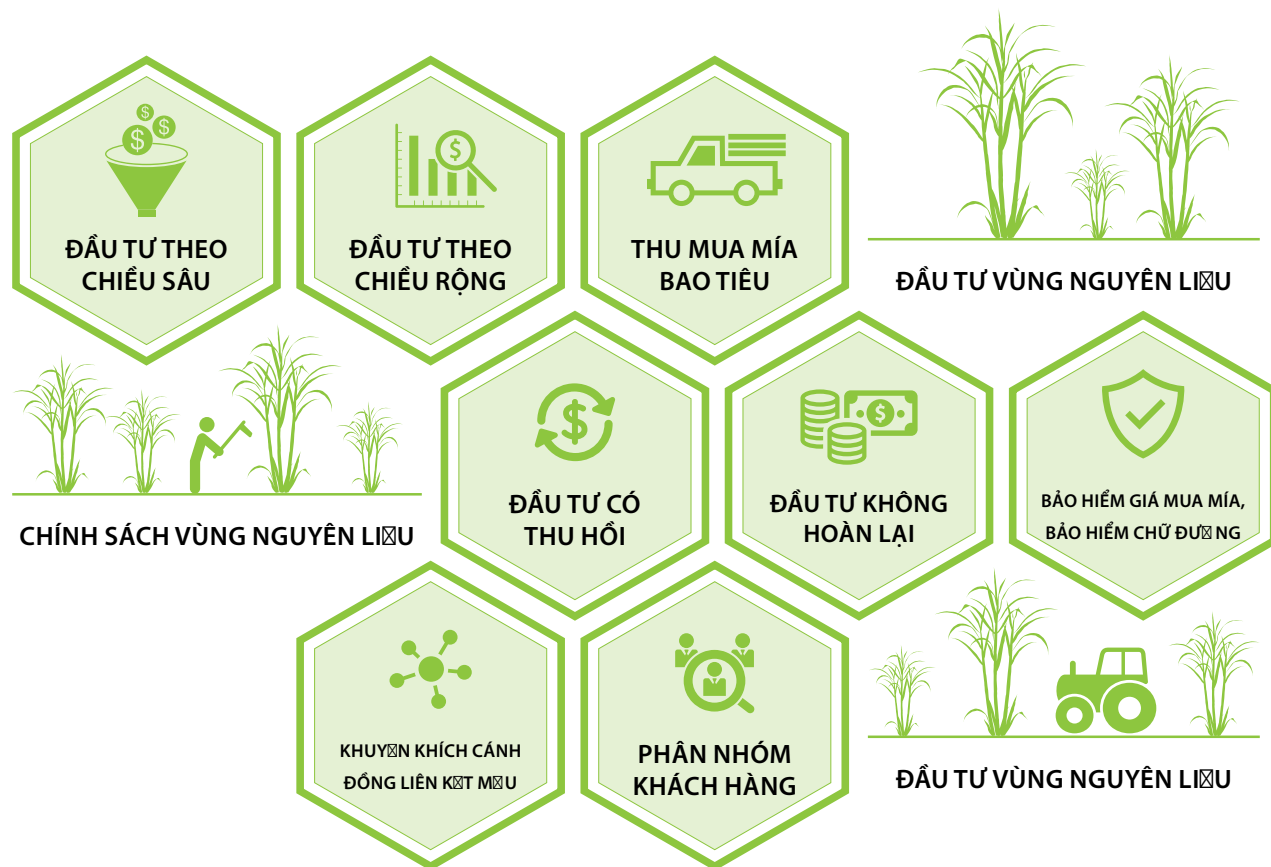


Biểu đồ Nguyên liệu mía





CÁC VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ (TIẾP THEO)



Phát triển vùng nguyên liệu được xem là công tác ưu tiên hàng đầu của Công ty, là công tác quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty. Với chiến lược phát triển vùng nguyên liệu ổn định, bền vững, năng suất chất lượng cao; tiến tới mục tiêu chủ động và làm chủ vùng nguyên liệu, ngoài công tác thu mua mía bao tiêu và đầu tư theo chiều rộng, Công ty còn đẩy mạnh đầu tư chiều sâu vào vùng nguyên liệu thông qua các chương trình: phát triển sản xuất tập trung áp dụng khoa học kỹ thuật cao; nhân rộng mô hình cánh đồng mẫu lớn ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại, canh tác khép kín từ cung ứng giống mía đến khâu thu hoạch về nhà máy; đẩy mạnh cơ giới hóa; phát triển công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp; cải tiến và sản xuất các giống mía cho năng suất tốt... Chính nhờ chính sách trên, vùng nguyên liệu mía ổn định sản lượng mía đủ cung cấp cho nhà máy.

Những điểm nổi bật trong chính sách thu mua mía vụ 2016-2017

Trong vụ thu hoạch 2016-2017, TTCS đã triển khai thu mua mía tươi 10 CCS từ đầu vụ đến 01/01/2017 với giá 1.050.000 đồng/tấn, đồng thời áp dụng bảo hiểm chữ đường ở mức 8 CCS cho các hộ nông dân. Mức bảo hiểm này đã góp phần đảm bảo doanh thu cho người trồng mía trong bối cảnh năng suất và chất lượng mía bị ảnh hưởng do hạn hán, ngập mặn thời gian qua.

Nhằm giảm thiểu thiệt hại do thời tiết bất lợi, cũng như tạo điều kiện cho bà con nông dân trồng mới kịp thời vụ, Công ty đã tổ chức điều phối lịch thu hoạch linh hoạt, ưu tiên những thửa mía phá gốc trồng lại hoặc bị ngập úng, sâu bệnh. Hiện công tác lập lịch thu hoạch của các trạm

nông vụ đã hoàn tất, trên tiêu chí hợp lý và đúng thời điểm nhằm đảm bảo mía nguyên liệu đạt năng suất và chất lượng cao nhất, đem lại lợi nhuận tối đa cho bà con nông dân. Cụ thể, các giống mía có thể thu hoạch sớm từ 10-11 tháng tuổi như K83-29, VN84-4137; các giống chín trung bình có thể thu hoạch từ 11-12 tháng tuổi như K84-200. Các giống chín muộn như K94-2-483, K88-92 sẽ được thu hoạch từ 11,5-12,5 tháng tuổi.

Về kỹ thuật, TTCS đã ban hành các quy chuẩn thu hoạch về chặt sát gốc, tẽ ngọn, kiểm soát mía mầm để giảm tạp chất, giảm thất thoát do công lao động. Trên cơ sở đó, việc cung cấp nguồn nguyên liệu sạch sẽ giúp bà con nông dân tăng thêm lợi nhuận, tiết giảm chi phí trong quá trình chế biến, tăng hiệu suất thu hồi và tăng chất lượng đường.

Đối với công tác xác định chất lượng mía nguyên liệu, để đảm bảo tính chính xác và minh bạch, mỗi xe mía về đến nhà máy đều được lấy mẫu để đánh giá tạp chất thực tế. Theo đó, Công ty sẽ không trừ vào trọng lượng mía nếu tạp chất dưới mức 3%. Trong trường hợp tỷ lệ tạp chất vượt quá 3% sẽ chỉ trừ phần tạp chất vượt tỷ lệ. Nếu tạp chất vượt quá 6%, Công ty sẽ tạm ngưng hoạt động của đầu công để xem xét xử lý. Tương tự như những niên vụ trước, để khuyến khích việc chặt mía sạch, đúng quy

chuẩn và đảm bảo chữ đường, Công ty áp dụng thưởng 10.000 đồng/tấn mía sạch cho các xe mía có tạp chất thực tế từ 4% trở xuống.

Từ đầu vụ đến 01/01/2017, Công ty đã áp dụng thưởng xe mía có chữ đường cao, cụ thể thưởng 10.000 đồng/tấn/xe nếu chữ đường nằm trong khoảng 9,5 đến 10 CCS và 20.000 đồng/tấn/xe nếu chữ đường đạt từ 10 đến 10,5 CCS. Cùng với đó, Công ty vẫn tiếp tục áp dụng thưởng năng suất đường cao, theo đó năng suất đường đạt từ 6,5 đến 8 tấn/hecta thì thưởng ở mức 10.000 đồng/tấn. Năng suất đường cao hơn 8 tấn/hecta thì thưởng ở mức 20.000 đồng/tấn. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện trợ giá cho những diện tích trồng mới thuộc vùng gần và vùng ưu tiên phát triển, với mức trợ giá 2.000.000 đồng/hecta nếu năng suất mía bình quân dưới 70 tấn/ha và 3.000.000 đồng/hecta nếu năng suất bình quân từ 70 tấn trở lên.

Ngoài ra, Công ty khuyến khích các đầu công chặt sạch, đúng quy chuẩn và đảm bảo kiểm soát tốt diện tích mía cháy. Cụ thể, nếu đầu công chặt sát gốc dưới 5cm, Công ty thưởng 5.000 đồng/tấn và thưởng 3.000 đồng/tấn nếu tỷ lệ mía cháy trong khu vực của đầu công ở mức dưới 8% tổng sản lượng.

Trong vụ, Công ty tiếp tục tăng cường áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trên diện rộng, đồng thời hướng nông dân các phương pháp canh tác hiện đại. Kết quả là ngày càng có nhiều nông dân mạnh dạn áp dụng cơ giới hóa, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm thay thế các phương pháp canh tác truyền thống.

So với những năm trước, thời gian vào vụ ép mía năm nay chậm hơn do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu dẫn đến bất lợi về thời tiết. Tuy nhiên, với quyết tâm góp phần ổn định thu nhập và đời sống của bà con nông dân, vụ mùa này TTCS vẫn duy trì chính sách thu mua mía linh hoạt, đảm bảo chế độ và mức giá hợp lý so với các loại cây trồng khác trên địa bàn tỉnh.

Dự báo vụ thu hoạch mía năm 2017-2018 tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, song với sự đồng hành tích cực của TTCS, tin rằng cả nhà máy và người nông dân sẽ có một vụ mùa bội thu, thắng lợi.



TTCS ĐÃ BAN HÀNH CÁC QUY CHUẨN THU HOẠCH VỀ CHẶT SÁT GỐC, TẼ NGỌN, KIỂM SOÁT MÍA MẦM ĐỂ GIẢM TẠP CHẤT, GIẢM THẤT THOÁT DO CÔNG LAO ĐỘNG.







ĐẨY MẠNH TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG CNTT

Công nghệ thông tin (CNTT) đang phát triển như vũ bão, tác động và làm thay đổi mọi lĩnh vực đời sống, kinh tế - xã hội. Trên thế giới cũng như ở Việt Nam, các doanh nghiệp đang có xu hướng cập nhật ứng dụng CNTT. Bắt kịp xu hướng này, TTCS đã mạnh dạn đầu tư và tích cực triển khai ứng dụng CNTT vào công tác quản trị, điều hành.

Nhằm phát huy hiệu quả các khoản đầu tư, phục vụ mục tiêu kinh doanh và phù hợp với năng lực khai thác công nghệ, TTCS đã chọn mô hình đầu tư CNTT phù hợp để hoàn thành các mục tiêu cụ thể: đầu tư cơ sở về CNTT; tăng cường ứng dụng điều hành, tác nghiệp; ứng dụng toàn diện nâng cao năng lực quản lý và sản xuất; đầu tư để biến đổi doanh nghiệp và tạo lợi thế cạnh tranh quốc tế.

Tại TTCS, ứng dụng CNTT quản lý 04 mục tiêu về các hoạt động nông nghiệp, sản xuất, kinh doanh và Back Office của hai ngành mía đường. Cụ thể:

- » Về nông nghiệp, ứng dụng FRM (Farmer Relationship Management - Quản lý nông nghiệp) kiểm soát hoạt động nông nghiệp ngành mía đường với 05 mục tiêu khách hàng, đầu tư, chăm sóc, thu hoạch và công nợ;
- » Về kinh doanh, ứng dụng CRM và DMS quản lý bán hàng tất cả các kênh B2B, B2C;
- » Về hoạt động quản lý như ứng dụng ERP (Enterprise Resource Planning - Quản lý nguồn lực doanh nghiệp), quản lý kế toán, sản xuất, bảo trì, kho vận.

NHẪM PHÁT HUY HIỆU QUẢ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ, PHỤC VỤ MỤC TIÊU KINH DOANH VÀ PHÙ HỢP VỚI NĂNG LỰC KHAI THÁC CÔNG NGHỆ, TTCS ĐÃ CHỌN MÔ HÌNH ĐẦU TƯ CNTT PHÙ HỢP ĐỂ HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ: ĐẦU TƯ CƠ SỞ VỀ CNTT; TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG ĐIỀU HÀNH, TÁC NGHIỆP; ỨNG DỤNG TOÀN DIỆN NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ VÀ SẢN XUẤT; ĐẦU TƯ ĐỂ BIẾN ĐỔI DOANH NGHIỆP VÀ TẠO LỢI THẾ CẠNH TRANH QUỐC TẾ.

- » Ứng dụng văn phòng điện tử eOffice giúp hữu hình hóa hoạt động doanh nghiệp lên hệ thống với 14 mục tiêu hoạt động Back Office như trình ký nội bộ, trình ký, thông báo, lịch làm việc, danh bạ, dự án...

Trong niên độ 2017-2018, TTCS sẽ tiếp tục triển khai sâu rộng thêm nhiều ứng dụng vào hoạt động điều hành doanh nghiệp để quản lý 04 mục tiêu chính: nhân sự, tài sản, tài chính và thông tin. Cụ thể như sau:

- » Ứng dụng phần mềm để quản trị nhân sự, chính sách lương, tuyển dụng và đào tạo phát triển nguồn lực.
- » Ứng dụng phần mềm tài sản giúp quản lý tình trạng tài sản, sở hữu tài sản, kiến nghị tái đầu tư tài sản.
- » Ứng dụng hệ thống kế toán tài chính với COA chuẩn (Chart of Accounts - Hệ thống tài khoản kế toán), kiểm soát dữ liệu tại TTCS và vốn, doanh thu, lợi nhuận, dòng tiền.
- » Ứng dụng hệ thống báo cáo BI (Business Intelligence - Giải pháp quản trị doanh nghiệp thông minh) phân tích số liệu để ra quyết định cấp quản lý.

Hiệu quả của việc áp dụng khoa học công nghệ vào quản trị công ty được phản ánh rõ rệt thông qua việc cải thiện hiệu quả quản lý, nâng cao hiệu suất làm việc của CBNV và sự tiết giảm các chi phí hành chính phát sinh liên quan. Hệ thống trình ký Eoffice là một ví dụ minh chứng cho điều này. Từ khi áp dụng việc trình ký Eoffice kể từ tháng 9/2016, Ban lãnh đạo cũng quản triệt chủ trương "Văn phòng không giấy". Hồ sơ sau khi được soạn thảo tại đơn vị trình ký sẽ được luân chuyển qua các phòng ban tham mưu theo quy trình được mặc định trước khi chuyển đến lãnh đạo phê duyệt. Trung bình thời gian phê duyệt một

hồ sơ trình ký trên hệ thống Eoffice nhanh hơn 40% so với trình ký truyền thống. Chủ trương được duyệt nhanh hơn giúp công việc được vận hành trôi chảy, CBNV làm việc hiệu quả hơn. Bên cạnh đó việc tiết giảm được chi phí giấy và mực in hơn 60% (khoảng 300 triệu) cũng góp phần nâng cao lợi nhuận cho Công ty.

Như vậy, việc triển khai ứng dụng và phát triển CNTT vào hoạt động quản lý điều hành và sản xuất kinh doanh tại TTCS đã trở thành hoạt động thường xuyên, được triển khai tích cực và đạt được những thành quả đáng khích lệ. Đây chính là nền tảng quan trọng để TTCS tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT, hướng đến xây dựng một hệ thống CNTT hiện đại, hiệu quả phục vụ ngày càng tốt hơn công tác quản lý điều hành trong nội bộ cũng như cung cấp thêm nhiều tiện ích cho đối tác, khách hàng của TTCS.





CÁC MỐI LO HÀNG ĐẦU VỀ MÔI TRƯỜNG LÀ NƯỚC THẢI, KHÍ THẢI, BÃ MÍA, BÃ BÙN VÀ TRO LÒ CỦA CÁC CÔNG TY NGÀNH ĐƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC TTCS XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH LỢI THẾ CẠNH TRANH CỦA RIÊNG MÌNH, VỪA GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG, TIẾT KIỆM CHI PHÍ VÀ TĂNG LỢI NHUẬN CHO CÔNG TY - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG. DO ĐÓ, NIÊN VỤ 2016-2017, TTCS KHÔNG XẢY RA SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG NÀO VÀ KHÔNG CÓ VI PHẠM QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG.

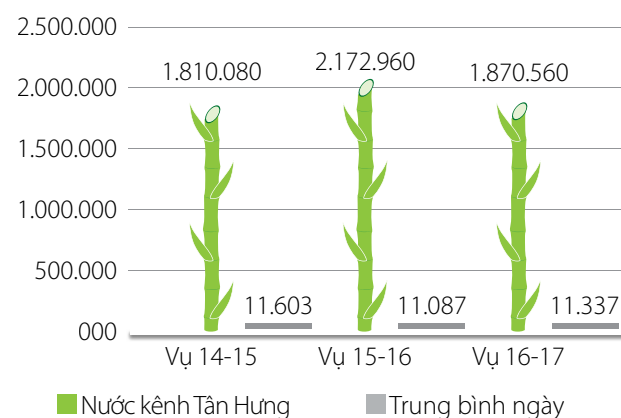
NƯỚC VÀ NƯỚC THẢI

Quản lý nguồn nước

Phát triển môi trường bền vững trong quá trình hoạt động sản xuất phụ thuộc vào việc khai thác nguồn nước có chất lượng và lưu lượng phù hợp, đồng thời có trách nhiệm trong việc sử dụng. Với quy mô sản xuất lớn, TTCS cần một lượng nước lớn để cấp cho dây chuyền công nghệ, vấn đề đặt ra là làm sao phải giảm chi phí sản xuất để tăng lợi nhuận. Do đó, ưu tiên hàng đầu của Công ty là phải giảm lượng nước mua ngoài, tăng lượng nước tuần hoàn và thường xuyên cải tiến quy trình công nghệ.

Hiện nay, nguồn nước chính được sử dụng cho sản xuất là nước mặt được mua từ Công ty Thủy lợi Tây Ninh. Bên cạnh đó, Công ty còn sử dụng nước ngầm khai thác từ các giếng khoan trong khuôn viên phục vụ cho sinh hoạt.

Biểu đồ nước mua từ Công ty Thủy lợi Tây Ninh
ĐVT: m³



Nước mặt

Nhu cầu nước mặt cấp cho Nhà máy chủ yếu được lấy từ kênh Tân Hưng, với công suất khai thác cho phép 0,1-0,15 m³/giây. Lưu lượng nước khai thác từ nguồn này chiếm phần lớn tổng lưu lượng khai thác phục vụ cho hoạt động sản xuất. Trong niên vụ 2016-2017, tổng lượng nước mặt (mua ngoài) là 1.870.560 m³/165 ngày. Mức tăng nhẹ này do thời tiết thay đổi, mưa thường xuyên trong vụ sản xuất nên nguyên liệu mía không về đều, tiêu hao nước cho hoạt động vệ sinh máy móc do dùng thiết bị. Niên độ 15-16: lượng nước kênh mua là: 2.172.960 m³/195 ngày.

Nước ngầm

Nguồn nước ngầm phục vụ cho sinh hoạt được khai thác tại các giếng khoan đã được cấp phép. Công ty sử dụng bơm chìm để khai thác với công suất cho phép trong niên vụ 2015-2016 là 93.607 m³, thấp hơn so với niên vụ 2014-2015 là 98.704 m³. Đó là do Công ty đã tối ưu hóa việc sử dụng nguồn nước ngầm, phần đầu năm sau sử dụng ít hơn năm trước.

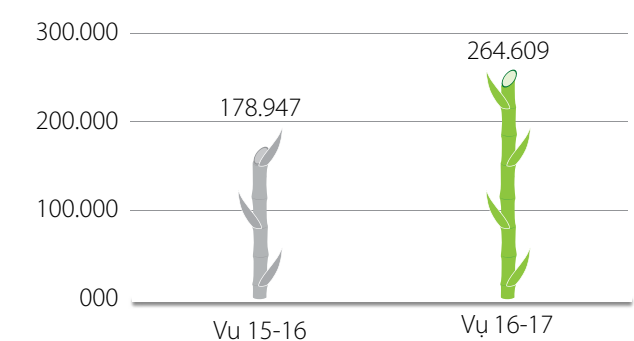
Lượng nước ngầm niên độ 16-17: 151.771 m³. Nước ngầm tăng do tăng diện tích cây xanh trong khuôn viên Công ty.

Nước tuần hoàn

Nước sau hệ thống giải nhiệt, nhiệt độ cao, không còn sử dụng được, phải xả bỏ ra ngoài và lấy nước mưa ngoài (từ kênh) cung cấp bù vào hoạt động giải nhiệt. Lượng nước sử dụng lớn và thải bỏ đi do nhiệt độ tăng cao.

Để tiết kiệm nước, tận dụng nước sau hệ thống giải nhiệt tái sử dụng, Nhà máy từ năm 2010 đầu tư hệ thống Cooling Tower, nhằm tuần hoàn nước sử dụng và cắt giảm dần lượng nước mưa ngoài, tiết kiệm chi phí. Trước đây khi chưa có hệ thống này, Nhà máy phải chi hơn 6 tỷ đồng để mua nước, hiện nay chỉ mất khoảng 1,6 tỷ đồng. Nước sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng, cung cấp vào hệ thống giải nhiệt, giúp giảm thiểu tác động đến các bên liên quan, đồng thời mang lại lợi ích to lớn về kinh tế và môi trường. Niên vụ 2016-2017, Nhà máy đã tái sử dụng gần 264.609 m³ nước, chiếm hơn 14% tổng lượng nước mưa ngoài để sản xuất, tăng so với vụ trước (vụ 15-16: 178.947 m³).

Nước tái sử dụng sau HT XLNT
ĐVT: m³



Nước thải và quản lý xả thải

Nước thải sau xử lý luôn đáp ứng tiêu chuẩn và các yêu cầu của Luật định. Từ niên vụ 2014-2015 nước thải sau Nhà máy đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột A (trước đó là cột B).

Nguồn nước thải vào hệ thống xử lý nước thải gồm:

- » Nước thải từ hoạt động sản xuất nhà máy: vụ 16-17: 133,114 m³, (vụ 15-16: 143,088 m³). Vụ này giảm mặc dù hoạt động sản xuất phải ngừng nhiều lần và vệ sinh thiết bị nhiều hơn do thời tiết thay đổi thất thường, mưa nhiều trong vụ nên mía về nhà máy không đều và bị ngắt đoạn nhưng vẫn được kiểm soát tốt.
- » Nước xả đáy tháp giải nhiệt (Cooling Tower): một phần nước ở đáy tháp giải nhiệt bị dơ được đưa qua hệ thống xử lý nước thải để xử lý và cung cấp ngược lại hệ thống giải nhiệt nhà máy. Trung bình mỗi ngày khoảng 1.545 m³ và nước sau xử lý được tái sử dụng, cung cấp ngược lại hệ thống giải nhiệt nhà máy.

Việc quan trắc và kiểm tra được Công ty, chính quyền địa phương, các hộ dân lân cận và Sở ban ngành thường xuyên thực hiện, giám sát nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động và quản lý các nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Nguồn xả thải

Công ty được cấp phép xả thải một điểm nằm phía sau khu vực xử lý nước thải của Nhà máy. Nước thải sau xử lý chảy qua điểm xả thải được cấp phép và nhập vào suối Tà Hợp. Nước tại nguồn tiếp nhận dưới hạ lưu được sử dụng cho mục đích nông nghiệp và tưới tiêu. Các chỉ tiêu COD, pH, độ màu, lưu lượng nước thải được đo, kiểm soát hàng ngày bằng công cụ quan trắc và phòng thí nghiệm.

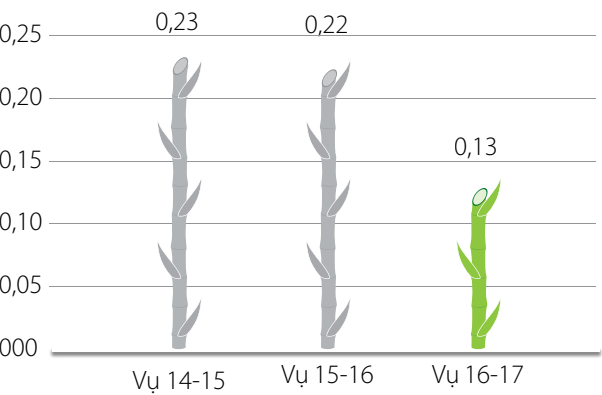
Kiểm soát COD phát thải

Kiểm soát lượng đường bị mất mát qua hoạt động vệ sinh nhà máy, đường bị thất thoát ra hệ thống xử lý nước thải, vừa bị mất đường vừa làm COD nước thải tăng cao. Kiểm soát chỉ tiêu này để đánh giá công tác thu hồi đường, vệ sinh thiết bị.

COD phát thải thấp, hệ thống xử lý nước thải xử lý dễ dàng hơn, ít tổn hóa chất hơn.

COD phát thải	Kg COD/Tấn mía
Vụ 14-15	0,23
Vụ 15-16	0,22
Vụ 16-17	0,13
Định mức	0,3

COD phát thải
ĐVT: kg COD/Tấn mía



Hệ thống xử lý nước thải

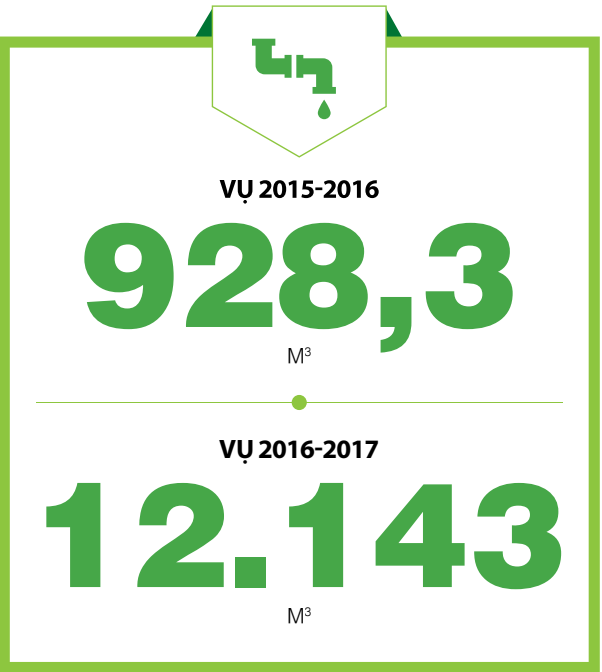
Hệ thống vận hành xử lý đạt theo yêu cầu pháp luật hiện hành: cột A QCVN 40:2011/BTNMT. Nước thải sau hệ thống xử lý được tái sử dụng hơn 90%, tiết kiệm được chi phí cho Công ty và góp phần bảo vệ tài nguyên nước. Việc quan trắc, giám sát chất lượng nước thải sau xử lý được Công ty kiểm tra, lấy mẫu phân tích hàng ngày các thông số chính (COD, pH, độ màu) và định kỳ gửi đến đơn vị bên ngoài phân tích và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên Môi trường Tây Ninh, cũng như tích cực hợp tác trong các đợt thanh tra về môi trường. Ngoài ra hệ thống còn được chính quyền địa phương, các hộ dân lân cận và Sở ban ngành thường xuyên giám sát nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động.

Chất lượng nước xả thải

Bằng những cải tiến thường xuyên về công nghệ, trong đó có việc tuần hoàn tái sử dụng nước đã giúp cho lượng nước xả thải ra ngoài môi trường luôn được kiểm soát thấp hơn mức được cho phép. Giá trị các thông số và nồng độ của nước thải luôn nằm trong giá trị giới hạn của cột A giúp Công ty luôn tự tin vào việc tuân thủ Luật định về xả thải của mình.

Công ty luôn thực hiện công khai minh bạch nhất quán về chia sẻ thông tin liên quan đến số liệu chất lượng nước xả thải, gửi báo cáo hàng tháng tới các cơ quan ban ngành cũng như tích cực hợp tác trong các đợt thanh tra về môi trường.

Lưu lượng nước thải sau khi xử lý xả ra môi trường:





CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG (TIẾP THEO)

Tiêu chí đo lường	01/07/2016 - 30/06/2017
Tổng khối lượng nước sử dụng theo từng nguồn (m³)	
Nước ngầm: phục vụ sinh hoạt, dành cho PCCC và tưới cây. (báo cáo nước ngầm hàng năm)	7/2014 - 6/2015: 98.704 m³ (6 tháng đầu năm 2015 hạn hán) 7/2015 - 6/2016: 93.607 m³ Vụ 2016-2017: 151.771 m³
Nước mua từ Công ty Thủy lợi Tây Ninh phục vụ sản xuất, tưới mía cho nông trường Tân Hưng (hợp đồng thanh lý tiền nước kênh Tân Hưng)	Vụ 2014-2015: 1.810.080 m³ = 11.603 m³/ngày Vụ 2015-2016: 2.172.960 m³ = 11.087 m³/ngày Vụ 2016-2017: 1.870.560 m³ = 11.337 m³/ngày
Các tiêu chuẩn, phương pháp và giả thiết được sử dụng	Nước ngầm QCVN 09:2015-MT/BTNMT Nước sinh hoạt QCVN 02:2009/BYT
Phân loại nước sử dụng theo mục đích sử dụng (m³)	
Sản xuất: Nước cho hệ thống giải nhiệt (nước kênh Tân Hưng)	Vụ 2015-2016: 2.172.960 m³/195 ngày = 11.143,4 m³/ngày Vụ 2016-2017: 1.870.560 m³/165 ngày = 11.336,7 m³/ngày
Nước tái sử dụng từ hệ thống xử lý nước thải	Vụ 2015-2016: 178.947 m³ Vụ 2016-2017: 264.609 m³
Nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt của CBCNV Công ty	Vụ 2015-2016: có 723 nhân viên: 57,84 m³/ngày Vụ 2016-2017: có 717 nhân viên: 57,36 m³/ngày
Nước sản xuất bình quân trên sản phẩm (m³/tấn sp) Lượng nước sử dụng có tăng hơn so vụ trước nhưng nhờ hoạt động tái sử dụng nước nhiều hơn nên bình quân khối lượng nước dành cho sản xuất ra 1 tấn sản phẩm gần như tương đương.	Vụ 2015-2016: 2.172.960 m³/180.619,5 tấn sp = 12 m³/tấn sp Vụ 2016-2017: 1.870.560 m³/154.375 tấn sp = 12,1 m³/tấn sp
Bình quân trong sinh hoạt (m³/người)	0,08 m³/người
Tái chế/tái sử dụng trong sản xuất (tái sử dụng nước sau HTXLNT)	Vụ 2015-2016: 178.947 m³/195 ngày = 917,7 m³/ngày Vụ 2016-2017: 264.609 m³/165 ngày = 1.603,7 m³/ngày
Tỷ lệ phần trăm nước tái sử dụng so với nước mua vào từ kênh	Vụ 2015-2016 : 8,2% Vụ 2016-2017: 14,1%
Chi phí tiết kiệm được từ việc tuần hoàn nước	Vụ 2015-2016: 178.947 x 900 = 161.052.300 đồng Vụ 2016-2017: 264.609 x 900 = 238.148.100 đồng
Quản lý nước xả thải (m³)	
Nước thải nhà máy (quan trắc hàng ngày bằng dụng cụ chuyên dùng)	Vụ 2015-2016: 143.088 m³/vụ, đường thành phẩm: 180.619,5 tấn => 0,79 m³/tấn sp Vụ 2016-2017: 133.114 m³/vụ, đường thành phẩm: 154.375 tấn => 0,86 m³/tấn sp
Các tiêu chuẩn, phương pháp và giả thiết được sử dụng	Nước thải sau HT XLNT: QCVN 40:2011/BTNMT cột A



NƯỚC THẢI NHÀ MÁY VỤ 2015-2016

143.088 m³

ĐƯỜNG THÀNH PHẨM

180.619,5 tấn

0,79 M³/TẤN SP

NƯỚC THẢI NHÀ MÁY VỤ 2016-2017

133.114 m³

ĐƯỜNG THÀNH PHẨM

154.375 tấn

0,86 M³/TẤN SP



CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐANG ĐƯỢC SỰ QUAN TÂM CỦA DOANH NGHIỆP CŨNG NHƯ TOÀN XÃ HỘI. CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG THÀNH THÀNH CÔNG TÂY NINH CŨNG NHƯ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN TRONG TẬP ĐOÀN THÀNH THÀNH CÔNG LUÔN CHÚ TRỌNG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NHIỀU THÀNH TỰU TRONG VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH BỀN VỮNG. CÔNG TY ĐÃ HOÀN THÀNH GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VỀ ISO MÔI TRƯỜNG (TCVN ISO 14001:2004 NGÀY 28 THÁNG 12 NĂM 2012 DO CÔNG TY TNHH BUREAU VERITAS CERTIFICATION VIỆT NAM CHỨNG NHẬN), ĐƯỢC DUY TRÌ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM.



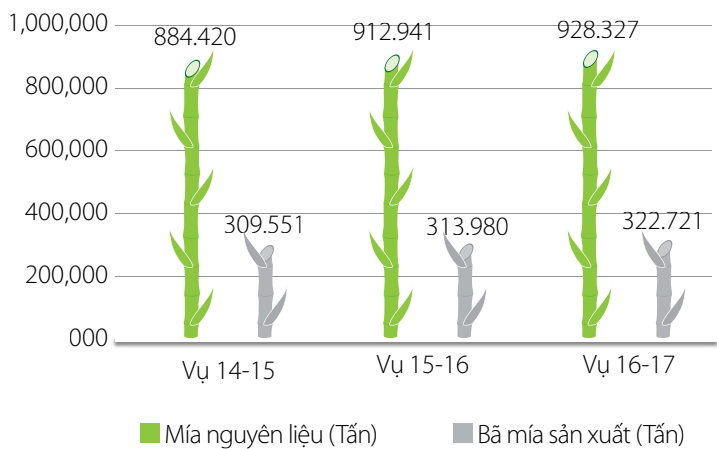
CHẤT THẢI

Bã mía

Với công suất khoảng gần 1 triệu tấn mía cây cho 1 vụ, lượng bã mía phát sinh hơn 320 ngàn tấn bã, là một vấn đề cho việc lưu chứa và xử lý. Ngay từ khi xây dựng từ năm 1995, Công ty đã xác định xây dựng hệ thống phát điện từ bã mía thay vì xử lý thô như hầu hết nhà máy đường thời đó. Từ khi đi vào hoạt động năm 1997 đến nay, cụm thiết bị lò hơi công suất 235 tấn hơi/giờ và hai tua bin phát điện tổng công suất 24.000 kW, là một trong những trung tâm đồng phát nhiệt điện hiện đại và lớn nhất Việt Nam. Lượng điện từ bã mía của Công ty chủ yếu phục vụ việc sản xuất đường và hoạt động tại Công ty, phần còn lại được đưa lên lưới điện quốc gia với sản lượng điện cả vụ sản xuất hàng năm là khoảng 50.000.000 kWh, đáp ứng đáng kể cho nhu cầu điện trong mùa khô tại Tây Ninh, giảm áp lực cho các nhà máy thủy điện đang thiếu nước, đảm bảo tính an toàn và thuận lợi cho việc cấp điện tại khu vực nông thôn, đồng thời giảm thiểu phát sinh khí CO₂ và các khí khác gây hại môi trường.

Lượng bã mía hàng năm:

	Mía nguyên liệu (ĐVT -Tấn)	Bã mía sản xuất (ĐVT -Tấn)
Vụ 14-15	884.420,07	309.551
Vụ 15-16	912.941,25	313.980
Vụ 16-17	928.327,34	322.721

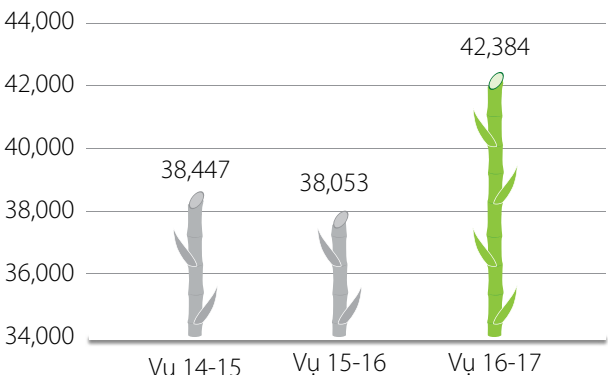


» Vụ 16-17 lượng điện thương phẩm tăng do lượng điện sản xuất ra nhiều hơn, kết nối với hệ thống lưới điện quốc gia tốt hơn.

Điện thương phẩm	MWH
Vụ 14-15	38.446,7
Vụ 15-16	38.053,0
Vụ 16-17	42.384,0

Điện thương phẩm

ĐVT: Mwh



Bã bùn và tro lò

Với phương châm “cái gì của cây mía, trả về cây mía”, tro lò, bã bùn được phối trộn với men vi sinh làm chất cải tạo đất cho nông trường, cải tạo, tăng độ phì nhiêu của đất, tăng năng suất cho cây mía.

Công ty đang có kế hoạch xây dựng xưởng phân hữu cơ vi sinh, nguồn nguyên liệu cho xưởng là tro lò, bã bùn nhà máy.

Rác thải

Rác sinh hoạt, rác công nghiệp và rác nguy hại được bàn giao cho đơn vị chức năng xử lý, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

KHÍ THẢI

Giảm khí thải CO₂

Trong công nghệ sản xuất có sử dụng lò hơi. Lò hơi của nhà máy TTCS dùng nhiên liệu sinh khối: bã mía, không dùng than đá. Đây là một hoạt động giảm thiểu phát thải khí CO₂ vào không khí.

Công ty dùng công nghệ Cacbonat hóa trong sản xuất đường, sử dụng khí CO₂ và vôi trong quy trình sản xuất nhằm loại bỏ tạp chất. Khí CO₂ được trích thu từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, giảm lượng phát thải khí CO₂ ra môi trường.

Hệ thống xử lý khí thải lò hơi ổn định, các chỉ tiêu đều đạt theo yêu cầu pháp luật (QCVN 19:2009/BTNMT cột B). Công ty đang thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục để theo dõi, giám sát hệ thống xử lý khí thải.



NĂNG LƯỢNG

Năng lượng sử dụng chủ yếu trong nhà máy là:

- » Dầu D.O làm nhiên liệu cho xe cơ giới.
- » Bã mía, trấu, biomass làm nhiên liệu đốt cho lò hơi.
- » Nguồn điện được lấy từ lưới điện quốc gia phục vụ công tác bảo trì của nhà máy.

Trước tình hình nguồn năng lượng ngày càng khan hiếm, việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là vấn đề quan trọng, ưu tiên hàng đầu trong sản xuất. Chúng tôi không ngừng giám sát và phân tích thực tế các nguồn năng lượng sử dụng để tìm ra cơ hội cải tiến, nâng cao năng lực thiết bị. Vụ 2016-2017, chúng tôi vận hành Trung tâm nhiệt điện với áp suất cao 40bar.a so với trước đây 33bar.a nên suất tiêu hao hơi cho 1 MW điện giảm từ 9,56 tấn xuống còn 9,02 tấn.

Chúng tôi không ngừng nghiên cứu, tìm nguồn năng lượng biomass phù hợp làm nhiên liệu đốt cho lò hơi để có thể kéo dài thời gian hoạt động ngoài vụ của nhà máy. Trong vụ 2016-2017, chúng tôi đã đốt thử nghiệm thành công 163 tấn gỗ cao su xay và 17 tấn lá mía xay. Mặc dù chưa đạt được kết quả khả quan nhưng chúng tôi sẽ cố gắng tìm giải pháp để đáp ứng các điều kiện kinh tế, kỹ thuật và đưa vào sản xuất đại trà.

Tuy nhiên, trong mùa vụ 2016-2017 chúng tôi gặp nhiều khó khăn do các yếu tố khách quan nên suất tiêu hao nhiên liệu trên 1 tấn đường thành phẩm tăng hơn so với vụ 2015-2016.

- » Độ ẩm bã mía trung bình của cả vụ 2016-2017 cao hơn so với vụ 2015-2016 nên khó khăn không công tác vận hành lò hơi ổn định, giảm hiệu suất lò hơi, tỷ lệ hơi/bã thấp.
- » Trong thời gian hồi dung đường thô, sử dụng bã mía dự trữ, thời tiết không thuận lợi, mưa nhiều ảnh hưởng đến công tác vận chuyển bã mía, độ ẩm bã mía cao. Hơn nữa tạp chất trong bã mía cao hơn so với vụ 2015-2016 làm giảm hiệu suất lò hơi.
- » Mía nguyên liệu cung cấp không đủ so với công suất ép, phải thường xuyên dừng thanh lý chờ mía, Trung tâm nhiệt điện thay đổi công suất nhiều trong ngày gây khó khăn trong quá trình vận hành thiết bị.



CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG (TIẾP THEO)

Mức năng lượng tiêu thụ	Đơn vị	Niên độ 2014-2015		Niên độ 2015-2016		Niên độ 2016-2017	
		Số lượng	Năng lượng/tấn đường tp	Số lượng	Năng lượng/tấn đường tp	Số lượng	Năng lượng/tấn đường tp
Than đá	Tấn	0	0	623	0,00345	0	0
Dầu D.O	Lít	59.776	0,427	73.632	0,407	73.839	0,478
Bã mía	Tấn	302.547	2,16	324.579	1,797	332.074	2,151
Trấu	Tấn	450	0,00321	165	0,00091	902	0,00584
Điện	KWh	34.210.800	244	39.156.000	216	39.135.000	253

Để hạn chế những khó khăn trên, chúng tôi đẩy nhanh công tác nghiên cứu, tính toán khả thi việc tận dụng nhiệt thải của lò hơi để sấy bã mía, giảm độ ẩm bã mía trước khi đưa vào đốt lò hơi từ 52% xuống 39%. Điều này giúp chúng tôi tăng hiệu suất lò hơi, tiết kiệm nhiên liệu bã mía khoảng 11.880 tấn/vụ.

Hiện nay, chúng tôi đang thực hiện dự án Đầu tư bổ sung và cải tạo Trung tâm nhiệt điện sẽ đưa vào hoạt động vụ sản xuất 2017-2018. Dự án này giúp chúng tôi tăng lượng điện thương phẩm lên 63.000 MWh, cao hơn so với vụ 2016-2017 khoảng 20.555 MWh.

Bên cạnh việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch, TTCS đã và đang đầu tư mạnh vào việc sử dụng năng lượng tái tạo. Trong niên độ 2016-2017, TTCS tiếp tục đưa vào hoạt động hệ thống pin năng lượng mặt trời để phục vụ cho Trung tâm Thương mại Tây Ninh (TTC Plaza Tây Ninh). Hệ thống này gồm dàn pin có công suất thiết kế lần lượt là 54 KW, 77 KW và 175 KW được lắp đặt trên mái tòa nhà của TTC Plaza Tây Ninh và bãi giữ xe của khu thương mại. Việc đưa dàn pin năng lượng mặt trời mới vào hoạt động đã nâng công suất phát điện bằng hệ thống năng lượng mặt trời của TTCS lên 363,56 KW.

Trong niên độ 2017-2018, TTCS dự kiến sẽ xin giấy phép đầu tư cho 2 hệ thống điện năng lượng mặt trời với quy mô 10MW trong khuôn viên 32 ha của nhà máy TTCS và 5MW tại dự án “Nhà kho, Nhà xưởng khu công nghiệp Tân Kim mở rộng”. Tổng giá trị đầu tư xấp xỉ 230 tỷ đồng. Dự án này không chỉ giúp tiết giảm điện năng mua ngoài của nhà máy TTCS mà còn cung cấp điện cho hệ thống điện lưới quốc gia. Giúp TTCS trở thành công ty đi đầu trong việc áp dụng năng lượng tái tạo vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

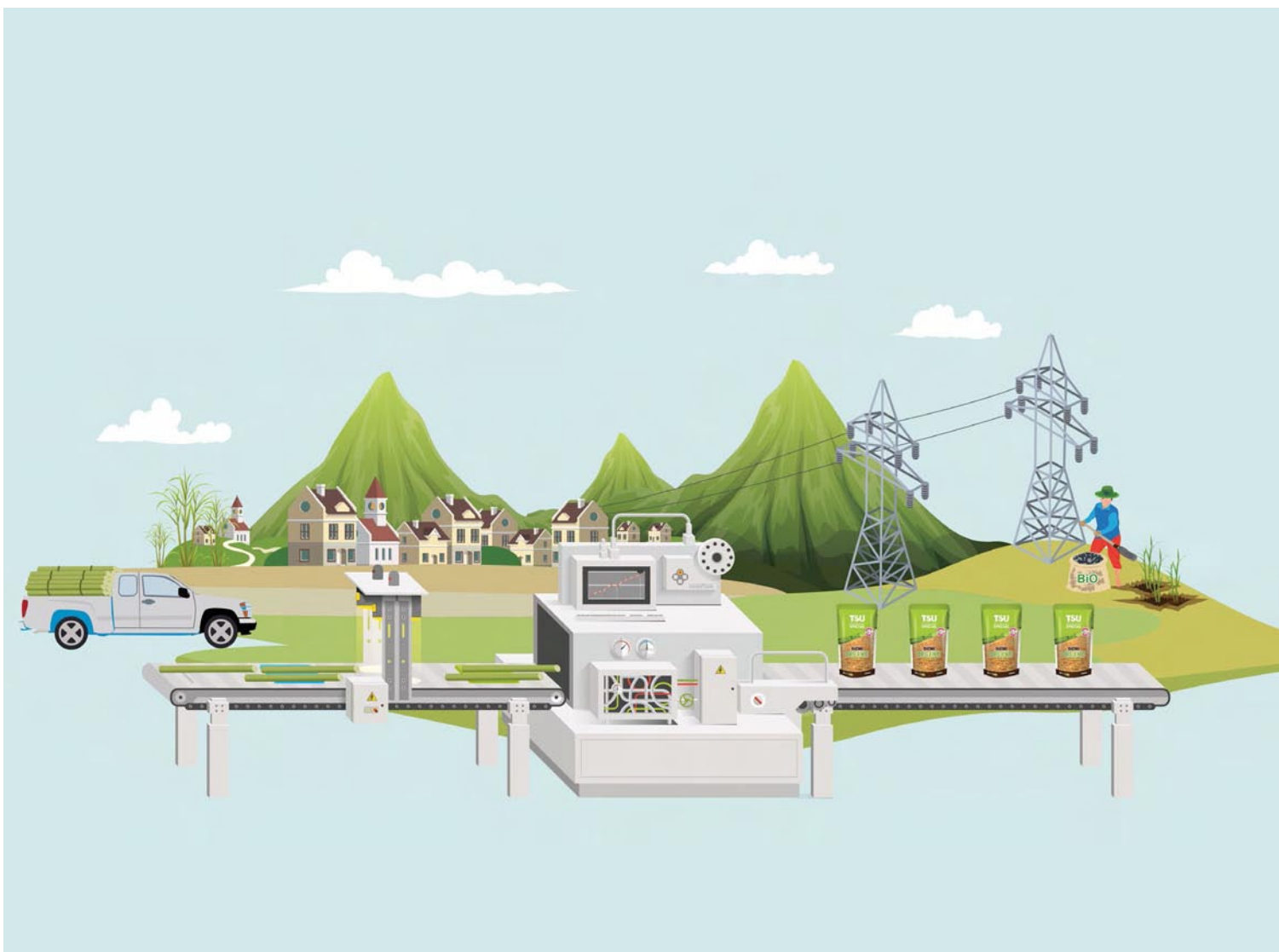
TÌNH HÌNH QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG SẢN XUẤT

Đường tinh luyện đạt chuẩn Châu Âu để cung cấp cho khách hàng là tiêu chí hàng đầu của nhà máy, để đạt được điều đó cần có sự phối hợp tốt giữa các công đoạn sản xuất, máy móc thiết bị và nguyên vật liệu sản xuất.

Để quản lý tốt vụ sản xuất 2016-2017 được chúng tôi thực hiện các việc cơ bản như sau:

- » Nâng cao hiệu suất an toàn thiết bị lên cao so với năm trước: 99,83% (vụ 2015-2016: 99,78%), để đạt mục tiêu này chúng tôi đã thực hiện tốt công tác bảo trì ngoài vụ sản xuất và bảo trì định kỳ thiết bị trong vụ sản xuất chặt chẽ và khoa học.
- » Sản lượng đường thành phẩm đạt 154.374,95 tấn.
- » Nguyên liệu hóa chất sản xuất giảm so với vụ trước và dưới mức chỉ tiêu đề ra, nhưng chúng tôi vẫn đảm bảo lượng đường pass floc cung cấp cho khách hàng khó tính như Pepsi, Cocacola...
- » Một trong những điều kiện để tiết kiệm tốt hóa chất vật tư sản xuất tốt là chúng tôi kiểm soát tốt sản phẩm không phù hợp trong dây chuyền sản xuất của mình, hạn chế tối đa việc quay trở lại dây chuyền sản xuất.

Sau đây là tình hình sử dụng nguyên vật liệu sản xuất vụ 2016-2017:



Mía nguyên liệu

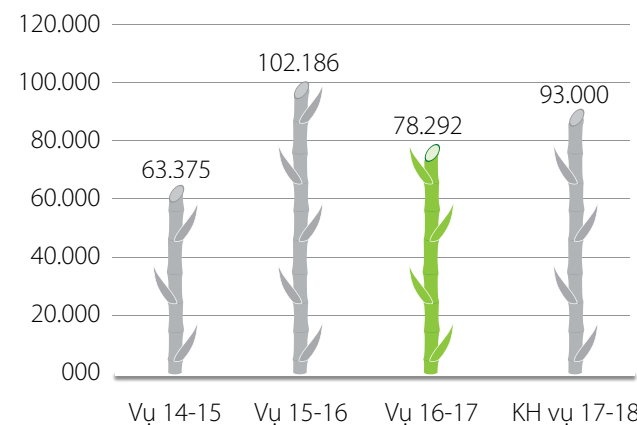
(Xem chi tiết tại phần “Nông nghiệp” trang 143)

Đường thô

Nguyên liệu đường thô	Đơn vị tấn
Vụ 14-15	63.375,26
Vụ 15-16	102.185,79
Vụ 16-17	78.292,34
Kế hoạch vụ 17-18	93.000

Nguyên liệu đường thô

ĐVT: Tấn



Chính nhờ nguồn mía nguyên liệu ổn định và phát triển nên kế hoạch mua đường thô làm nguyên liệu sản xuất được điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu và thị trường.

Vật tư nguyên liệu - hóa chất

» Chi phí hóa chất sản xuất, dụng cụ kiểm nghiệm, phân tích chữ đường:

Hóa chất sản xuất + Dụng cụ kiểm nghiệm + Phân tích chữ đường	Đồng/ Kg đường
Vụ 14-15	304,15
Vụ 15-16	247,18
Vụ 16-17	236,21

» Nguyên liệu vôi

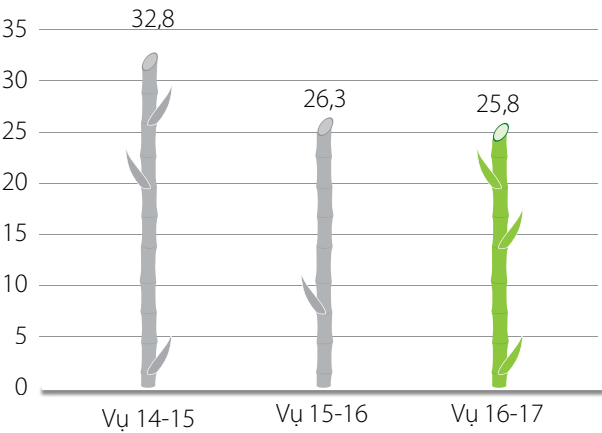
Vôi cho mía	Kg/Tấn TP
Vụ 14-15	32,8
Vụ 15-16	26,3
Vụ 16-17	25,8

Vôi cho đường thô	Kg/Tấn TP
Vụ 14-15	22
Vụ 15-16	21,03
Vụ 16-17	18,29

Lượng vôi giảm do sử dụng hiệu quả hơn trong quá trình sản xuất.

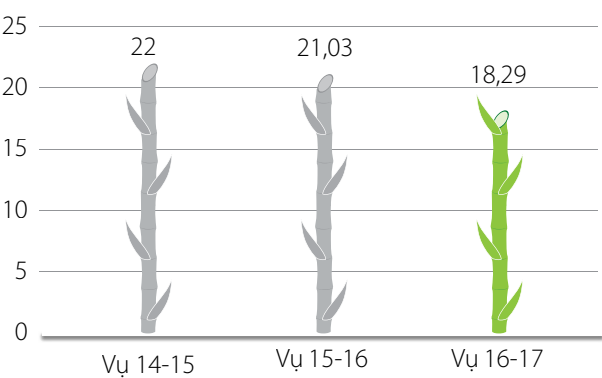
Vôi cho mía

ĐVT: Kg/ Tấn TP



Vôi cho đường thô

ĐVT: Kg/ Tấn TP

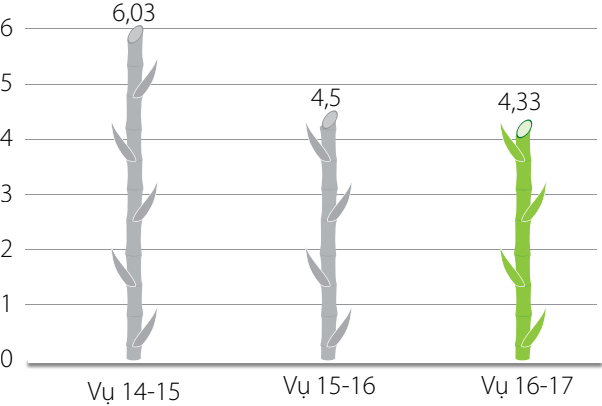


» Nguyên liệu muối ăn:

Muối	Kg/Tấn TP
Vụ 14-15	6,03
Vụ 15-16	4,5
Vụ 16-17	4,33

Sử dụng muối

ĐVT: Kg/ Tấn TP



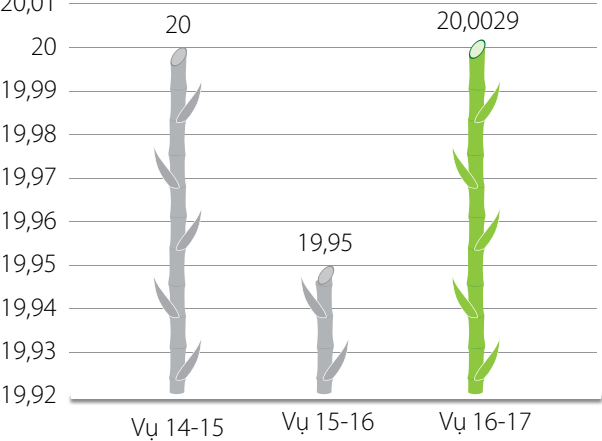
Tiết kiệm hơn trong sử dụng nguyên liệu, thao tác tốt hơn.

» Bao bì

Bao PP - PE	Bộ/Tấn TP
Vụ 14-15	20
Vụ 15-16	19,95
Vụ 16-17	20,0029

Bao bì đóng gói sản phẩm

ĐVT: Bộ/ Tấn TP



Kiểm soát

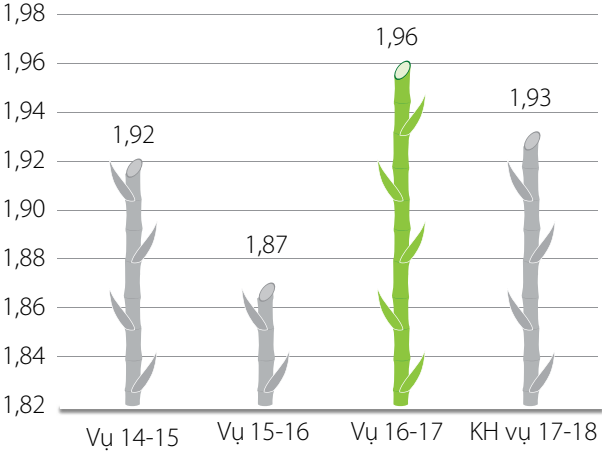
Hiệu suất an toàn thiết bị	%
Vụ 14-15	99,49
Vụ 15-16	99,78
Vụ 16-17	99,83

Kiểm soát tốt nhờ thực hiện tốt công tác bảo trì.

Tổng mất mát	% Pol/mía
Vụ 14-15	1,92
Vụ 15-16	1,87
Vụ 16-17	1,96

Tổng mất mát trong sản xuất

ĐVT: % Pol/ mía



Tổng mất mát trong sản xuất tăng nhẹ do tình hình thời tiết thay đổi, mưa trong vụ sản xuất nên nguyên liệu mía không về thường xuyên, hệ thống hoạt động bị dừng.





CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI

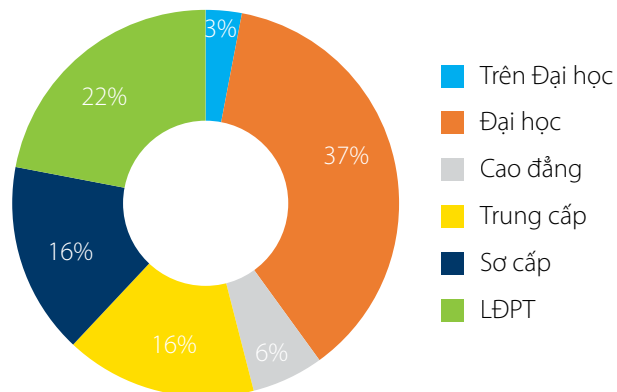
CÁC CHỈ SỐ XÃ HỘI

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Kết thúc niên độ 2016-2017, tổng số lao động chính thức là 518, giảm 4% so với niên độ 2015-2016. Tổng số lao động (bao gồm cả chính thức, thời vụ) niên độ 2016-2017 là 717, giảm 1% so với niên độ 2015-2016. Tại TTCSG, lao động chính thức là 435, lao động thời vụ là 158.

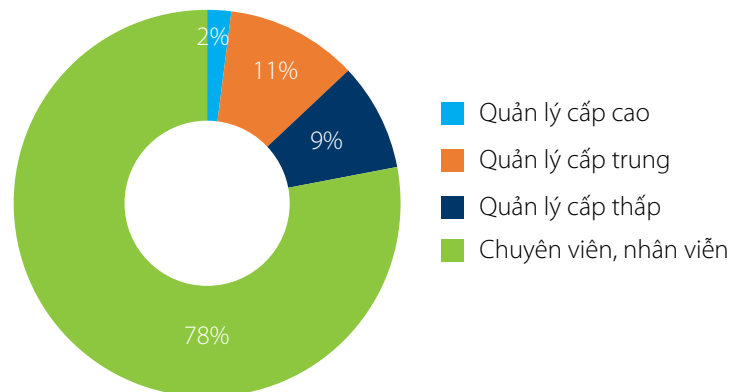
Cơ cấu lao động theo trình độ



Xét về cơ cấu trình độ, với đặc thù công ty sản xuất, lực lượng lao động có trình độ trung cấp, sơ cấp và lao động phổ thông chiếm 54%. Đây là lực lượng lao động có tay nghề cao, kỹ năng thực hành tốt, đáp ứng cho nhu cầu của các phân xưởng sản xuất. 46% nhân sự có trình độ cao đẳng trở lên tập trung ở khối văn phòng, kỹ sư, chuyên viên kỹ thuật sản xuất và các cán bộ quản lý.

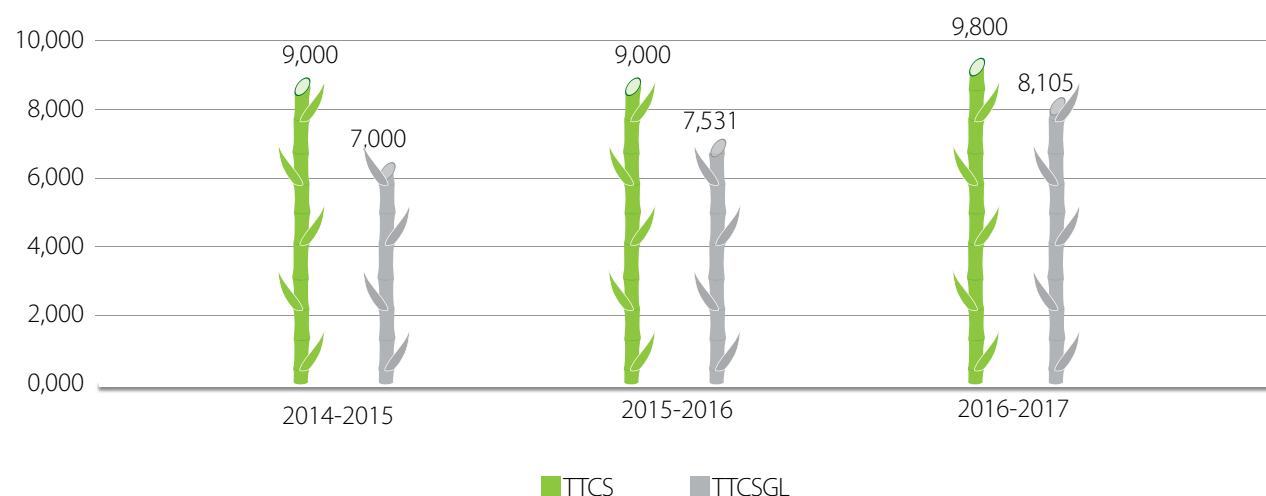
Trong niên độ 2016-2017, lao động quản lý chiếm 22% trên tổng số lao động chính thức toàn Công ty. Tại TTCSG, lao động quản lý chiếm 12% (54/435) trên tổng số lao động chính thức của Công ty.

Cơ cấu trình độ theo cấp quản lý



Thu nhập bình quân của người lao động

ĐVT: triệu đồng/tháng/người



Thu nhập bình quân của người lao động dần được nâng cao qua các năm, cụ thể thu nhập bình quân niên độ 2015-2016 là 9,0 triệu đồng/tháng/người, thu nhập bình quân niên độ 2016-2017 là 9,8 triệu đồng/tháng/người.

Tại TTCSG thu nhập của CBNV cũng tăng đều qua các năm, thu nhập bình quân niên độ 2015-2016 là 7,531 triệu đồng/tháng/người, thu nhập bình quân niên độ 2016-2017 là 8,105 triệu đồng/tháng/người.

Định kỳ hằng năm, Công ty đều xem xét điều chỉnh thu nhập của CBNV trên cơ sở phù hợp với tình hình kinh doanh và kết quả lợi nhuận nhằm chăm lo đời sống và tạo động lực, nâng cao năng suất lao động của CBNV.

Công ty áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc - KPI (Key Performance Indicator) giúp trả lương công bằng, đúng năng lực và mức độ đóng góp của từng nhân viên, khuyến khích tinh thần học hỏi, nâng cao trình độ, cải tiến trong công việc, góp phần xây dựng tinh đoàn kết, hoạt động có kỷ luật và quan trọng nhất là tạo động lực làm việc cho nhân viên.

Hiện nay, việc áp dụng hệ thống KPIs đã được Công ty thực hiện xuyên suốt trên quy mô toàn Công ty, trong đó có KPIs của toàn Công ty, KPIs của từng đơn vị và KPIs của từng cá nhân, thực hiện đánh giá hàng tháng, hàng quý, hàng năm.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Ngoài chính sách bắt buộc theo quy định như Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Công ty còn quy định các chế độ phúc lợi khác dành cho cán bộ nhân viên nhằm khuyến khích, động viên về tinh thần cũng như vật chất cho cán bộ nhân viên làm việc tại Công ty như: cơm trưa, khám sức khỏe định kỳ, quà tặng sinh nhật, kết hôn, sinh con, các dịp lễ Tết; thăm hỏi, ốm đau, tang chế; nghỉ hưu; nghỉ mát định kỳ,...

Tổ chức các hoạt động thể dục - thể thao, văn nghệ nhằm tạo điều kiện cho CBNV luyện tập thể thao, giao lưu giữa các Bộ phận/Phòng/Ban và các đơn vị thành viên trong Công ty.

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn nghiên cứu phát triển các chính sách phúc lợi nhằm nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho nhân viên, đảm bảo quyền lợi cho cán bộ nhân viên theo quy định của pháp luật lao động và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cán bộ nhân viên phát huy hết năng lực bản thân, an tâm công tác.

Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 giờ cho toàn thể CBNV với mức bồi thường 10.000USD/người/năm (Công ty Bảo Minh Tây Ninh), bảo hiểm sức khỏe cho đối tượng CBQL cấp trung trở lên (ốm đau, bệnh tật, thai

sản,...) với mức bồi thường cao nhất 210.000.000 đồng/người/năm (Công ty Bảo hiểm PVI Đông Đô).

Ngoài ra, Công ty còn có các chế độ bồi dưỡng tại chỗ cho người lao động như nâng cao chất lượng bữa ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại để đảm bảo sức khỏe, tinh thần cũng như tạo tâm lý tốt nhất cho người lao động trong quá trình làm việc. Hiện nay, bữa ăn giữa ca được thực hiện với mức ăn 25.000 đồng/suất. Với người lao động làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại được áp dụng chế độ bồi dưỡng độc hại theo quy định.

TTC luôn tạo môi trường làm việc thông thoáng, sạch sẽ. Định kỳ hàng năm Công ty mời các cơ quan chức năng nhà nước kiểm tra độ ồn, rung, bụi,... chỉ số trong biên độ cho phép và căn cứ kết quả Công ty có trang bị bảo hộ cho nhân viên nhằm hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. Công ty đã phát động chương trình thi đua sáng kiến, cải tiến có đưa vào áp dụng giảm độ ồn. Đối với nhân viên làm việc ở những vị trí có yếu tố độc hại được hưởng phụ cấp độc hại theo quy định của Nhà nước và tùy từng vị trí Công ty sẽ cấp đồ bảo hộ lao động như nút chống ồn, mặt nạ,...

Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp cùng những khẩu hiệu, hình ảnh giúp người lao động có thể nhận thức được thông suốt các chủ trương, chính sách về việc bảo vệ ngôi nhà chung, môi trường chung.



ee

TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP SÂU RỘNG CỦA KINH TẾ VIỆT NAM VỚI CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC, CÔNG TÁC ĐÀO TẠO ĐÓNG MỘT VAI TRÒ THỰC SỰ QUAN TRỌNG NHẪM NÂNG CAO SỨC MẠNH NỘI TẠI CỦA TTCS, GIA TĂNG NĂNG LỰC CẠNH TRANH TRÊN THỊ TRƯỜNG MỎ VỚI NHIỀU CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC.

Hoạt động đào tạo người lao động

Tại TTCS, số giờ đào tạo trung bình là 20 giờ/CBNV/năm. Nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự am tường công việc, có chuyên môn giỏi và đạo đức nghề nghiệp, hằng năm, Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty, cụ thể:

Khóa đào tạo	Lượt tham gia	Chi phí	Thời gian tổ chức
Quản lý cấp trung	33	150.000.000	15/07/2016 - 15/08/2016
Quản lý cấp cao	4	56.000.000	16/08/2016 - 31/08/2016
Quản trị nhân sự chiến lược dành cho cấp cao	1	5.176.000	06/10/2016 - 07/10/2016
Lớp đỉnh cao lãnh đạo	1	2.512.000	26/11/2016 - 04/12/2016
Quản trị Quan hệ khách hàng dành cho cấp điều hành	1	9.200.000	10/02/2017 - 11/02/2017
Bảo toàn năng suất tổng hợp	2	1.800.000	17/02/2017
Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định hiệu quả	5	4.300.000	06/05/2017 - 21/05/2017
Thư ký dự án xây dựng	3	450.000	24/02/2017

- » **Đào tạo hội nhập:** Người lao động mới sẽ được tham gia chương trình đào tạo hội nhập, giúp hiểu rõ lịch sử hình thành và phát triển của Công ty, hiểu rõ được quy định, quy trình, nội quy làm việc và môi trường, văn hóa của Công ty để nhanh chóng nắm bắt và hòa nhập nhanh nhất với công việc và đồng nghiệp.

» **Đào tạo nội bộ:** Thường xuyên tổ chức đào tạo nội bộ đặc biệt chú trọng huấn luyện đào tạo nội bộ thực tế do các Giám đốc Khối, Trưởng đơn vị đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm cho CBNV Công ty; ngoài ra các Giám đốc Khối, Trưởng đơn vị tham gia đào tạo nội bộ tại các công ty thành viên, công ty liên kết.

» **Đào tạo các kỹ năng mềm:** Chú trọng đến công tác đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thương thảo, đàm phán... nhằm giúp người lao động tự tin và thành công hơn trong công việc.

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Hoạch định và phát triển lực lượng Cán bộ quản lý (CBQL) là công tác mang tính chiến lược của TTCS. Niên độ 2016-2017, Công ty đã tổ chức thành công các khóa đào tạo cho CBQL như sau:

Các chương trình đào tạo CBQL hướng tới nâng cao chuyên môn, năng lực quản lý, điều hành cho CBQL. Đối với CBNV là các chuyên viên, nhân viên có tiềm năng phát triển sẽ được đề cử vào danh sách Đội ngũ CEO tiềm năng, được tham dự các buổi đào tạo bồi dưỡng về kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý, lập kế hoạch, tổ chức công việc và các kỹ năng khác.

Trong tiến trình hội nhập sâu rộng của kinh tế Việt Nam với các nước trong khu vực, công tác đào tạo đóng một vai trò thực sự quan trọng nhằm nâng cao sức mạnh nội tại của TTCS, gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường mở với nhiều cơ hội và thách thức.

Thông lệ về lao động và việc làm hợp thức

Việc làm

Lao động	TTCS	TTCSGL
Tổng số lực lượng lao động theo loại việc làm	518	435
» Công việc trực tiếp (FO)	304	281
» Công việc gián tiếp (BO)	214	154
Tổng số lực lượng lao động theo hợp đồng lao động	518	435
» Không xác định thời hạn	286	260
» Xác định thời hạn từ 1-3 năm	232	175
Tổng số lực lượng lao động theo khu vực	518	435
» Miền Bắc	0	0
» Miền Trung	7	435
» Miền Nam	511	0

Chú thích

- » FO: Là những vị trí công việc do những con người trực tiếp tiến hành các hoạt động tạo ra các sản phẩm hoặc dịch vụ đóng góp trực tiếp cho mục tiêu hoạt động của Công ty.

» BO: Là những vị trí công việc do những con người tiến hành các hoạt động phục vụ, hỗ trợ, hoặc quản lý, chỉ đạo nhằm tạo ra các sản phẩm hoặc dịch vụ đóng góp gián tiếp cho mục tiêu hoạt động của Công ty.

Do đặc thù là công ty sản xuất nên số lượng nhân viên trực tiếp lớn hơn nhân viên gián tiếp.

Hiện số lao động mà Công ty ký HĐLĐ không xác định chiếm trên 50% (286/516 người). Từ đó cho thấy Công ty luôn chú trọng gắn kết người lao động làm việc lâu dài, ổn định tại Công ty và thực hiện ký kết HĐLĐ theo đúng quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính, nhà máy sản xuất và vùng nguyên liệu mía chính tại Miền Nam nên đa số lao động làm việc tập trung tại miền Nam. Bên cạnh đó, Công ty có bố trí một số lao động làm việc tại miền Trung đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển vùng nguyên liệu của Công ty.



Tỷ lệ thôi việc

Trong niên độ 2016-2017, số lao động thôi việc tại TTCS tương đối thấp 34 người và tại TTCSGL là 21 người, chủ yếu là lao động nam, đa số là muốn thay đổi định hướng phát triển nghề nghiệp phù hợp với năng lực bản thân và điều kiện gia đình.

Lao động thôi việc	TTCS		TTCSGL	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ	Số lượng (người)	Tỷ lệ
Tổng số lao động thôi việc theo tuổi tác	34		21	
» 18 tuổi ->25 tuổi	4	12%	1	4,8%
» 25 tuổi ->35 tuổi	13	38%	13	61,9%
» 35 tuổi -> 45 tuổi	9	26%	6	28,5%
» >45 tuổi	8	24%	1	4,8%
Tổng số lao động thôi việc theo giới tính	34		21	
» Nam	28	82%	18	85,7%
» Nữ	6	18%	3	14,3%
Tổng số lao động thôi việc theo khu vực	34		21	
» Miền Bắc	0	0%	0	0%
» Miền Trung	0	0%	20	95,2%
» Miền Nam	34	100%	1	4,8%



Các trợ cấp cho nhân viên làm việc toàn thời gian

Công ty có các khoản chế độ trợ cấp như xăng xe, bảo dưỡng xe, điện thoại,... cho nhân viên theo tính chất công việc được quy định vào từng thời kỳ, để tạo điều kiện cho nhân viên hoàn thành công việc được phân công một cách tốt nhất và hiệu quả nhất.

Quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động

“**Nhân viên là tài sản**” - một trong những giá trị cốt lõi của TTCS. Chính điều này đã quyết định đến sự phát triển bền vững của Công ty và Công ty luôn chú trọng khi xây dựng đội ngũ nhân sự.

TTCS được tạo dựng bởi những con người:



Đây được xem là chiến lược dài hạn của Công ty. Để làm được điều đó, cần có một môi trường làm việc đoàn kết nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện của CBNV, trong đó những quy tắc đạo đức ứng xử, các chế độ đào tạo chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và các đặc trưng văn hóa của TTCS là nền tảng đúc kết.

Những giá trị do người lao động tạo ra và đóng góp vào thành công chung của Công ty luôn được TTCS trân trọng và ghi nhận. Một môi trường làm việc công bằng, năng động, sáng tạo, không phân biệt vị trí, độ tuổi, giới tính, trình độ, địa vị xã hội, nguồn gốc dân tộc,... mỗi cá nhân đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện để hướng đến sự thành công và phát triển sự nghiệp là mục tiêu lớn nhất mà TTCS hướng đến trong những niên độ tới.

Trong niên độ 2016-2017, nhờ hoạt động hiệu quả của Công đoàn và sự quan tâm thấu hiểu của Ban Lãnh đạo trong việc chăm lo đời sống CBNV, ngày 05/10/2016 Thỏa ước lao động tập thể đã được ký kết tại Công ty nhằm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động cũng như người sử dụng lao động. Thỏa ước này do đại diện của tập thể lao động và người sử dụng lao động thương lượng, ký kết trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng và công khai. 100% nhân viên tại TTCS được hưởng thỏa ước lao động.

Ngoài Thỏa ước lao động tập thể, TTCS còn chú trọng thiết lập mối quan hệ hài hòa giữa NSDLĐ và NLĐ thông qua một số hoạt động như:

- » Tổ chức đối thoại: Định kỳ hàng tháng, quý, năm, Ban chấp hành công đoàn Công ty phối hợp cùng NSDLĐ tổ chức họp mặt, đối thoại giữa NSDLĐ và NLĐ theo quy chế đối thoại và hội nghị NLĐ tại doanh nghiệp nhằm trao đổi thông tin, lắng nghe ý kiến của các bên nhằm xây dựng quan hệ lao động tại doanh nghiệp hài hòa, ổn định và tiến bộ.
- » Hợp đồng lao động đúng quy định: TTCS cam kết tất cả các nhân viên đều được ký hợp đồng lao động đúng quy định, không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức dưới mọi hình thức.
- » Công bằng trong đánh giá và khen thưởng: Ban lãnh đạo luôn giải thích rõ quy trình, mục đích, ý nghĩa, công bố rộng rãi việc đánh giá xếp loại và khen thưởng CBNV.
- » Bình đẳng trong đối xử: Tất cả CBNV trong Công ty đều được đối xử bình đẳng và được bảo vệ trước mọi hành vi phân biệt đối xử trong việc làm hoặc nghề nghiệp.

Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp

Bộ Luật Lao động đặt trách nhiệm cho tất cả các bên tham gia phải đảm bảo an toàn nơi làm việc và yêu cầu mọi doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lao động, sản xuất phải tuân theo quy định của pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Trong đó, người sử dụng lao động phải đảm bảo môi trường làm việc đáp ứng các tiêu chuẩn cần thiết, cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động; và đề ra các biện pháp loại trừ, giảm thiểu các mối nguy hiểm, có hại liên quan sức khỏe và an toàn lao động.

TTCS luôn bảo đảm nơi làm việc đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng, bụi, hơi, khí độc, phóng xạ, điện từ trường, sức nóng, độ ẩm, tiếng ồn, độ rung, và các yếu tố có hại khác được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật

liên quan và các yếu tố đó phải được định kỳ kiểm tra, đo lường. Công ty luôn kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, có hại, cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động; định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, nhà xưởng, kho hàng.

Hiện nay, Ban 5S tại TTCS có 15 thành viên chiếm 2,8% tổng số lao động toàn Công ty. Nhiệm vụ của Ban 5S là kiểm tra vệ sinh an toàn lao động, đánh giá các mối nguy và đưa ra tư vấn các biện pháp cải thiện môi trường, an toàn lao động.

Tỷ lệ chấn thương, bệnh nghề nghiệp, ngày nghỉ ốm, sự vắng mặt và số trường hợp tử vong có liên quan đến làm việc theo từng khu vực của Công ty trong niên vụ 2016-2017 được thống kê như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu
1	Tai nạn lao động		
	» Tổng số vụ tai nạn lao động	Vụ	8
	› Trong đó, số vụ có người chết	Vụ	0
	» Tổng số người bị tai nạn lao động	Người	8
	› Trong đó, số người chết vì tai nạn lao động	Người	0
	» Tổng chi phí cho tai nạn lao động (cấp cứu, điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp ...)	Triệu đồng	311,6
2	Bệnh nghề nghiệp		
	» Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm báo cáo	Người	0
	Trong đó, số người mắc mới bệnh nghề nghiệp	Người	0
	» Số ngày công nghỉ vì bệnh nghề nghiệp	Ngày	0
	» Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì bệnh nghề nghiệp	Người	0
	» Tổng chi phí cho người bị bệnh nghề nghiệp phát sinh trong năm (Các khoản chi không tính trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động như: điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp,...)	Triệu đồng	0
3	Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động		
	» Loại I	Người	496
	» Loại II	Người	06
	» Loại III	Người	137
	» Loại IV	Người	200
	» Loại V	Người	132
4	Số ngày nghỉ ốm	Ngày	589

VỚI ĐẶC THÙ CÔNG TY SẢN XUẤT, TTCS RẤT QUAN TÂM ĐẾN CÔNG TÁC AN TOÀN LAO ĐỘNG. CBNV KHI TUYỂN MỚI SẼ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN, ĐÀO TẠO AN TOÀN ĐỂ NHẬN BIẾT VÀ PHÒNG TRÁNH CÁC MỐI NGUY TRONG QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC. NGOÀI RA, ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM, CÔNG TY TỔ CHỨC CÁC BUỔI ĐÀO TẠO, CẬP NHẬT KIẾN THỨC AN TOÀN LAO ĐỘNG CHO CBNV.

Phòng ngừa và kiểm soát rủi ro

Có thể nói, để ổn định và phát triển trong điều kiện kinh tế hiện nay thì việc xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ hướng tới quản lý rủi ro, cần được coi là vấn đề ưu tiên hàng đầu.

» Về môi trường kiểm soát: Nhằm cụ thể hoá, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng ban chức năng trong Công ty, tránh tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, gây tính ỷ lại, thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết, xử lý các công việc liên quan đến nhiều phòng ban, đơn vị khác nhau trong nội bộ nên Công ty thường xuyên tổ chức đánh giá nội bộ để kiểm soát rủi ro.

» Về các quy chế và thủ tục kiểm soát, nhằm quản lý rủi ro: Công ty đã thiết lập quy trình quản lý rủi ro trong quá trình xây dựng chiến lược Công ty, xác định những giao dịch, sự kiện có khả năng xảy ra gây ảnh hưởng đến Công ty. Đồng thời, quản lý rủi ro trong phạm vi cho phép, nhằm đạt được mục tiêu. Quản lý rủi ro là một chức năng quan trọng trong Hệ thống kiểm soát nội bộ được coi là có hiệu lực, khi yếu tố đánh giá và quản lý rủi ro được thiết lập và hoạt động có hiệu quả.

Hoạt động đào tạo đầu vụ là mô hình đào tạo đặc thù tại TTCS nhằm hỗ trợ cán bộ nhân viên ứng phó với các tình huống khẩn cấp, nguy hiểm. Hơn thế nữa, Công ty còn mua Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm tai nạn 24/24 để CBNV được bồi hoàn những khoản chi trả cho y tế.

Phòng ngừa và kiểm soát rủi ro còn thể hiện trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đối mặt với những thách thức và cơ hội mới do thị trường mang lại. Luôn ý thức được nguồn nhân lực là tài sản quý nhất, là nhân tố tạo ra giá trị khác biệt của Công ty, TTCS luôn chú trọng việc phát triển chương trình giáo dục, đào tạo, tư vấn, phòng ngừa và kiểm soát rủi ro để hỗ trợ lực lượng lao động.

Hiện nay, với sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường toàn cầu, áp lực suy thoái và những khó khăn từ nền kinh tế, các doanh nghiệp ngày càng quan tâm nhiều hơn đến xây dựng hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ (QTRR & KSNB) nhằm giúp hạn chế những sự cố mất mát, thiệt hại, và tăng hiệu quả hoạt động của tổ chức.

Nắm bắt được xu thế đó, năm 2017, TTCS tiếp tục tổ chức các khóa đào tạo kiểm soát, phòng ngừa rủi ro đáp ứng nhu cầu rất lớn về nhân lực cho phát triển, mở rộng. Đứng trước những thách thức trong việc quản trị nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ, công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động quản trị nhân lực cũng đã được chú ý thực hiện nghiêm túc. Không chỉ dừng lại ở những công tác tuyển dụng sàng lọc chặt chẽ, tăng cường đào tạo đội ngũ, nghiêm túc thực hiện đánh giá hiệu quả công việc và phát triển chính sách đãi ngộ để đảm bảo hạn chế rủi ro thiếu hụt và mất nguồn lực; TTCS còn chú trọng lập danh mục những rủi ro có thể gặp phải trong các hoạt động quản trị nhân sự để xác định đánh giá các rủi ro và có kịch bản xử lý kịp thời.



Giáo dục và đào tạo

Số giờ đào tạo trung bình

Phát triển bền vững hay phát triển lâu bền (Sustainable development) đã trở thành một trong những định hướng chiến lược quan trọng nhất của hầu hết các quốc gia trên thế giới trong thời đại cách mạng khoa học và công nghệ hiện nay. Trong định hướng chiến lược phát triển này, TTCS nhận định việc đào tạo và phát triển con người một cách bền vững trong sự phát triển chung đó cũng trở nên hết sức cấp bách.

Đào tạo được khẳng định tạo ra một cơ hội chính để mở rộng kiến thức cơ bản của tất cả các nhân viên với số giờ đào tạo trung bình tại TTCS là 20 giờ/năm/CBNV.

Là một công ty ngành mía đường thì việc đào tạo về an toàn lao động, đào tạo về an toàn vệ sinh thực phẩm là những khóa đào tạo bắt buộc. Hằng năm, hơn 1.000 nhân viên nhận được sự đào tạo cần thiết như đào tạo về an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động, sơ cấp cứu để thực hiện công việc của mình tốt hơn. Họ trở nên ý thức hơn về thực hành an toàn và thủ tục thích hợp cho các nghiệp vụ cơ bản.

Các chương trình phát triển kỹ năng

Với mục tiêu giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực và trí thức trẻ cho Công ty trong quá trình M&A, Công ty luôn xác định nhiệm vụ hàng đầu là đào tạo phát triển kỹ năng và học tập liên tục. Do đó, mọi hoạt động của Công ty đều hướng tới việc tạo môi trường và những điều kiện thuận lợi nhất để giúp đỡ, hỗ trợ CBNV có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Hoạt động đào tạo được Công ty quan tâm đúng mức. Các CBNV còn được tạo điều kiện tham gia các đề tài, chương trình nghiên cứu và trao đổi học tập cùng các cán bộ giảng dạy từ tập đoàn và các tổ chức đào tạo có uy tín bên ngoài. Các hội thảo khoa học quốc tế đều được tạo điều kiện tham gia.

Các chương trình phát triển kỹ năng tại TTCS như Văn hoá doanh nghiệp, Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng đàm phán, Kỹ năng bán hàng, Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định là các chương trình đào tạo và phát triển có cấu trúc nhằm giúp nhân viên tích lũy kinh nghiệm và kiến thức nền tảng phù hợp.



CÔNG TY CÓ ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN TRẺ, NĂNG ĐỘNG VÀ NHIỆT HUYẾT VỚI SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN DƯỚI 45 TUỔI CHIẾM 70% TỔNG SỐ NHÂN VIÊN, TỪ ĐÓ CÔNG TY CÓ LỢI THẾ TRONG VIỆC ĐÀO TẠO NHÂN SỰ KẾ THỪA VÀ HỘI NHẬP PHÁT TRIỂN.

Nhân viên được tiếp cận với các chương trình đào tạo và phát triển có lợi thế hơn so với các nhân viên trong các công ty khác, hoặc những người luôn tìm kiếm cơ hội đào tạo cho riêng mình. Việc đầu tư vào đào tạo mà Công ty đang làm đã tạo ra sự khác biệt về giá trị, sẽ tạo ra một môi trường làm việc hỗ trợ. Nhân viên cảm thấy được đánh giá cao và có cơ hội phát triển thông qua các chương trình đào tạo.

Đánh giá hiệu suất công việc và phát triển sự nghiệp

Có rất nhiều phương pháp để đánh giá hiệu suất công việc, tuy nhiên KPIs đang là một phương pháp phổ biến được nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam quan tâm sử dụng và TTCS cũng không ngoại lệ. KPIs là một công cụ hiện đại giúp cho các nhà quản lý triển khai chiến lược lãnh đạo thành các mục tiêu quản lý và chương trình hành động cụ thể cho từng bộ phận, từng lĩnh vực và từng cá nhân, thông qua đó giúp cho việc đánh giá trở nên công bằng và minh bạch hơn, đảm bảo cho người lao động thực hiện đúng các trách nhiệm trong bản mô tả công việc của từng vị trí chức danh cụ thể.

CBNV được đánh giá năng lực khả năng và mức độ hoàn thành công việc trên cơ sở khoa học. Việc áp dụng KPIs sẽ giúp Công ty gia tăng khả năng cạnh tranh vì có thể sử dụng và khuyến khích được nhân viên phát huy được tối đa hiệu quả công việc, đồng thời tạo sự liên kết chặt chẽ ở các phòng ban. Việc chỉ rõ định hướng và mục tiêu của Công ty giúp các phòng ban, bộ phận và từng cá nhân phát triển theo chiến lược của Công ty theo từng thời điểm.

Đánh giá nhân viên theo phương pháp KPIs nhằm giúp cho Công ty có cái nhìn tổng thể về các hoạt động kinh

doanh của mình. Khi đánh giá đúng năng lực, nhân viên sẽ làm việc hăng say hơn, năng suất lao động tăng cao, góp phần làm giảm chi phí. Tạo điều kiện khích lệ và phát hiện nhân viên có năng lực và giữ chân được người tài. Nâng cao hiệu quả làm việc cho nhân viên, nâng cao hiệu quả của Công ty.

Thành phần của bộ máy quản lý và cơ cấu lao động

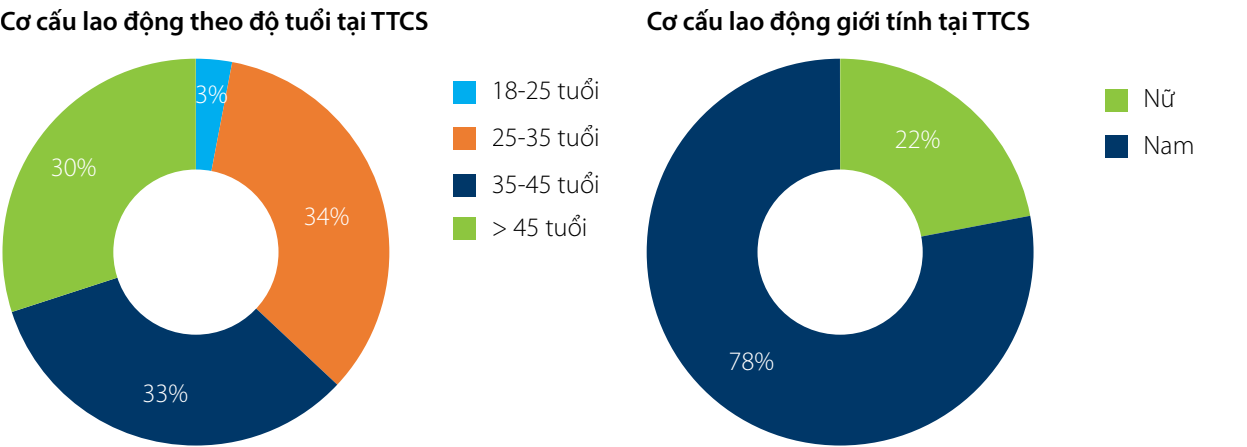
Công ty có cấu trúc bộ máy quản lý theo mô hình công ty cổ phần bao gồm:

- » Đại hội đồng cổ đông: là Cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty; Hoạt động theo quy định của pháp luật.
- » Hội đồng Quản trị: Hoạt động theo phương thức tập trung, dân chủ, quyết định tập thể; Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng Quản trị.
- » Ban Kiểm soát: Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế Tổ chức và hoạt động Ban Kiểm soát.
- » Ban Tổng Giám đốc: Hoạt động theo chế độ thủ trưởng; Trách nhiệm: Tuân thủ Pháp luật, phân công công việc của Hội đồng Quản trị; Quyền hạn: Theo hệ thống phân định quyền hạn và thẩm quyền ký kết văn bản từng thời kỳ hoặc quy định tại văn bản lập quy hiện hành của Công ty (nếu có).
- » Các đơn vị phụ trách lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ: Hoạt động theo sự phân công của Ban Tổng Giám đốc; Quyền hạn: Theo hệ thống phân định quyền hạn và thẩm quyền ký kết văn bản từng thời kỳ hoặc quy định tại văn bản lập quy hiện hành của Công ty.

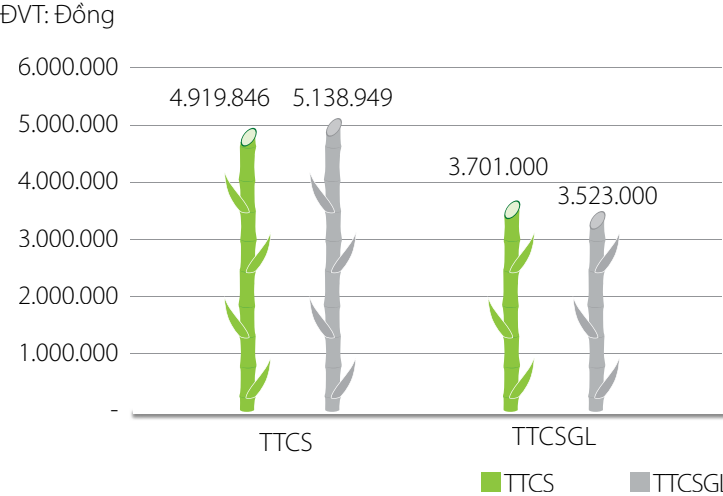
Công ty có đội ngũ nhân viên trẻ, năng động và nhiệt huyết với số lượng nhân viên dưới 45 tuổi chiếm 70% tổng số nhân viên, từ đó Công ty có lợi thế trong việc đào tạo nhân sự kế thừa và hội nhập phát triển.

Nhân viên	TTCS		TTCSGL	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ	Số lượng (người)	Tỷ lệ
Nhóm tuổi	518	100%	435	100%
» 18 tuổi ->25 tuổi	18	3%	62	14%
» 25 tuổi ->35 tuổi	174	34%	169	39%
» 35 tuổi -> 45 tuổi	173	33%	112	26%
» >45 tuổi	153	30%	92	21%
Giới tính	518	100%	435	100%
» Nam	406	78%	372	86%
» Nữ	112	22%	63	14%

Là công ty mía đường với đặc thù nhiều vị trí sản xuất cần lao động có sức khỏe tốt, TTCS có 78% lao động là nam, 22% lao động nữ chủ yếu tập trung ở khối văn phòng.



Biểu đồ mức lương cơ bản của nam và nữ niên độ 2016-2017



Nhân quyền

Đảm bảo nhân quyền được TTCS đánh giá là điều kiện tiên quyết và cơ bản nhất trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhận định này được thể hiện rõ trong tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của TTCS khi hướng tới việc mang lại lợi ích cho người lao động, người nông dân Việt Nam. TTCS hướng tới việc đáp ứng những yêu cầu nghiêm ngặt về nhân quyền ở mức cao hơn so với yêu cầu của luật pháp.

Quy định về đầu tư và mua sắm

TTCS luôn lồng ghép các vấn đề bền vững trong các quy định về mua sắm và đầu tư, cụ thể:

- » TTCS luôn ưu tiên chọn những nhà cung cấp đáp ứng tốt các yêu cầu về quản lý, tiến độ, tuân thủ pháp luật, trách nhiệm với môi trường và xã hội.
- » Trong các quyết định đầu tư, đường organic - dự án sản xuất đường hữu cơ tại Việt Nam là một ví dụ điển hình của TTCS về việc chú trọng đến phát triển bền vững. Công nghệ sản xuất này cho ra những hạt đường “sạch” theo tiêu chuẩn quốc tế, được làm từ những cây mía không sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu, hoàn toàn tốt cho sức khỏe người dùng vì chứa hàm lượng dinh dưỡng và khoáng chất cao hơn so với loại đường thông thường.

Không phân biệt đối xử

- » TTCS luôn tôn trọng sự khác biệt và tính đa dạng, không có bất kỳ sự kỳ thị nào về giới tính, dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc, tuổi tác. Các chương trình, chính sách, quy trình và hệ thống của Công ty đều hướng đến sự tôn trọng nhân quyền và tạo điều kiện để CBNV làm việc hiệu quả. Trong niên độ 2016-2017 không có khiếu nại nào về phân biệt đối xử ở TTCS.
- » Tất cả nhân viên đều có cơ hội bình đẳng và được được ghi nhận bằng nền tảng kiến thức và kinh nghiệm của mỗi cá nhân. Mọi hành vi phân biệt trong hoạt động tuyển dụng, thăng tiến và các quyết định về nhân sự đều bị nghiêm cấm. Việc tuyển dụng được dựa trên nhu cầu lao động, yêu cầu của vị trí để thực hiện kế hoạch kinh doanh, sản xuất cho Công ty.
- » Với tinh thần thượng tôn quyền bình đẳng của mỗi người và chú trọng công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, TTCS không thể không quan tâm đến chất lượng của đội ngũ an ninh cơ hữu của Công ty, vì đây là bộ phận ảnh hưởng thường xuyên đến quyền lợi của người khác và được xem là một trong những nhân tố

tạo nên hình ảnh của Công ty. TTCS thực hiện đào tạo, hướng dẫn cho đầy đủ các nhân viên an ninh tại Công ty về các chính sách, quy trình liên quan đến vấn đề nhân quyền của CBNV và các đối tác, khách hàng bên ngoài.

Lao động trẻ em và lao động cưỡng bức

Quan hệ lao động của Công ty luôn tuân thủ pháp luật lao động Việt Nam, tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em, cưỡng bức hay ép buộc lao động.

Quyền của người dân bản địa

Trong niên độ 2016-2017, TTCS ghi nhận không có biên bản/ thông báo nào liên quan đến việc vi phạm luật pháp và quy định liên quan đến người bản địa.

Cùng với việc mở rộng vùng nguyên liệu và mở rộng sản xuất, TTCS đã cung cấp hơn 717 việc làm cho lao động, đặc biệt là lao động tại địa phương; gián tiếp tạo việc làm cho hàng trăm hộ dân và lao động liên quan trong vụ mía 2016-2017. Với mong muốn phát triển giàu mạnh, gắn kết và tạo công ăn việc làm cho người dân Tây Ninh, các chính sách về tuyển dụng và đào tạo được ưu tiên hàng đầu. Công ty đảm bảo tuyệt đối không có sự phân biệt hay tạo thành các nhóm nhỏ về tôn giáo, thành phần hay người bản địa. TTCS luôn là một gia đình, trong đó mọi chế độ và quyền lợi luôn được đối xử công bằng.





BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG, ĐỊA PHƯƠNG



Năm 2016-2017, Quỹ Từ thiện của Tập đoàn TTC được thành lập và TTCS chính thức tham gia vào Quỹ, cùng với các công ty thành viên và Tập đoàn TTC tạo thành một liên kết lớn mạnh trong việc thực hiện công tác xã hội và trách nhiệm cộng đồng theo định hướng phù hợp. Đây là nền tảng để TTCS phát huy và nâng cao hiệu quả thiết thực trong công tác xã hội trong thời gian tới với các hoạt động thông qua Quỹ từ thiện TTC có quy mô tác động và sức ảnh hưởng lớn hơn cho cộng đồng.

Năm qua, cùng với các hoạt động ban đầu của Quỹ từ thiện TTC, TTCS đã tham gia đóng góp kinh phí cho một số chương trình của Quỹ triển khai như Ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt 2016; Ủng hộ chương trình chăm lo Tết cho người nghèo tại Huyện Hóc Môn, Tp. HCM; Tặng thực phẩm thăm và tặng quà cho quân dân đảo Trường Sa tháng 04/2017; Hỗ trợ phương tiện sinh kế cho hội viên, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn giai đoạn 2017-2021 của Hội Liên hiệp Phụ nữ Tp. HCM;...

Bên cạnh tham gia tích cực các hoạt động trong Quỹ từ thiện TTC, là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và gắn bó mật thiết với cộng đồng địa phương, TTCS trong năm 2016-2017 tiếp tục duy trì và phối hợp tích cực cùng với chính quyền địa phương, đóng góp kinh phí cho các chương trình an sinh xã hội, cải thiện cơ sở hạ tầng, phát triển đời sống và kinh tế... tại các địa phương vùng nguyên liệu, các khu vực biên giới

Campuchia, trong đó đặc biệt là tại tỉnh Tây Ninh - nơi đặt trụ sở và nhà máy sản xuất của TTCS.

Một số chương trình xã hội, vì cộng đồng nổi bật có thể kể đến như: Hỗ trợ xây dựng nhà tình thương tại Long An; trao học bổng "Thắp sáng ước mơ" lần 3 năm 2016 do Quỹ Bảo vệ quyền trẻ em Tây Ninh tổ chức; Hỗ trợ chương trình lắp camera phòng chống tội phạm Tp. Tây Ninh; Phối hợp chính quyền các huyện, xã tặng quà Tết Nguyên đán cho người nghèo và các đối tượng chính sách; Hỗ trợ kinh phí các địa phương trong công tác sửa chữa, cải tạo hạ tầng nông thôn, nạo vét kênh tiêu; Tài trợ chương trình Áo ấm tại Cao Bằng 2016 cho người dân vùng cao;...

Song song đó, cùng với việc phát triển và đầu tư vùng nguyên liệu tại nước bạn Campuchia cũng như các vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, hợp tác phát triển kinh tế nông thôn cho các địa phương và nhân dân tại đây, TTCS đã tham gia tích cực trong các hoạt động tài trợ, ủng hộ chăm lo cho công tác an sinh xã hội và trách nhiệm cộng đồng tại các địa phương như: Hỗ trợ kinh phí cùng với MTTQVN tỉnh Tây Ninh ủng hộ các hộ nghèo các tỉnh bạn Campuchia; Hỗ trợ kinh phí nâng cấp, sửa chữa trụ sở cho các đơn vị Campuchia; Hỗ trợ chi phí xây dựng đồn công an bảo vệ an ninh trật tự xã Prey Ta Ey; Ủng hộ tặng quà Tết cho quân dân Campuchia Tết cổ truyền...



Các hoạt động này không những góp phần giúp phát triển mối quan hệ hợp tác gắn bó và tình đoàn kết hữu nghị giữa 2 nước Việt Nam - Campuchia mà còn thể hiện sự quan tâm chia sẻ và tinh thần trách nhiệm xã hội của Công ty khi tham gia đầu tư kinh tế tại nước bạn, đồng hành cùng người dân các khu vực biên giới cũng như quân dân nước bạn với tinh thần "vì cộng đồng, phát triển địa phương".

Ngoài ra, Công ty thường xuyên ủng hộ và trao tặng các sản phẩm đường do Công ty sản xuất trong các dịp Lễ, Tết, Trung thu, hỗ trợ người nghèo và các chương trình cộng đồng xã hội tại địa phương,... ước tính năm 2016-2017 đã tặng hơn **16 tấn đường** trị giá hơn 320.000.000 đồng.

Trong công tác chăm lo vì trẻ em, ngoài việc đóng góp ủng hộ các chương trình trao học bổng cho học sinh nghèo địa phương, tặng quà Tết Trung thu, Tết Nguyên đán cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, tặng tập vở cho các em đến trường... thì năm 2016-2017, một số hoạt động ý nghĩa tạo dấu ấn nổi bật là công ty tổ chức chương trình "Đêm hội trăng rằm 2016" cho toàn thể trẻ em là con em CBNV, trẻ em tại các đơn vị bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh cùng vui trung thu với chương trình đặc sắc tại Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi Thành phố Tây Ninh, thể hiện sự quan tâm và yêu thương để các em nhỏ được sống trong tình cảm ấp áp của cộng đồng, có thêm niềm vui và niềm tin để trở thành những con người có ích.

Nhân dịp này, Công ty đã trao tặng 4 "**Tủ sách tri thức tương lai**" cho trẻ em tại các Trung tâm Bảo trợ Xã hội Tây Ninh, Trung tâm nuôi dạy trẻ khiếm thính, khiếm thị Tây Ninh, Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật Tây Ninh và Chùa Tứ Phước. Trao tặng tủ sách là một hoạt động nhiều ý nghĩa của Công ty với mong muốn bồi dưỡng tri thức và vun đắp tâm hồn, bù đắp những thiệt thòi về giáo dục mà các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn chưa có điều kiện tiếp xúc,... từ đó góp phần cùng gia đình và xã hội chăm lo tốt hơn cho các thế hệ tương lai của xã hội.

Đồng thời, Công ty đã phối hợp cùng Tập đoàn TTC và Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công tổ chức chuyên đề giáo dục "Chung tay bảo vệ trẻ em trước xâm hại tình dục" cho con em CBNV cùng các em học sinh tiểu học Lương Định Của thuộc địa bàn xã Tân Hưng, nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng đúng đắn, kịp thời cùng với gia đình và nhà trường giúp các em nâng cao nhận thức và biết tự bảo vệ bản thân trước vấn nạn xâm hại tình dục.

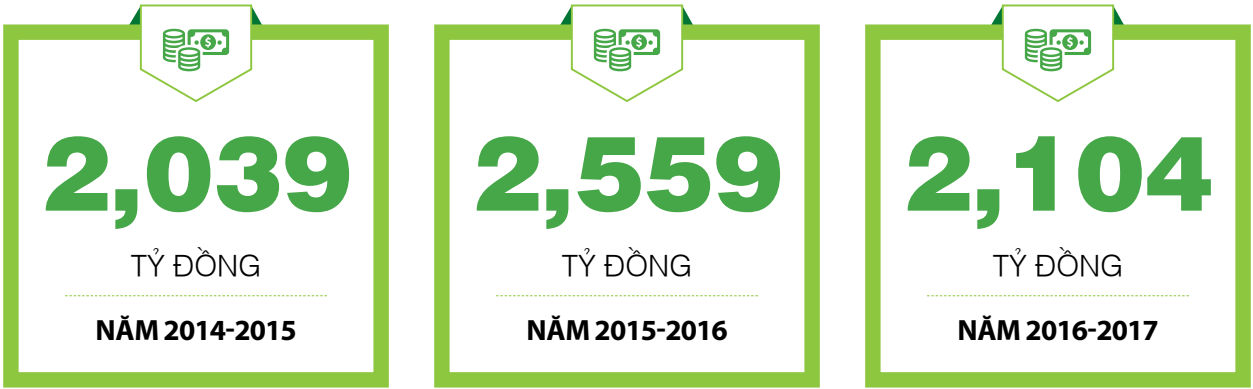
Tất cả những hoạt động và chương trình thiện nguyện, công tác xã hội của TTCS năm 2016-2017 đã tiếp tục duy trì và phát huy văn hóa "vì cộng đồng, phát triển địa phương" của toàn Tập đoàn, bảo đảm thực hiện các cam kết về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, hướng đến phát triển đồng hành và bền vững, ngày càng nâng cao hơn nữa những ý nghĩa và hiệu quả thiết thực đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng - xã hội thông qua quá trình sản xuất kinh doanh và lớn mạnh của Công ty.

MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VÌ CỘNG ĐỒNG

NỔI BẬT NĂM 2016-2017

Hỗ trợ kinh phí làm cống thoát nước cho Đồn Biên phòng Long Phước.	10.000.000
Trao học bổng “Thắp sáng ước mơ” lần 3 năm 2016 do Quỹ Bảo vệ quyền trẻ em Tây Ninh thực hiện.	20.000.000
Tham gia tặng 500 áo gió cho chương trình “Áo ấm Cao Bằng”.	50.000.000
Hỗ trợ kinh phí cùng với công an địa phương Chương trình Lắp camera an ninh Phòng chống tội phạm trên địa bàn Thành phố Tây Ninh.	50.000.000
Ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt 2016.	250.000.000
Đóng góp nộp Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Tây Ninh 2016.	100.000.000
Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tình thương tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An.	50.000.000
Ủng hộ chương trình chăm lo Tết cho người nghèo tại huyện Hóc Môn - Tp. HCM.	50.000.000
Hỗ trợ phương tiện sinh kế cho hội viên, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn giai đoạn 2017-2021 của Hội Liên hiệp Phụ nữ Tp. HCM.	200.000.000
Hỗ trợ kinh phí Sở NN&PTNT Tây Ninh tổ chức Hội diễn, hội thao các Sở NN&PTNT Đồng Nam Bộ 2017.	50.000.000
Ủng hộ quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” tỉnh Tây Ninh nhân kỉ niệm 70 năm ngày thương binh liệt sĩ.	10.000.000
Hỗ trợ kinh phí điều trị ung thư máu cho em Trịnh Đôn Phước, 17 tuổi tại Bệnh viện Truyền máu huyết học Trung ương Tp. HCM.	50.000.000
Tặng 3.000 tập vở trắng cho học sinh nghèo xã Long Phước, Long Giang, Long Chữ, Mỏ Công.	13.500.000
Hỗ trợ kinh phí đặt cống thoát nước cho Đồn Biên phòng Long Phước.	14.000.000
Hỗ trợ kinh phí nâng cấp, sửa chữa trụ sở cho các đơn vị Campuchia.	19.000.000
Hỗ trợ các đơn vị cùng quân dân Campuchia Tết cổ truyền 2017.	30.450.000
Tặng 2.000 kg đường tinh luyện cho Quỹ học bổng Vừ A Dính và CLB “Vì Hoàng Sa - Trường Sa thân yêu” - thuộc TW Đoàn TNCS HCM thăm và tặng quà cho quân dân đảo Trường Sa tháng 04/2017.	40.000.000
Tặng 4 tủ sách “Tri thức tương lai” cho trẻ em tại các Trung tâm Bảo trợ Xã hội Tây Ninh, Trung tâm Nuôi dạy trẻ khiếm thính, khiếm thị Tây Ninh, Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật Tây Ninh, chùa Tứ Phước.	32.000.000
Tặng quà Tết trung thu 2016 cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại các vùng nguyên liệu địa phương các xã, huyện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và trẻ em tại các trường, trung tâm bảo trợ xã hội tổng cộng hơn 1.600 phần quà.	160.000.000
Tặng quà Tết cho các trường nuôi dạy trẻ khiếm thị Tây Ninh, trường trẻ khuyết tật, chùa Tứ Phước, Quỹ bảo trợ người nghèo tỉnh Tây Ninh, Trung tâm Bảo trợ Xã hội Tây Ninh... nhân dịp Tết Đinh Dậu (640 kg đường và 70 phần quà trị giá 224.000 đồng/phần).	28.480.000

TỔNG NGÂN SÁCH CHO CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI VÌ CỘNG ĐỒNG NĂM 2016-2017: 2,1 TỶ ĐỒNG



Tiêu chuẩn GRI	Thông tin công bố	Nội dung báo cáo	Trang
GRI 102: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG 2016			
HỒ SƠ TÀI CHÍNH			
GRI 102-1	Tên tổ chức	Thông tin khái quát	10
GRI 102-2	Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ	Ngành nghề kinh doanh	18-19
		Thông tin và chất lượng sản phẩm của TTCS	
GRI 102-3	Địa điểm của trụ sở chính	Thông tin khái quát	10
GRI 102-4	Các địa điểm hoạt động	Địa bàn kinh doanh	20-21
		Các chi nhánh và công ty con	24-27
GRI 102-5	Quyền sở hữu và hình thức pháp lý	Thông tin khái quát	10
		Quá trình hình thành và phát triển	12-13
		Sơ đồ tổ chức Công ty	22-23
GRI 102-6	Các thị trường phục vụ	Địa bàn kinh doanh	20-21
		Các chỉ tiêu tài chính nổi bật	14
GRI 102-7	Quy mô của tổ chức	Tổng số cơ sở hoạt động	62
		Số lượng sản phẩm	66
		Tổng số nhân viên	82,162
GRI 102-8	Thông tin về nhân viên và người lao động khác	Tổ chức và nhân sự niên độ 2016-2017	82-91
		Số lượng lao động	162
GRI 102-12	Các sáng kiến bên ngoài	TCNV 14001:2004	155
		Tiêu chuẩn IFC	106
		QCVN 40:2911/BTNMT	152
		Tiêu chuẩn organic	
GRI 102-13	Quyền hội viên trong các hiệp hội	TTCS hiện là thành viên Hiệp hội mía đường Việt Nam	

Tiêu chuẩn GRI	Thông tin công bố	Nội dung báo cáo	Trang
CHIẾN LƯỢC			
GRI 102-14	Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao	Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị	4-5
		Thông điệp Báo cáo phát triển bền vững	132-133
GRI 102-15	Các tác động, rủi ro và cơ hội chính	Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động	44-47
ĐẠO ĐỨC VÀ TÍNH CHÍNH TRỰC			
GRI 102-16	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực của hành vi	Giá trị cốt lõi	7
QUẢN TRỊ			
GRI 102-18	Cơ cấu quản trị	Sơ đồ tổ chức	22-23
GRI 102-19	Phân cấp thẩm quyền	Mô hình quản trị rủi ro	129
GRI 102-20	Trách nhiệm của cấp điều hành đối với các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	Mô hình quản trị rủi ro	129
GRI 102-21	Tham vấn các bên liên quan về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	Sự tham gia của các bên liên quan	136-138
GRI 102-22	Thành phần của cấp quản lý cao nhất và các ủy ban	Giới thiệu HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Ban Giám đốc chuyên môn	28-38
GRI 102-23	Chủ tịch của cấp quản lý cao nhất	Giới thiệu HĐQT	29-31
		Chủ tịch HĐQT không tham gia điều hành	29,34
GRI 102-26	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong việc thiết lập các mục đích, giá trị và chiến lược	Báo cáo hoạt động của HĐQT niên độ 2016-2017	100-101
GRI 102-27	Các biện pháp được thực hiện để nâng cao kiến thức tổng hợp của cấp quản lý cao nhất	Đào tạo thành viên HĐQT về quản trị công ty	108
GRI 102-28	Đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp quản lý cao nhất	Đánh giá hoạt động của HĐQT	103
GRI 102-29	Nhận diện và quản lý các tác động kinh tế, môi trường và xã hội	Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động	44-47
		Quản trị rủi ro	129

Tiêu chuẩn GRI	Thông tin công bố	Nội dung báo cáo	Trang
GRI 102-31	Tần suất rà soát của cấp quản lý cao nhất đối với các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	Các cuộc họp của HĐQT	101
GRI 102-32	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong việc lập BCPTBV	Hội đồng Quản trị là bộ phận nắm vị trí cao nhất trong việc lập BCPTBV. Ban Biên tập phụ trách soạn thảo nội dung và trình ký duyệt.	
GRI 102-35	Chính sách về thù lao	Thù lao cho thành viên HĐQT, BKS và lương thưởng của BDH niên độ 2016-2017	114-115
GRI 102-38	Tổng tỷ lệ thù lao hằng năm	Thu nhập bình quân của người lao động	162
GRI 102-39	Tỷ lệ phần trăm gia tăng trong tổng tỷ lệ thù lao hằng năm		
SẪY THAM GIA CỦA BÊN LIÊN QUAN			
GRI 102-40	Danh sách các nhóm bên liên quan	Danh sách các bên liên quan	136
GRI 102-41	Các thỏa ước thương lượng tập thể	Quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động	167
GRI 102-43	Phương pháp tiếp cận đối với sự tham gia của bên liên quan	Sự tham gia của các bên liên quan	136-138
GRI 102-44	Các mối quan ngại và chủ đề chính		
THÔNG LỆ BÁO CÁO			
GRI 102-45	Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất	Phạm vi báo cáo	134
GRI 102-46	Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề	Xác định các vấn đề trọng yếu và nội dung báo cáo	139
GRI 102-47	Danh mục các chủ đề trọng yếu		
GRI 102-50	Kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo	134
GRI 102-51	Ngày của báo cáo gần nhất		134
GRI 102-52	Chu kỳ báo cáo		134
GRI 102-53	Đầu mối liên hệ giải đáp thắc mắc về báo cáo	Thông tin liên hệ	134

Tiêu chuẩn GRI	Thông tin công bố	Nội dung báo cáo	Trang		
GRI 102-55	Mục lục GRI	Mục lục GRI	178		
GRI 200: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN VỀ KINH TẾ					
GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ					
	Phương pháp quản trị	Tầm nhìn, sứ mệnh	6		
		Định hướng phát triển Công ty niên độ 2017-2018	40		
		Chiến lược phát triển trung và dài hạn	41		
		Kế hoạch phát triển niên độ 2017-2018	78-81		
GRI 201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp tạo ra và phân bổ	Tình hình hoạt động kinh doanh	50-53		
		Tình hình tài chính	54-57		
		Các khoản đầu tư lớn	58		
		Chi phí BHXH, BHYT,BHTN qua các năm	88		
		Thu nhập bình quân của người lao động	87		
		Đóng góp cho công tác an sinh xã hội vì cộng đồng năm 2016-2017	176-177		
		GRI 201-2	Ảnh hưởng về kết quả hoạt động tài chính và các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu	Rủi ro do diễn biến thời tiết không thuận lợi và biện pháp khắc phục	47
				Những điểm nổi bật trong chính sách thu mua mía vụ 2016-2017	144
Tình hình nguồn năng lượng và các giải pháp trong việc sử dụng năng lượng	157-158				
Tổng mất mát trong sản xuất	161				
GRI 202: SẪY HIỆN DIỄN TRÊN THỊ TRƯỜNG					
	Phương pháp quản trị	Chính sách lương và các chế độ phúc lợi liên quan đến người lao động	163		
GRI 202-1	Mức lương khởi điểm theo giới tính	Mức lương cơ bản theo giới tính niên độ 2016-2017	172		

Tiêu chuẩn GRI	Thông tin công bố	Nội dung báo cáo	Trang
GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP			
GRI 203-1	Phương pháp quản trị	Báo cáo trách nhiệm liên quan đến cộng đồng, địa phương	174
	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ		
GRI 203-2	Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu	Tạo việc làm cho người dân địa phương	173
		Kỹ thuật canh tác: trồng mía 1 vụ thu hoạch 2 lần đem lại lợi nhuận cao cho nông dân vùng cao	146-147
		Báo cáo trách nhiệm liên quan đến cộng đồng, địa phương	174
GRI 204: THÔNG LẪ MUA SẼM			
	Phương pháp quản trị	Chương trình khuyến nông	71
		Nông nghiệp	143-147
		Quy định về đầu tư và mua sắm	173
GRI 204-1	Tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp địa phương	Những điểm nổi bật trong chính sách thu mua mía vụ 2016-2017	144
GRI 300: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN VỀ MÔI TRƯỜNG			
GRI 301: V- T LIỆU			
GRI 301-1	Phương pháp quản trị	Công tác quản lý nguyên vật liệu trong sản xuất	159
	Vật liệu được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng		
GRI 301-2	Vật liệu tái chế được sử dụng	Tình hình quản lý nguyên vật liệu trong sản xuất	159-161
GRI 301-3	Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm		

Tiêu chuẩn GRI	Thông tin công bố	Nội dung báo cáo	Trang
GRI 302: NĂNG LƯỢNG			
	Phương pháp quản trị		
GRI 302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức		
GRI 302-2	Tiêu thụ năng lượng ngoài tổ chức	Năng lượng	157-158
GRI 302-3	Cường độ sử dụng năng lượng		
GRI 302-4	Giảm tiêu hao năng lượng		
GRI 303: NƯỚC			
	Phương pháp quản trị	Quản lý nguồn nước	150
GRI 303-1	Lượng nước đầu vào theo nguồn	Lượng nước mua từ Công ty Thủy lợi Tây Ninh	150
		Lượng nước mặt và nước ngầm khai thác	151
		Tổng lượng nước sử dụng theo từng nguồn; Phân loại nước theo mục đích sử dụng	154
		Nước tuần hoàn	151
GRI 303-3	Tuần hoàn tái sử dụng nước	Tái sử dụng nước trong sản xuất; Tỷ lệ phần trăm nước tái sử dụng so với nước mua vào từ kênh; Chi phí tiết kiệm từ việc tuần hoàn nước	154
GRI 305: PHÁT THẢI			
	Phương pháp quản trị	Quản lý các mối lo hàng đầu về môi trường đối với ngành mía đường	150
		Giảm khí thải CO ₂	157
GRI 305-1	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (phạm vi 1)	Giảm khí thải CO ₂	157

Tiêu chuẩn GRI	Thông tin công bố	Nội dung báo cáo	Trang
GRI 306: NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI			
	Phương pháp quản trị	Quản lý các mối lo hàng đầu về môi trường đối với ngành mía đường	150
		Nước thải và quản lý xả thải	152-153
GRI 306-1	Tổng nước thải theo chất lượng và địa điểm thải	Nước thải và quản lý xả thải	152-153
		Quản lý nước xả thải	154, 155
GRI 306-2	Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý	Chất thải	156
GRI 306-3	Sự cố tràn đáng kể	Niên vụ 2016-2017, TTCS không xảy ra sự cố tràn nào	150
GRI 306-5	Các khu vực chứa nước bị ảnh hưởng bởi tổng lượng nước thải và/hoặc dòng nước thải	Chất nước nước xả thải của TTCS luôn nằm trong giá trị giới hạn cột A nên không gây ảnh hưởng cho môi trường	153
GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG			
	Phương pháp quản trị	Quản lý các mối lo hàng đầu về môi trường đối với ngành mía đường và tuân thủ pháp luật về môi trường	150, 155
GRI 307-1	Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường	Niên vụ 2016-2017, TTCS không xảy ra sự cố môi trường nào và không có vi phạm quy định pháp luật về môi trường.	150
GRI 400: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN VỀ XÃ HỘI			
GRI 401: VIỆC LÀM			
	Phương pháp quản trị	Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động	87-91
		Các chính sách liên quan đến người lao động	162-172
GRI 401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	Tình hình tuyển mới và tỷ lệ thôi việc niên độ 2016-2017	83
		Tỷ lệ thôi việc niên độ 2016-2017	166
GRI 401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	Chính sách phúc lợi	90
		Các chính sách liên quan đến người lao động	162-172

Tiêu chuẩn GRI	Thông tin công bố	Nội dung báo cáo	Trang
GRI 402: MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG/ QUẢN LÝ			
	Phương pháp quản trị	Quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động	167
GRI 402-1	Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động		
GRI 403: AN TOÀN SỨC KHỎE VÀ NGHỀ NGHIỆP			
	Phương pháp quản trị		
GRI 403-1	Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động		
GRI 403-2	Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tử vong liên quan đến công việc	Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp	168-169
GRI 403-3	Người lao động có tỷ lệ cao hoặc có nguy cơ cao mắc bệnh liên quan đến nghề nghiệp		
GRI 403-4	Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn		
GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
	Phương pháp quản trị	Công tác đào tạo	84
		Chính sách đào tạo	91
GRI 404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	Số giờ đào tạo trung bình	170
GRI 404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	Các chương trình phát triển kỹ năng	170
GRI 404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	Đánh giá hiệu suất công việc và phát triển sự nghiệp	170

Tiêu chuẩn GRI	Thông tin công bố	Nội dung báo cáo	Trang
GRI 405: SẴN ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG			
	Phương pháp quản trị	Công bằng trong đánh giá và khen thưởng; Bình đẳng trong đối xử	167
		Không phân biệt đối xử	173
GRI 405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	Cơ cấu lao động	172
GRI 405-2	Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới	Mức lương cơ bản theo giới tính niên độ 2016-2017	172
GRI 406: KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ			
	Phương pháp quản trị	Không phân biệt đối xử	173
		Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện	173
GRI 406-1		Trong niên độ 2016-2017 không có khiếu nại nào về phân biệt đối xử ở TTCS	173
GRI 407: TÀI DO LỢI PHẠM/ QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TÀI PHẠM			
	Phương pháp quản trị	Quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động	167
GRI 408: LAO ĐỘNG TRẺ EM			
	Phương pháp quản trị	Quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động	167
		Lao động trẻ em và lao động cưỡng bức	173
GRI 409: LAO ĐỘNG CƯỞNG BỨC VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG BỊ CHẤM DỨT			
	Phương pháp quản trị	Quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động	167
		Lao động trẻ em và lao động cưỡng bức	173
GRI 411: QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA			
	Phương pháp quản trị	Quyền của người dân bản địa	173
		Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa	173
GRI 411-1		Niên vụ 2016-2017, TTCS không có vụ vi phạm liên quan đến quyền người bản địa	
GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG			
	Phương pháp quản trị		
		Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	174
GRI 413-1		Báo cáo trách nhiệm liên quan đến cộng đồng, địa phương	174

Tiêu chuẩn GRI	Thông tin công bố	Nội dung báo cáo	Trang
GRI 416: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG			
	Phương pháp quản trị	Giải pháp khắc phục rủi ro xu thế người tiêu dùng	45
		Các biện pháp quản lý chất lượng đường thành phẩm	75
		Đường T.SU Special organic: Chiến lược quan trọng đem đến sản phẩm sạch có lợi cho sức khỏe người dùng	141-142
		Phòng vệ thực phẩm: tiếp tục triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức người tiêu dùng	142
GRI 416-1	Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ	Niên vụ 2016-2017, không xảy ra các trường hợp sức khỏe và an toàn của khách hàng bị ảnh hưởng bởi sản phẩm TTCS.	
GRI 416-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến các tác động, sức khỏe và an toàn của các sản phẩm dịch vụ		
GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU			
	Phương pháp quản trị	Thông tin về chất lượng sản phẩm của TTCS	18-19
	Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ		
GRI 417-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ	Niên vụ 2016-2017, TTCS không xảy ra các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin nhãn hiệu, sản phẩm, dịch vụ và truyền thông tiếp thị	
GRI 417-3	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị		
GRI 419: TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI			
	Phương pháp quản trị	Mọi hoạt động của HĐQT đều được xem xét một cách cẩn trọng, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Pháp luật hiện hành cũng như các Điều lệ quy định của TTCS	100
	Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ		
GRI 419-1	Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội	Niên vụ 2016-2017, TTCS không xảy ra các vụ việc không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội	



VINH DANH **GIÁ TRỊ** ...

... **PHÁT TRIỂN BỀN LÂU**



TTCS luôn chú trọng đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nghiên cứu và phát triển các sản phẩm chất lượng, mang lại lợi ích cho người sử dụng, giá trị gia tăng cho nhà nông và cả nền kinh tế Việt Nam nhằm hướng tới một nền nông nghiệp phát triển bền vững.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thông tin chung	»	191
Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	»	193
Báo cáo kiểm toán độc lập	»	194
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	»	196
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	»	199
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	»	200
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	»	202

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG
THÀNH THÀNH CÔNG TÂY NINH

Báo cáo tài chính hợp nhất
Ngày 30 tháng 6 năm 2017

M C L C	Trang
Thông tin chung	191 - 192
Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	193
Báo cáo kiểm toán độc lập	194 - 195
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	196 - 198
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	199
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	200 - 201
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	202 - 251

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã giao dịch là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Số 512, Đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông bất thường đã phê duyệt phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa vào Công ty. Theo đó, Công ty dự kiến sẽ phát hành thêm 303.831.938 cổ phiếu mới vào ngày 31 tháng 8 năm 2017 để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa theo tỷ lệ 1,02:1. Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh thông qua việc cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 vào ngày 18 tháng 9 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Hoa	Phó Chủ tịch thường trực	bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch	
Bà Đặng Huỳnh Ước My	Thành viên	
Ông Henry Chung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2016
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2016
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng ban	
Ông Huỳnh Thành Nhân	Thành viên	
Bà Phạm Ngọc Thanh Mai	Thành viên	bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2016
Ông Nguyễn Xuân Thanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2016

THÔNG TIN CHUNG (TIẾP THEO)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Tổng Giám đốc	
Bà Trần Quế Trang	Phó Tổng Giám đốc thường trực	bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2016
Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh	
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Thành Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Việt Hùng	Giám đốc Phát triển Nguyên liệu Vùng 2 Phó Tổng Giám đốc Nguyên liệu	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017 miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2017
Ông Lê Đức Tôn	Giám đốc Nhà máy	
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám đốc Khối Tài chính - Kế toán	
Ông Huỳnh Văn Pháp	Giám đốc Kinh doanh	
Ông Nguyễn Hùng Việt	Giám đốc Kỹ thuật	
Ông Lê Huy Thành	Giám đốc Khối Nông nghiệp kiêm Giám đốc Phát triển Nguyên liệu Vùng 1	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Hòa	Giám đốc Phát triển Nguyên liệu Vùng 3	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Bà Hồ Nguyễn Duy Khương	Giám đốc Hỗ trợ	bổ nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2017
Ông Thái Bá Hòa	Giám đốc Nguyên liệu	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Giám đốc Hỗ trợ	bổ nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2016 miễn nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Hồng Dương.

Bà Trần Quế Trang được Ông Phạm Hồng Dương ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định số 04/2017/QĐ - CT.HĐQT ngày 20 tháng 2 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- » lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- » lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Huỳnh Ưc My
Thành viên Hội đồng Quản trị
Giấy Ủy quyền số 18/2017/GUQ-TTCS

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 21 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG THÀNH THÀNH CÔNG TÂY NINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 19 tháng 9 năm 2017 và được trình bày từ trang 196 đến trang 251, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

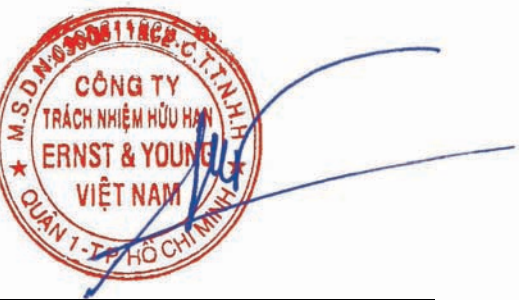
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 21 tháng 9 năm 2017



Vương Văn Minh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3446-2015-004-1

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A.TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.472.667.304.183	4.216.029.016.581
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	202.593.033.644	855.375.120.630
111	1. Tiền		202.593.033.644	431.443.246.481
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	423.931.874.149
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		112.385.986.079	46.424.094.687
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5	115.587.852.769	54.116.600.867
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5	(3.701.866.690)	(7.692.506.180)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	500.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.067.763.576.522	1.930.581.676.173
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	562.526.221.534	822.334.756.561
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	1.161.739.185.942	938.582.888.061
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	33	285.800.000.000	133.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	97.453.892.875	70.882.923.265
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8, 9	(39.755.723.829)	(34.718.891.714)
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.958.094.882.102	1.333.276.780.107
141	1. Hàng tồn kho		1.959.735.521.352	1.334.096.271.683
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.640.639.250)	(819.491.576)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		131.829.825.836	50.371.344.984
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	63.048.737.092	40.887.927.016
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.097.290.925	9.102.232.099
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	67.683.797.819	381.185.869

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		3.333.549.293.991	2.620.667.782.014
210	Các khoản phải thu dài hạn		247.604.257.836	194.048.412.209
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	8	87.265.337.933	58.769.761.197
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	33	200.000.000	-
216	3. Phải thu dài hạn khác	9	160.138.919.903	135.278.651.012
220	II. Tài sản cố định		1.442.294.352.074	1.555.356.440.558
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.223.071.433.345	1.305.729.123.707
222	Nguyên giá		3.148.451.311.003	3.051.892.253.773
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.925.379.877.658)	(1.746.163.130.066)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	62.692.225.631	67.610.055.686
225	Nguyên giá		73.767.448.385	73.767.448.385
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(11.075.222.754)	(6.157.392.699)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	156.530.693.098	182.017.261.165
228	Nguyên giá		172.777.949.697	197.891.271.547
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.247.256.599)	(15.874.010.382)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	131.118.256.994	-
231	1. Nguyên giá		138.061.019.789	-
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(6.942.762.795)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		78.656.574.346	124.818.704.027
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	78.656.574.346	124.818.704.027
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	17	1.372.916.355.311	686.067.887.183
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	17.1	1.372.916.355.311	398.984.110.671
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.2	770.062.384	287.922.171.983
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	17.2	(770.062.384)	(838.395.471)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		60.959.497.430	60.376.338.037
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	44.416.155.370	41.619.031.610
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	573.205.126	851.395.319
269	3. Lợi thế thương mại	18	15.970.136.934	17.905.911.108
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.806.216.598.174	6.836.696.798.595

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.692.717.742.777	4.134.301.056.939
310	I. Nợ ngắn hạn		3.169.470.067.090	2.774.320.638.118
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	125.823.866.896	46.117.978.053
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	90.045.951.574	85.044.977.543
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	16.881.858.042	12.205.553.830
314	4. Phải trả người lao động		8.634.282.071	10.133.880.337
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	54.505.220.916	58.769.362.740
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		3.466.732.320	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	7.293.806.406	24.174.187.980
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	2.849.665.687.097	2.520.380.695.895
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		13.152.661.768	17.494.001.740
330	II. Nợ dài hạn		1.523.247.675.687	1.359.980.418.821
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		15.600.295.440	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	6.338.567.960	185.500.000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	1.501.308.812.287	1.359.794.918.821
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.113.498.855.397	2.702.395.741.656
410	I. Vốn chủ sở hữu		3.113.498.855.397	2.702.395.741.656
411	1. Vốn cổ phần	25.1	2.531.882.680.000	1.947.610.330.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.531.882.680.000	1.947.610.330.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	75.894.194.065	155.174.403.823
415	3. Cổ phiếu quỹ	25.1	-	(40.306.862.293)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.1	6.812.245.007	(2.165.210.735)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	25.1	39.217.460.174	243.709.260.201
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.1	447.942.629.859	386.137.417.421
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		111.025.631.641	93.923.017.688
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		336.916.998.218	292.214.399.733
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	11.749.646.292	12.236.403.239
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.806.216.598.174	6.836.696.798.595







Đặng Thị Diễm Trinh

Người lập

Lê Phát Tín

Kế toán trưởng

Trần Quốc Trang

Phó Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	4.502.976.571.901	4.042.892.882.215
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(4.593.193.827)	(15.660.161.470)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	4.498.383.378.074	4.027.232.720.745
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(3.884.365.645.355)	(3.422.230.144.928)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		614.017.732.719	605.002.575.817
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	221.886.524.205	141.667.851.402
22	7. Chi phí tài chính	29	(280.225.773.821)	(216.332.843.184)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(256.785.222.928)	(152.781.586.342)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		40.212.488.665	12.549.340.671
25	9. Chi phí bán hàng	30	(87.356.899.046)	(95.464.461.360)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(149.592.462.244)	(143.593.766.960)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		358.941.610.478	303.828.696.386
31	12. Thu nhập khác		18.912.677.772	11.750.741.251
32	13. Chi phí khác		(10.375.487.711)	(5.503.138.451)
40	14. Lợi nhuận khác		8.537.190.061	6.247.602.800
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		367.478.800.539	310.076.299.186
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(27.895.746.430)	(16.761.373.041)
52	17. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.3	(278.190.193)	851.395.319
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		339.304.863.916	294.166.321.464
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		339.791.620.863	293.814.330.822
62	20. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(486.756.947)	351.990.642
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.4	1.182	1.117
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25.4	1.182	1.117







Đặng Thị Diễm Trinh

Người lập

Lê Phát Tín

Kế toán trưởng

Trần Quốc Trang

Phó Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		367.478.800.539	310.076.299.186
Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 14, 15, 18	199.931.775.661	162.019.427.999
03	Các khoản dự phòng		1.799.007.212	18.509.923.228
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		228.630.602	(189.260.438)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(248.674.307.088)	(109.948.071.965)
06	Chi phí lãi vay	29	256.785.222.928	152.781.586.342
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		577.549.129.854	533.249.904.352
09	Tăng các khoản phải thu		(191.354.152.810)	(531.993.919.431)
10	Tăng hàng tồn kho		(625.639.249.669)	(483.522.758.961)
11	Tăng các khoản phải trả		119.012.667.901	4.438.314.140
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(22.317.933.836)	41.687.725.284
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(61.471.251.902)	(45.991.839.439)
14	Tiền lãi vay đã trả		(253.009.593.869)	(130.730.947.864)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(26.193.402.027)	(11.656.363.496)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(48.617.968.424)	(19.941.428.130)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(532.041.754.782)	(644.461.313.545)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(183.499.708.180)	(429.473.441.007)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		8.558.550.022	2.482.912.604
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng		(1.248.380.000.000)	(245.313.284.423)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi ngân hàng		1.095.380.000.000	293.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(834.605.279.975)	(285.996.689.279)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		355.792.706.726	151.110.955.658
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		111.174.717.491	63.346.523.587
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(695.579.013.916)	(450.843.022.860)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		107.097.422.535	115.472.765.963
33	Tiền thu từ đi vay		5.957.144.296.648	6.713.690.612.483
34	Tiền trả nợ gốc vay		(5.480.015.161.840)	(4.882.110.827.299)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(9.162.829.080)	(6.872.121.810)
36	Cổ tức đã trả	25.2	(63.122.250)	(127.607.494.420)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		575.000.606.013	1.812.572.934.917
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(652.620.162.685)	717.268.598.512
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		855.375.120.630	138.062.494.402
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(161.924.301)	44.027.716
70	Tiền cuối năm	4	202.593.033.644	855.375.120.630


Đặng Thị Diễm Trinh
Người lập


Lê Phát Tín
Kế toán trưởng


Trần Quế Trang
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 9 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã giao dịch là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty và các công ty con (“Nhóm công ty”) là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Số 512, Đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.367 (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 1.056).

1. THÔNG TIN CÔNG TY (TIẾP THEO)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có 6 công ty con như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
				Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
1. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan; kinh doanh cồn và các sản phẩm liên quan (bán sỉ); sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía	Đang hoạt động	90	90
2. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai	Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất đường và các sản phẩm sau đường: mật rỉ, bánh kẹo, đồ uống, sản xuất, truyền tải và phân phối điện, sản xuất phân bón	Đang hoạt động	100	100
3. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tư nhân Đầu tư TSU	Singapore	Mua bán, sản xuất và đóng gói đường thô, đường tinh luyện để bán trong lãnh thổ Singapore và xuất khẩu trong khu vực	Đang hoạt động	100	100
4. Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía	Đang hoạt động	62	62
5. Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	100	100
6. Công ty TNHH MTV Nước Miaqua	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; sản xuất và chế biến nước ngọt, nước trái cây và sữa đậu nành; sản xuất nước tinh khiết đóng chai	Đang hoạt động	100	-

2. **☒ ☒ TRÌNH BÀY**

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);

Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 **☒ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

2.4 **Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 **Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông của Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. **TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

3.1 **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 **Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào ~~sử~~ sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	2 - 6 năm
Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
Tài sản khác	4 - 15 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Chi phí phân bổ ngoài vụ và chi phí phát triển vùng nguyên liệu được tính toán và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở sản lượng đường thực tế sản xuất trong năm.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tài sản và công nợ của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong kỳ kế toán năm, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong năm thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá, nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ở khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

» *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

» *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Nhóm Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty cho rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam. Theo đó, báo cáo bộ phận không được trình bày.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.051.075.445	1.006.576.157
Tiền gửi ngân hàng	200.541.958.199	430.436.670.324
Các khoản tương đương tiền	-	423.931.874.149
TỔNG CỘNG	202.593.033.644	855.375.120.630

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	Giá trị VND	Số cổ phần	Giá trị VND
Cổ phiếu niêm yết				
- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("VNM")	217.400	32.072.009.925	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CIH")	421.100	16.296.563.595	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà ("SJS")	523.650	15.825.065.546	-	-
- Ngân hàng thương mại Cổ phần Á Châu ("ACB")	200.000	5.186.327.840	-	-
Đầu tư khác		46.207.885.863		54.116.600.867
TỔNG CỘNG		115.587.852.769		54.116.600.867
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(3.701.866.690)		(7.692.506.180)
GIÁ TRỊ THUẦN		111.885.986.079		46.424.094.687

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 (sáu) tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng và hưởng lãi suất 5,3% một năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên khác	345.338.250.199	322.705.840.976
Trong đó:		
- Công ty TNHH URC Việt Nam	92.886.874.238	315.000.000
- Công ty TNHH Nước Giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	63.752.010.000	147.255.149.989
- Khách hàng khác	188.699.365.961	175.135.690.987
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 33)	217.187.971.335	499.628.915.585
TỔNG CỘNG	562.526.221.534	822.334.756.561

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng trị giá 400.486.653.299 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 24).

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.161.739.185.942	938.582.888.061
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 33)	578.198.519.644	447.900.516.983
Trả trước cho bên khác	583.540.666.298	490.682.371.078
Trong đó:		
- Nông dân (*)	492.196.315.484	353.028.961.685
- John Deere Asia (Singapore) Private Limited	40.558.172.143	-
- Các khoản trả trước khác	50.786.178.671	137.653.409.393
Dài hạn	87.265.337.933	58.769.761.197
Trả trước cho nông dân (*)	87.265.337.933	58.769.761.197
TỔNG CỘNG	1.249.004.523.875	997.352.649.258
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(29.822.442.780)	(24.882.892.556)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.219.182.081.095	972.469.756.702

(*) Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo một phần bởi quyền sử dụng đất của người nông dân và hưởng lãi suất từ 9,6% đến 12% một năm.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TIẾP THEO)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	24.882.892.556	14.078.838.504
Dự phòng trích lập trong năm	9.620.395.279	18.246.884.961
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.680.845.055)	(7.442.830.909)
Số cuối năm	29.822.442.780	24.882.892.556

9. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	97.453.892.875	70.882.923.265
Lãi phải thu	50.394.140.217	46.527.536.973
Tạm ứng nhân viên	15.427.146.238	20.096.157.272
Phải thu thanh lý khoản đầu tư	13.349.424.000	-
Phải thu lợi nhuận được chia	7.288.838.895	-
Khoản chi hộ bên liên quan	3.197.194.328	-
Khác	7.797.149.197	4.259.229.020
Dài hạn	160.138.919.903	135.278.651.012
Ký quỹ thuê đất	147.431.494.903	122.571.226.012
Phải thu từ Dự án Svayrieng ở Campuchia (*)	12.707.425.000	12.707.425.000
TỔNG CỘNG	257.592.812.778	206.161.574.277
Dự phòng các khoản phải thu khác ngắn hạn khó đòi	(9.933.281.049)	(9.835.999.158)
GIÁ TRỊ THUẦN	247.659.531.729	196.325.575.119
Trong đó:		
Phải thu từ bên khác	154.928.057.701	171.820.223.439
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 33)	92.731.474.028	24.505.351.680

(*) Khoản phải thu dài hạn khác bao gồm khoản 12.707.425.000 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 12.707.425.000 VND) góp cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Nhóm Công ty và Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng để phát triển dự án trồng mía ở Campuchia với thời hạn 10 (mười) năm. Nhóm Công ty sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này. Nhóm Công ty cam kết thu mua toàn bộ mía thu hoạch từ dự án này.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khác ngắn hạn khó đòi:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.835.999.158	9.208.437.046
Dự phòng trích lập trong năm	1.968.471.294	4.990.369.865
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.871.189.403)	(4.362.807.753)
Số cuối năm	9.933.281.049	9.835.999.158

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	1.623.410.045.466	1.062.686.165.328
Nguyên vật liệu	226.442.965.630	98.843.087.846
Hàng hóa	64.744.311.694	86.807.366.465
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.815.300.158	30.573.298.646
Công cụ và dụng cụ	5.413.700.752	1.866.121.009
Hàng gửi đi bán	1.909.197.652	4.089.182.494
Hàng hóa bất động sản	-	49.231.049.895
TỔNG CỘNG	1.959.735.521.352	1.334.096.271.683
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.640.639.250)	(819.491.576)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.958.094.882.102	1.333.276.780.107

Hàng tồn kho trị giá 1.507.919.750.000 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 24).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	819.491.576	819.491.576
Dự phòng trích lập trong năm	821.147.674	-
Số cuối năm	1.640.639.250	819.491.576

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	63.048.737.092	40.887.927.016
Chi phí phát triển vùng nguyên liệu	39.628.442.299	14.923.128.424
Chi phí ngoài vụ chờ phân bổ	16.234.914.961	18.867.517.391
Khác	7.185.379.832	7.097.281.201
Dài hạn	44.416.155.370	41.619.031.610
Tiền thuê đất trả trước	28.952.284.022	34.708.429.061
Công cụ, dụng cụ	2.126.710.740	2.996.060.400
Khác	13.337.160.608	3.914.542.149
TỔNG CỘNG	107.464.892.462	82.506.958.626

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND						
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	464.399.695.683	2.475.017.846.917	41.453.733.553	10.850.923.606	60.170.054.014	3.051.892.253.773
Mua mới	2.275.550.084	8.172.741.397	9.492.561.494	1.964.067.392	3.009.425.277	24.914.345.644
Đầu tư XDCB hoàn thành	16.971.287.973	74.828.506.305	-	-	-	91.799.794.278
Thanh lý	(1.075.661.178)	(16.839.810.098)	(2.239.611.416)	-	-	(20.155.082.692)
Số cuối năm	482.570.872.562	2.541.179.284.521	48.706.683.631	12.814.990.998	63.179.479.291	3.148.451.311.003
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	23.616.144.870	259.998.284.168	6.698.320.011	6.288.823.780	58.405.330.530	355.006.903.359
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	231.697.888.684	1.430.336.592.376	18.418.953.268	7.052.271.671	58.657.424.067	1.746.163.130.066
Khấu hao trong năm	22.248.409.298	156.984.679.719	4.939.452.290	1.381.487.829	208.133.284	185.762.162.420
Thanh lý	(606.232.540)	(4.239.237.634)	(1.699.944.654)	-	-	(6.545.414.828)
Số cuối năm	253.340.065.442	1.583.082.034.461	21.658.460.904	8.433.759.500	58.865.557.351	1.925.379.877.658
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	232.701.806.999	1.044.681.254.541	23.034.780.285	3.798.651.935	1.512.629.947	1.305.729.123.707
Số cuối năm	229.230.807.120	958.097.250.060	27.048.222.727	4.381.231.498	4.313.921.940	1.223.071.433.345
Trong đó:						
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 24)	152.744.074.533	529.828.768.079	-	-	-	682.572.842.612

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND	
Máy móc và thiết bị	
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	73.767.448.385
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	6.157.392.699
Khấu hao trong năm	4.917.830.055
Số cuối năm	11.075.222.754
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	67.610.055.686
Số cuối năm	62.692.225.631

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	186.262.211.459	11.629.060.088	197.891.271.547
Mua mới	-	4.183.101.150	4.183.101.150
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(29.296.423.000)	-	(29.296.423.000)
Số cuối năm	156.965.788.459	15.812.161.238	172.777.949.697
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	1.610.377.636	3.861.870.666	5.472.248.302
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	10.627.513.423	5.246.496.959	15.874.010.382
Hao mòn trong năm	2.753.485.779	2.114.554.103	4.868.039.882
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(4.494.793.665)	-	(4.494.793.665)
Số cuối năm	8.886.205.537	7.361.051.062	16.247.256.599
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	175.634.698.036	6.382.563.129	182.017.261.165
Số cuối năm	148.079.582.922	8.451.110.176	156.530.693.098
Trong đó:			
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 24)	130.626.608.621	-	130.626.608.621

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	108.764.596.789	-	108.764.596.789
Phân loại từ tài sản cố định vô hình	-	29.296.423.000	29.296.423.000
Số cuối năm	108.764.596.789	29.296.423.000	138.061.019.789
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	-	-
Phân loại từ tài sản cố định vô hình	-	4.494.793.665	4.494.793.665
Khấu hao và hao mòn trong năm	2.157.412.824	290.556.306	2.447.969.130
Số cuối năm	2.157.412.824	4.785.349.971	6.942.762.795
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	106.607.183.965	24.511.073.029	131.118.256.994
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 24)</i>	<i>106.607.183.965</i>	<i>24.511.073.029</i>	<i>131.118.256.994</i>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ trên cơ sở bất động sản đầu tư (trung tâm thương mại) vì hầu hết đã được cho thuê tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hệ thống dây chuyền máy móc thiết bị đang lắp đặt	40.287.428.624	17.698.066.904
Dự án Espace Bourbon Tây Ninh	16.454.088.618	93.957.120.070
Dự án kho bãi	14.663.199.577	-
Khác	7.251.857.527	13.163.517.053
TỔNG CỘNG	78.656.574.346	124.818.704.027

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang trị giá 16.454.088.618 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 24).

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa khoản chi phí lãi vay với số tiền là 4.933.384.539 VND (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 6.067.203.678 VND) vào dự án Espace Bourbon Tây Ninh.

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 17.1)	1.372.916.355.311	398.984.110.671
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 17.2)	770.062.384	287.922.171.983
TỔNG CỘNG	1.373.686.417.695	686.906.282.654
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(770.062.384)	(838.395.471)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.372.916.355.311	686.067.887.183

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

17.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị ghi sổ (VND)	% sở hữu	Giá trị ghi sổ (VND)	% sở hữu
Công ty TNHH Mía Đường TTC Attapeu (*)	Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu đường; trồng cây mía, cao su, cây lấy dầu, cây hàng năm khác; sản xuất truyền tải và phân phối điện; và bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	522.424.985.089	40,00	-	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre (**)	Sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ dừa và hàng nông sản; gia công xuất khẩu; dịch vụ du lịch và đầu tư tài chính	408.463.539.854	48,99	-	-
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và khu dân cư, khai thác nước ngầm, thoát nước và xử lý nước thải	210.985.942.196	49,00	191.055.714.436	49,00
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Trồng, chế biến, kinh doanh các sản phẩm ngành mía đường	138.702.446.845	39,23	115.952.253.112	39,23
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp	61.068.988.002	30,54	59.863.471.423	30,54
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm liên quan đến tinh bột; sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo, đồ uống không có cồn và nước khoáng, hợp chất nitơ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	31.270.453.325	20,10	32.112.671.700	26,32
TỔNG CỘNG		1.372.916.355.311		398.984.110.671	

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

17.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau: (tiếp theo)

(*) Vào ngày 22 tháng 5 năm 2017, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 40% vốn cổ phần của Công ty TNHH TTC Attapeu, trước đây là Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai (“TTC Attapeu”) từ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017. Việc nhận chuyển nhượng này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai thông qua việc cấp GCNDDKDN lần thứ 6 vào ngày 30 tháng 5 năm 2017. Toàn bộ khoản vốn góp của Nhóm Công ty tại TTC Attapeu được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay trái phiếu (Thuyết minh số 33).

(**) Vào ngày 12 tháng 7 năm 2016, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 20.124.764 cổ phần tương ứng 48,99% quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre từ các cổ đông cá nhân.

VND

Giá gốc của khoản đầu tư:	
Số đầu năm	460.230.911.400
Tăng do đầu tư mới	934.605.279.975
Số cuối năm	1.394.836.191.375
Phần lợi kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	(61.246.800.729)
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm	40.212.488.665
Cổ tức đã nhận	(885.524.000)
Số cuối năm	(21.919.836.064)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	398.984.110.671
Số cuối năm	1.372.916.355.311

17.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu	Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	-	-	201.395.138.816	9,75
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	-	-	67.004.967.683	4,73
Công ty Cổ phần Đường Cần Thơ	-	-	18.752.003.100	6,43
Đầu tư dài hạn khác	770.062.384		770.062.384	
TỔNG CỘNG	770.062.384		287.922.171.983	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(770.062.384)		(838.395.471)	
GIÁ TRỊ THUẦN	-		287.083.776.512	

18. LỢI THẾ THUẾ NG MẠI

VND

Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	19.357.741.738
Giá trị khấu trừ lũy kế:	
Số đầu năm	1.451.830.630
Phân bổ trong năm	1.935.774.174
Số cuối năm	3.387.604.804
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	17.905.911.108
Số cuối năm	15.970.136.934

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 33)	72.090.149.385	6.621.405.427
Phải trả bên khác	53.733.717.511	39.496.572.626
Trong đó:		
- Nông dân	15.190.523.170	4.083.603.416
- Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	10.336.612.000	-
- Khác	28.206.582.341	35.412.969.210
TỔNG CỘNG	125.823.866.896	46.117.978.053

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 33)	87.662.305.831	15.153.519.660
Bên khác	2.383.645.743	69.891.457.883
Trong đó:		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	-	68.570.710.000
- Khác	2.383.645.743	1.320.747.883
TỔNG CỘNG	90.045.951.574	85.044.977.543

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.849.822.920	27.840.667.437	(26.193.036.513)	9.497.453.844
Thuế giá trị gia tăng	4.194.768.372	518.316.441.002	(516.002.160.541)	6.509.048.833
Thuế thu nhập cá nhân	160.828.778	5.893.398.914	(5.313.952.094)	740.275.598
Khác	133.760	256.415.407	(121.469.400)	135.079.767
TỔNG CỘNG	12.205.553.830	552.306.922.760	(547.630.618.548)	16.881.858.042
Phải thu				
Thuế nhập khẩu	-	148.863.114.382	(81.208.736.275)	67.654.378.107
Thuế thu nhập cá nhân	282.072.007	-	(282.072.007)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.713.479	-	(54.713.479)	-
Khác	44.400.383	-	(14.980.671)	29.419.712
TỔNG CỘNG	381.185.869	148.863.114.382	(81.560.502.432)	67.683.797.819

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	25.826.267.537	22.050.638.478
Chi phí mua mía	9.680.034.780	-
Chi phí vận chuyển	3.066.398.571	4.593.855.727
Chi phí mua đường	-	8.564.877.909
Lương tháng 13	-	4.467.090.266
Khác	15.932.520.028	19.092.900.360
TỔNG CỘNG	54.505.220.916	58.769.362.740

23. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí vận chuyển và thu hoạch	1.524.007.192	1.299.155.796
Ký quỹ	1.116.657.796	-
Khác	4.653.141.418	22.875.032.184
Dài hạn		
Ký quỹ	6.338.567.960	185.500.000
TỔNG CỘNG	13.632.374.366	24.359.687.980
Trong đó:		
Phải trả bên khác	12.432.374.366	5.909.908.666
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 33)	1.200.000.000	18.449.779.314

24.

VAY

VND					
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	2.520.380.695.895	5.753.487.610.676	(5.424.395.198.414)	192.578.940	2.849.665.687.097
Vay ngân hàng <i>(Thuyết minh số 24.1)</i>	2.319.948.696.309	5.507.556.684.554	(5.221.425.247.792)	192.578.940	2.606.272.712.011
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng <i>(Thuyết minh số 24.2)</i>	89.758.828.500	82.661.755.042	(89.700.779.542)	-	82.719.804.000
Vay dài hạn đến hạn trả bên khác <i>(Thuyết minh số 24.3)</i>	1.720.000.000	1.720.000.000	(1.720.000.000)	-	1.720.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan <i>(Thuyết minh số 24.4)</i>	2.386.342.000	2.386.342.000	(2.386.342.000)	-	2.386.342.000
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả <i>(Thuyết minh số 24.5)</i>	97.404.000.000	150.000.000.000	(100.000.000.000)	-	147.404.000.000
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả <i>(Thuyết minh số 24.6)</i>	9.162.829.086	9.162.829.080	(9.162.829.080)	-	9.162.829.086
Vay dài hạn	1.359.794.918.821	451.973.954.094	(310.460.060.628)	-	1.501.308.812.287
Vay ngân hàng <i>(Thuyết minh số 24.2)</i>	415.086.456.668	31.831.154.094	(149.830.889.542)	-	297.086.721.220
Vay dài hạn bên khác <i>(Thuyết minh số 24.3)</i>	4.410.000.000	-	(1.720.000.000)	-	2.690.000.000
Vay dài hạn bên liên quan <i>(Thuyết minh số 24.4)</i>	7.159.024.000	-	(2.386.342.000)	-	4.772.682.000
Trái phiếu <i>(Thuyết minh số 24.5)</i>	889.616.000.000	420.142.800.000	(147.360.000.000)	-	1.162.398.800.000
Nợ thuế tài chính dài hạn <i>(Thuyết minh số 24.6)</i>	43.523.438.153	-	(9.162.829.086)	-	34.360.609.067
TỔNG CỘNG	3.880.175.614.716	6.205.461.564.770	(5.734.855.259.042)	192.578.940	4.350.974.499.384

B09-DN/HN

24.

VAY (TIẾP THEO)

24.1

Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo	
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)			
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	498.682.653.608	-	Từ ngày 10 tháng 8 năm 2017 đến ngày 30 tháng 12 năm 2017	Quyền sử dụng thửa đất số 3105 tọa lạc tại Xã Tân Kim, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An	Quyền sử dụng đất thừa đất số 49 tại Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh và tài sản gắn liền với đất
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	399.244.720.271	-	Từ ngày 6 tháng 8 năm 2017 đến ngày 30 tháng 11 năm 2017	Hàng tồn kho với giá trị 50.000.000.000 VND	
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	224.209.631.087	-	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2017 đến ngày 17 tháng 9 năm 2017	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 18.750.000 đô la Mỹ	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 12.500.000 đô la Mỹ
	88.143.956.375	-	Từ ngày 8 tháng 8 năm 2017 đến ngày 30 tháng 11 năm 2017	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị	
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Hà Nội	219.960.150.376	-	Từ ngày 24 tháng 10 năm 2017 đến ngày 11 tháng 12 năm 2017	Tín chấp	
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	158.204.832.898	-	Từ ngày 7 tháng 8 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 200.000.000.000 VND	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 11.000.000 đô la Mỹ
	136.886.795.082	-	Từ ngày 3 tháng 10 năm 2017 đến ngày 29 tháng 12 năm 2017	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị	
Ngân hàng DBS Bank Ltd - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	109.209.739.340	-	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2017 đến ngày 7 tháng 9 năm 2017	3.200 tấn hàng hóa tồn kho ở Số 561 Đường Trần Hưng Đạo, Thị xã Ayun Pa, Tỉnh Gia Lai	

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

24. VAY (TIẾP THEO)
24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	102.795.707.861	-	Từ ngày 11 tháng 7 năm 2017 đến ngày 9 tháng 12 năm 2017	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 6.600.000 đô la Mỹ
Ngân Hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hòa Hưng	100.000.000.000	-	Từ ngày 4 tháng 8 năm 2017 đến ngày 30 tháng 9 năm 2017	Khoản phải thu với giá trị 200.000.000.000 VND
Ngân Hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	99.315.396.371	-	Từ ngày 3 tháng 11 năm 2017 đến ngày 8 tháng 11 năm 2017	Hàng tồn kho với giá trị 143.000.000.000 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	70.000.000.000	-	Ngày 28 tháng 7 năm 2017	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 120.000.000.000 VND
Ngân hàng Malayan Banking Berhard - Chi nhánh Hà Nội	60.200.000.000	-	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2017 đến ngày 22 tháng 12 năm 2017	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 5.000.000 đô la Mỹ
Chi nhánh Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Sở Giao dịch	60.000.000.000	-	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2017 đến ngày 9 tháng 7 năm 2017	Tín chấp
Ngân Hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Sài Gòn	42.459.536.000	-	Từ ngày 8 tháng 8 năm 2017 đến ngày 9 tháng 12 năm 2017	Hàng tồn kho với giá trị 143.750.000.000 VND
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	40.000.000.000	-	Ngày 29 tháng 11 năm 2017	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 2.500.000 đô la Mỹ
	42.933.541.088	1.241.249	Từ ngày 3 tháng 7 năm 2017 đến ngày 22 tháng 12 năm 2017	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 5.000.000 đô la Mỹ

24. VAY (TIẾP THEO)
24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	37.500.000.000	-	Ngày 25 tháng 10 năm 2017	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 150.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	36.329.051.654	-	Từ ngày 10 tháng 8 năm 2017 đến ngày 10 tháng 11 năm 2017	Khoản phải thu với giá trị 100.000.000.000 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	35.900.000.000	-	Từ ngày 5 tháng 7 năm 2017 đến ngày 20 tháng 7 năm 2017	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bình Dương	29.297.000.000	-	Từ ngày 4 tháng 8 năm 2017 đến 10 tháng 8 năm 2017	Phần vốn góp của Công ty tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai giá trị 136.600.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tây Ninh	15.000.000.000	-	Ngày 22 tháng 7 năm 2017	Tín chấp
TỔNG CỘNG	2.606.272.712.011	1.241.249		

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được sử dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty và chịu lãi suất thị trường.

24. VAY (TIẾP THEO)

24.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	194.720.647.942	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2017 đến ngày 9 tháng 10 năm 2022	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
	127.296.400.000	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2017 đến ngày 9 tháng 10 năm 2021	Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
	17.244.682.831	Từ ngày 3 tháng 7 năm 2017 đến ngày 29 tháng 3 năm 2022	Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
	13.822.267.554	Từ ngày 13 tháng 8 năm 2017 đến ngày 13 tháng 2 năm 2022	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, máy móc và tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	17.864.000.000	Từ ngày 14 tháng 11 năm 2017 đến ngày 20 tháng 4 năm 2019	Quyền sử dụng đất thửa số 513 tại Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh và máy móc hình thành từ khoản vay
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	8.858.526.893	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 đến ngày 15 tháng 2 năm 2022	Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
TỔNG CỘNG	379.806.525.220		
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	82.719.804.000		
Vay dài hạn	297.086.721.220		

Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được sử dụng nhằm mục đích mua sắm và xây dựng tài sản cố định và chịu lãi suất thị trường.

24. VAY (TIẾP THEO)

24.3 Vay dài hạn bên khác

Chi tiết khoản vay dài hạn bên khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
Quỹ Bảo vệ Môi trường rừng	4.410.000.000	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2017 đến ngày 25 tháng 3 năm 2020	Thư bảo lãnh từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	1.720.000.000		
Vay dài hạn	2.690.000.000		

Khoản vay dài hạn từ bên khác được sử dụng nhằm mục đích mua sắm và xây dựng tài sản cố định và chịu lãi suất 5,40% một năm.

24.4 Vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết khoản vay dài hạn bên liên quan được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	7.159.024.000	Từ ngày 10 tháng 10 năm 2017 đến ngày 10 tháng 4 năm 2020	Tín chấp
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	2.386.342.000		
Vay dài hạn	4.772.682.000		

Khoản vay dài hạn từ bên liên quan được sử dụng nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn lưu động và chịu lãi suất 4,62% một năm.

24. VAY (TIẾP THEO)

24.5 Trái phiếu phát hành

Chi tiết khoản vay trái phiếu được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay
Phát hành theo mệnh giá			
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hợp đồng mua trái phiếu số 01.2016/PL/TPBANK-SBT ngày 30 tháng 5 năm 2016 (*)	533.796.000.000	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2018 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hợp đồng mua trái phiếu số 06 - TP/2016/VIB - TTCS ngày 30 tháng 5 năm 2016 (*)	355.864.000.000	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2018 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội - Hợp đồng mua trái phiếu số 01/2017/HĐTP/TTCS-BIDV ngày 23 tháng 6 năm 2017 (**)	420.142.800.000	Từ ngày 23 tháng 6 năm 2018 đến ngày 23 tháng 6 năm 2023	Đầu tư dự án phát triển khu công nghiệp mía đường và vùng nguyên liệu ở tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào thông qua việc mua cổ phần Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu
	1.309.802.800.000		
<i>Trong đó:</i>			
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	147.404.000.000		
Vay dài hạn	1.162.398.800.000		

24. VAY (TIẾP THEO)

24.5 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

Chi tiết khoản vay trái phiếu được trình bày như sau: (tiếp theo)

(*) *Lãi suất trái phiếu*

Lãi suất trái phiếu là 8,5% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và cộng (+) với biên độ 2,6% một năm.

Hình thức đảm bảo

Quyền sử dụng đất thửa số 97 tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và 51% phần vốn góp của Công ty tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai.

(**) *Lãi suất trái phiếu*

Lãi suất trái phiếu sẽ được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định xác định tại ngày phát hành đối với kỳ tính lãi đầu tiên hoặc ngày làm việc thứ bảy (7) trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi đối với các kỳ tính lãi tiếp theo; và bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cộng (+) với biên độ 3,2% một năm.

Hình thức đảm bảo

- Quyền thuê đất theo Hợp đồng số 8011/TNM ngày 19 tháng 11 năm 2012 giữa Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu (“Hoàng Anh Attapeu”) và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với diện tích đất 51 héc-ta tại Huyện Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và toàn bộ tài sản là động sản và bất động sản gắn liền với đất và các quyền, lợi ích và quyền lợi phát sinh từ tài sản gắn liền với đất của Hoàng Anh Attapeu; và quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên;
- Quyền thuê đất theo Hợp đồng ngày 26 tháng 12 năm 2013 giữa Hoàng Anh Attapeu và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với diện tích đất 2.739,9 héc-ta tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và toàn bộ tài sản gắn liền với đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất của Hoàng Anh Attapeu; công trình xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ nông trường, nhà máy đường, nhà máy nhiệt điện và nhà máy phân vi sinh; và quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; và
- Toàn bộ khoản vốn góp của Nhóm Công ty tại TTC Attapeu.

24. VAY (TIẾP THEO)

24.6 Thuê tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuê máy móc và thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VNĐ	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
Nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Từ 1 năm trở xuống	12.752.367.380	3.589.538.294	9.162.829.086	13.588.475.534	4.425.646.448	9.162.829.086
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Từ 1 - 5 năm	40.380.015.099	6.019.406.032	34.360.609.067	45.997.402.004	9.346.085.666	36.651.316.338
Trên 5 năm	-	-	-	7.134.980.474	262.858.659	6.872.121.815
TỔNG CỘNG	53.132.382.479	9.608.944.326	43.523.438.153	66.720.858.012	14.034.590.773	52.686.267.239

B09-DN/HN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Bảng báo cáo tài chính											VND
Năm trước	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng		
Số đầu năm	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)		227.425.653.785	(2.040.858.039)	257.408.414.403	1.920.948.011.116			
Tăng vốn trong năm	462.610.330.000	137.426.724.600	-	-	-	-	-	600.037.054.600			
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	3.015.679.213	21.270.336.750	-	-	-	-	24.286.015.963			
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	293.814.330.822	293.814.330.822			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi từ Đô la Mỹ sang VND trong năm	-	-	-	(2.165.210.735)	-	-	-	(2.165.210.735)			
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	16.283.606.416	-	(16.283.606.416)	-			
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(21.140.258.788)	(21.140.258.788)			
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(127.661.462.600)	(127.661.462.600)			
Tăng khác	-	-	-	-	-	2.040.858.039	-	2.040.858.039			
Số cuối năm	1.947.610.330.000	155.174.403.823	(40.306.862.293)	(2.165.210.735)	243.709.260.201	-	386.137.417.421	2.690.159.338.417			
Năm nay											
Số đầu năm	1.947.610.330.000	155.174.403.823	(40.306.862.293)	(2.165.210.735)	243.709.260.201	-	386.137.417.421	2.690.159.338.417			
Tăng vốn trong năm (*)	584.272.350.000	(146.070.770.000)	-	-	(233.713.240.000)	-	(204.488.340.000)	-			
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	66.790.560.242	40.306.862.293	-	-	-	-	107.097.422.535			
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	339.791.620.863	339.791.620.863			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi từ Đô la Mỹ sang VND trong năm	-	-	-	8.977.455.742	-	-	-	-			
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	29.221.439.973	-	(29.221.439.973)	-			
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(44.276.628.452)	(44.276.628.452)			
Số cuối năm	2.531.882.680.000	75.894.194.065	-	6.812.245.007	39.217.460.174	-	447.942.629.859	3.101.749.209.109			

VND

25. VỐN CHỦ SẪ HỮU (TIẾP THEO)

25.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Vào ngày 24 tháng 10 năm 2016, Công ty đã phát hành 58.427.235 cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu dưới hình thức cổ phiếu thưởng lấy từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; và chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 3 tháng 8 năm 2016. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 vào ngày 4 tháng 11 năm 2016.

25.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

VND		
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	1.947.610.330.000	1.485.000.000.000
Tăng trong năm	584.272.350.000	462.610.330.000
Số cuối năm	2.531.882.680.000	1.947.610.330.000
Cổ tức công bố	-	127.661.462.600
Cổ tức đã trả	(63.122.250)	(127.607.494.420)

25.3 Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu		
	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	253.188.268	194.761.033
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	253.188.268	194.761.033
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	-	(3.268.840)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	253.188.268	191.492.193

25. VỐN CHỦ SẪ HỮU (TIẾP THEO)

25.4 Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty (VND)	339.791.620.863	293.814.330.822
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(40.774.994.504)	(35.065.727.968)
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	299.016.626.359	258.748.602.854
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu) (**)	252.898.723	231.587.173
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.182	1.117

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm nay để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập của năm nay theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 10 năm 2016.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được điều chỉnh để phản ánh việc tăng 58.427.235 cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư và phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, theo hướng dẫn của CMKTVN số 30.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

26. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

VND	
	Giá trị
Số đầu năm	12.236.403.239
Lỗ thuần trong năm	(486.756.947)
Số cuối năm	11.749.646.292

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu:	4.502.976.571.901	4.042.892.882.215
Trong đó:		
Doanh thu bán đường	3.890.626.622.497	3.668.742.052.016
Doanh thu bán mật đường	186.801.226.683	147.824.094.685
Doanh thu bán phân bón	123.099.383.747	92.273.215.003
Doanh thu bán điện	105.973.587.594	80.766.375.106
Doanh thu khác	196.475.751.380	53.287.145.405
Trừ:	(4.593.193.827)	(15.660.161.470)
Hàng bán trả lại	(2.489.839.720)	(9.809.063.773)
Giảm giá hàng bán	(2.103.354.107)	(5.851.097.697)
Doanh thu thuần	4.498.383.378.074	4.027.232.720.745
Trong đó:		
Doanh thu bán đường	3.886.484.285.563	3.653.102.237.820
Doanh thu bán mật đường	186.644.635.254	147.824.094.685
Doanh thu bán phân bón	123.006.968.301	92.273.215.003
Doanh thu bán điện	105.973.587.594	80.766.375.106
Doanh thu khác	196.273.901.362	53.266.798.131
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	2.490.584.444.530	3.558.233.286.826
Doanh thu đối với bên liên quan	2.007.798.933.544	468.999.433.919

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	134.299.173.133	92.244.471.783
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	70.255.215.430	13.593.010.093
Cổ tức	10.573.166.005	7.611.466.400
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.750.235.844	3.375.908.252
Lãi từ thay đổi tỷ lệ sở hữu vào các khoản đầu tư	-	24.842.024.273
Khác	8.733.793	970.601
TỔNG CỘNG	221.886.524.205	141.667.851.402

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán đường	3.318.772.406.411	3.064.044.572.444
Giá vốn bán mật đường	170.970.100.490	139.977.576.019
Giá vốn bán phân bón	122.543.063.779	89.830.881.251
Giá vốn bán điện	109.800.763.623	83.054.088.022
Giá vốn khác	162.279.311.052	45.323.027.192
TỔNG CỘNG	3.884.365.645.355	3.422.230.144.928

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	256.785.222.928	152.781.586.342
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.366.986.196	42.346.316.435
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	1.575.408.894	(340.294.354)
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	-	2.937.679.680
Khác	18.498.155.803	18.607.555.081
TỔNG CỘNG	280.225.773.821	216.332.843.184

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.132.772.991	67.561.967.987
Chi phí nhân viên	9.416.545.804	12.323.635.178
Chi phí khấu hao	3.601.885.953	2.699.773.694
Chi phí khác	5.205.694.298	12.879.084.501
	87.356.899.046	95.464.461.360
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	66.041.843.774	52.473.712.022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.270.873.968	28.448.944.596
Chi phí dự phòng	10.366.048.860	16.418.117.070
Chi phí khấu hao và hao mòn	9.114.777.992	7.991.952.353
Chi phí khác	31.798.917.650	38.261.040.919
	149.592.462.244	143.593.766.960
TỔNG CỘNG	236.949.361.290	239.058.228.320

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	3.519.529.836.747	3.136.881.170.408
Chi phí nhân viên	185.133.103.558	152.267.920.385
Chi phí khấu hao và hao mòn	199.092.198.747	162.019.427.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.469.477.678	127.955.074.112
Chi phí khác	81.090.389.915	82.164.780.344
TỔNG CỘNG	4.121.315.006.645	3.661.288.373.248

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) cho Công ty là 10% thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và 20% thu nhập chịu thuế đối với hoạt động khác. Công ty được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh đường làm từ mía kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo hướng dẫn Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất từ 10% đến mức thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn giảm TNDN theo các giấy phép đăng ký kinh doanh tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.464.378.668	21.026.046.712
Thuế TNDN trích thiếu (thừa) các năm trước	431.367.762	(4.264.673.671)
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	278.190.193	(851.395.319)
TỔNG CỘNG	28.173.936.623	15.909.977.722

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

32.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	367.478.800.539	310.076.299.186
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	54.834.225.398	42.628.675.113
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Thay đổi dự phòng đầu tư dài hạn	(283.260.313)	1.425.335
Lãi từ các công ty liên kết	(8.042.497.734)	(2.509.868.134)
Lãi từ thay đổi tỷ lệ sở hữu vào các khoản đầu tư	-	(4.968.404.855)
Lợi nhuận từ thanh lý khoản đầu tư	5.597.015.335	3.420.698.963
Chi phí không được khấu trừ	458.617.574	367.135.621
Phân bổ lợi thế thương mại	387.154.835	290.366.127
Cổ tức	(1.057.316.600)	(2.624.547.360)
Thuế TNDN trích thiếu (thừa) các năm trước	431.367.762	(4.264.673.671)
Thuế TNDN được miễn	(24.151.369.634)	(16.430.829.417)
Chi phí thuế TNDN	28.173.936.623	15.909.977.722

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

32.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm hiện hành và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Thay đổi chi phí phải trả ngắn hạn	573.205.126	851.395.319	(278.190.193)	851.395.319
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	573.205.126	851.395.319		
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			(278.190.193)	851.395.319

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	970.532.804.268	622.011.100.370
		Bán hàng hóa	576.614.234.980	39.387.692.630
		Øng trước mua hàng hóa	207.967.005.792	-
		Mua dịch vụ	1.603.249.737	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	840.880.000.000	214.000.000.000
		Mua hàng hóa	110.199.000.000	141.741.761.971
		Bán hàng hóa	50.823.320.505	115.703.484.343
		Mua dịch vụ	38.564.027.640	7.251.712.022
		Thu nhập lãi	35.123.804.391	18.014.550.229
		Mua nguyên liệu	15.410.000.000	-
		Chi phí lãi	5.398.350.000	-
		Cung cấp dịch vụ	229.090.911	229.090.911
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	405.214.745.730	292.260.639.908
		Cho vay	163.800.000.000	1.000.000.000
		Thu nhập lãi	12.807.296.002	7.583.979.359
		Mua dịch vụ	11.294.834.190	15.159.353.947
		Chi phí lãi	10.454.818.345	-
		Mua hàng hóa	1.891.192.768	971.622.886
		Cung cấp dịch vụ	7.007.273	771.309.661
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Chi hộ	-	155.920.000
		Bán hàng hóa	336.845.473.365	186.791.428.571
		Mua hàng hóa	130.953.619.050	51.981.452.387
		Mua nguyên liệu	50.382.167.031	-
		Thu nhập lãi	685.216.875	-
		Bán tài sản	-	529.637.837

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	327.158.950.050	609.764.174.914
		Bán hàng hóa	309.420.505.173	99.603.355.639
		Bán nguyên liệu	202.360.519.258	384.201.411.514
		Mua hàng hóa	4.236.360.280	7.497.706.782
		Bán tài sản	1.819.397.390	1.480.000.000
		Mua dịch vụ	539.756.677	611.685.911
		Mua tài sản	550.172.700	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	346.234.133	-
		Cổ tức	-	10.465.910.000
		Mua nguyên liệu	104.275.671.837	-
		Cho vay	116.202.694.495	-
		Mua hàng hóa	48.710.142.857	144.300.952.381
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Thu nhập lãi	26.867.460.188	12.674.082.003
		Bán hàng hóa	21.085.714.287	195.714.285.717
		Mua hàng hóa	123.699.622.862	-
		Mua nguyên liệu	104.065.928.174	2.611.878.826
		Bán nguyên liệu	972.903.604	-
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Cổ tức	885.524.000	3.473.255.000
		Thu nhập lãi	648.487.510	23.333.333
		Bán hàng hóa	531.776.327	1.232.684.000
		Cung cấp dịch vụ	150.000.000	-
		Mua dịch vụ	-	949.970.222
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	114.044.021.914	47.856.405.042
		Bán hàng hóa	20.332.350.522	-
		Lợi nhuận được chia	7.288.838.895	-
		Thu nhập lãi	45.424.928	-

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Bên liên quan	Bán hàng hóa	71.764.811.282	-
		Bán tài sản	6.217.019.332	-
		Cung cấp dịch vụ	345.000.000	-
		Thu nhập lãi	160.118.698	-
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	68.742.132.077	1.584.354.874
		Mua hàng hóa	63.889.944.023	73.497.078.759
		Thu nhập lãi	13.872.769.071	1.584.429.819
		Bán hàng hóa	-	147.617.738.785
Công ty Cổ phần Lộc Thổ	Bên liên quan	Đặt cọc thuê đất	57.865.463.900	-
		Tiền thuê đất	4.134.487.500	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	35.214.778.071	115.783.891.785
		Mua hàng hóa	33.857.142.857	117.265.955.634
		Thu nhập lãi	2.745.876.338	7.251.913.101
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Bao Bì Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua hàng hóa	32.758.189.637	147.594.183.402
		Bán hàng hóa	8.438.095	8.028.857
Công ty TNHH MTV Hải Vi	Bên liên quan	Mua dịch vụ	23.429.454.343	-
		Chi hộ	13.094.209.628	-
		Cung cấp dịch vụ	3.830.908.734	-
		Bán hàng hóa	2.544.098.559	-
		Mua nguyên liệu	534.242.200	-
Công ty Cổ phần Mía đường Biên Hòa - Phan Rang	Bên liên quan	Mua hàng hóa	9.343.263.809	-
		Thanh lý phế liệu	154.545.455	-
		Bán tài sản	129.090.909	-

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	12.745.126.277	292.000.000
		Cho vay	14.000.000.000	14.500.000.000
		Thu nhập lãi	1.241.597.218	381.222.220
		Chi phí lãi	441.302.143	352.949.858
		Cung cấp dịch vụ	420.818.182	381.818.182
		Mua tài sản	350.000.000	-
		Bán hàng hóa	40.221.818	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	7.989.089.060	-
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Công ty liên kết	Bán tài sản	7.947.165.198	-
		Cho vay	3.000.000.000	-
		Thu nhập lãi	174.666.668	-
Công ty TNHH MTV K- thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	Bên liên quan	Mua dịch vụ	6.811.361.927	13.836.635.496
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huân	Bên liên quan	Mua dịch vụ	1.008.785.960	2.010.338.018
		Tiền thuê đất	-	67.491.898.320

Giao dịch với bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	6.111.632.740	8.659.515.086

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Bên liên quan	Bán hàng hóa	78.073.302.386	-
Global Mind Commodities Trading Pte., Ltd	Bên liên quan	Bán hàng hóa	59.156.583.419	50.498.783.775
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	45.780.000.000	112.847.096.621
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	10.281.485.332	16.055.201.714
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	10.520.376.000	73.238.930.627
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Công ty liên kết	Bán tài sản	7.261.165.198	-
		Bán hàng hóa	754.600.000	-
Công ty TNHH MTV Hải Vi	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	4.096.638.534	-
		Bán hàng hóa	318.505.825	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	420.000.000	323.333.334
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	306.167.140	-
Công ty Cổ phần Mía đường Biên Hòa - Phan Rang	Bên liên quan	Bán hàng hóa	121.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	48.000.000	24.000.000
		Bán hàng hóa	4.525.001	5.764.013.889
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	45.622.500	70.643.555.625
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	170.234.000.000
			217.187.971.335	499.628.915.585

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Bên liên quan	Mua hàng hóa	211.978.074.672	274.868.447.816
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công (*)	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	157.687.000.000	14.011.549.910
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam (*)	Bên liên quan	Mua hàng hóa	118.988.721.305	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (*)	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	52.722.834.951	107.533.442.140
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng (*)	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	20.015.194.100	36.487.077.117
Công ty TNHH MTV Hải Vi	Bên liên quan	Mua dịch vụ	2.122.804.295	-
		Mua nguyên liệu	2.450.466.821	-
Công ty TNHH MTV K- thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	Bên liên quan	Mua dịch vụ	5.874.764.500	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	5.156.829.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	1.075.030.000	-
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huân	Bên liên quan	Mua dịch vụ	126.800.000	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	15.000.000.000
			578.198.519.644	447.900.516.983

(*) Khoản trả trước ngắn hạn cho bên liên quan với lãi suất từ 8,0% đến 9,6% một năm.

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty TNHH MTV Hải Vi	Bên liên quan	Chi hộ	2.973.460.912	-
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Lợi nhuận được chia	7.288.838.895	-
		Chi hộ	1.568.832.139	2.894.599.398
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Thu nhập lãi	3.235.305.007	4.483.602.557
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Thu nhập lãi	1.882.678.534	713.263.264
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Thu nhập lãi	1.831.084.444	1.978.780.938
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	Bên liên quan	Thu nhập lãi	930.358.121	710.136.810
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Bên liên quan	Chi hộ	821.360.146	-
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Chi hộ	742.647.317	-
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Bên liên quan	Đặt cọc	355.059.818	-
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Công ty liên kết	Thu nhập lãi	280.785.366	-
		Chi hộ	11.552.762	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Chi hộ	131.580.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Thu nhập lãi	105.041.667	193.333.332
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Công ty liên kết	Thu nhập lãi	-	800.877.048
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Thu nhập lãi	-	23.333.333
			22.158.585.128	11.797.926.680

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)				
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Cho vay	109.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	108.800.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	35.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	Bên liên quan	Cho vay	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Cho vay	12.000.000.000	14.500.000.000
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Công ty liên kết	Cho vay	3.000.000.000	-
			285.800.000.000	133.500.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn (**)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	200.000.000	-
Phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Lộc Thổ	Bên liên quan	Đặt cọc	57.865.463.900	-
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	12.707.425.000	12.707.425.000
			70.572.888.900	12.707.425.000

(*) Đây là các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất cho vay từ 8,0% đến 8,5% một năm.

(**) Đây là khoản phải thu về cho vay dài hạn có kỳ hạn 24 tháng với lãi suất cho vay 8,0% một năm.

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)
VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	36.562.958.884	-
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Mua hàng hóa	21.006.825.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	7.127.364.214	3.413.845.227
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	2.461.183.000	3.207.560.200
Công ty TNHH MTV K- Thuật Xây Dựng Toàn Thịnh Phát	Bên liên quan	Mua dịch vụ	1.917.610.286	-
Công ty cổ phần Mía đường Biên Hòa - Phan Rang	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.060.000.001	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Mua nguyên liệu	675.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua hàng hóa	577.340.000	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	100.300.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Bên liên quan	Mua dịch vụ	51.568.000	-
			72.090.149.385	6.621.405.427

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)
VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	72.570.000.000	1.588.600.160
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	10.958.320.000	-
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.532.566.506	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.280.449.618	11.906.304.482
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.214.000.000	1.214.000.000
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	Bên liên quan	Bán hàng hóa	99.149.707	72.922.918
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	7.820.000	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	-	371.692.100
			87.662.305.831	15.153.519.660
Chi phí phải trả ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	1.061.596.000	-
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Bên liên quan	Mua dịch vụ	253.120.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Chi phí lãi	74.418.054	-
			1.389.134.054	-

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Mượn nguyên liệu	-	15.648.984.731
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	1.200.000.000	1.200.000.000
		Chi phí lãi	-	100.449.068
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Công ty liên kết	Chi phí lãi	-	1.500.345.515
			1.200.000.000	18.449.779.314

34. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	3.804.307.240	361.607.368
Từ 1 - 5 năm	1.148.588.760	-
TỔNG CỘNG	4.952.896.000	361.607.368

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Nhóm Công ty có khoản cam kết trị giá 1.046.537.970 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 42.473.797.613 VND) liên quan đến việc xây dựng dự án Espace Bourbon Tây Ninh.

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông bất thường đã phê duyệt phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa vào Công ty. Theo đó, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 303.830.405 cổ phiếu mới vào ngày 6 tháng 9 năm 2017 để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa theo tỷ lệ 1:1,02. Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 vào ngày 18 tháng 9 năm 2017.

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Đặng Thị Diễm Trinh
Người lập



Lê Phát Tín
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trang
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 9 năm 2017



Trụ sở chính

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu,
Tỉnh Tây Ninh

Tel: (276) 3753250

Fax: (276) 3839834

Email: tts@ttcsugar.com.vn

Văn phòng thương mại

Địa chỉ: Tầng 1 - 62 Trần Huy Liệu, Phường 12,
Quận Phú Nhuận, TP. HCM

Tel: (028) 629 269 18 - 629 269 19

Fax: (028) 629 269 20

WWW.TTCSUGAR.COM.VN